

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến hết năm 2022 huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

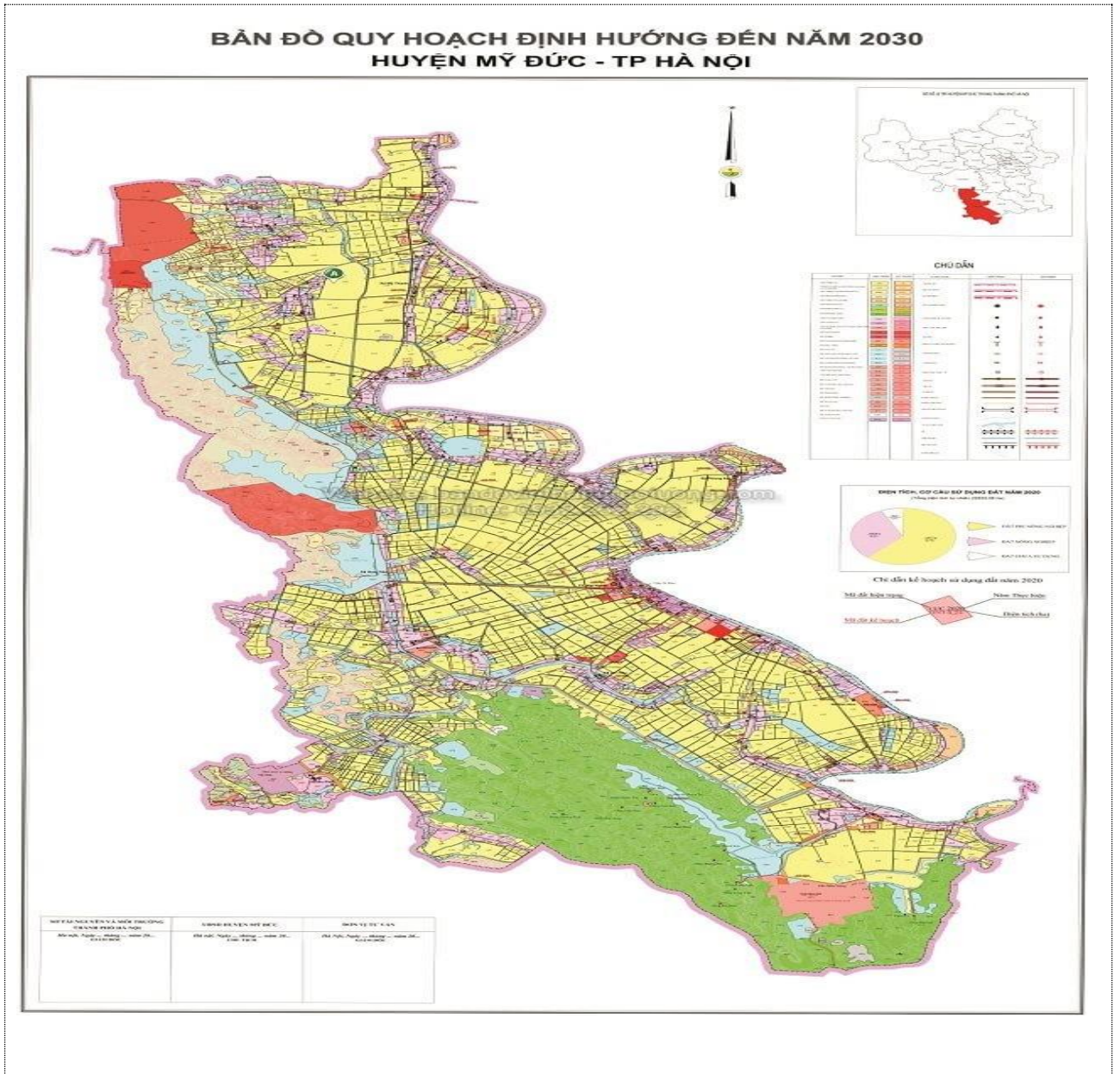
Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, UBND huyện Mỹ Đức báo cáo Kết quả xây dựng, hoàn thiện tiêu chí huyện nông thôn mới và đề nghị xét, công nhận huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022, với các nội dung cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý: Mỹ Đức là một huyện lớn của thành phố Hà Nội có tọa độ địa lý từ 20⁰35'44" đến 20⁰43'40" độ vĩ Bắc và từ 105⁰38'44" đến 105⁰49'33" độ kinh Đông, nằm Tây Nam của Thành phố Hà Nội, cách trung tâm thủ đô Hà Nội trên 50 km. Phía Đông giáp huyện Ứng Hoà, phía Tây giáp huyện Lương Sơn tỉnh Hoà Bình, phía Nam giáp tỉnh Hà Nam, phía Bắc giáp huyện Chương Mỹ.

1.2. Điều kiện tự nhiên: Huyện có tổng diện tích tự nhiên là 22.630,03 ha; dân số toàn huyện trên 20,5 vạn người, có 21 đơn vị hành chính xã và 01 thị trấn (01 xã miền núi có dân tộc Mường). Mỹ Đức có vị trí tương đối thuận lợi do ở gần trung tâm kinh tế và thị trường lớn như: thủ đô Hà Nội, quận Hà Đông, khu công nghệ cao Hòa Lạc và chuỗi đô thị mới Xuân Mai - Miêu Môn - Hòa Lạc - Sơn Tây. Trên địa bàn huyện có 2 tôn giáo chính là Phật giáo và Thiên Chúa giáo. Huyện có khu di tích Quốc gia đặc biệt Chùa Hương và khu du lịch Hồ Quan Sơn hàng năm đón trung bình trên 1,4 triệu lượt du khách về thăm quan, trải hội; có 01 Làng rỗi Tể Tiêu được ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia. Mỹ Đức nằm giáp ranh giữa đồng bằng và miền núi, có dãy núi đá vôi chạy dọc ở phía Tây, là huyện thuần nông, có diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn, chưa có cụm công nghiệp nên ít bị ảnh hưởng tác động của ô nhiễm môi trường đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của Nhân dân.



Bản đồ 1.1: Vị trí của huyện Mỹ Đức trong thành phố Hà Nội

1.3. Địa hình địa mạo

Địa hình huyện Mỹ Đức vừa mang đặc trưng của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, vừa mang đặc trưng của vùng bán sơn địa nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, nhưng cũng là khu vực chuyển tiếp giữa đồng bằng với miền núi với 2 dạng địa hình chính:

Địa hình đồng bằng đồi núi đá xen kẽ với với các khu vực úng trũng, gồm 10 xã phía Tây như: Hương Sơn, Hợp Thanh, Hợp Tiến, Hùng Tiến, An Tiến, An Phú, Đồng Tâm, Thượng Lâm, Tuy Lai, Hồng Sơn. Độ cao trung bình so với mặt biển của dãy núi đá phía Tây huyện từ 150-300m, do phân lớn đá Kast bị nước xâm thực qua quá trình kiến tạo lâu dài nên khu vực này hình thành hang động thiên nhiên đẹp có giá trị du lịch và lịch sử như động Hương Tích, động Đại Bình, động Người xưa,...

Địa hình đồng bằng gồm 12 xã, thị trấn nằm dọc ven sông Đáy dài 48km: Phúc Lâm, Mỹ Thành, Bọt Xuyên, An Mỹ, Lê Thanh, Xuy Xá, Phùng Xá, Phù Lưu Tế, Thị trấn Đại Nghĩa, Đại Hưng, Vạn Kim, Đốc Tín với độ cao trung bình từ 3,8 - 7,0m so với mực nước biển. Địa hình ở đây khá bằng phẳng và hơi dốc theo hướng từ Đông sang Tây rất thuận lợi cho việc xây dựng công trình thủy lợi tự chảy và dùng nguồn nước sông Đáy tưới cho các cánh đồng lúa. Phần tiếp giáp giữa các dãy núi phía Tây và đồng bằng phía Đông là vùng có độ cao địa hình thấp tạo thành các hồ chứa nước như hồ Quan Sơn, hồ Tuy Lai, hồ Vĩnh An, hồ Bán Nguyệt, Ngái Lạng, Đồng Suối, Thung Cầm. Quần thể này có cảnh đẹp hoàn toàn tự nhiên như Vịnh Hạ Long thu nhỏ ... với diện tích hàng ngàn ha, thuận lợi cho phát triển du lịch, nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng một số loại cây ăn quả.

1.4. Khí hậu, thời tiết

Mỹ Đức nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa một năm có 2 mùa khá rõ rệt: mùa Hè kéo dài từ tháng 5 - tháng 10 với nhiệt độ trung bình 24 - 27⁰C. Mùa Đông kéo dài từ tháng 11 - tháng 4 năm sau với nhiệt độ trung bình từ 18 - 24⁰C. Lượng mưa bình quân hàng năm là 1.600 - 1.800 mm phân bố không đều trong năm. Mưa tập trung vào tháng 4 đến tháng 10, chiếm 85,2% tổng lượng mưa cả năm. Các tháng 11 - tháng 3 năm sau có lượng mưa ít nhất trong năm khoảng 25 - 30 mm. Độ ẩm không khí: độ ẩm trung bình trong năm là 85%, giữa các tháng trong năm độ ẩm biến thiên từ 80 - 89%. Độ ẩm thấp nhất vào các tháng 12 đến tháng 01 năm sau. Tuy nhiên, chênh lệch về độ ẩm không khí giữa các tháng trong năm là không lớn. Gió: hướng gió thịnh hành về mùa khô là gió mùa Đông Bắc từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Các tháng còn lại chủ yếu là gió Nam, gió Tây Nam và gió Đông Nam. Sương muối hầu như không; mưa đá và lốc xoáy thỉnh thoảng cũng có xảy ra trên địa bàn huyện Mỹ Đức, Chương Mỹ, Mỹ Đức nhưng không gây thiệt hại lớn. Nhìn chung Mỹ Đức có điều kiện khí hậu thuận lợi cho việc gieo trồng quanh năm, đa dạng hóa nông nghiệp, phát triển các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao phục vụ Nhân dân và cung cấp cho thị trường Hà Nội và các vùng lân cận.

1.5. Tài nguyên

1.5.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên của Mỹ Đức là 22.630,03 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: Có 15.627,8 ha, chiếm 69,05% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp: 6836,77 ha, chiếm 30,21% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng: 41ha, chiếm 0,22% diện tích tự nhiên; đất đô thị 165,46 ha, chiếm 0,73% diện tích tự nhiên; đất khu dân cư nông thôn: 1.868,16ha, chiếm 8,25% diện tích tự nhiên.

1.5.2. Tài nguyên nước

- Nước ngầm: Do cấu tạo địa chất, phía tây có dãy núi đá vôi nên nguồn nước ngầm chủ yếu thuộc dạng tồn đọng tại các kẽ nứt Kast.

- Nước mặt: Về nước mặt có sông Đáy chảy qua ở phía Đông với chiều dài 42 km và sông đào Mỹ Hà ở phía Tây dài trên 28 km, ngoài ra còn có một hồ

chứa nước Quan Sơn với diện tích 850 ha hiện là nguồn dự trữ nước cho trồng trọt, nuôi trồng thủy sản và phục vụ dịch vụ du lịch.

1.5.3 Tài nguyên rừng và động thực vật rừng

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn toàn huyện có 4.481,49 ha đất rừng, chiếm 19,8% diện tích đất tự nhiên toàn huyện trong đó: Rừng sản xuất có 1.284,69 ha chiếm 28,67% tổng diện tích rừng; Rừng đặc dụng có 3.196,80 ha chiếm 71,33% tổng diện tích rừng. Ngoài giá trị về môi trường, sinh thái, rừng Mỹ Đức còn có tầm quan trọng lớn với kinh tế, du lịch tâm linh và cảnh quan; Các loại động vật, thực vật ở đây rất đa dạng, phong phú. Theo kết quả điều tra thống kê được: 350 loài thực vật thuộc 92 họ, trong đó có nhiều loại cây quý hiếm như: Lành Vành, cây Xưa, cây Nho Vàng, cây Lát Hoa ...

1.5.4. Tài nguyên khoáng sản

Huyện Mỹ Đức tập trung 2 khoáng sản chính là than bùn và đá vôi. Than bùn: phân bố rải rác trên 10 xã vùng núi, tập trung ở xã Đồng Tâm, Thượng Lâm và vùng Hương Sơn với trữ lượng hàng triệu tấn. Hiện nay đang được khai thác làm phân vi sinh ở xã Thượng Lâm với diện tích khoảng 30ha; Đá vôi: kéo dài từ xã Đồng Tâm đến xã Hương Sơn với chiều dài trên 40 km, chiều rộng từ 1- 2 km, chiều cao trung bình từ 50 - 100 m, trữ lượng ước tính trên 600 triệu³. Đây là nguồn tài nguyên cho công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

1.4.5. Tài nguyên nhân văn

- Di tích lịch sử, cách mạng và văn hóa: Mỹ Đức là huyện có nhiều di tích lịch sử - tôn giáo, đặc biệt là vùng Hương Sơn vừa là khu danh thắng, vừa là khu bảo tồn tự nhiên. Huyện có gần 200 di tích lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo: 68 đình, 44 đền, 85 chùa và hàng chục quán, miếu, nhà thờ, nhà nuyện, nhà lưu niệm,...

- Lễ hội truyền thống: Trên địa bàn huyện có khoảng 60 lễ hội truyền thống được tổ chức tại làng, xã từ trung tuần tháng giêng đến cuối tháng 3 âm lịch, thông thường, định kỳ từ 03-05 năm tổ chức một lần với quy mô nhỏ trong phạm vi làng, xã. Riêng có lễ hội Chùa Hương được tổ chức từ ngày mùng 06 tháng giêng đến hết tháng 3 âm lịch hàng năm thu hút khoảng 1,4 triệu lượt khách mỗi năm là một lễ hội có thời gian tổ chức dài và thu hút lượng khách đông nhất cả nước. Ngoài ra một số loại hình văn hóa khác cũng được duy trì, phát huy như văn hóa Cồng, Chiêng, văn hóa người Mường của dân tộc Mường xã An Phú, múa rối tổ dân phố Tế Tiêu, một số câu lạc bộ hát dân ca, hát chèo,...

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trong thời kỳ đổi mới, cơ cấu kinh tế của huyện Mỹ Đức chuyển dịch dần theo cơ chế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xét về tổng thể, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, thương mại tăng lên. Để thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, Mỹ Đức đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng nông nghiệp là nền tảng; du lịch, dịch vụ là mũi nhọn. Trong những năm qua, huyện Mỹ Đức bám sát

vào các nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng, ban hành nhiều Chương trình, Nghị quyết, Đề án về phát triển kinh tế, quyết liệt, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp, phát huy tối đa nội lực, khai thác tiềm năng, lợi thế kinh tế tiếp tục phát triển. Trong phát triển kinh tế - xã hội huyện Mỹ Đức đã đạt được nhiều thành tích; kinh tế các năm liên tục phát triển, ổn định, giá trị sản xuất tăng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 7,34%/năm (*trong đó, dịch vụ tăng 7%, công nghiệp - xây dựng tăng 8,47%, nông, lâm, thủy sản tăng 3,66%*); giá trị sản xuất trung bình trong giai đoạn 2016 - 2020 là 10,1%; cơ cấu kinh tế đến năm 2022 có bước chuyển biến tích cực, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản 24,1%; Công nghiệp, xây dựng cơ bản 34,2%; Thương mại - Dịch vụ - Du lịch 41,7%.

Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện tăng từ 10,3 triệu đồng/người/năm (năm 2010) lên 58 triệu đồng/người/năm (năm 2022), tăng 47,7 triệu đồng so với năm 2010. Tổng giá trị sản xuất theo giá (giá so sánh 2010) thực hiện năm 2022 đạt 11.763,6 tỷ đồng, bằng đạt 100,1% kế hoạch, tăng 9,1% so năm 2021. Giá trị sản xuất Nông nghiệp 2.899,8 tỷ đồng, tăng 3,6% so cùng kỳ. Trong đó (Trồng trọt 1.033,6 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 1,55%; Chăn nuôi 1.245,4 tỷ đồng, chiếm 48% tỷ trọng ngành nông nghiệp; Thủy sản 300,9 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 3,7%; Lâm nghiệp 3,0 tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ).

- Giá trị sản xuất Công nghiệp - Xây dựng cơ bản thực hiện năm 2022 đạt 3.924,3 tỷ đồng so với cùng kỳ tăng 10,9%. Trong đó (Công nghiệp 1.416,1 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 10,1%; Xây dựng cơ bản 2.508,2 tỷ đồng, so với cùng kỳ tăng 11,4%).

- Giá trị sản xuất Thương mại - Dịch vụ - Du lịch thực hiện năm 2022 đạt 4.939,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tăng 11,2%.

- Công tác quản lý, điều hành ngân sách tập trung, linh hoạt, thu, chi ngân sách huyện đạt và vượt dự toán được giao hằng năm. Tập trung triển khai công tác thu thuế, phí, lệ phí, khai thác triệt để các nguồn thu, thực hiện các biện pháp chống thất thu, trốn thuế, hạn chế nợ đọng thuế. Năm 2022, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thực hiện đạt 444,21 tỷ đồng, bằng 244% dự toán Thành phố giao, đạt 42% dự toán HĐND huyện giao, tăng 4% so với cùng kỳ. Thực hiện cơ cấu lại các khoản chi ngân sách Nhà nước theo hướng tiết kiệm, ưu tiên chi đầu tư phát triển, có trọng tâm, trọng điểm, đúng chương trình mục tiêu của thành phố Hà Nội và các chương trình, đề án của Huyện, kịp thời phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Công tác quy hoạch, quản lý đô thị, trật tự xây dựng, giải phóng mặt bằng; quản lý đất đai, tài nguyên - môi trường được tập trung chỉ đạo và có chuyển biến tích cực. Đã hoàn thành việc xây dựng các quy hoạch phát triển; lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng huyện, xã, nhất là, quy hoạch NTM và xác định ranh giới, quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn. Triển khai công tác đánh số và gắn biển số nhà tại các xã Hương Sơn, Phùng

Xá, Hồng Sơn và hoàn thành đánh số, gắn biển trên địa bàn thị trấn Đại Nghĩa. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên - môi trường được chú trọng, tập trung xử lý lấn chiếm đất đai, giải tỏa các vi phạm đất đai, trật tự xây dựng, xử lý các trường hợp vi phạm đề điều, lấn chiếm đất nông nghiệp. Thực hiện cơ bản xong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất ở, đất nông nghiệp) đạt tỷ lệ 99,6%.

- Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển tiến bộ, an sinh xã hội được đảm bảo; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân ngày càng được cải thiện. Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được giữ vững và có bước phát triển toàn diện, chất lượng dạy và học ngày càng được nâng lên, đến nay trên địa bàn huyện có 62/80 trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 77,5%. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng cao chất lượng; 100% các xã đạt chuẩn tiêu chí quốc gia về y tế, 100% thôn trên địa bàn huyện có cán bộ y tế.

- Công tác cải cách hành chính thực hiện Quy chế dân chủ, cải cách hành chính theo “*cơ chế một cửa, một cửa liên thông*”, thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC đúng quy trình, thủ tục cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Triển khai xây dựng quy trình nội bộ giải quyết công việc tại các cơ quan, phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn. Duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đưa ứng dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành mới vào hoạt động từ ngày 01/5/2022 đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức từ Huyện tới các xã, thị trấn, qua đó toàn bộ các nhiệm vụ triển khai được kiểm soát đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ tiến độ nâng cao chất lượng công tác đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ công việc tại các cơ quan, đơn vị. Tất cả các thủ tục hành chính được thường xuyên rà soát và niêm yết công khai tại Bộ phận một cửa của huyện, của xã đúng thời gian quy định; tiến hành xây dựng trang thông tin điện tử, trang fanpage của huyện và 22 xã, thị trấn để thông tin, tuyên truyền các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, xây dựng Nông thôn mới, xây dựng người Mỹ Đức thanh lịch - văn minh.

- An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác lãnh đạo bảo đảm an ninh trong tình hình mới được tăng cường, đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, lực lượng vũ trang huyện thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đảm bảo ANTT, chủ động xây dựng và triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu trọng điểm, sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội diễn ra trên địa bàn.

- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, bài bản và đạt được kết quả quan trọng, chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên được nâng lên. Hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước của các cấp chính quyền được tăng cường, trọng tâm là đổi mới phong cách chỉ đạo, điều hành, quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp. Chất lượng hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được nâng lên.

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM, đến nay huyện Mỹ Đức đã có 21/21 xã được Thành phố công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 03/21 xã được Thành phố thẩm định đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, thị trấn Đại Nghĩa đạt chuẩn đô thị văn minh và hoàn thành 09/09 tiêu chí huyện nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, huyện Mỹ Đức không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM. Chương trình xây dựng NTM đã tạo ra bộ mặt NTM khang trang, sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của Nhân dân, an sinh xã hội được đảm bảo, văn hóa, giáo dục, y tế phát triển, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhiều nhóm tiêu chí xây dựng NTM đạt kết quả cao¹.

Với những phấn đấu và nỗ lực phát triển không ngừng, huyện Mỹ Đức đã được Trung ương và Thành phố trao tặng nhiều Cờ, Bằng khen, danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng để ghi nhận những thành tích đã đạt được trong nhiều năm qua: Bằng khen (năm 2011, 2012, 2020) và nhiều danh hiệu thi đua khác của Thành phố, Sở, Ban, Ngành.

3. Thuận lợi

Trong công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, với ý chí quyết tâm và tinh thần cần cù, sáng tạo, lại được vun đắp bởi truyền thống hào hùng trong lịch sử đã tạo đà cho Mỹ Đức phát triển mạnh mẽ hơn trong xu hướng phát triển chung của Thủ đô, đất nước, Mỹ Đức có những tiềm năng lợi thế như: Điều kiện đất đai rộng phì nhiêu, màu mỡ, mặt nước dồi dào, mạng lưới kênh dẫn nước tưới tiêu đa dạng thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Số người trong độ tuổi lao động cao là nguồn nhân lực tại chỗ để phát triển kinh tế, Nhân dân trong huyện có kỹ năng lao động sản xuất nông nghiệp. Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi trên địa bàn huyện phát triển mạnh; nằm trong khu vực định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp năng suất cao của Thành phố. Có nhiều 06 làng nghề truyền thống nổi tiếng với những sản phẩm giá trị cao. Hệ thống hạ tầng cơ sở tiếp tục được cải thiện. Huyện Mỹ Đức du lịch văn hóa Lễ hội Chùa Hương, có nhiều tuyến đường kết nối khu du lịch chạy qua địa bàn huyện.

- Năm 2010, Thành phố đã chọn xã Phùng Xá là xã điểm xây dựng NTM của Thành phố, được sự quan tâm của Thành phố, của các Sở, ban, ngành Thành phố Hà Nội trong quá trình triển khai thực hiện nên Huyện đã rút ra được các kinh nghiệm để chỉ đạo các xã tiếp tục thực hiện và được Thành phố công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2014.

- Công tác xây dựng NTM luôn được Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội, BCĐ Chương trình 04-CTr/TU của Thành ủy quan tâm, chỉ đạo sâu sát.

¹100% đường trục chính, đường liên thôn được cứng hóa, bê tông, rải nhựa; 100% trạm y tế các xã đã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế; Đến năm 2022 tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 92,55%, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch (RO) đạt 82,62%; 921,0% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 92,62% thôn, làng đạt danh hiệu làng văn hóa, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,14%. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội luôn được phát huy, có hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; HĐND huyện đã kịp thời ban hành các Nghị quyết và UBND huyện đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, phương án trọng tâm trên các lĩnh vực như: Kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; củng cố tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước để xây dựng NTM.

- Thành phần BCD Chương trình xây dựng NTM huyện là những cán bộ chủ chốt của Huyện ủy, HĐND, UBND, những người đứng đầu các phòng, ban chuyên môn của huyện, trưởng các ban ngành đoàn thể nên có những thuận lợi cho công tác lãnh, chỉ đạo, điều hành; Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cơ sở luôn nỗ lực, cố gắng tập trung, từng bước vượt qua khó khăn, vướng mắc trong nhiều việc khó như: kiên cố giao thông nông thôn, giảm nghèo, quy hoạch,...

- Được sự ủng hộ và đóng góp tích cực của người dân trong xây dựng NTM, quá trình thực hiện đã xuất hiện nhiều tấm gương tập thể, hộ gia đình, cá nhân hy sinh lợi ích riêng để hiến đất mở đường, đóng góp ngày công, đóng góp bằng tiền, vật tư để xây dựng công trình công cộng như đường làng, ngõ xóm,...

4. Khó khăn

- Tình hình thiên tai, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường cùng với những tác động tiêu cực của thị trường trong quá trình phát triển, đô thị hóa đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thu ngân sách huyện và ảnh hưởng đến việc huy động nguồn vốn trong quá trình thực hiện xây dựng NTM.

- Là Huyện nông nghiệp, nguồn lực khó khăn, khi bước vào xây dựng nông thôn mới các tiêu chí về cơ sở hạ tầng đều đạt thấp, nhiều công trình xuống cấp và không đồng bộ nên cần nhiều nguồn lực đầu tư như: Quy hoạch, Giao thông, Trường học, Điện, cơ sở hạ tầng Y tế, Cơ sở vật chất văn hóa, Thủy lợi,...

- Sản xuất nông nghiệp chủ yếu là các sản phẩm thô, chưa qua chế biến, thiếu liên kết theo chuỗi giá trị bền vững. Hầu hết sản phẩm nông sản chưa được sơ chế, chế biến, bảo quản, không có nhãn mác hàng hóa; giá trị sản phẩm còn thấp, giá bán bấp bênh, chưa có tính cạnh tranh. Số lượng các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn quá ít, chưa có doanh nghiệp quy mô lớn, tiềm năng.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp còn hạn chế, chủ yếu là kinh tế hộ; vai trò của HTX, doanh nghiệp trong hỗ trợ kinh tế hộ chưa phát huy hiệu quả. Tính liên kết từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm.

- Các vùng chuyên canh cây trồng, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung đã hình thành, nhưng việc tổ chức thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư cơ sở hạ tầng như: đường giao thông nội đồng, kênh mương, các cơ sở sơ chế, chế biến,... tại các vùng

sản xuất trọng điểm còn hạn chế.

- Nhu cầu kinh phí đầu tư cho chương trình xây dựng NTM lớn, công tác huy động nguồn lực của doanh nghiệp và Nhân dân tham gia đầu tư xây dựng NTM còn khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư một cách đồng bộ hạ tầng kinh tế, xã hội của huyện.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị BCH Trung ương lần thứ 5 (khóa XIII) về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”;

- Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”

- Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà

Nội của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 4157/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 3098/QĐ-UBND và Quyết định số 3099/QĐ-UBND của UBND Thành phố;

- Hướng dẫn số 226/HD-SNN ngày 18/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Hướng dẫn số 227/HD-SNN ngày 18/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

- Hướng dẫn số 228/HD-SNN ngày 18/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về phương pháp đánh giá, chấm điểm các tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025;

- Các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn khác có liên quan đến việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM của Chính phủ, các Bộ ngành, UBND Thành phố và các Sở, ngành của Thành phố.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NTM

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Sau khi Trung ương triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM, Thành ủy Hà Nội triển khai Chương trình 02-CTr/TU ngày 29/8/2011, Huyện ủy Mỹ Đức đã tổ chức hội nghị quán triệt các nội dung Chương trình, bộ tiêu chí quốc gia và các văn bản của các bộ, ban, ngành, thành phố đến toàn thể đội ngũ cán bộ chủ chốt toàn huyện, các chi, Đảng bộ trực thuộc Huyện ủy, đồng thời quán triệt, triển khai đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện để biết và thực hiện.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, từ năm 2010 đến năm 2022, Huyện đã ban hành nhiều Văn bản bao gồm các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, Quyết định, Kế hoạch, Kết luận và các công văn chỉ đạo, triển khai, thực hiện. Cụ thể:

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng

1.1.1. Cấp huyện

- Huyện ủy đã xây dựng, ban hành, Chương trình, Nghị quyết², trong đó xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong các nhiệm kỳ của các cấp ủy Đảng; ban hành³. Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ huyện đã tổ

²Đại hội XXII, XXIII, XXIV Đảng bộ huyện Mỹ Đức, nhiệm kỳ (2010 - 2015), (2015 - 2020), (2020 - 2025)

³Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 08/10/2011 về “*Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, từng bước nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2011-2015*”; Chương trình số 07-CTr/HU ngày 21/10/2016 về “*Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân huyện Mỹ Đức giai đoạn 2016-2020*”; Chương trình số 05-CTr/HU ngày 25/12/2020 về “*về xây dựng huyện Mỹ Đức đạt nông thôn mới; xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2020-2025*”.

chức phát động phong trào toàn dân chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2011 - 2015, 2016 - 2020, 2021-2025, trong đó, UBND huyện đã xây dựng, ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 21/02/2017 tổ chức thực hiện phong trào thi đua “*Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2016-2020. Đồng thời phát động, ký kết thi đua giữa các địa phương. Chỉ đạo HĐND, UBND huyện, các phòng, ban, ngành, các xã xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để thực hiện Chương trình.

- Thành lập Ban Chỉ đạo chương trình xây dựng NTM của huyện giai đoạn 2010-2015, 2016-2020, 2020-2025 gồm 36 thành viên⁴. Thành lập Tổ công tác giúp việc BCD⁵. Đồng thời phân công rõ trách nhiệm cho từng thành viên BCD, Tổ công tác giúp việc. Sau khi xã Đồng Tân, huyện Mỹ Đức được Thành phố lựa chọn xã làm điểm xây dựng NTM, Huyện ủy thành lập BCD, Tổ công tác giúp việc riêng đối với xã điểm. BCD huyện trực tiếp chỉ đạo xã tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng, tổ chức xây dựng Đề án xây dựng NTM trình Thành phố phê duyệt.

- Trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy, Huyện ủy đã xác định công tác ĐDDT là khâu đột phá trong xây dựng NTM, đã chỉ đạo HĐND, UBND huyện ban hành Nghị quyết, kế hoạch để triển khai thực huyện.

- BCD Chương trình xây dựng NTM của huyện được duy trì nền nếp, thực hiện nghiêm túc việc giao ban định kỳ theo quý và theo tiến độ triển khai nhiệm vụ. Huyện ủy, BCD đã thành lập nhiều đoàn, nhiều đợt kiểm tra công tác triển khai thực hiện chương trình với các xã. 10 năm qua, đã tổ chức được trên 200 cuộc kiểm tra, làm việc trực tiếp với Đảng ủy, UBND, BCD các xã, các đơn vị liên quan, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, nhất là, những xã đăng ký về đích.

- Tổ chức các sơ kết, tổng kết: Sơ kết 2 năm (năm 2012); sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy; sơ kết 4 năm thực hiện Chương trình 02-CTr/TU (năm 2014); tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về “*Nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”; tổng kết 5 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2015 trên địa bàn huyện Mỹ Đức (năm 2015); sơ kết giữa nhiệm kỳ Chương trình 02-CTr/TU (năm 2018); tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM, Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy trên địa bàn huyện (năm 2019).

- Chỉ đạo các xã rà soát, đánh giá các tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã NTM theo từng giai đoạn; xây dựng triển khai thực hiện, duy trì các tiêu chí NTM, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020 và giai đoạn 2021-2025. Xác định rõ việc xây dựng NTM là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm bắt đầu nhưng không có điểm

⁴Đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Trưởng Ban, đồng chí Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện làm Phó Trưởng Ban thường trực và đồng chí Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy làm Phó Trưởng Ban.

⁵Đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện phụ trách khối kinh tế làm Tổ trưởng và lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể của huyện làm tổ viên

kết thúc nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn.

1.1.2. Cấp xã

- Đảng ủy 21/21 xã và thị trấn Đại Nghĩa đều ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng NTM. Thành lập BCĐ xã do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng Ban, đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy, chủ tịch UBND xã làm Phó Trưởng Ban Thường trực, đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy làm Phó Trưởng Ban; chỉ đạo UBND xã thành lập Ban quản lý do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban, các thành viên là lãnh đạo, cán bộ các hội, đoàn thể, các bộ phận chuyên môn; Thành lập các Tổ giúp việc, các Tiểu ban phụ trách tại các thôn nhằm giúp BCĐ thực hiện hoàn thành Chương trình trên địa bàn.

- BCĐ cấp xã tổ chức họp giao ban định kỳ, triển khai thực hiện nhiệm vụ, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân.

1.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của HĐND các cấp

1.2.1. Cấp huyện

- HĐND huyện đã ban hành nhiều Văn bản để triển khai thực hiện Chương trình, như⁶. UBND huyện ban hành các cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp với các nội dung hỗ trợ như: giống, thuốc bảo vệ thực vật; hỗ trợ kinh phí thực hiện cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ vật tư cho xây dựng giao thông nông thôn thủy lợi nội đồng,... đây là động lực quan trọng thúc đẩy cho phát triển sản xuất và hạ tầng nông thôn trên địa bàn huyện. Tổ chức nhiều cuộc giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về xây dựng NTM đối với các xã, các phòng, ban, ngành, đơn vị chuyên môn của Huyện. Đã bố trí, phân bổ nguồn ngân sách huyện cho Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân.

- Ban hành Nghị quyết hàng năm về việc thực hiện Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM và nâng cao đời sống nông dân”.

1.2.2 Cấp xã

HĐND các xã, thị trấn đã ra Nghị quyết thông qua Đề án xây dựng NTM cấp xã, đô thị văn minh; đã ban hành nghị quyết chuyên đề, nghị quyết hàng năm về việc thực hiện Chương trình, thường xuyên giám sát về chất lượng và tiến độ thực hiện Chương trình và Đề án xây dựng NTM đã được phê duyệt.

1.3. Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý của UBND các cấp

- Thực hiện Nghị quyết⁷. Hơn 10 năm qua, UBND huyện đã xây dựng, ban hành các kế hoạch để thực hiện công tác đôn đốc, xây dựng NTM, phát

⁶Số: 29/2010/NQ-HĐND, ngày 30/6/2010 về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW hội nghị Trung ương lần thứ 7 (khóa X) và Chương trình hành động số 02 của Thành ủy Hà Nội (khóa XIV) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện Mỹ Đức

⁷Đại hội XXII, XXIII, XXIV Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2010-2015; 2015-2020; 2020-2025

triển sản xuất, nâng cao đời sống Nhân dân; đưa cơ giới hóa và sản xuất,...; chỉ đạo, hướng dẫn 21 xã xây dựng Đề án xây dựng NTM và đã phê duyệt 21/21 xã đề triển khai thực hiện; UBND các xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án sau khi được phê duyệt. Từ huyện đến cơ sở đã ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện xây dựng NTM hàng năm và ban hành hàng trăm văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng NTM, hoàn thành 21 xã NTM, 03 xã NTM nâng cao, thị trấn Đại Nghĩa đạt chuẩn Văn minh đô thị và 09 tiêu chí huyện NTM.

- Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành Thành phố để triển khai các nội dung liên quan đến Đề án, đề xuất, kiến nghị kịp thời những khó khăn vướng mắc về cơ chế, chính sách để Thành phố, huyện có những giải pháp tháo gỡ.

- Các phòng, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát, nắm bắt lại số liệu thực tế các tiêu chí được phân công, xây dựng lộ trình thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM, đồng thời đã tập trung thực hiện nhiệm vụ được giao theo tiến độ đề ra.

- Cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng, chủ động tham gia, thực hiện theo Đề án...

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông

- Huyện ủy Mỹ Đức xác định công tác tuyên truyền, vận động phải được đặt lên hàng đầu, phải đi trước một bước và phải được triển khai theo lộ trình, xác định từng nội dung, cách thức triển khai cụ thể trong từng thời điểm, giai đoạn cụ thể.

- Ngay từ những ngày đầu thực hiện, trên cơ sở các hướng dẫn, tài liệu của Thành phố, Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, giao Ban Tuyên giáo Huyện ủy xây dựng đề cương, tài liệu tuyên truyền, tổ chức các hội nghị báo cáo viên, tuyên truyền viên về công tác xây dựng NTM với những nội dung cụ thể, sát thực với thực tế của huyện, tập trung tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện về các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, của Thành phố, của huyện về xây dựng NTM. Các tiêu chí, đặc biệt là cách thức triển khai xây dựng NTM được coi là nội dung chính trong công tác tuyên truyền. Đồng thời tập trung tuyên truyền, vận động nông dân tích cực thực hiện công tác dồn thửa đổi ruộng, hiến đất, đóng góp kinh phí, ngày công làm đường giao thông, thủy lợi nội đồng và các công trình văn hoá, giáo dục; chấp hành tốt các chủ trương về giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án. Những mô hình hiệu quả, kinh nghiệm hay, cách làm sáng tạo của các địa phương, đơn vị, tuyên truyền các kết quả, bài học kinh nghiệm trong xây dựng NTM, với các phong trào như: *“Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới”*, *“Mở rộng đường giao thông nông thôn”*, *“Ngày chủ nhật xanh”*, *“Làng xanh - sạch - đẹp”*, *“Văn hóa nông thôn mới...”*

- Các nội dung tuyên truyền trên được triển khai với nhiều hình thức phong

phù, đa dạng, linh hoạt và mang lại hiệu quả thiết thực như: tuyên truyền miệng, tuyên truyền trực quan, thông qua các tờ rơi, bài trong bản thông tin sinh hoạt nội bộ hàng tháng, trên trang tin công thông tin điện tử của huyện, thông qua các hình thức như: sinh hoạt chi bộ, chi hội, tổ hội; tọa đàm tiếp âm, xây dựng chuyên mục, bài viết, trên đài truyền thanh huyện và các xã... Thông qua các hội nghị báo cáo viên và giao ban công tác dư luận xã hội hàng quý, Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ quan liên quan thường xuyên mời các báo cáo viên và ngành chuyên môn đến cung cấp thông tin về tình hình, kết quả xây dựng nông thôn mới ở địa phương, đơn vị; chỉ đạo, định hướng tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông của Huyện, đã mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao nhận thức trong Nhân dân.

- Các Ban Xây dựng Đảng và các phòng, ban, ngành, đoàn thể của Huyện tùy theo chức năng, nhiệm vụ đều có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đồng thời tăng cường phối hợp với các xã triển khai tích cực các nhiệm vụ tuyên truyền xây dựng NTM. Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị Huyện đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng NTM”* và phát động các phong trào thi đua *“Chung sức xây dựng nông thôn mới”*, cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*. Phối hợp với phòng Kinh tế huyện tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn tới cấp cơ sở để nâng cao nhận thức và kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Hàng tháng, Ban Tuyên giáo Huyện ủy đã biên soạn và phát hành 1.500 cuốn Bản tin Mỹ Đức có các bài viết về xây dựng nông thôn mới được gửi tới Đảng bộ, chi bộ trực thuộc Huyện ủy, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện để sử dụng làm tài liệu sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cơ quan. Đồng thời tiếp nhận và phát hành 1.800 cuốn tài liệu Hỏi - Đáp về Chương trình xây dựng nông thôn mới do Ban Tuyên giáo Thành ủy biên soạn tới các Đảng bộ xã, thị trấn.

- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đã xây dựng được 3.600 chương trình phát thanh, mỗi chương trình có thời lượng từ 20-25 phút. Phát gần 40.000 tin bài, 3.600 chuyên mục các loại trong đó đặc biệt đã xây dựng phóng sự: *“Mỹ Đức huy động sức mạnh đoàn kết toàn dân xây dựng quê hương đổi mới”* dài 27 phút; phóng sự Đoàn Thanh niên Mỹ Đức dấu ấn một nhiệm kỳ, phóng sự quảng bá du lịch Chùa Hương, Hồ Quan Sơn, Hồ Tuy Lai; clip quảng bá, tuyên truyền về Chùa Hương; đăng 1.970 tin bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử... Phối hợp với Đài Truyền hình Hà Nội làm 80 trang ngoại thành với thời lượng từ 10-15 phút/trang; 1.890 tin, bài trên các báo, trang thông tin điện tử của Thành phố...

- Công tác tuyên truyền trực quan được quan tâm đã xây dựng được 28.607m² tranh Pano cỡ động, treo trên 43.600 lượt cờ Đảng, cờ Tổ quốc; 14.120 chiếu cỡ nhỏ; 22.000 lượt cờ Hồng kỳ; 1.681 chiếc Phướn cỡ lớn; 2.329 Băng rôn, khẩu hiệu; 12.000 cờ dây; 4.500 Pano hàng cây; cấp phát 450 áp-phích, 22 đĩa CD-ROM tuyên truyền về sử dụng nước hợp vệ sinh; cấp trên 3.000 tờ rơi về kỹ thuật cấy lúa theo hiệu ứng hàng biên, mạ khay - cấy máy; hơn 35.000 tờ rơi

về tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu các giai đoạn,... Trang trí xe cổ động tuyên truyền trên toàn huyện được 190 buổi; phục vụ gần 1.000 buổi chiếu phim miễn phí phục vụ Nhân dân tại các xã, thị trấn. Triển khai định kỳ hàng năm cấp phát 290 quyển nông lịch hàng năm cho lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật các cơ quan khối nông nghiệp và cá bộ 23 HTX nông nghiệp trên địa bàn.

Có thể khẳng định rằng, công tác tuyên truyền, chỉ đạo về phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đã được thường xuyên và tập trung, các hình thức tuyên truyền phong phú, hiệu quả, đã làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về xây dựng NTM. Người dân đã nhận thức được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình, từ đó nhiệt tình hưởng ứng tham gia chung tay xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn

- Từ khi triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới 2010 đến nay ngoài việc sử dụng Bộ tài liệu tập huấn về xây dựng nông thôn mới của Thành phố ban hành, huyện Mỹ Đức đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo thực hiện thông qua hình thức thông tin tuyên truyền, tập huấn, pa nô, cổ động, tờ rơi... đến cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện và các xã; Từ năm 2010 đến nay đã tổ chức tập huấn được 80 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cho hơn 8.500 lượt người; các cơ quan chuyên môn, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị Huyện và cơ sở đã tổ chức được 218 lớp học cho trên 15,6 nghìn lượt đoàn viên, hội viên.

- Qua đào tạo, tập huấn giúp các học viên nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã đã giúp các học viên nắm bắt được kỹ năng, nội dung. Đã trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về xây dựng nông thôn mới, từ đó giúp các học viên có kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn ngày càng được nâng cao. Đội ngũ cán bộ này đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc đạt được những thành tựu về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trong thời gian qua; chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới từ địa phương này sang địa phương khác; tiết kiệm nguồn lực để triển khai các nội dung của chương trình, nâng cao hiệu quả triển khai nông thôn mới, giảm bớt thời gian triển khai; nâng cao chất lượng triển khai các nội dung của Chương trình;

- Được sự quan tâm chỉ đạo, kịp thời của Thành phố, Huyện ủy thông qua việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng theo từng nội dung công việc cụ thể; bố trí kinh phí tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới; đồng thời UBND huyện cũng đã tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức để tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ ngắn hạn cho các cán bộ quản lý, cán bộ công chức thuộc huyện; nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng không phân tán, không dàn trải mà tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo từng chuyên đề, bồi dưỡng kỹ năng,

tập huấn nghiệp vụ,... Giảng viên, báo cáo viên mời tham gia giảng dạy phần lớn là giảng viên có học hàm, học vị, có kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy tích cực truyền đạt nội dung sát với thực tế, phát huy được vai trò chủ động của học viên trong lĩnh hội vận dụng ngay kiến thức, kỹ năng đã học vào công việc đang đảm nhận tại đơn vị, địa phương đang công tác.

3. Sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội khác trong xây dựng nông thôn mới

3.1. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

- Cùng với sự vào cuộc trong công tác xây dựng nông thôn mới của hệ thống chính trị, Mặt trận tổ quốc huyện đã phát huy vai trò, thực hiện nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong Nhân dân; tuyên truyền, động viên Nhân dân trong thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 11/4/2017 của Thành ủy Hà Nội, Chỉ thị 38-CT/HU ngày 18/4/2017 của Huyện ủy Chương Mỹ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện đã xây dựng Chương trình số 12/CTr-MTTQ-BTT ngày 18/4/2017 “*Hiệp thương thống nhất hành động thực hiện Chỉ thị 38-CT/HU ngày 29/4/2017 của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn huyện và các nhiệm vụ trọng tâm phối hợp công tác giữa Mặt trận và các tổ chức thành viên*”, chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên họp bàn, phân công thực hiện các nội dung cụ thể, xây dựng và nhân rộng mô hình phù hợp với tình hình thực tế của tổ chức mình để chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện.

- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện đã xây dựng Kế hoạch liên tịch số 17/KHLT-MTTQ-TCCTXH, ngày 9/8/2022 Kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm xây dựng huyện đạt chuẩn Nông thôn mới. Đã tổ chức quán triệt, triển khai kế hoạch tuyên truyền, vận động đến đông đảo đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua. Chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên họp bàn, phân công thực hiện các nội dung cụ thể, xây dựng và nhân rộng mô hình phù hợp với tình hình thực tế của tổ chức mình để chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện. Mặt trận Tổ quốc huyện chủ trì phối hợp với các Tổ chức chính trị xã hội huyện, các cơ quan liên quan tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, hướng dẫn các xã, thị trấn, các đơn vị triển khai phong trào thi đua cao điểm xây dựng huyện nông thôn mới.

- Phối hợp với UBND huyện tổ chức hội nghị Đại biểu Nhân dân bàn xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua đó, đã phát huy được vai trò của Nhân dân trong việc chủ động bàn và thực hiện có kết quả việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, các nội dung xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu Văn hoá đạt tỷ lệ ngày càng cao. Tích cực tuyên truyền,

vận động Nhân dân thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 03/10/2012 của Thành ủy Hà Nội và Quyết định số 07/2012/QĐ-UBND ngày 08/02/2012 của UBND Thành phố về quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- MTTQ và các tổ chức thành viên phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, linh hoạt như: Thông qua họp khu dân cư, họp nhóm chi, tổ hội, đoàn thể, loa truyền thanh... với nội dung tuyên truyền ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu nên người dân nắm, hiểu được mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của chủ trương xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là chủ thể tham gia xây dựng và trực tiếp hưởng thụ chính là người dân, từ đó tích cực tham gia hưởng ứng. Tuyên truyền, vận động thực hiện tốt việc huy động các nguồn lực trong Nhân dân để duy trì, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Vận động Nhân dân hiến đất, đóng góp ngày công để xây dựng các công trình giao thông, văn hóa phúc lợi. Phối hợp tuyên truyền về an toàn giao thông, trật tự văn minh đô thị, trật tự công cộng, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện đã đôn đốc, hướng dẫn MTTQ cấp xã phối hợp với các tổ chức thành viên lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã theo hướng dẫn của Trung ương, Thành phố (*Hướng dẫn số 78/HD-MTTW-BTT ngày 24/4/2017; Hướng dẫn số 122/HD-MTTW-BTT ngày 16/01/2019; Hướng dẫn số 90 HD-MTTW-BTT ngày 20/9/2022 về việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới*) về nội dung, cách thức, quy trình lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả xây dựng nông thôn mới ở cấp huyện, cấp xã.

- Từ khi bắt đầu thực hiện xây dựng NTM đến nay, MTTQ các cấp phối hợp cùng chính quyền, các tổ chức đoàn thể tích cực thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững. Hàng năm, Quỹ “Vì người nghèo” các cấp huy động trên 1 tỷ đồng/năm; hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng, sửa chữa được 121 ngôi nhà ở (*mỗi hộ 50 triệu đồng*); tặng hàng trăm suất quà Tết cho người nghèo mỗi năm; Phối hợp với phòng Lao động Thương binh và xã hội tặng quà dịp Tết nguyên đán: 16.242 suất, trị giá 7 tỷ 626 triệu đồng; 7.847 suất, trị giá 4 tỷ 263 triệu đồng nhân ngày 27/7 hàng năm; hỗ trợ hộ nghèo phát triển sản xuất; hỗ trợ bệnh nhân nghèo khám, chữa bệnh; hỗ trợ học sinh nghèo... góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện.

Bên cạnh đó, MTTQ các cấp trong huyện tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân. Duy trì hoạt động của các Ban Thanh tra Nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng. Kết quả của xây dựng nông thôn mới đang từng bước làm thay đổi toàn diện đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn nông thôn, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống, chất lượng cuộc sống giữa Nhân dân vùng nông thôn với thành thị, góp phần đưa tỉ lệ hộ nghèo bình quân trên địa bàn huyện giảm. Từ thực tiễn triển khai Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” đã hình thành nhiều mô hình, sáng kiến của Mặt trận góp phần hoàn thành

và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới ở cơ sở; vận động Nhân dân ủng hộ nguồn lực, hiến đất, hiến công xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; phát triển các mô hình tự quản trong cộng đồng.

3.2. Hoạt động của Hội Nông dân huyện

Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; Ban chấp hành Hội Nông dân các cấp trong huyện luôn bám sát Chương trình 02-CTr/TU của Thành ủy và các Kế hoạch của Huyện ủy; các chương trình, kế hoạch công tác, Hội nông dân các cấp trong huyện đã xây dựng và tổ chức Vận động nông dân phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững, tích cực tuyên truyền cho hội viên nông dân nâng cao nhận thức trong xây dựng nông thôn mới với ý nghĩa người nông dân vừa là chủ thể vừa là người hưởng thụ thành quả của việc xây dựng nông thôn mới. Công tác tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân được đẩy mạnh đã góp phần tích cực giúp nông dân nhận thức đúng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng NTM và thấy được trách nhiệm của mình trong tổ chức thực hiện ở cơ sở. Do đó đã tạo ra niềm tin, không khí phấn khởi, đồng thuận và hưởng ứng phong trào thi đua do các cấp Hội Nông dân tổ chức.

** Trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:*

Phát động đến 100% cán bộ, hội viên nông dân tham gia thực hiện tốt cuộc vận động "*Nông dân đi đầu trong xây dựng nông thôn mới*" và tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, kế hoạch vận động Nhân dân tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và các lớp dạy nghề, chuyển đổi nghề, kế hoạch tuyên truyền vận động cán bộ, hội viên nông dân thực hiện nhiệm vụ "phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững". Vận động nông dân hiến đất được hàng chục ha đất, nhiều tỷ đồng và góp được hàng vạn ngày công ủng hộ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn như: Xây sửa trường học, trạm y tế, gia đình chính sách các công trình phúc lợi tại địa phương, góp phần hoàn thành tiêu chí giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa tại 22/22 xã trên địa bàn huyện.

** Trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn:*

Hội đã vận động 100% hội viên nông dân tích cực thực hiện việc dồn điền đổi thửa tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, xây dựng quy hoạch các vùng sản xuất. Tích cực triển khai các giải pháp tư vấn, dịch vụ, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, phối hợp dạy nghề cho lao động nông thôn; đẩy mạnh xây dựng kinh tế tập thể trong nông dân. Tổ chức được 250 lớp về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thu hút 27.500 lượt người tham dự. Phối hợp dạy nghề được 102 lớp học nghề cho trên 3.490 lượt hội viên, nông dân về nghề chăn nuôi thú y, kỹ thuật trồng cây ăn quả, trồng rau an toàn, may công nghiệp,...

Trong 10 năm, Hội đã nâng tổng dư nợ các nguồn vốn vay tín chấp Quỹ hỗ trợ nông dân, Ngân hàng Chính sách - Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến nay là 158,566 tỷ đồng hỗ trợ nông dân phát triển kinh tế

(tăng gấp gần 2,7 lần so với năm 2010); tín chấp vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân 3 cấp được tổng 36,887 tỷ đồng (tăng gấp gần 6,8 lần so với năm 2010); tín chấp ngân hàng NN& PTNT huyện được 38,150 tỷ đồng tín chấp hỗ trợ nông dân mua 1.000 tấn phân bón trả chậm để sản xuất nông nghiệp.

Các cấp Hội đã vận động nông dân đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, từng bước đã hình thành các vùng sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao; tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa các giống cây trồng mới có hiệu quả kinh tế cao, kết nối với doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình tiêu biểu như:

* *Mô hình trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư:* ở các xã Phúc Lâm, An Mỹ, Hợp Thanh, Hợp Tiến, Hương Sơn....

* *Mô hình trồng cây ăn quả, chuyển đổi cây trồng:* ở Bột Xuyên, Đại Hưng

* *Mô hình sản xuất kinh doanh giỏi từ các làng nghề truyền thống:* Điển hình các hộ nông dân ở xã: Phùng Xá, Thượng Lâm,...

Đã xây dựng nhãn hiệu tập thể hàng mây tre đan xã Tuy Lai, An Mỹ, Rau sắng Chùa Hương, khăn lụa tơ tằm, khăn mặt bông tại Phùng Xá... Đưa các sản phẩm đi trưng bày triển lãm, hội chợ, các sàn giao dịch giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước.

* *Bảo vệ môi trường và vệ sinh ATTP*

Hội đã thành lập 66 tổ bảo vệ môi trường tại 22/22 xã, thị trấn; đứng ra đảm nhận tổ chức phong trào vệ sinh đồng ruộng, thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật trên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của huyện; xây dựng và duy trì tốt các đoạn đường nông dân tự quản để thúc đẩy phong trào VSMT nông thôn; đẩy mạnh vận động nông dân ứng dụng công nghệ trong xử lý môi trường do sản xuất, chăn nuôi; vận động nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ; tổ chức tốt phong trào thu gom rác thải ở khu dân cư. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “*Vì môi trường trong sạch, vì sức khỏe cộng đồng, nông dân Hà Nội chỉ sản xuất, chế biến, tiêu dùng và bán ra thị trường sản phẩm nông nghiệp an toàn*” các cấp Hội hàng năm đã tổ chức cho trên 5.000 hộ nông dân ký cam kết đảm bảo vệ sinh ATTP trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức hàng cây nông dân với 3.736 cây xanh, tham gia sửa chữa 52,5 km đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng 44,8 km, nạo vét 248,5 km kênh mương nội đồng; làm mới và sửa chữa 356 cầu, cống.

* *Xây dựng đời sống văn hóa cơ sở:*

Thực hiện cuộc vận động xây dựng: “*Người nông dân Hà Nội - Thanh Lịch - Văn Minh*” các cấp Hội tích cực vận động nông dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc tang, cưới, lễ hội; phòng chống tệ nạn xã hội; vận động nông dân đăng ký đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Các cấp Hội đã đẩy mạnh các giải pháp giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ tiêu hàng năm. Hội vận động hỗ trợ trực tiếp 22 cơ sở hội có hội viên hoàn cảnh khó khăn xây dựng và sửa chữa 35 ngôi nhà ở với số tiền là 850 triệu đồng, thực hiện chương trình an sinh xã hội của thành phố hỗ

trợ cho hộ nghèo nuôi bò sinh sản tại 2 xã An Mỹ và Mỹ Thành với 46 hộ tham gia với số tiền 323 triệu đồng. Hàng năm tổ chức tốt phong trào xây dựng Quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào thiên tai, ủng hộ biển đảo và các loại quỹ nhân đạo từ thiện 10 năm được trên 1 tỷ đồng.

** Tham gia đảm bảo quốc phòng an ninh:*

Hội nông dân huyện đã xây dựng các chương trình phối hợp với UBND huyện, Công an, Quân sự huyện và MTTQ và các ban ngành đoàn thể huyện để tuyên truyền về luật nghĩa vụ quân sự, về luật khiếu nại tố cáo, hưởng ứng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tuyên truyền chủ trương của Đảng, nhà nước về tình hình biển đảo và nghị quyết Trung ương về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phối hợp với công an tổ chức các buổi tuyên truyền về phòng chống ma túy. Kết quả tổ chức 10 lớp tuyên truyền biển đảo với số lượng 900 lượt cán bộ hội viên; 25 lớp tuyên truyền về phòng chống ma túy với số lượng 2.250 lượt người tham gia; xây dựng 2 câu lạc bộ nông dân với pháp luật, với tổng số gần 100 thành viên tham gia; tổ chức 22 buổi quán triệt về luật giao thông với 2.420 người tham gia.

** Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh và khối đại đoàn kết toàn dân tộc:*

Phối hợp với ngành Công An- BCH quân sự huyện chỉ đạo làm tốt các chương trình an ninh tổ quốc, xây dựng quốc phòng toàn dân, thực hiện Nghị Quyết 09 của Chính phủ, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội trong tình hình mới. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng mô hình điểm thực hiện Nghị quyết 09 tại xã An Mỹ, Hương Sơn. Động viên thanh niên trong độ tuổi khám tuyển nghĩa vụ quân sự và trúng tuyển lên đường nhập ngũ đạt 100%. Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội cùng các ban ngành địa phương chăm lo đời sống các gia đình chính sách, gia đình có quân nhân tại ngũ.

Thực hiện các phong trào thi đua và công tác hội phong trào nông dân, Hội Nông dân huyện Mỹ Đức UBND thành phố được danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2018 và năm 2020 của Thành phố, bằng khen năm 2021, hàng năm được tặng bằng khen của Ban chấp hành Hội Nông dân thành phố.

3.3. Hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện

Ban Thường vụ Hội LHPN Huyện xây dựng các chỉ tiêu thi đua hàng năm và chỉ đạo 100% cơ sở Hội thực hiện tốt phong trào thi đua phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, các hoạt động nhân đạo từ thiện... góp phần thực hiện xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo các cấp Hội thực hiện lồng ghép cuộc vận động với phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”.

** Các hoạt động bảo vệ môi trường:*

Các cấp Hội Phụ nữ trên địa bàn huyện đẩy mạnh và đi vào chiều sâu các phong trào phụ nữ tham gia bảo vệ môi trường, cụ thể hoá bằng phong trào “Vì môi trường trong sạch, phụ nữ và Nhân dân Thủ đô không đồ rác phế thải ra

đường và nơi công cộng” gắn việc thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”, cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch*”. Trong quá trình triển khai thực hiện phong trào, nhiều mô hình tham gia bảo vệ môi trường hiệu quả được xây dựng và nhân rộng.

Bên cạnh các hoạt động đã đi vào nề nếp như tổng vệ sinh vào thứ bảy, chủ nhật hàng tuần, các cấp Hội triển khai thực hiện nhiều biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền vận động phụ nữ và Nhân dân nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường như: Phát động tổng vệ sinh môi trường trong các đợt thi đua cao điểm, tháng hành động vì môi trường thu hút trên 11.870 cán bộ, hội viên tham gia; phát động phong trào chống rác thải nhựa, hạn chế sử dụng túi nilon, phân loại rác tại nguồn, thu gom thức ăn thừa; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày “Môi trường Thế giới”, hưởng ứng “Giờ trái đất”, bóc xóa biển quảng cáo không đúng quy định...

Các cấp Hội đã phát triển và nhân rộng mô hình “Đoạn đường phụ nữ tự quản”, cuối năm 2021 toàn huyện có 415 đoạn đường phụ nữ tự quản (trong đó có 190 đoạn xanh sạch đẹp, 31 đoạn đường nở hoa). Từ năm 2018, bắt đầu thực hiện mô hình nhà văn hóa sáng xanh sạch đẹp, mỗi năm lại nhân rộng thêm 01 mô hình tại 22/22 cơ sở Hội, đến nay toàn huyện có 50 mô hình nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng sáng xanh sạch đẹp. Thực hiện chương trình xây dựng huyện NTM, Hội LHPN huyện thực hiện 05 Mô hình phân loại rác thải tại nguồn được thực hiện tại 5 xã, TT với 380 hộ gia đình cán bộ, hội viên tham gia thực hiện và hỗ trợ 300 thùng rác.

Hội LHPN huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện tổ chức triển khai 03 mô hình “*Thí điểm phân loại rác thải sinh hoạt tại khu dân cư*” trao tặng thùng rác và vi phẩm cho 210 hộ gia đình sản xuất nông nghiệp ở 3 xã (*Hồng Sơn, Hương Sơn, Phụng Xá*) trị giá hơn 90 triệu đồng.

Tích cực hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa”, Hội LHPN huyện tổ chức hội nghị phát động phòng chống rác thải nhựa, Hội LHPN huyện chỉ đạo các cơ sở phối hợp với Công ty Lead Viet tổ chức hội nghị tuyên truyền tác hại của rác thải nhựa đối với môi trường và sức khỏe con người, phân loại rác thải tại nguồn. Tính đến nay đã có 16/22 cơ sở Hội triển khai với 1.920 cán bộ hội viên tham gia. Hội tuyên truyền, vận động hạn chế sử dụng túi nilon khi mua hàng. Nhân rộng mô hình thu gom phế liệu gây quỹ Hội.

Mô hình “*Sạch đồng ruộng*” bắt đầu được triển khai từ năm 2015, đến nay được duy trì và nhân rộng tại 22/22 Hội LHPN các xã, thị trấn; hàng năm các cấp Hội tổ chức 02 đợt ra quân đồng loạt thu gom vỏ bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật trong 02 vụ sản xuất nông nghiệp, thu gom gần 3 tấn rác thải, túi ni lông, vỏ thuốc bảo vệ thực vật, phối hợp với Trạm bảo vệ thực vật để phân loại xử lý theo quy định.

Các cấp Hội tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, Nhân dân thực hiện không đốt rơm rạ, nói không với bếp than tổ ong trong sinh hoạt và

kinh doanh dịch vụ, năm 2021 vận động 101 hội viên ký cam kết không sử dụng than tổ ong làm nhiên liệu trong sinh hoạt và kinh doanh dịch vụ, năm 2022 Hội LHPN huyện phối hợp với Ban Kinh Tế Hội LHPN Hà Nội ra mắt 01 mô hình thu gom xử lý rơm rạ sau thu hoạch tại xã Hợp Tiến với 120 gia đình hội viên tham gia.

** Chú trọng thực hiện “An toàn thực phẩm”:*

Tổ chức phát động và triển khai phong trào gắn với thực hiện với chủ đề năm “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”, Đề án “Tuyên truyền, vận động, giáo dục hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ”, tập trung đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức, xây dựng các mô hình hiệu quả, thiết thực.

Trong 2 năm Hội LHPN huyện đã phối hợp với Trung tâm Y tế huyện cấp phát 22.400 tờ rơi tuyên truyền vệ sinh ATTP cho 22 cơ sở Hội trên địa bàn huyện về việc thay đổi hành vi trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. Hội LHPN huyện và 22 cơ sở Hội đã thực hiện treo 23 băng zôn, khẩu hiệu với các nội dung theo chủ đề của tháng hành động vì an toàn thực phẩm và viết tin bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh và tuyên truyền tại các buổi sinh hoạt chi hội, câu lạc bộ nhằm nâng cao nhận thức của hội viên phụ nữ về vệ sinh an toàn thực phẩm, vận động 1.768 hộ sản xuất kinh doanh thực phẩm ký cam kết. Tổ chức 02 lớp tập huấn về nâng cao kiến thức An toàn thực phẩm trong sản xuất, sơ chế các món ăn cho 295 hội viên tại xã Hồng Sơn và thị trấn Đại Nghĩa và triển khai nhân rộng mô hình “*Thay đổi hành vi trong ATTP*” tại 2 Chi hội Phúc Lâm thượng và Phúc Lâm Hạ xã Phúc Lâm với 30 thành viên tham gia.

Duy trì 12 mô hình “Thay đổi hành vi trong an toàn vệ sinh thực phẩm. Hội LHPN huyện đã tham gia đoàn kiểm tra, giám sát của huyện, kiểm tra về ATTP tại 10 cửa hàng và hộ kinh doanh buôn bán các mặt hàng phục vụ tết Trung thu như bánh Trung thu và các đồ chơi trẻ em, các cơ sở Hội cũng đã phối hợp với các ban, ngành đoàn thể xã, thị trấn kiểm tra 38 cửa hàng và hộ kinh doanh buôn bán các mặt hàng phục vụ tết Trung thu tại địa phương

** Phong trào “Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế”:*

Hàng năm, Hội phụ nữ cơ sở rà soát và đề ra các biện pháp cụ thể, phù hợp giúp đỡ 100% hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ như: Hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi, giúp đỡ ngày công, con giống, giới thiệu việc làm, phối hợp tập huấn kiến thức, chuyên giao khoa học kỹ thuật. Trong 2 năm, đã tổ chức 88 lớp tập huấn cho trên 920 hội viên phụ nữ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi hội viên phụ nữ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi. Khai thác các nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, đồng thời quản lý tốt các nguồn vốn, bảo đảm việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả. Đến nay, tổng số vốn vay do các cấp Hội quản lý hơn 270 tỷ đồng giúp 9.801 hộ vay. Số tiền tiết kiệm tại các chi, tổ là hơn 11,4 tỷ đồng, thu hút trên 142.000 lượt hội viên tham gia tiết kiệm, tạo nguồn vốn tại chỗ cho hội viên vay phát triển kinh tế

gia đình. Trong 2 năm qua, đã giúp đỡ 100% hộ nghèo, cận nghèo; giúp 223 hộ thoát nghèo bền vững, góp phần tích cực giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện.

Hoạt động dạy nghề, giới thiệu việc được tổ chức hiệu quả. Hội LHPN huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, Phòng Kinh tế huyện, Trung tâm Phát triển Phụ nữ thành phố Hà Nội, các trường, trung tâm dạy nghề, các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn huyện tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho 1289 hội viên, phụ nữ và con, em cán bộ, hội viên phụ nữ; mở 3 lớp đào tạo nghề cho 100 lao động nông thôn.

Thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ Thủ đô khởi nghiệp”, từ năm 2018 đến nay, hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, hỗ trợ nữ doanh nhân ngày càng đa dạng, thiết thực và hiệu quả. Hội LHPN huyện tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp cho 525 cán bộ, hội viên, phụ nữ, nữ chủ hộ sản xuất kinh doanh, nữ doanh nghiệp; giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp của phụ nữ tham gia cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo toàn quốc; hỗ trợ 70 phụ nữ được vay vốn từ quỹ tiết kiệm của chi hội hoặc tiếp cận với các nguồn tín dụng ưu đãi, số vốn đã cho vay và giải ngân đến nay là gần 2,7 tỷ đồng.

Hiệu quả kinh tế từ các mô hình đã khơi dậy tinh thần sức mạnh, nội lực của chị em phụ nữ khuyến khích phụ nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp, mở rộng chuỗi liên kết, kết nối trong kinh doanh; góp phần tích cực đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, nhằm thu hút, tập hợp phụ nữ tham gia tổ chức Hội; khuyến khích chị em mạnh dạn đổi mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng.

** Các hoạt động nhân đạo từ thiện có sự lan tỏa sâu rộng, thiết thực hỗ trợ hội viên, phụ nữ nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần đảm bảo an sinh xã hội:*

Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện được các cấp Hội duy trì thường xuyên với nhiều hoạt động thiết thực, tiêu biểu như: Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, phụ nữ đóng góp xây dựng các quỹ từ thiện, Quỹ “Vì Trường Sa thân yêu”, Quỹ “Vì người nghèo”...; thăm hỏi, động viên tân binh lên đường nhập ngũ; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng; vận động cán bộ, hội viên, Nhân dân, các tổ chức tặng xe đạp, đồng phục học sinh, cùng nhiều quà tặng khác cho phụ nữ, trẻ em, các đối tượng chính sách có hoàn cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo, gặp thiên tai... phối hợp tiếp nhận hỗ trợ từ các đơn vị trên địa bàn Thành phố, tham gia các chương trình cứu trợ các sản phẩm nông nghiệp. Trong 2 năm, các cấp Hội đã hỗ trợ xây, sửa 13 mái ấm tình thương cho các gia đình hộ nghèo trị giá 448 triệu đồng. Vận động ủng hộ các quỹ từ thiện của Thành phố, của huyện, thăm hỏi, động viên, tặng quà các loại cho các đối tượng khó khăn, chính sách với tổng trị giá 600 triệu đồng.

** Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc:*

Công tác hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình văn minh - hạnh phúc được gắn với việc triển khai cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” và thực hiện Đề án “Tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020”, quan tâm các tiêu chí “Không tội phạm, tệ nạn xã hội”,

“Không có bạo lực gia đình”; quan tâm cảm hóa, giúp đỡ người lầm lỡ tại cộng đồng dân cư.

Các cấp Hội phụ nữ phối hợp với Đoàn thanh niên, Trung tâm Dân số KHHGD huyện và các cơ quan chức năng tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền kiến thức về xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, giáo dục tiền hôn nhân cho các gia đình có con em trong độ tuổi vị thành niên; tổ chức các chiến dịch CSSK - KHHGD cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ về các biện pháp tránh thai, công tác dân số KHHGD, kiến thức chăm sóc SKSS cho phụ nữ, cách chăm sóc trẻ em tại 22/22 xã, thị trấn. Trong 2 năm, thực hiện chăm sóc, khám và tư vấn sức khỏe cho 2.348 hội viên phụ nữ. Tổ chức 21 lớp tập huấn, hội nghị truyền thông, buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề... cho trên 5.418 lượt báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ, hội viên, phụ nữ, các ông bố bà mẹ và học sinh các trường THCS trên địa bàn huyện.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội gắn với thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01 giữa Hội phụ nữ và Công an về Quản lý, giáo dục con em trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội tiếp tục được triển khai, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong 2 năm, cán bộ, hội viên đã giúp đỡ thành công trên 35 người nghiện sau 1 năm không tái nghiện, 77 thanh niên hư chậm tiến là con, em hội viên phụ nữ. Nhiều mô hình tiếp tục được triển khai có hiệu quả, như: Tổ phụ nữ trong sạch, tổ phụ nữ 2 không 1 có, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, CLB phòng chống ma túy - TNXH...

3.4. Hoạt động của Hội Cựu chiến binh huyện

Hội Cựu chiến binh đã tổ chức tuyên truyền triển khai các văn bản, chủ trương của Trung ương, Thành phố, của huyện về xây dựng NTM đến 100% cán bộ hội viên trong toàn Huyện Hội. Huyện hội đã kịp thời xây dựng Kế hoạch số 24/ KH-CCB ngày 15/7/2012 về việc Hội Cựu chiến binh tham gia công tác đồn điền đổi thửa và đi đầu trong đồn điền đổi thửa ở cơ sở; chỉ đạo 22/22 Hội cựu chiến binh xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch của cấp mình chỉ đạo đến các chi hội để tổ chức thực hiện. Phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” gương mẫu đi đầu, CCB với trách nhiệm là Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và các chức danh Chi hội trưởng, Chi hội phó, Phân hội trưởng luôn gương mẫu đi đầu, đã tích cực chủ động tham gia thành viên tiểu ban đồn điền đổi thửa và tổ công tác ở thôn, xóm, khu dân cư. Hội cơ sở đã tổ chức Hội nghị tham gia xây dựng và triển khai phương án đồn điền đổi thửa ở Chi hội được 537 buổi, có 8.650 hội viên tham gia. Từ những kết quả tuyên truyền cho cán bộ, hội viên đã tác động tích cực đến quần chúng Nhân dân. Sau khi được tuyên truyền vận động, hầu hết CCB và gia đình CCB đều gương mẫu trước Nhân dân, nhận những thửa ruộng khó khăn, xã về mình đề qui hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, có giá trị kinh tế cao. Khi địa phương cần huy động lực lượng tham gia làm giao thông thủy lợi nội đồng, thì các Chi hội, Phân hội đã huy động được 53.240 ngày công tham gia, đào đắp được 2.150m³ trị giá 1,2 tỷ đồng. Sau đồn điền đổi thửa, tổ chức Hội đã tích cực vận động hội viên chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo qui hoạch sử dụng đất, đến nay các hội viên đã chuyển đổi 18ha làm trang trại = 234 trang

trại do CCB làm chủ, 12 ha cây ăn quả, 6 ha cây trồng gồm rau sạch các loại.

Với ý thức xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, Hội viên CCB vừa kết hợp hoạt động hoạt động và xây dựng các phương án giám sát, phản biện ở cơ sở và các công trình xây dựng. Chính vì vậy đã phát hiện kịp thời những bất cập trong phương án đề cấp có thẩm quyền điều chỉnh, đặc biệt là giám sát phát hiện các tiêu cực trong thực hiện các quy trình của dồn điền đổi thửa đã giúp cho tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, sự minh bạch và dân chủ công khai được thực hiện tốt hơn.

Trong các năm 2013-2022, Hội CCB đã cùng với cấp ủy chính quyền giải quyết tốt điểm nóng ở xã Đồng Tâm và Nhà văn hóa thôn Hoàn. Hiện nay vẫn đang tích cực tham gia tuyên truyền và thực hiện xây dựng Nhà văn hóa thôn Hoàn, xã Đồng Tâm.

Trong quá trình tham gia xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao, Hội CCB Huyện Mỹ Đức có nhiều mô hình mới tham gia như: phong trào hiến đất, hiến công, đã có 1.750 gia đình hội viên CCB hiến được 122.320m² đất nông nghiệp và đất thổ cư để làm đường giao thông nông thôn và giao thông thủy lợi nội đồng. Tiêu biểu CCB Lê Tôn Thực - xã Bột Xuyên đã hiến 360m² đất nông nghiệp để làm đường giao thông nội đồng. CCB Nguyễn Văn Hải - xã Hợp Thành hiến 100m² đất thổ cư để làm đường giao thông nông thôn, đã được UBND Thành phố tặng gương “Người tốt, việc tốt” trong phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng Nông thôn mới”; chỉ đạo các cấp hội hưởng ứng vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” CCB trong toàn Huyện đã đóng góp 5.860 ngày công lao động công ích, trị giá gần 3 tỷ đồng, ủng hộ bằng tiền mặt vào ngân sách chính quyền xã 560 triệu đồng.

Hội CCB Huyện Mỹ Đức có nhiều mô hình mới trong xây dựng Nông thôn mới, Nông thôn mới nâng cao như: Mô hình đường cây, đường hoa, đường cờ, đường điện, cột đèn chiếu sáng nghĩa trang Liệt sĩ, nghĩa trang Nhân dân. Mô hình biển bãi rác thành công viên cây xanh ở xã Hùng Tiến; phong trào CCB tích cực tham gia phát triển kinh tế, xóa nghèo, xóa nhà xuống cấp. Từ năm 2012 đến nay, đã xóa được 43 ngôi nhà xuống cấp cho hội viên CCB.

3.5. Hoạt động của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện

Xác định vai trò xung kích của tuổi trẻ, Ban Thường vụ Huyện đoàn đã ban hành chương trình hành động “*Tuổi trẻ Mỹ Đức chung tay xây dựng NTM*”; triển khai và chỉ đạo các cơ sở Đoàn và Đoàn trực thuộc trên địa bàn huyện tuyên truyền tới ĐVTN và Nhân dân về ý nghĩa, mục tiêu xây dựng NTM đối với phát triển kinh tế - xã hội; sáng tạo, chủ động thực hiện các công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng NTM trên địa bàn, đảm bảo các tiêu chí của chương trình và tham gia xây dựng NTM kiểu mẫu, NTM bền vững.

BTV Huyện đoàn chỉ đạo 100% cơ sở Đoàn trực thuộc đẩy mạnh tuyên truyền tới ĐVTN về ý nghĩa, mục tiêu xây dựng NTM; sáng tạo và chủ động phối hợp với các ban ngành trong việc thực hiện các phần việc, công trình thanh niên, thiết thực tham gia xây dựng NTM. Với việc triển khai đồng bộ có hiệu quả các

phong trào và chương trình hành động cách mạng của Đoàn như: Phong trào xung kích phát triển Thủ đô và bảo vệ Tổ quốc (*Phong trào thanh niên tình nguyện, phong trào tuổi trẻ sáng tạo, phong trào xung kích bảo vệ Tổ quốc, phong trào Tôi yêu Hà Nội*); chương trình đồng hành hỗ trợ thanh thiếu nhi (gồm chương trình hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu, làm chủ khoa học công nghệ; chương trình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp; chương trình hỗ trợ thanh niên phát triển kỹ năng, sức khỏe thể chất, đời sống văn hóa tinh thần), ĐTN từ huyện đến cơ sở đã thực hiện nhiều nội dung, công trình, phần việc thanh niên tham gia xây dựng NTM trên địa bàn huyện, góp phần thực hiện hiệu quả chương trình “*Tuổi trẻ Mỹ Đức chung tay xây dựng NTM*”. Trong 5 năm qua, đã có 6.523 tin bài được đăng tải trên các trang Facebook, zalo của các tổ chức đoàn trong toàn huyện tuyên truyền về ý nghĩa và các hoạt động xây dựng nông thôn mới; tổ chức 36 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật, 12 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật cho gần 34.000 lượt đoàn viên, thanh niên trong toàn huyện.

Phát huy hiệu quả phong trào “*Ngày thứ Bảy tình nguyện, ngày Chủ nhật xanh*”, các cơ sở Đoàn đã triển khai thực hiện với các công trình cụ thể như: Xây dựng các đoạn đường thanh niên tự quản Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp, đoạn đường tranh tường bích họa, hàng cây thanh niên, sân chơi thiếu nhi, VSMT, ra quân bóc xóa biển quảng cáo rao vặt trái phép... Trong 10 năm qua, Đoàn thanh niên từ huyện tới cơ sở đã tổ chức ra quân trên 8.200 buổi VSMT, thu gom trên 4.500 tấn rác thải, trồng mới trên 34.000 cây xanh, góp phần tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đảm bảo văn minh đô thị... Trên địa bàn toàn huyện, đã xây dựng được 57 tuyến đường nở hoa, 62 đoạn đường tranh tường bích họa, 14 sân chơi thiếu nhi, 41 hàng cây thanh niên, 03 đoạn đường “*Thắp sáng giao thông nông thôn*” với tổng trị giá trên 3 tỷ đồng; trao tặng 05 tủ sách thanh niên, 70 ghế đá với tổng trị giá 220 triệu đồng.

Phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ vì cuộc sống cộng đồng, BTV Huyện đoàn đã chủ động, sáng tạo phối hợp với các đơn vị kết nghĩa tổ chức các hoạt động ý nghĩa như: “*Tết ấm yêu thương*”, “*Thắp nến tri ân - Nhớ về cội nguồn*”; xây dựng “*Ngôi nhà nhân ái*”; thăm hỏi, tặng quà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, có công với cách mạng, thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn... Trong 10 năm qua, Đoàn thanh niên huyện đã tổ chức trao tặng trên 167 nghìn suất quà tới các đối tượng chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7... trị giá trên 3,7 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 12 “*Ngôi nhà nhân ái*”, “*Ngôi nhà khăn quàng đỏ*” cho các đối tượng khó khăn, trị giá gần 1 tỷ đồng; tổ chức khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho trên 34 nghìn lượt người có công với cách mạng, cựu Thanh niên xung phong, Nhân dân và thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn với tổng giá trị 687 triệu đồng; thực hiện hiệu quả phong trào hiến máu tình nguyện, thu hút đông đảo ĐVTN tham gia, vượt chỉ tiêu được giao,...

Phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo đối với Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh, Huyện đoàn - Hội đồng Đội huyện đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động, cuộc thi thiết thực, ý nghĩa, tạo môi trường để thiếu nhi Mỹ Đức phát triển toàn diện như: Cuộc thi “*Em là Hướng dẫn viên du lịch*”, “*Em nuôi của đoàn*”,

“Thiếu nhi Thủ đô thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy”, “Ngày hội xe đạp giúp bạn đến trường”, học bổng “Thắp sáng ước mơ thiếu nhi” ...

Với những thành tích đạt được, nhiều năm liền, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện Mỹ Đức được nhận khen thưởng của Chính phủ, Trung ương Đoàn, UBND Thành phố, đạt cờ thi đua xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi của Thành đoàn Hà Nội.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện NTM

4.1. Nguồn vốn

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, tổng nguồn vốn huy động giai đoạn từ 2010 đến hết năm 2022 của huyện Mỹ Đức là 7.024.143,1 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Thành phố: 3.490.934,2 triệu đồng, chiếm 49,93%;
- + Vốn trực tiếp: 1.298.044,3 triệu đồng, chiếm 18,48%;
- + Vốn lồng ghép: 2.209.422 triệu đồng, chiếm 31,45%.
- Ngân sách Huyện: 2.330.270,3 triệu đồng, chiếm 33,18%;
- Ngân sách Xã: 712.902,5 triệu đồng, chiếm 10,15 %;
- Vốn huy động ngoài ngân sách: 473.504,1 triệu đồng, chiếm 6,74%
- + Vốn doanh nghiệp, HTX: 42.613,4 triệu đồng, chiếm 0,61%;
- + Vốn đóng góp từ Nhân dân: 290.890,4 triệu đồng, chiếm 4,14%;
- + Vốn huy động từ các nguồn khác: 140.000,0 triệu đồng, chiếm 1,99%.

(Chi tiết tại Biểu 02 gửi kèm)

Ngoài ra, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện và một số đoàn thể đã phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội, quỹ Khuyến nông, quỹ hỗ trợ Nông dân tín chấp cho nông dân trên địa bàn huyện vay trên 700 tỷ đồng để đầu tư phát triển sản xuất nâng cao thu nhập.

4.2. Quản lý, sử dụng vốn

Công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, các Chương trình lồng ghép thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM được UBND Thành phố giao kế hoạch hàng năm, huyện quyết định phân bổ, quản lý sử dụng, thanh quyết toán theo đúng quy định; đảm bảo đúng đối tượng, mục đích và công khai, minh bạch. Tập trung xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí về cơ sở hạ tầng như: Giao thông, Trường học, Trụ sở, Trạm y tế, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, NVH thôn, Hạ tầng nông nghiệp và phát triển sản xuất nông nghiệp,...

Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, đặc biệt nguồn vốn do Nhân dân đóng góp tập trung hoàn thiện hệ thống đường giao thông, thoát nước ngõ, xóm; tu bổ tôn tạo đình, đền, chùa,... Huyện tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức huy động đóng góp, bằng các hình thức phù hợp, trên cơ sở phát huy dân chủ để người dân bàn bạc và tự nguyện đóng góp, không đóng góp theo hình

thức bình quân; quản lý và sử dụng vốn góp của Nhân dân đúng quy định, đảm bảo công khai, dân chủ. Người dân trực tiếp quản lý, quyết định đầu tư theo hạng mục đề án xây dựng NTM đã được duyệt, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do mình đóng góp thông qua Ban phát triển thôn, Ban Giám sát cộng đồng.

4.3. Tình hình nợ đọng trong XD CB

Đến nay, trên địa bàn huyện Mỹ Đức không có tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN

1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định

Toàn huyện có 21/21 xã được UBND Thành phố Hà Nội công nhận Xã đạt chuẩn nông thôn mới⁸, đạt 100%; năm 2022 có 3 Xã đạt chuẩn NTM Nâng cao là xã Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn, đạt 14,28%.

(có Biểu 03 kèm theo)

1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định

Trên địa bàn huyện có 01 thị trấn Đại Nghĩa. Được UBND huyện Mỹ Đức nhận thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh tại Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND huyện Mỹ Đức. Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh đạt 100%.

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các Xã

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, Sở, ngành Thành phố Hà Nội.

Kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới cụ thể như sau:

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch

2.1.1 Thực trạng năm 2010

Trên địa bàn huyện có 21/21 xã đã Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010;

⁸Năm 2014 có 01 xã Phùng Xá (*Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 02/02/2015*); Năm 2015 có 04 xã Hương Sơn (*Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 20/10/2015*), xã Đốc Tín, Đại Hưng, Hợp Thanh (*Quyết định số 7470/QĐ-UBND ngày 31/12/2015*); Năm 2016 có 03 xã Phù Lưu Tế, Hồng Sơn, Phúc Lâm (*Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 14/01/2017*); Năm 2017 có 01 xã Hợp Tiến (*Quyết định số 1780/QĐ-UBND ngày 12/4/2018*); Năm 2018 có 02 xã An Mỹ, Xuy Xá (*Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 14/5/2019*); Năm 2019 có 03 xã Hùng Tiến, Mỹ Thành, Thượng Lâm (*Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 30/01/2020*); Năm 2020 có 02 xã Vạn Kim (*Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 05/2/2021*), Tuy Lai (*Quyết định số Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 03/4/2021*); Năm 2021 có 05 xã Lê Thanh, Bọt Xuyên (*Quyết định số 5136/QĐ-UBND ngày 07/12/2021*), Xã Đồng Tâm, An Tiến, An Phú (*Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 07/2/2022*).

21/21 xã chưa có Đồ án quy hoạch xã NTM; chưa có Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường; Quy hoạch phát triển nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; Quy hoạch phát triển các khu dân cư. Vì vậy, UBND huyện, xã quản lý quy hoạch chủ yếu dựa trên⁹Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Mỹ Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (2010); Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (2007) và Kế hoạch sử dụng đất từng năm, 5 năm của Huyện đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt

2.1.2 Kết quả thực hiện

- Giai đoạn 2011-2015

+ UBND huyện đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng NTM đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2011-2015 cho 21/21 xã trên địa bàn theo quy định¹⁰.

+ Có 21/21 xã (đạt tỷ lệ 100%) Đồ án được phê duyệt, công bố, công khai và ban hành quy định quản lý xây dựng theo đồ án đúng thời hạn. Tổng kinh phí thực hiện 6.300 triệu đồng.

- Giai đoạn 2016-2022:

+ Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn và Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 06/10/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Chương trình 02-CTr/TU ngày 26/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân, giai đoạn 2016-2020”. Năm 2019, UBND Huyện đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đối với 21/21 xã trên địa bàn huyện đến năm 2030.

+ 21/21 xã tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.

+ Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trong đồ án quy hoạch chung xây dựng của 21/21 xã có quy hoạch khu Trung tâm xã trong đó lồng ghép khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

+ Tổng kinh phí thực hiện: 19.800 triệu đồng.

+ 100% xã đã ban hành quy định quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

2.1.3 Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 01 về Quy hoạch theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành

⁹Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Mỹ Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (2010); Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (2007) và Kế hoạch sử dụng đất từng năm, 5 năm của Huyện đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

¹⁰Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011 của liên Bộ: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã NTM.

Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

(có Phụ lục 1 kèm theo)

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu

2.2.1. Về Giao thông

a) Thực trạng năm 2010

Trên địa bàn huyện (21 xã, 1 thị trấn) có 107,23/108,19 km đường trục xã, liên xã được cứng hóa, chiếm 99,12%; có 394,7/411,0km đường trục thôn, liên thôn được cứng hóa, chiếm 96,03%; có 394,7/411,0km đường ngõ xóm được cứng hóa, chiếm 96,03%; có 218,34/394,25 km đường trục chính nội đồng, đã cứng hóa, chiếm 65,52/111,7%.

b) Kết quả thực hiện

- Giai đoạn 2010-2022, huyện Mỹ Đức đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động các nguồn lực cải tạo, nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, hoàn thành các chỉ tiêu phấn đấu huyện nông thôn mới. Hằng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch phát triển giao thông trên địa bàn, theo đó đã thực hiện áp dụng cơ chế đặc thù trong đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn từ năm 2015 đến nay. Việc áp dụng cơ chế đặc thù đã góp phần giảm áp lực về kinh phí xây dựng NTM cho các xã trên địa bàn, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao chất lượng, sự đoàn kết, phấn khởi, hưởng ứng của người dân, tăng vai trò, trách nhiệm cũng như quyền lợi của Nhân dân trong xây dựng công trình được thụ hưởng.

- Công tác duy tu, duy trì: Các tuyến đường huyện lộ trên địa bàn đều được duy tu, duy trì thường xuyên. Tổng kinh phí duy tu, sửa chữa từ năm 2018 đến nay đạt: 53,45 tỷ đồng.

- Kết quả từ năm 2010 đến nay huyện đã đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp 1.233,83 km đường giao thông nông thôn (gồm 111,47 km đường trục xã, liên xã; 398,98 km đường trục thôn, liên thôn; 400,75km đường ngõ xóm và 322,63 km đường nội đồng).

+ Đường trục xã, liên xã: Có 111,47/111,47km được nhựa hóa, bê tông hóa, đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường trục thôn, liên thôn: Có 411,0/411,0 km được nhựa hóa, bê tông hóa, đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

+ Đường ngõ xóm: Có 411,0/411,0 km được nhựa hóa, bê tông hóa, đạt 100%, các tuyến ngõ xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm

+ Đường trục chính nội đồng: Có 390,94/350,94 km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, đạt 100%, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định

số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

(có Phụ lục 2 kèm theo)

2.2.2. Về Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Thực trạng năm 2010

* Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện bao gồm:

- Hệ thống trạm bơm: Trên địa bàn huyện có tổng số 113 trạm bơm với tổng công suất 624.630m³/h. Trong đó trạm bơm do các HTX nông nghiệp quản lý là 57 trạm, gồm 36 trạm bơm tưới, 12 trạm bơm tiêu, 9 trạm bơm tưới tiêu kết hợp. Ngoài ra trên địa bàn các xã còn có các trạm bơm đã chiến đảm bảo sản xuất và tiêu chống úng trong mùa mưa bão. Những năm gần đây, hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện do Thành phố quản lý được Thành phố và huyện quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp (*Trạm bơm tiêu Hoà Lạc, trạm bơm tưới tiêu Hội Xá, trạm bơm tưới tiêu Phú Yên; trạm bơm tiêu Cầu Đổ - Chân Chim*). Tuy nhiên, một số công trình trạm bơm xây dựng từ lâu quy mô và máy móc, thiết bị đã lạc hậu. Những trạm bơm do huyện quản lý (đã giao cho các HTX nông nghiệp quản lý) từ khi bàn giao về Thành phố quản lý chưa được đầu tư cải tạo, nâng cấp. Các HTX nông nghiệp đã thường xuyên thực hiện duy tu, sửa chữa nhỏ để phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai.

- Hệ thống kênh do thành phố Hà Nội quản lý bao gồm: 184 tuyến kênh với tổng chiều dài 232,794 km (*70,6km kênh tưới, 102,87 km kênh tiêu và 59,27km kênh tưới tiêu kết hợp*). Đã kiên cố hoá 60,78 km bằng 26,11 %, còn lại là kênh đất. Hệ thống kênh mương do các hợp tác xã nông nghiệp quản lý bao gồm 2.065 tuyến kênh với tổng chiều dài 1.289,91 km (*452,50 km kênh tưới, 283,20 km kênh tiêu, 554,21 km kênh tưới tiêu kết hợp*). Đã kiên cố hoá 204,37 km bằng 15,84 % còn lại là kênh đất.

- Công trình trên kênh: Hệ thống cống trên kênh trong khu vực là 2.455 chiếc, trong đó Thành phố quản lý 1.853 chiếc, các hợp tác xã nông nghiệp quản lý 602 chiếc. Nhiều công trình đã được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp cống Lễ, cống Bạch Tuyết, Cống Cầu Dặm, đập điều tiết Ván Dương, cống Vạn Thắng, cống Quán Sâu...). Tuy nhiên, còn nhiều công trình đã xuống cấp.

- Hồ, đập: Trên địa bàn huyện có 4 hồ và 17 đập (Thành phố quản lý 01 hồ và 05 đập; huyện quản lý 03 hồ, 12 đập).

b) Kết quả thực hiện

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Mỹ Đức hiện có: 94 trạm bơm cố định, 19 trạm bơm đã chiến (*Trong đó, Thành phố quản lý 37 trạm bơm cố định, 19 trạm bơm đã chiến, các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý 57 trạm bơm cố định, 02 trạm bơm đã chiến*); có 2.249 tuyến kênh tưới, tiêu với tổng chiều dài 1.522,7 km đảm bảo phục vụ tưới tiêu trên địa bàn. (*Trong đó, Thành phố quản lý 32,79 km kênh chính cấp II, các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý 1.289,91 km kênh cấp III và các tuyến kênh nhánh nội đồng*).

- Được sự quan tâm của Thành phố và sự chủ động của các địa phương, trong những năm qua nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đã được đầu tư kinh phí tu bổ, cải tạo, nâng cấp. Kết quả đến nay toàn bộ 21/21 xã của huyện đạt tiêu chí đề ra. Diện tích đất nông nghiệp được tưới chủ động trên địa bàn huyện 19.297,07/19.297,07 ha, đạt 100%; diện tích đất nông nghiệp và diện tích đất phi nông nghiệp được tiêu chủ động trên địa bàn huyện 35.736,64/35.736,64 ha đạt 100%. Những năm gần đây (đặc biệt là năm 2017, 2018, 2022), trên địa bàn huyện chịu ảnh hưởng của mưa, bão lớn, tuy nhiên, không xảy ra tình trạng ngập úng, hạn hán trên địa bàn. Nhìn chung, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo đáp ứng được yêu cầu tưới, tiêu phục vụ sản xuất và công tác phòng, chống thiên tai.

- Về nhiệm vụ phòng, chống thiên tai (PCTT) và tìm kiếm cứu nạn (TKCN) hàng năm: Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mỹ Đức đã thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai; có Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn; Phương án ứng phó với bão siêu mạnh, siêu bão theo phương châm “bốn tại chỗ” được phê duyệt theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai

+ Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều đã thành lập Ban chỉ huy PCTT và TKCN, thường xuyên củng cố và duy trì hoạt động của các đội xung kích phòng chống thiên tai nòng cốt là đội dân quân tự vệ; được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ thường xuyên đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

+ Các công trình đê điều, thủy lợi được phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đảm bảo an toàn các công trình đê điều, thủy lợi, phục vụ tốt công tác sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của Nhân dân; việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các công trình có quy mô lớn, UBND huyện báo cáo, đề xuất UBND thành phố Hà Nội bố trí kinh phí trong nguồn vốn sự nghiệp kinh tế hoặc đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn để đầu tư. Đối với các công trình kênh mương nội đồng chủ yếu được tu bổ, nạo vét bằng chi phí dịch vụ thủy lợi nội đồng và nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi của huyện.

+ Người dân trên địa bàn huyện được tuyên truyền phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai qua hệ thống đài phát thanh huyện, xã. Các xã, thị trấn đều xây dựng Kế hoạch phòng chống thiên tai và được phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai.

+ Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã đã tham mưu UBND xã, thị trấn ban hành các văn bản chỉ đạo ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xảy ra trên địa bàn chi tiết, cụ thể phù hợp với quy định, đặc điểm tình hình của địa phương. Đồng thời chuẩn bị phương án sẵn sàng huy động vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

(Có Phụ lục số 3.1 và 3.2, 3.3 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng

chống thiên tai theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.3. Về Điện

a) Thực trạng năm 2010

Có 21/21 xã, chiếm 100% số xã sử dụng điện lưới. Đa số các hộ được sử dụng điện tại các xã thường xuyên, an toàn. Nhưng hệ thống điện chiếu sáng công cộng ở các xã còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu dân sinh.

b) Kết quả thực hiện

Trên địa bàn có 05 đơn vị kinh doanh bán điện ngoài EVN: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Trường Thi, xã Hợp Thanh; HTX nông nghiệp xã Hương Sơn, xã Hương Sơn; HTX nông nghiệp xã An Mỹ, xã An Mỹ; HTX nông nghiệp xã Mỹ Thành, xã Mỹ Thành và Công ty TNHH Chí Công, xã Hương Sơn.

c) Đánh giá: Tình hình cung ứng điện của Công ty Điện lực Mỹ Đức và 05 tổ chức kinh doanh điện trên địa bàn an toàn, ổn định, phục vụ sản xuất kinh doanh, sinh hoạt của Nhân dân và không phát sinh kiến nghị nào liên quan đến chất lượng điện năng, giá điện...

2.2.3.1 Hệ thống điện đạt chuẩn

- Nguồn cấp điện cho khu vực: Hiện tại trên địa bàn huyện Mỹ Đức được cấp nguồn từ 01 TBA 110kV E10.2 Vân Đình công suất (2x63+1x40)MVA thông qua tổng số 05 tuyến đường dây trung áp (04 đường dây 35kV, 01 đường dây 22kV).

- Lưới điện phân phối:

+ Tổng số trạm biến áp phân phối trung áp là 416 TBA/424 MBA/161.980 kVA. Trong đó trạm phân phối tài sản khách hàng là 101 trạm/55.730 KVA, trạm phân phối tài sản điện lực là 315 trạm/106.250 kVA.

+ Đường dây trung áp 280,27 km, trong đó: Đường dây nổi trên không: 262,23km (93,6%); Cáp ngầm: 18,04 km (6,4%). Lưới 35kV có chiều dài 246,45 km chiếm tỷ lệ 87,9%; lưới 22kV là 33,81 km chiếm tỷ lệ 12,1%.

+ Đường dây hạ áp 0,4kV có tổng chiều dài 0,4 kV là 819,286 km (trong đó đường dây trên không là 818,635 km chiếm 99,97%, cáp ngầm là 0,651 km chiếm 0,1%).

+ Công tơ: tổng số 55.795 chiếc (công tơ 1 pha: 51.326 chiếc; công tơ 3 pha: 4.469 chiếc); Hiện nay 100% công tơ là công tơ điện tử đo xa, 100% khách hàng thực hiện thanh toán tiền điện qua ngân hàng/TCTG.

- Tổng điện thương phẩm năm 2022 là 220,73 triệu kWh, tăng trưởng 5,06% so với năm 2020 (tổng thương phẩm năm 2020 đạt: 210,095 triệu kWh); Pmax = 65,79MW; tỷ lệ tổn thất điện năng 4,90%; giá bán điện bình quân 1.810,89

đồng/kWh.

+ Thực hiện năm 2022 đạt 199,32 triệu kWh, tăng trưởng 6,33% (tương ứng tăng thêm 11,87 triệu kWh) so với cùng kỳ năm 2021.

- Thời gian mất điện trung bình của một khách hàng: SAIDI = 132,9035 phút (giảm 34.5758 phút so với cùng kỳ năm 2021).

- Điện áp cuối nguồn giờ cao điểm: 215 V.

2.2.3.2 Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn

- Công tác an toàn điện: Tổ chức tuyên truyền trên địa bàn các xã về công tác Công tác an toàn điện: Tổ chức tuyên truyền trên địa bàn các xã về công tác đảm bảo an toàn điện và đảm bảo an toàn cho các công trình lưới điện trên địa bàn. Kịp thời chỉnh trang, củng cố các TBA không đảm bảo an toàn, chặt tía cây nằm trong hành lang lưới điện. Trên địa bàn huyện Mỹ Đức hiện nay không tồn tại và không để phát sinh trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

- Công ty Điện lực Mỹ Đức đã kết hợp với Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị huyện, UBND các xã, thị trấn thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát HLBVLĐCA trên địa bàn nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hiện tượng xây dựng, coi nói nhà cửa vi phạm vào HLBVATLĐCA nhằm mục đích không để trường hợp nào phát sinh.

- Đến nay, tổng số hộ sử dụng điện tại 21 xã, 01 thị trấn là 55.795/55.795 hộ. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn, ổn định và liên tục, chất lượng điện năng bảo đảm từ nguồn lưới điện Quốc gia, đạt tỷ lệ 100%; 100% khu trung tâm xã có điện chiếu sáng, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn từ các nguồn lưới điện Quốc gia.

- Hàng năm, Công ty Điện lực Mỹ Đức xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo lưới điện trên địa bàn đảm bảo sử dụng hiệu quả các công trình điện đã được đầu tư.

(Có Phụ lục số 04 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 04 về Điện theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.4. Về Trường học

a) Thực trạng năm 2010

Năm 2010 trên địa bàn huyện có 13/76 trường học 3 cấp (THCS, Tiểu học, Mầm non) đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 17,1%, trong đó có 0/24 trường mầm non (tỷ lệ 0%); 09/29 trường Tiểu học (tỷ lệ 31,0%) và 04/23 trường Trung học cơ sở (tỷ lệ 17,4%).

b) Kết quả thực hiện

- Hiện nay, trên địa bàn huyện có tổng số 80 cơ sở giáo dục công lập gồm: 27 trường Mầm non; 29 trường Tiểu học và 23 trường THCS và 01 trường liên cấp Tiểu học và THCS Mỹ Đức.

- Giai đoạn 2010-2021, quy mô giáo dục tiếp tục được duy trì ổn định và phát triển; mạng lưới trường, lớp được mở rộng, cơ sở vật chất được tăng cường, cơ bản được chuẩn hóa và từng bước hiện đại. Tổng ngân sách đầu tư cho công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn huyện là: 3.053,9 tỷ đồng, trong đó ngân sách thành phố 2.784,5 tỷ đồng, ngân sách huyện 268,4 tỷ đồng.

- Hệ thống trường học trên địa bàn huyện ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, mạng lưới, quy mô trường lớp đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn huyện, chất lượng giáo dục đào tạo được nâng cao. Đến hết năm 2022, trên địa bàn huyện có 62/80 trường đạt chuẩn quốc gia bằng 77,5% (tăng 49 trường so với năm 2010); cấp học Mầm non có 25/27 trường, chiếm 92,59% đạt chuẩn quốc gia; cấp học Tiểu học có 24/29 trường, chiếm 82,8% đạt chuẩn quốc gia; cấp học THCS có 15/24 trường, chiếm 62,5% đạt chuẩn quốc gia.

- Tổng số học sinh: 41.689 học sinh (*mầm non 10.931, tiểu học 18.508, THCS 12.250*); tổng số diện tích đất xây dựng trường học 583.410m² (*mầm non 169.060m², tiểu học 208.741m², trung học cơ sở 205.609m²*); diện tích trung bình 14m²/học sinh. Trang thiết bị, đồ dùng học tập được đầu tư, mua sắm bổ sung, phòng học bộ môn được xây mới với đầy đủ trang thiết bị phục vụ tốt việc thực hành của học sinh; môi trường, khung cảnh sư phạm chỉnh trang ở các cấp học đảm bảo “Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp”; mạng lưới trường học đã được kiên cố hóa 100% phòng học; một số nhà trường trước đây còn thiếu phòng học đến nay đã được xây dựng đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà trường bố trí phòng lớp học phụ đạo học sinh yếu, kém và bồi dưỡng học sinh giỏi, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, mũi nhọn cho học sinh các cấp học trên địa bàn huyện.

c) Đánh giá: 21/21 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 05 về Trường học theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Thực trạng năm 2010

Huyện có 21/21 xã chưa có trung tâm văn hóa thể thao; 88/109 thôn đã có nhà văn hóa, đạt 80,7%. Tuy nhiên, các nhà văn hóa này đã được xây dựng từ lâu, diện tích xây dựng nhỏ, hoặc cải tạo lại từ các trường học, hợp tác xã cũ... nên đã xuống cấp, không đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra.

b) Kết quả thực hiện

2.3.1.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã; Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể

thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Đến nay Nhà văn hóa trung tâm các xã chưa được xây dựng nhưng đã được quy hoạch vị trí đất phù hợp với diện tích quy hoạch trên 2.500m², 21 xã có sân bóng đá; các xã, thị trấn đều có sân cầu lông. 21/21 xã đã có hội trường đa năng đáp ứng việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và sinh hoạt cộng đồng của xã.

- UBND huyện đã có văn bản đề xuất UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí để triển khai xây dựng 21/21 trung tâm văn hóa thể thao xã với kinh phí mỗi trung tâm văn hóa xã là 20 tỷ đồng trong thời gian tới.

2.2.5.1. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Trên địa bàn huyện đã có 22 điểm vui chơi, giải trí có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao; các xã đang sử dụng hiệu các nhà văn hóa thôn, điểm sinh hoạt cộng đồng, các điểm vui chơi giải trí có trên địa bàn xã; các thiết chế văn hóa, thể thao có sở vật chất, trang thiết bị phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi của người cao tuổi và trẻ em; hàng năm, có kế hoạch dành thời gian để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em; các thiết thể thao, vui chơi như: Xà đơn, Xà kép, Bóng chuyền hơi, thiết bị tập lưng eo, xích đu, cầu trượt, bập bênh, thú nhún...

- Huyện đã phối hợp với các đơn vị, UBND các xã đã triển khai lắp đặt các trang thiết bị thể dục thể thao ngoài trời đơn giản, một số thiết bị tạo điểm vui chơi cho trẻ em tại 11 điểm thôn. Các sân chơi được lắp đặt các dụng cụ luyện tập đơn giản phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em. Bên cạnh đó cùng với nguồn ngân sách huyện, ngân sách xã và xã hội hóa đã triển khai lắp đặt một số dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời phục vụ mọi lứa tuổi. UBND huyện đã có văn bản đề xuất UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí để lắp đặt dụng cụ vui chơi giải trí tại 122 điểm.

- Các điểm vui chơi đều được đảm bảo an toàn về công tác phòng, chống đuối nước. Đối với những nơi gần ao, hồ có cảnh báo khu vực nước sâu. Hàng năm Trung tâm Văn hóa - Thông tin, Thể thao huyện đã tổ chức các lớp tập huấn về phòng, chống đuối nước cho đội ngũ Đoàn thanh niên. Từ đó tuyên truyền và hướng dẫn cho các em thiếu nhi trên địa bàn các xã, thôn.

2.2.5.2. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng

- Trên địa bàn huyện Mỹ Đức có 122/122 thôn đã có nhà văn hóa đạt 100%; trong những năm qua UBND huyện đã quan tâm đầu tư xây mới, cải tạo nâng cấp cho các nhà văn hóa thôn phục vụ Nhân dân trên địa bàn huyện. Tính từ năm 2015 đến nay huyện đã đầu xây dựng mới, xây dựng lại 38 nhà văn hóa, khu thể thao thôn; cải tạo nâng cấp 36 nhà văn hóa với kinh phí trên 162 tỷ đồng. Các xã, thị trấn, các thôn, tổ dân phố cũng đầu tư kinh phí sửa chữa, mua trang thiết bị cho các nhà văn hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động nhà văn hóa, khu thể thao thôn. Huyện và các xã đã kêu gọi một số quận, doanh nghiệp và Nhân dân với kinh phí

trên 22 tỷ đồng xây dựng 2 nhà văn hóa, 1 nhà thể thao thôn. UBND huyện đã có văn bản đề xuất UBND thành phố xây mới, cải tạo 43 nhà văn hoá thôn.

- Thực hiện Kế hoạch số 1335/KH-UBND ngày 21/7/2021 của UBND huyện về việc thực hiện Chương trình số 08 của Huyện ủy về đẩy mạnh phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng các cơ sở văn hóa, xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, môi trường xã hội lành mạnh, tiến bộ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 1462/KH-UBND ngày 12/8/2021 về triển khai thực hiện Chương trình 06-Ctr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội và Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 30/7/2021 của UBND Thành phố thực hiện Chương trình 06-Ctr/TU của Thành ủy về “Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thủ đô, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh giai đoạn 2021-2025. Công tác khai thác phát huy hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao thôn được huyện quan tâm triển khai đã mang lại hiệu quả thiết thực. 100% nhà văn hóa thôn có Ban chủ nhiệm do đồng chí Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là Trưởng ban, thành viên là các ông, bà đại diện các đoàn thể.

(Có Phụ lục số 06 gửi kèm)

c) Đánh giá: 21/21 xã cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 06 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Thực trạng năm 2010

Hạ tầng thương mại nông thôn: Có 25 chợ, tuy nhiên, hạ tầng cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu, cần đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo sửa chữa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Hiện nay, trên địa bàn huyện có 10 chợ được Thành phố phân hạng 3 tăng 01 chợ so với năm 2010 do xây mới 01 chợ (Chợ Hồng Sơn). Hàng năm huyện thực hiện nghiêm các quy định quản lý Nhà nước về chợ; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch quản lý khai thác, xây dựng, cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi mô hình quản lý chợ nhằm mục đích đảm bảo văn minh thương mại, ATTP, phòng chống cháy nổ, ANTT. Giai đoạn 2010-2020, huyện và xã phố hợp đã bố trí ngân sách và kêu gọi xã hội hóa để cải tạo, nâng cấp 01 chợ Hương Sơn (khu thực phẩm Lipsap) và xây dựng mới 01 chợ Hồng Sơn, 10/10 chợ đã có nội quy, phương án sắp xếp ngành hàng, phương án giá sử dụng diện tích bán hàng theo quy định. Các chợ được trang bị, lắp đặt biển, tên chợ, nội quy chợ, thiết bị PCCC; đảm bảo VSMT, ANTT.

- Ngoài ra trên địa bàn huyện 05 cửa hàng tiện ích WinMart và khoảng 200 cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định để bảo quản hàng hóa và đáp ứng nhu cầu mua sắm của khách hàng; đã tạo điều kiện cho thương mại phát triển tại các khu vực trung tâm góp phần tạo việc làm, nâng cao

thu nhập cho người dân.

(Có Phụ lục số 07 gửi kèm)

c) Đánh giá: 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.7. Về Thông tin và truyền thông

a) Thực trạng năm 2010

Huyện có 21/21 xã có điểm Bưu điện văn hóa xã và 7/21 xã có dịch vụ viễn thông, Internet; 21/21 xã có đài truyền thanh về cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân cũng như yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương cần tiếp tục đầu tư, cải tạo 100% các điểm bưu điện, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông. Đầu tư xây 21 đài truyền thanh và hệ thống loa xã.

b) Kết quả thực hiện

2.2.7.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

- Về cơ sở vật chất: 21/21 xã đã có điểm phục vụ bưu chính tại khu vực trung tâm xã đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và dịch vụ theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 1127/QĐ- BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ thông tin và Truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: quy mô diện tích phù hợp đảm bảo thực hiện các hoạt động của điểm bưu điện, treo biển tên điểm bưu điện, niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung cấp tại bưu điện xã, thời gian mở cửa phục vụ hàng ngày từ 7h30' đến 12h và từ 13h đến 19h.

- Về dịch vụ: 21/21 điểm bưu điện xã đã đảm bảo cung cấp Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg và Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 05 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone, FPT, HT Mobile) đang đầu tư, kinh doanh các dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình. Đảm bảo cơ sở vật chất, cung cấp các dịch vụ bưu chính trên toàn địa bàn như: Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, dịch vụ gói, kiện hàng hóa....

2.2.7.2. Dịch vụ viễn thông, internet

Huyện có hạ tầng viễn thông, hệ thống trạm BTS khá phát triển nên các dịch vụ phát triển internet ngày càng được phủ sóng rộng rãi. Các nhà mạng phát triển hạ tầng viễn thông, internet phân bố đều trên địa bàn 21 xã theo quy hoạch Thành phố. Đến nay 122/122 thôn, thuộc 21 xã đều đáp ứng nhu cầu sử dụng các loại dịch vụ điện thoại di động và dịch vụ truy cập internet băng thông rộng cố định (cáp quang, FTTH, ADSL) cũng như mạng viễn thông di động mặt đất (3G,

4G). Hệ thống dịch vụ viễn thông trên địa bàn 22 xã đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, truy cập internet. Các đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn các xã chủ yếu là: Viettel, FPT, VNPT.

2.2.7.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn

Hệ thống truyền thanh: 22/22 xã, thị trấn được đầu tư đồng bộ hệ thống truyền thanh, hệ thống loa đến tất cả các thôn (trong đó: 19 đài có dây, 2 đài không dây; 01 đài hỗn hợp có dây và không dây) đảm bảo công tác thông tin tuyên truyền thông suốt, kịp thời trên địa bàn Huyện. Giai đoạn 2021-2025, huyện đã thiết lập mới và nâng cấp hệ thống truyền thanh, loa, với tổng kinh phí 5.404 triệu đồng. Tuy nhiên, hiện trên địa bàn huyện chưa có đài ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông. UBND huyện đã có văn bản đề xuất UBND Thành phố hỗ trợ kinh phí để xây 21 đài truyền thanh và hệ thống loa của xã.

- 100% các xã đã phân công nhiệm vụ 01 đồng chí phụ trách đài truyền thanh xã. Các xã cũng đã ban hành quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã theo hướng dẫn của Bộ thông tin và truyền thông.

2.2.7.4. Xã có Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành

- Tỷ lệ cán bộ, công chức được trang bị máy vi tính của các xã đều đạt 100%.

- 21/21 xã đã thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của UBND huyện về việc sử dụng 04 phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý, điều hành, triển khai công việc: Phần mềm quản lý văn bản, hệ thống thư công vụ @hanoi.gov.vn, Hệ thống một cửa điện tử, trang thông tin điện tử của xã.

- Hệ thống Một cửa điện tử: năm 2009, huyện đã triển khai sử dụng phần mềm Một cửa điện tử và đào tạo kỹ năng cho cán bộ một cửa huyện và các xã trên địa bàn. Quá trình triển khai thông suốt, đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính theo yêu cầu. Năm 2018, Thành phố chuyển đổi sang sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp. Huyện đã tích cực phối hợp tiếp nhận, tổ chức đào tạo và triển khai sử dụng phần mềm theo đúng tiến độ và chỉ đạo của Thành phố.

- 21/21 xã ứng dụng hệ thống Một cửa điện tử và thực hiện có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; các xã, thị trấn đã triển khai tiếp nhận và giải quyết DVC TT mức độ 3, 4.

(Có Phụ lục số 08 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 08 về Thông tin và Truyền thông theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.2.8. Về Nhà ở dân cư

a) Thực trạng năm 2010

- Năm 2010 trên địa bàn huyện Mỹ Đức có 36.759 hộ, trong đó có 36.759 hộ có nhà ở dân cư đạt chuẩn Bộ xây dựng 100%.

- Nhà ở dân cư là tiêu chí quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của người dân. Việc vận động người dân tích cực chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ngành nghề, đào tạo nghề, hỗ trợ công cụ sản xuất... đã góp phần nâng cao đời sống, thu nhập của người dân. Bên cạnh đó Ủy ban MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, UBND huyện đã thực hiện tốt các chính sách nhà ở cho người có công, đồng thời huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà Đại đoàn kết, mái ấm tình thương, nhà tình nghĩa..., hỗ trợ các hội viên có hoàn cảnh khó khăn, sửa chữa, xây mới nhà cho các hộ nghèo xóa nhà dột nát,... Từ năm 2010 đến nay, UBND huyện, MTTQ và các đoàn thể huyện đã hỗ trợ xây, sửa chữa nhà ở cho 1.350 hộ nghèo với tổng kinh phí 67,5 tỷ đồng.

- Trên địa bàn 22/22 xã, thị trấn không còn nhà tạm, nhà dột nát.

b) Kết quả thực hiện

Đến hết năm 2022 có 57.481/57.481 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt tỷ lệ 100%.

c) Đánh giá: 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo.

2.3.1. Về nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản

Tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2022 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 2.899,8 tỷ đồng, tăng 2.432 tỷ đồng so năm 2010 (giá cố định 1994). Trong đó: Nông nghiệp 2.327,20 tỷ đồng (*cơ cấu trồng trọt chiếm 41,34%, giảm 20,56% so năm 2010*). Giá trị sản xuất nông nghiệp/1 ha canh tác đạt 173 triệu đồng, tăng 110 triệu đồng/ha/năm so năm 2010. Cụ thể:

2.3.1.1. Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cả năm đạt: 16.881,67 ha, bằng 100,77% so cùng kỳ, giảm 5462,32 ha so với năm 2010 (*giảm chủ yếu là cây trồng vụ đông*). Tổng sản lượng lương thực đạt 101.611,49 tấn, bằng 100,03% so với cùng kỳ, tăng 7.089,49 tấn so với năm 2010. Năng suất lúa bình quân đạt 66,99 tạ/ha, tăng 6,69 tạ/ha so với năm 2010. Trong đó:

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng là 14.640,15 ha, giảm 441,85 ha so với năm 2010; năng suất bình quân đạt 65 tạ/ha, tăng 4,70 tạ so với năm 2010; sản lượng đạt 95.161 tấn, tăng 4.258 tấn so năm 2010. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống lúa lai, lúa chất lượng cao, lúa thuần mới diện tích 9.306,32 ha, chiếm 64% diện tích, tăng 46,82% so năm 2010. Đã quy hoạch vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng ở 10 xã ven Đáy,...

- Cây màu: Tổng diện tích gieo trồng 2.898,7 ha, giảm 4.313,45 ha so năm 2010. Trong đó diện tích chủ yếu là rau màu các loại. Thực hiện ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật và đưa các giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng vụ đông như: Đã đưa những giống cây màu mới có năng suất, giá trị kinh tế cao phù hợp với từng thời vụ, để từng bước thay thế các giống cây màu cũ như: Đậu tương ĐT 84 cấp 1, ĐT 26, Bí xanh lai F1, ngô lai HN88, Khoai tây Đức, Khoai Lang Hoàng Long trồng vụ đông/đất 2 lúa ở các xã: An Mỹ, Phúc Lâm, Bột Xuyên, Mỹ Thành, Lê Thanh; trồng cây dược liệu ở các xã: Tuy Lai, Mỹ Thành, An Mỹ, Đại Hưng...

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt (giá so sánh năm 2010) đạt 962,17 tỷ đồng, tăng 705,17 tỷ đồng so năm 2010.

- Lâm nghiệp: Tổng diện tích rừng của huyện 4.950,57ha ha, giảm 641,35 ha so với năm 2010 (*bàn giao tỉnh Hoà Bình và Đất Quốc phòng quản lý*). Trong đó, trong đó rừng đặc dụng 3.493,48 ha, rừng sản xuất 1.457,09 ha. UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo, thực tốt công tác quản lý, phát triển, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng trên diện tích rừng; hằng năm tổ chức, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, cán bộ quản lý các cấp và các chủ rừng, cộng đồng dân cư trên địa bàn. Giá trị sản xuất đạt 3,0 tỷ đồng, tăng 2,5 tỷ đồng so với năm 2010.

2.3.1.2. Về chăn nuôi - nuôi trồng thủy sản:

- Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi - Thủy sản năm 2022 (giá so sánh năm 2010) đạt 1.546,3 tỷ đồng, tăng 1.346,3 tỷ đồng so với năm 2010; tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 48% giá trị ngành nông nghiệp, tăng 9,9% so với năm 2010.

- Cơ cấu ngành chăn nuôi: Tổng đàn Trâu, Bò 4.406 con, giảm 2.154 con so với năm 2010; đàn Lợn 80.304 con, giảm 8.452 con so với năm 2010 (*phần lớn giảm do ảnh hưởng bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, do giá thành*); đàn Dê 3.649 con, giảm 822 con so với năm 2010; đàn chó, mèo 10.509 con, bằng 93,05% so cùng kỳ; đàn gia cầm 1.371.177 con, tăng 602.130 con so với năm 2010. Có 35 ha trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm có sản lượng khoảng 4.500 tấn/năm.

- Cơ cấu lĩnh vực thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 2.411,98 ha (*trong đó diện tích hồ Quan Sơn 782ha*), tăng 11,98 ha so với năm 2010. Có các vùng sản xuất thủy sản chuyên canh tập trung 750 ha (Hợp Thành (110 ha); Hùng Tiến, An Tiến, An Phú (430 ha); Tuy Lai (120 ha); Lê Thanh, Hồng Sơn, TT.Đại Nghĩa (90 ha), trong đó, năm 2020 có 01 cơ sở nuôi trồng thủy sản của Ông Chu Đức Trí (địa chỉ: Xã Hợp Thành, huyện Mỹ Đức) được chứng nhận VietGAP thủy sản quy mô 59.100 con/năm (cá các loại), sản lượng 111 tấn/năm,...

- Về phát triển kinh tế trang trại năm 2022: Huyện có 78 trang trại (*đạt theo tiêu chí Thông tư 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/02/2020 của Bộ NN và PTNT*). Trong đó có 36 trang trại chăn nuôi; 35 trang trại thủy sản; 7 trang trại tổng hợp. Tổng vốn đầu tư sản xuất kinh doanh 321.850,0 triệu đồng, bình quân đạt 4.126 triệu đồng/trang trại; tổng giá trị sản xuất kê khai của trang trại 210.668,0 triệu

đồng, bình quân đạt 2.700 triệu đồng/trang trại; tổng lợi nhuận thu được của trang trại 35.207,0 triệu đồng, bình quân đạt 451,37 triệu đồng/trang trại; giải quyết việc làm cho 599 lao động (*trong đó 274 lao động thường xuyên, 325 lao động thời vụ*); thu nhập bình quân lao động 65 triệu đồng/người/năm. Các trang trại đã phát huy được tiềm năng, thế mạnh của địa phương, góp phần nâng cao giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích canh tác, giải quyết việc làm và thu nhập cho người nông dân.

Huyện đã, đang và tiếp tục tăng cường chỉ đạo công tác phát triển đàn gia súc, gia cầm, thủy sản theo hướng an toàn; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra công tác giám sát dịch bệnh, phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản; tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh tiêu độc, vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ,... trên địa bàn, không để dịch bệnh xảy ra trên đàn gia súc, gia cầm. Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi, đưa giống có năng suất chất lượng cao và một số vật nuôi mới vào sản xuất như Các giống vật nuôi như bò Laisind, bò BBB, lợn hướng nạc (theo hướng chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm), giống gia cầm chuyên thịt, chuyên trứng, phát triển đàn gà đồi, gà thả vườn, dê, thủy sản,... Tăng cường công tác quản lý giết mổ gia súc, gia cầm ở các chợ, nhất là các khu trung tâm: thị trấn Đại Nghĩa, Hương Sơn, Hợp Thanh, An Mỹ, Phúc Lâm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

2.3.2. Về Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tổng giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng đạt 3.924,3 tỷ đồng, tăng 3.174,5 tỷ đồng so với năm 2010, có giá trị sản xuất tăng bình quân đạt 9,12%/năm. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện chủ yếu là phát triển tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào 06 làng nghề (*Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn, xã Đông Tâm; Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ, xã An Tiến; Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê, xã Tuy Lai; làng nghề thêu thôn Nội, xã Thượng Lâm; Làng nghề thêu thôn Trì, xã Thượng Lâm; Làng nghề Dệt Phùng Xá, xã Phùng Xá*) và một số nghề phụ nông thôn như: cơ khí, sửa chữa ô tô, xe máy, gia công đồ gỗ... Các mặt hàng của của tiểu thủ công nghiệp cũng có sự phát triển để phù hợp với xã hội như: Năm 2010 các mặt hàng chủ yếu là sản xuất mây, tre đan và nghệ dệt len, sợi thì đến năm 2022 các mặt hàng sản phẩm đã phong phú hơn với các mặt hàng may công nghiệp, chế biến lương thực, thực phẩm và sản xuất vật liệu xây dựng, dệt vải xuất khẩu. Công tác đào tạo, nhân cấy nghề thường xuyên được quan tâm và triển khai đào tạo, nhân cấy các loại nghề mới phù hợp với sự phát triển của địa phương. Triển khai phát triển các làng nghề, đăng ký công nhận nhãn hiệu tập thể làng nghề Dệt Phùng Xá,...; Huyện đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập 02 Cụm Công nghiệp (Phùng Xá quy mô 9,8 ha; Đại Nghĩa quy mô 30 ha).

2.3.3 Thương mại, dịch vụ

Tổng giá trị sản xuất ngành Thương mại, dịch vụ năm 2022 đạt 4.939,5 tỷ đồng, đạt 99,7% kế hoạch, bằng 111,2% so cùng kỳ tăng 4.236,5 tỷ đồng, giá trị sản xuất tăng bình quân đạt 12,5%; các ngành dịch vụ đã đẩy mạnh việc ứng dụng công

nghệ thông tin nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Môi trường kinh doanh được cải thiện, hoạt động kinh doanh diễn ra sôi động, nhất là đối với các ngày Lễ, Tết. Các mặt hàng phong phú đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng của người tiêu dùng. Các điểm bán hàng, điểm kinh doanh, chợ, siêu thị mini, các hộ kinh doanh trên địa bàn huyện đưa ra nhiều khuyến mãi, với nhiều hình thức,... thu hút tốt người tiêu dùng mua sắm hàng hóa; công tác vệ sinh ATTP được đảm bảo, giá cả tương đối ổn định. Đặc biệt huyện có khu du lịch tâm linh Chùa Hương thu hút hơn 1,4 triệu lượt khách/năm là điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển các dịch vụ, các sản phẩm của địa phương, giải quyết việc làm cho người dân trên địa bàn huyện.

2.3.4. Các kết quả chính

2.3.3.1 Về Thu nhập bình quân đầu người/năm

a) Thực trạng năm 2010

Năm 2010, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện đạt 10,3 triệu đồng/người/năm (trong đó khu vực nông thôn đạt 10,2 triệu đồng/người/năm; khu vực thị trấn đạt 11 triệu đồng/người/năm).

b) Kết quả thực hiện

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất theo giá 2010 đạt 11.763,6 tỷ đồng; số nhân khẩu đến cuối năm 2022 của huyện là 202.815 người; thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 58,0 triệu đồng/người/năm tăng 47,7 triệu so với năm 2010 (trong đó khu vực nông thôn đạt 47,8 triệu đồng/người/năm tăng 47 triệu đồng/người/năm so với năm 2010).

Cơ cấu giá trị sản xuất của ngành kinh tế trên địa bàn huyện có sự thay đổi tăng tỷ trọng ngành Công nghiệp - Xây dựng và Thương mại - Dịch vụ, du lịch, giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp.

Cơ cấu ngành/năm	Năm 2010 (%)	Năm 2015 (%)	Năm 2020 (%)	Năm 2022 (%)
Nông lâm, thủy sản	36	35,3	26,3	24,1
Công nghiệp - Xây dựng	29	29,9	33,3	34,2
Dịch vụ, du lịch	35	34,8	40,4	41,7

(Có Phụ lục số 10 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt và cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.3.3.2. Về Nghèo đa chiều

a) Thực trạng năm 2010

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn huyện là 15,0%.

b) Kết quả thực hiện

Hàng năm, UBND huyện ban hành các Quyết định và kế hoạch để chỉ đạo, triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn (từ năm 2011 đến nay đã ban hành 09 Quyết định; 17 Kế hoạch).

* **Giai đoạn 2011- 2015:** Năm 2011 thực hiện chuẩn nghèo mới toàn huyện có 6.451 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 15,0%. Trong giai đoạn 2011-2015, UBND huyện đã thực hiện đồng bộ các giải pháp để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững, tác động chung vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hàng năm UBND huyện phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn huyện từ 2,0% đến 3,0%/năm, hạn chế thấp nhất số hộ tái nghèo, đến cuối năm 2015 huyện Mỹ Đức còn 1.872 hộ nghèo tỷ lệ 3,7%. UBND huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ để đạt được kết quả trên như:

- Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi: Vốn vay ưu đãi là nguồn lực chính giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo tổ chức sản xuất, hàng năm Ngân hàng chính sách xã hội huyện luôn thực hiện đảm bảo hỗ trợ vay vốn sản xuất kinh doanh, hỗ trợ hộ cận nghèo có nhu cầu xuất khẩu lao động, vay vốn hộ nghèo cận nghèo, học sinh sinh viên con hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn vay ưu đãi. Đảm bảo 100% hộ nghèo có nhu cầu đủ điều kiện vay vốn đều được tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi, cụ thể trong 5 năm đã cho:

- + Cho vay tín dụng hộ nghèo 7.254 hộ tiền vay 162, 490 triệu đồng;
- + Cho vay tín dụng hộ cận nghèo 1.882 hộ tiền vay 44.467 triệu đồng;
- + Cho vay tín dụng học sinh sinh viên 4.046 hộ, tiền vay 26.728 triệu đồng;
- + Cho vay xuất khẩu lao động 3 hộ số tiền 38 triệu đồng;
- + Cho vay hộ nghèo làm nhà ở 456 hộ số tiền 3.648 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ Y tế cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình chính sách: Trong 5 năm, tổng số 66.247 lượt người thuộc đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân khu vực 135, hộ dân khu khó khăn được cấp BHYT, đảm bảo 100% các đối tượng thuộc chính sách đều có BHYT khám và chữa bệnh (năm 2012 cấp 17.910 thẻ; năm 2013 cấp 13999 thẻ; năm 2014 cấp 18148 thẻ; năm 2015 cấp 16190 thẻ).

- Chính sách hỗ trợ về Giáo dục: Thực hiện Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP về hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên; huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn thực hiện tốt việc miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh từ cấp mầm non đến học nghề, Cao đẳng, Đại học.

- Chính sách trợ cấp Bảo hiểm xã hội: thực hiện đầy đủ chính sách Bảo trợ xã hội cho 4.266 lượt đối tượng thuộc diện hộ nghèo với mức trợ cấp hàng tháng

thấp nhất 350.000 đồng/người/tháng, bao gồm: Người già yếu, bệnh tật không có khả năng thoát nghèo; người khuyết tật, Người nhiễm HIV thuộc diện hộ nghèo, trẻ mồ côi, người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc diện hộ nghèo...

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: 100% hộ nghèo được thực hiện hỗ trợ tiền điện hàng tháng với mức 30.000 đồng/hộ/tháng (*từ năm 2011-2014*); 46.000 đồng/hộ/tháng (*năm 2015 trở lại đây*).

- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở: Từ Kết quả vận động ủng hộ Quỹ “Ngày vì người nghèo” do UB MTTQ huyện quản lý, trong giai đoạn 2011-2015 hỗ trợ làm nhà 120 hộ nghèo với số tiền: 3.350 triệu đồng. Riêng năm 2011, trên địa bàn huyện đã hỗ trợ xây nhà cho 10 hộ với tổng số tiền hỗ trợ 250 triệu đồng; Năm 2012 hỗ trợ cho 10 nhà tổng kinh phí 250 triệu đồng; Năm 2013 hỗ trợ cho 30 nhà với tổng kinh phí 750 triệu đồng; Năm 2014 hỗ trợ 50 hộ tổng kinh phí là 1.5 tỷ đồng; Năm 2015 hỗ trợ 20 hộ với tổng kinh phí 600 triệu đồng nguồn hỗ trợ từ huyện.

- Chương trình hỗ trợ bò sinh sản, trâu, cá giống và cây giống cho 82 hộ nghèo, hộ cận nghèo xã An Phú và 72 hộ nghèo sửa chữa nhà ở

* **Giai đoạn 2016- 2020:** Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2016-2020. Đầu giai đoạn, năm 2016, toàn huyện có 4.989 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,4%; sau 05 năm thực hiện các giải pháp giảm nghèo, toàn huyện đã giảm 5.799 hộ, đến cuối năm 2020, toàn huyện còn 97 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,17%, hoàn thành vượt chỉ tiêu giảm nghèo tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mỹ Đức lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015-2020 và kế hoạch Thành phố giao, đảm bảo mục tiêu đề ra.

Có được kết quả trên là do Huyện đã triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo theo hướng tiếp cận đa chiều cùng sự quyết tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ Huyện đến cơ sở và người dân trên địa bàn, cụ thể:

- Chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đã thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo: Trong 05 năm có 225 lượt hộ nghèo được vay vốn ủy thác với số tiền 3.727 triệu đồng; 1.942 lượt hộ nghèo, 953 lượt hộ cận nghèo; 5.104 lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn ưu đãi, với tổng số tiền 297.096,54 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo: Hỗ trợ được 437 hộ với kinh phí 8.316,0 triệu đồng từ nguồn quỹ vì người nghèo và xã hội hoá (Năm 2016 hỗ trợ được 66 hộ với kinh phí 2.650 triệu đồng; năm 2017 hỗ trợ 01 hộ với kinh phí 50 triệu; năm 2018 hỗ trợ 283 hộ với kinh phí 4.470 triệu đồng, năm 2019 hỗ trợ 2 hộ với kinh phí 100 triệu đồng, năm 2020 hỗ trợ 85 hộ với kinh phí 1.046 triệu đồng).

- Chính sách hỗ trợ trong Giáo dục đào tạo: Hỗ trợ miễn giảm học phí cho học sinh nghèo được 6.939 lượt học sinh với kinh phí 2.930,8 triệu đồng, cho 3.263 lượt học sinh cận nghèo với kinh phí 1.065,91 triệu đồng, hỗ trợ chi phí học tập cho 10.253 lượt học sinh với kinh phí 8.045,5 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ đối tượng bảo trợ xã hội: Hỗ trợ tiền điện được 146.787 lượt hộ nghèo với kinh phí 7.160,82 triệu đồng, 11.442 lượt hộ bảo trợ xã hội với kinh phí 737.450 triệu đồng.

- Chính sách Nghị quyết 03/NQ-HĐND của HĐND Thành phố: Hỗ trợ được cho 810 lượt người với số tiền là 2.600 triệu đồng.

- Chính sách Nghị quyết 04/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố hà nội: Hỗ trợ được cho 872 lượt người với số tiền là 5.744,1 triệu đồng; hỗ trợ bảo hiểm y tế cho 1.474 lượt người với số tiền là 192,77 triệu đồng.

- Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ làm công tác giảm nghèo giai đoạn 2021-2025: Tổ chức được 05 lớp cho 24 lượt cán bộ huyện, xã với kinh phí là 176 triệu đồng.

* **Giai đoạn 2021-2025:** Năm 2021, Huyện Mỹ Đức có 97 hộ nghèo (chiếm 0,17% tổng số hộ dân cư). Cuối năm 2021 còn 63 hộ chiếm tỷ lệ 0,11%. Đầu năm 2022 theo chỉ tiêu nghèo giai đoạn mới số hộ nghèo đầu năm 2022 là 415 hộ, chiếm tỷ lệ 0,73%. Cuối năm 2022 số hộ nghèo 199 hộ, chiếm tỷ lệ 0,33% giảm 241 hộ vượt chỉ tiêu Thành phố giao 192%, giảm 241/125 so với kế hoạch của Thành phố.

- Chính sách hỗ trợ tiền Điện cho hộ nghèo, hộ đối tượng bảo trợ xã hội: Hỗ trợ 97 lượt hộ nghèo với tổng số tiền là 133,99 triệu đồng; 307 lượt hộ bảo trợ xã hội với tổng số tiền là 180,51 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ trong Giáo dục đào tạo: Hỗ trợ miễn giảm học phí được 498 lượt học sinh thuộc hộ nghèo với số tiền là 337,52 triệu đồng; 905 lượt học sinh thuộc hộ cận nghèo với số tiền là 407,04 triệu đồng; hỗ trợ chi phí học tập được 846 lượt học sinh với số tiền 1.142,1 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ người nghèo tiếp cận thông tin: Thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020, hiện tại trên địa bàn huyện có 4627 hộ nghèo được trang bị đầu thu kỹ thuật số và 356 hộ nghèo được lắp đặt truyền hình cáp, đạt 100%; hỗ trợ người nghèo, cận nghèo được tiếp cận các sản phẩm văn hóa thông tin có tính chất báo chí, các chương trình phát thanh từ hệ thống truyền thanh Huyện đến cơ sở.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND của Thành phố được 862 lượt đối tượng với tổng kinh phí hơn 15.700 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 03/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết 09/2021/NQ- HĐND của Thành phố: Đã thực hiện hỗ trợ được 192 lượt hộ với số tiền là 1.084,7 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết 17/2021/NQ-HĐND của Thành phố: Hỗ trợ chi phí học tập và học phí cho 1.274 lượt đối tượng là học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo với số tiền 2.650 triệu đồng; hỗ trợ học phí và hỗ

trợ chi phí học cho trẻ em mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc hộ nghèo, hộ mới thoát nghèo được 1287 lượt học sinh với số tiền 754.9 triệu đồng.

- Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm Y tế: Hỗ trợ 100% BHYT cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo, trở thành hộ có mức sống trung bình với kinh phí hơn 2 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 11 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.3.3.3. Về Lao động

a) Thực trạng năm 2010

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 29,47%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt 40,71%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Về công tác đào tạo nghề cho lao động: Trong những năm qua, huyện Mỹ Đức đã thực hiện tốt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt với mục tiêu nâng cao nhận thức về mọi mặt, tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho lao động nông thôn tiếp cận được việc làm phù hợp, nâng cao trình độ tay nghề, thu nhập cho lao động địa phương. Từ năm 2010 đến hết năm 2022, Huyện đã mở được 373 lớp, đào tạo cho 12.832 lượt lao động¹¹ với các ngành nghề lao động nông thôn như: Thêu, trồng trọt, mây giang đan, sửa chữa đồ gia dụng,...

Tỷ lệ lao động có việc làm sau học nghề: số lao động có việc làm sau khi học nghề 11.228 người/12.832 người học xong, đạt tỷ lệ 87,5%.

Đến hết năm 2022, toàn huyện có 116.565/140.287 tổng số lao động người từ đủ 15 tuổi trở lên đang có việc làm, đạt tỷ lệ 83,09% (*tăng 52,91% so với năm 2010*), số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 55.665/140.287 lao động, tỷ lệ 39,38%, tăng 16,88% so với năm 2010.

- Về công tác giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn: Thực hiện kế hoạch và chỉ tiêu được giao về hỗ trợ phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm mới cho người lao động hàng năm của Thành phố, Huyện đã xây dựng

¹¹ Năm 2010 tổ chức được 06 lớp = 200 lượt lao động; năm 2011 tổ chức được 14 lớp = 450 lượt lao động; năm 2012 tổ chức được 44 lớp = 1.481 lượt lao động; năm 2013 tổ chức được 66 lớp = 2.285 lượt lao động; năm 2014 tổ chức được 34 lớp = 1.176 lượt lao động; năm 2015 tổ chức được 28 lớp = 965 lượt lao động; năm 2016 tổ chức được 32 lớp = 1.100 lượt lao động; năm 2017 tổ chức được 29 lớp = 1.015 lượt lao động; năm 2018 tổ chức được 30 lớp = 1.050 lượt lao động; năm 2019 tổ chức được 30 lớp = 1.050 lượt lao động; năm 2020 tổ chức được 40 lớp = 1.360 lượt lao động; năm 2022 tổ chức được 02 lớp 70 lượt lao động.

kế hoạch giải quyết việc làm hàng năm nhằm triển khai đồng bộ các giải pháp tạo việc làm cho người lao động, giao chỉ tiêu giải quyết việc làm cụ thể đến từng xã, thị trấn; với sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và các doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn huyện thực hiện đào tạo nghề, tổ chức tuyên truyền, giới thiệu và tuyển dụng tạo việc làm mới cho người lao động và xuất khẩu lao động. Nhất là công tác phối hợp với Sàn Giao dịch Việc làm Vệ tinh Ứng Hòa (có trụ Sở tại ô 59 Lê Lợi, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, Hà Nội) để giới thiệu, kết nối người lao động với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế cần lao động. Giai đoạn từ năm 2010 - 2022, toàn huyện đã tạo việc làm mới cho 32.103 lượt lao động (*trong đó giai đoạn 2016-2022 tạo việc làm mới cho 20.467 lượt lao động*). Trong đó, thông qua nguồn vốn vay tại Ngân hàng chính sách xã hội là 10.258 lao động; được doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất, kinh doanh tuyển dụng là 16.544 lao động; du học và xuất khẩu lao động là 775 lao động; tự tạo việc làm sau đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất gia công, mỹ nghệ làng nghề 4.526 lao động. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt 97,3% tăng 8,4% so với năm 2010.

c) *Đánh giá:* Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 12 về Lao động theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.3.3.4 Về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) *Thực trạng năm 2010*

- Tổ chức sản xuất: Các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn vẫn chủ yếu một số hình thức như: kinh tế trang trại, hợp tác xã, làng nghề, thương mại, dịch vụ. Toàn huyện có 121 trang trại đáp ứng tiêu chí Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13/4/2011 của bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại, 45 hợp tác xã (*chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp 34 HTX nông nghiệp/45 HTX*), 06 làng nghề, chưa có cụm công nghiệp. Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp đang bộc lộ những tồn tại, hoạt động của các HTX Dịch vụ nông nghiệp còn hạn chế, chính sách đất đai kìm hãm sự phát triển của kinh tế trang trại. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng dần Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Dịch vụ, du lịch nhưng còn chậm, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp lớn, số lao động đã qua đào tạo còn thấp, chất lượng đào tạo chưa cao, người dân chưa mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, các mô hình sản xuất hiệu quả chưa được nhân rộng...

- Các hình thức tổ chức sản xuất còn chưa đa dạng, sự liên kết giữa các tổ chức kinh tế như: HTX, doanh nghiệp với nông dân cơ chế hợp tác còn nhiều vướng mắc, hiệu quả hợp tác chưa cao. Tỷ lệ lao động trong nông thôn thiếu việc làm có xu hướng ngày một tăng, trong khi số lao động có kiến thức, có sức khỏe có xu hướng không thiết tha với sản xuất nông nghiệp do hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn bất cập, thu

nhập của người nông thôn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao,...

b) Kết quả thực hiện

2.3.3.4.1. Xã có HTX hoạt động có hiệu quả theo đúng quy định của Luật HTX

* Về tổ chức lại hoạt động của HTX theo Luật HTX năm 2012

- Thực hiện các Văn bản chỉ đạo của Thành phố như: Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 09/7/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai thi hành Luật Hợp tác xã trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2016; Hướng dẫn số 197/HD-BCĐ ngày 19/11/2014 của BCĐ phát triển KTTT thành phố về hướng dẫn một số nội dung tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX 2012 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Hướng dẫn 306/HD-LMHTX ngày 03/12/2014 của Liên minh Hợp tác xã Thành phố về hướng dẫn các bước tiến hành tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX 2012 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Hướng dẫn số 310/HD-LMHTX ngày 05/12/2014 của Liên minh HTX thành phố Hà Nội về hướng dẫn xây dựng Điều lệ HTX theo Luật HTX 2012.

- UBND huyện ban hành quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 thành lập Ban Chỉ đạo Kinh tế tập thể do đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện là Trưởng ban, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban chỉ đạo của huyện và các phòng, ban chuyên môn giúp việc xây dựng kế hoạch theo lĩnh vực thuộc đơn vị phụ trách, hàng tháng, quý, giao ban đánh giá kết quả đạt được; Kế hoạch 1255/KH-UBND ngày 04/11/2014 của UBND huyện Mỹ Đức về việc triển khai Luật hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn huyện Mỹ Đức; Công văn 1429/UBND ngày 22/12/2014 của UBND về việc tổ chức lại hoạt động HTX theo Luật HTX năm 2012, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn của huyện hướng dẫn các hợp tác xã trên địa bàn huyện hoàn thiện hồ sơ, tổ chức đại hội tổ chức lại hoạt động hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012. Kết quả, đến hết năm 2022, có 33/33 hợp tác xã (25 hợp tác xã nông nghiệp, 08 hợp tác xã phi nông nghiệp) trên địa bàn huyện đã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012, đạt 100%. Trong đó có 23 hợp tác xã nông nghiệp quy mô toàn xã, có số lượng thành viên bình quân 2.595 thành viên/hợp tác xã, hoạt động chủ yếu là cung cấp các dịch vụ phục vụ các thành viên của hợp tác xã và người dân trên địa bàn các xã sản xuất nông nghiệp như: Làm đất, điều tiết nước, bảo vệ thực vật, khuyến nông, gặt lúa bằng máy..., trong những năm qua, các hợp tác xã đều chỉ đạo thực hiện tốt các khâu dịch vụ trên (mỗi hợp tác xã hoạt động đều có 5 khâu dịch vụ nông nghiệp trở lên), từng bước nâng cao chất lượng các khâu dịch vụ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu của huyện, xã trong sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã đều hoạt động có hiệu quả, có lãi hàng năm, được đánh giá loại khá, tốt (theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại HTX).

* Công tác triển khai các chính sách của Trung ương, Thành phố về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

Cùng với công tác tổ chức hoạt động theo luật hợp tác xã năm 2012, UBND huyện đồng thời triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương, Thành phố để phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn huyện như: Kế hoạch số 1301/KH-UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Mỹ Đức về việc triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Phát triển 15.000 HTX nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020" trên địa bàn huyện Mỹ Đức với mục tiêu duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; triển khai công tác ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao chất lượng phương án hoạt động sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã nông nghiệp; nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp yếu, kém để phân đầu các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả, phân đầu các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động khá trở lên. Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 30/01/2018 về thực hiện phong trào thi đua "Đổi mới, phát triển các HTXNN theo Luật HTX năm 2012 góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới" trên địa bàn huyện Mỹ Đức với mục tiêu góp phần thúc đẩy việc xây dựng, phát triển các hợp tác xã nông nghiệp để hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền, nông dân trong việc đổi mới phát triển các HTX nông nghiệp và thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012. Xây dựng mô hình và tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố HTX nông nghiệp mới trên địa bàn Huyện; khuyến khích các tập thể, cá nhân thi đua, phân đầu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý nhà nước và hoạt động của các HTX nông nghiệp; ghi nhận, vinh danh thành tích tập thể, cá nhân tích cực tham gia phong trào thi đua, đóng góp vào việc đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp.

* Về triển khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc, giới thiệu các doanh nghiệp nông nghiệp có uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh tốt, có nhu cầu hợp tác trong sản xuất nông nghiệp với các xã, thị trấn, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện tăng cường công tác liên doanh liên kết sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ nông sản của huyện.

Về lựa chọn mô hình hợp tác xã kiểu mới: UBND huyện đã ban hành Công văn số 2083/UBND-KT ngày 24/11/2021 về việc đăng ký HTX trên địa bàn huyện tham gia Đề án "Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025", Qua đó, chỉ đạo các phòng Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn các xã, thị trấn, các hợp tác xã trên địa bàn huyện triển khai các nội dung của Đề án tại Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025". Kết quả, đã hướng dẫn hợp tác xã nông nghiệp An Mỹ hoàn thiện hồ

sơ trình Thành phố để tham gia thực hiện Đề án, đang tiếp tục hướng dẫn hợp tác xã nông nghiệp Mỹ Thành hoàn thiện hồ sơ theo hướng dẫn của Thành phố.

* Về củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp: UBND huyện xây dựng kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/01/2023 củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện Mỹ Đức giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, với mục tiêu tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp đóng góp tích cực trong việc tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới với nhiều mô hình hợp tác, liên kết trên cơ sở tôn trọng bản chất, giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút nhiều thành viên và tổ chức tham gia; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của thành viên HTX, thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn bền vững, ổn định chính trị xã hội và bảo vệ môi trường; tiếp tục duy trì 100% các hợp tác xã hoạt động khá trở lên, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp phục vụ các thành viên, nâng cao thu nhập của lao động.

Hàng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể của huyện, hướng dẫn, đôn đốc các hợp tác xã nông nghiệp hoàn thiện hồ sơ, tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội thường niên, đánh giá tình hình hoạt động, tổng hợp báo cáo khó khăn, đề xuất giải pháp để thực hiện hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã của huyện.

* Trong những năm gần đây, sau khi tổ chức lại hoạt động của HTX theo luật HTX năm 2012. Các hợp tác xã nông nghiệp đã có nhiều sự chuyển biến tích cực trong phương thức tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn nguồn vốn, tài sản cũng như trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã ngày được nâng cao, việc ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, điển hình như hợp tác xã nông nghiệp An Mỹ là đơn vị tiêu biểu của huyện trong tổ chức sản xuất các khâu dịch vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất đạt hiệu quả cao, đáp ứng được mục tiêu của Luật, công tác tổ chức quản lý HTX từng bước được củng cố, quản lý HTX đã có nhiều thay đổi tiến bộ theo hướng dân chủ khi xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh dịch vụ xin ý kiến của các đại biểu thành viên tổ chức các khâu dịch vụ định mức thu từng khâu dịch vụ, điều chỉnh sửa đổi điều lệ. Công khai minh bạch thanh toán với các hộ khách hàng các định mức thu của khâu dịch vụ báo cáo thu, chi từng vụ của các dịch vụ, công khai hưởng thù mức lương, phụ cấp của HĐQT, Ban kiểm soát và các bộ phận chuyên môn. Các hợp tác xã đã xây dựng quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát, quy chế quản lý tài sản, tài chính, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh theo quy định.

2.3.3.4.2. Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững

Huyện Mỹ Đức xác định cây chủ lực của huyện là lúa với diện tích hơn 7.400 ha/vụ chiếm 77,7% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, 32,69% diện tích đất tự nhiên. Trong những năm qua, huyện đã triển khai thực hiện các chính sách để khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp của Trung ương, Thành phố trên địa bàn huyện như: Triển khai Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của

Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông, Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020, Nghị Quyết 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội, hàng vụ UBND huyện triển khai một số chính sách hỗ trợ liên doanh liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, ...; tăng cường giới thiệu các doanh nghiệp nông nghiệp với các xã, thị trấn, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn huyện để liên doanh, liên kết sản xuất nông nghiệp tiêu thụ nông sản tạo thị trường ổn định cho sản phẩm chủ lực của các xã như: Công ty chế biến xuất nhập khẩu gạo Bảo minh, Công ty dược tuệ ninh công nghệ cao, Công ty cổ phần tập đoàn giống cây trồng Việt Nam, Công ty Giống cây trồng Thủ đô, Công ty giống cây trồng công nghệ cao, Công ty cổ phần và đầu tư phát triển nông nghiệp Balance life, HTX sản xuất kinh doanh nông nghiệp Đoàn Kết, ..., hiện nay đang duy trì liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ lúa trên địa bàn huyện, huyện đã xây dựng được 01 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP của huyện, tại công ty TNHH Dệt may Thành Long, xã Phùng Xá; phối hợp với Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch thành phố Hà Nội tổ chức Festival nông sản, sản phẩm OCOP gắn kết du lịch Hà Nội năm 2022 tại huyện để kết nối tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện.

Huyện có một số sản phẩm nông nghiệp có thị trường tiêu thụ ổn định như: Rau sắng chùa Hương, sản phẩm của Hội nông dân xã Hương Sơn đã được đăng ký nhãn hiệu; Cao cà gai leo, sản phẩm của công ty Dược Tuệ linh công nghệ cao, tại xã Phù Lưu Tế; Nấm kim châm, sản phẩm của công ty Kinoko Thanh Cao, tại xã Đốc Tín; rau các loại trồng công nghệ cao của công ty TNHH nghiên cứu và quản lý MARTIAI - Nông trại Terrasol Mỹ Đức, tại xã Lê Thanh; Chanh leo sản xuất theo quy trình GlobalGAP tại xã An Phú.

Đến nay, các xã trên địa bàn huyện 21/21 xã đều có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của địa phương đáp ứng được tiêu chí. Tuy nhiên, một số liên kết còn chưa bền vững, quy mô còn nhỏ. UBND huyện thường xuyên tuyên truyền, triển khai chính sách hỗ trợ cho hợp tác xã nông nghiệp, người dân để khuyến khích liên kết tiêu thụ nông sản.

2.3.3.4.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được cấp giấy chứng nhận VietGap hoặc tương đương

Các sản phẩm nông sản chủ lực ở các xã đã từng bước được thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc. Đến nay, trên địa bàn huyện có 52 sản phẩm được cấp mã QR code để truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Nấm Kim châm, Lúa Thiên ưu 8, Bưởi, rau các loại, chanh leo, trứng vịt, các sản phẩm OCOP, ...).

Huyện Mỹ Đức thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất, khuyến khích nông dân ứng dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng VietGap, hướng hữu cơ. Nhân dân trên toàn huyện tích cực tham gia và triển khai ứng dụng trong thực tế sản xuất. Kết quả đến nay:

- *Trồng trọt*: Giai đoạn từ năm 2010-2015 trên địa bàn huyện đã ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, chủ yếu đưa các giống lúa có năng suất cao như giống lúa lai (TH3-3, TH3-4, Syn6, D ưu 527, Nhị ưu 838, GS9,...), lúa chất lượng cao (Bắc thơm số 7, VS1, RVT, PC6,...) thay thế các giống Khang dân, Q5 để tăng năng suất, giá trị/đơn vị diện tích. Trong đó, tổng diện tích chuyển đổi giống lúa lai 25.466,2 ha; chiếm 32,8% diện tích, năng suất 71,11 tạ/ha; sản lượng 181.102,69 tấn; Lúa chất lượng diện tích 5.870,5 ha; chiếm 7,6% diện tích; năng suất 58,06 tạ/ha; sản lượng 34.086,69 tấn. Tổng kinh phí huyện hỗ trợ trong 5 năm (10 vụ) cho công tác chuyển đổi giống lúa lai, lúa chất lượng 20,36 tỷ đồng. Giai đoạn từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn huyện đã áp dụng các tiến bộ KHKT mới như cây lúa hàng biên, mạ khay - cấy máy,... liên doanh liên kết với các doanh nghiệp, ứng dụng giống có năng suất, chất lượng vào sản xuất như giống lúa Thiên ưu 8, VNR20,..., lúa chất lượng (RVT, HDT8, J02, Đài thơm 8, nếp các loại...) đạt 64,73%; sản xuất rau **theo hướng hữu cơ 4,45 ha tại xã Mỹ Thành** (sản xuất rau má), sản xuất cây dược liệu tại xã Phù Lưu Tế diện tích 6,5 ha.

Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: (1) mô hình sản xuất nấm của Công ty Kinoko Thanh Cao sản xuất Nấm Kim châm công nghệ cao theo tiêu chuẩn HACCP trên diện tích 3.000m² tại xã Đốc Tín, với công suất từ 2,5-3 tấn/ngày. Công ty tạo công ăn việc làm cho 55 lao động tại địa phương, với mức thu nhập từ 8 triệu 10 triệu đồng/người/tháng; Sản phẩm của Công ty hiện cung cấp chủ yếu cho hệ thống siêu thị, của hàng thực phẩm sạch thị trường phía bắc và thành phố Hồ Chí Minh như: Vin Mart, Vin +, Big C, Fivi, Aone... Nguyên liệu sử dụng sản xuất nấm là thu gom phụ phẩm của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, sau khi sản xuất nấm, bã thải lại được xử lý thành phân hữu cơ quay lại bón cho cây trồng rất tốt, loại phân hữu cơ hoại mục này giữ độ phì cho đất rất bền, làm cho cây sinh trưởng khỏe, sức chống chịu với bệnh tật cao hơn, năng suất thu hoạch nhiều hơn; cây trồng sinh trưởng khỏe đồng nghĩa với việc không cần sử dụng các chất bảo vệ thực vật, giảm sử dụng phân bón hữu cơ, góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước làm cho môi trường trong lành bền vững khép kín trong sản xuất nông nghiệp (2) mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, quả, diện tích 1,0 ha, tại xã Lê Thanh của Công ty TNHH Nghiên cứu và Quản lý MARTIAL - Nông trại TERRASOL Mỹ Đức đã mang lại hiệu quả thiết thực, không chỉ về mặt năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế trong sản xuất, mà còn làm thay đổi tư duy trong canh tác nông nghiệp, hình thành khu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại từng bước thay đổi bộ mặt nông thôn.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có một số mô hình sản xuất trồng rau an toàn, trồng rau, hoa,... trong nhà màng, nhà lưới tại xã Phúc Lâm; Năm 2022 đã ứng dụng hệ thống tưới nhỏ giọt tiết kiệm nước trong trồng cây ăn quả (bưởi) tại xã Bột Xuyên diện tích đạt 5,0 ha, mô hình cây chanh leo, diện tích 4,0 ha tại xã An

Phủ đã đem lại hiệu quả như giảm chi phí công lao động, tiết kiệm nước tưới hiệu quả tăng thu nhập từ 25-30% so với bơm tưới thủ công.

Ứng dụng cơ giới hóa khâu làm đất và thu hoạch lúa đạt trên 100% diện tích, khâu cấy, gieo sạ đạt từ 3-5% diện tích, sử dụng hệ thống phun thuốc trừ sâu bằng động cơ đạt 50% cho diện tích lúa cấy và lúa gieo sạ. Định hướng các loại giống cây trồng cho phù hợp với thổ nhưỡng, tập quán canh tác và giá trị kinh tế cao. Từng bước định hướng sản xuất đảm bảo vệ sinh ATTP và tiến tới theo tiêu chuẩn VietGap gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nhằm nâng cao giá trị thu nhập.

+ Chăn nuôi: Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung; đồng thời hỗ trợ phát triển các trang trại chăn nuôi có quy mô lớn theo phương thức chăn nuôi tiên tiến ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăn nuôi theo hướng VietG.A.P; khống chế không để dịch bệnh xảy ra trên diện rộng tại các cơ sở chăn nuôi; tiến tới xây dựng vùng an toàn dịch và bảo vệ môi trường; hình thành những vùng chăn nuôi tập trung, ổn định lâu dài; nâng cao năng suất và chất lượng. Gắn với bảo vệ môi trường; ứng phó với thiên tai, dịch bệnh như: Lựa chọn giống vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, đem lại hiệu quả kinh tế, hạn chế tăng số đầu con, giảm bớt mật độ đàn vật nuôi,... Tổng mô hình chăn nuôi được cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn VietG.A.P là 03 mô hình (*xã An Phú 02 mô hình chăn nuôi lợn, dê, vịt để trứng, xã Hồng Sơn 01 mô hình chăn nuôi vịt để trứng*).

+ Nuôi trồng thủy sản: Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, nuôi tiết kiệm nước, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và đạt chuẩn VietGap. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản được cấp giấy chứng nhận VietGap là 47,8ha tại HTX nuôi trồng thủy sản An Phú, sản lượng đạt 250 tấn/năm.

Đến nay, trên địa bàn huyện có 12 cơ sở sản xuất theo quy trình VietGAP, Nông nghiệp hữu cơ, HACCP. Trong đó: Có 03 cơ sở chăn nuôi, 02 cơ sở nuôi trồng thủy sản, 06 cơ sở trồng rau, quả 01 cơ sở trồng lúa; có 05 vùng nguyên liệu đã được cấp mã số vùng trồng tại các xã: An Mỹ, Lê Thanh, Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn.

2.3.3.4.4 Có kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với bảo vệ môi trường

Huyện Mỹ Đức có 06 làng nghề đã được thành phố công nhận: Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn xã Đồng Tâm; Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ xã An Tiến; Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê xã Tuy Lai; Làng nghề thêu thôn Nội xã Thượng Lâm; Làng nghề thêu thôn Trì xã Thượng Lâm; Làng nghề dệt Phùng xá xã Phùng Xá. Các làng nghề hiện nay vẫn duy trì hoạt động và phát triển, giải quyết công ăn việc làm cho lao động địa phương, tiêu biểu là làng nghề Dệt xã Phùng Xá.

Các làng nghề đều có mô hình cộng đồng bảo vệ môi trường như: các tuyến đường do các Hội, Đoàn thể tự quản xanh, sạch, đẹp; xây dựng các quy ước bảo vệ

môi trường được lồng ghép trong quy định về làng văn hóa của thôn, xã và được thông báo để triển khai thực hiện đến từng thôn, xóm, người dân để thực hiện.

UBND huyện Mỹ Đức đã xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn trong đó thực hiện tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của làng nghề đối với phát triển kinh tế xã hội của địa phương. UBND huyện Mỹ Đức giao phòng Kinh tế huyện phối hợp với Chi cục Phát triển nông thôn Hà Nội tổ chức tập huấn cho trên 200 lượt người, hộ sản xuất tại các làng nghề trên địa bàn huyện và thăm quan học tập tại Huyện Gia Lâm.

2.3.3.4.5. Có tổ Khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông, huyện Mỹ Đức đã tuyên truyền tới 21/21 xã trên địa bàn huyện hình thành tổ khuyến nông cộng đồng với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và các cá nhân trên địa bàn (nhiên viên phụ trách chăn nuôi thú y, bảo vệ thực vật,...), đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, hợp tác xã, trang trại tiêu biểu, hộ sản xuất kinh doanh giỏi,... trên địa bàn các xã, với chức năng nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thực hiện các nhiệm vụ về khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp do cấp có thẩm quyền giao, làm dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y... với nguyên tắc hoạt động công khai, minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của địa phương và nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động của tổ, liên kết hợp tác chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức trong quá trình hoạt động. Kết quả đến nay 21/21 xã thành lập Tổ Khuyến nông cộng đồng; các Tổ Khuyến nông cộng đồng tại các xã đã có quy định về chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động theo quy định.

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

(Có Phụ lục số 13 gửi kèm)

2.4. Phát triển Giáo dục, Y tế, Văn hóa và bảo vệ môi trường

Công tác giáo, y tế, văn hóa và môi trường được huyện Mỹ Đức tập trung quan tâm chỉ đạo. Đặc biệt tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học: Mầm non, Tiểu học và THCS, đặc biệt chất lượng học sinh cuối cấp; tỉ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp đạt kết quả khá. Chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học được nâng cao, giáo dục mũi nhọn được quan tâm, có nhiều giáo viên và học sinh đã đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các môn các cấp. Công tác Bảo hiểm xã hội (BHXH) tiếp tục được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của BHXH Thành phố và tăng cường công tác khám

chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Vân Đình và các trạm y tế trên địa bàn huyện. Cụ thể kết quả các tiêu chí như sau:

2.4.1. Về Giáo dục và Đào tạo

a) Thực trạng năm 2010

Tỷ lệ học sinh mầm non đến trường đạt tỷ lệ (Nhà trẻ: 27,6%, Mẫu giáo: 87,4%); tỷ lệ học sinh đến tuổi đi học tiểu học đạt 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp THPT và tương đương toàn huyện đạt 91,51% (trong đó khu vực nông thôn đạt 91,05%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo huyện tiếp tục giữ vững và phát triển toàn diện cả về quy mô và chất lượng; đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân; chất lượng dạy và học được nâng lên; đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn theo quy định.

Hiện nay, công tác phổ cập giáo dục đạt kết quả tốt, 22/22 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% phổ cập giáo dục tiểu học và THCS đạt mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; các trung tâm học tập cộng đồng đều được đánh giá tốt; tỷ lệ tốt nghiệp THCS học tiếp THPT hoặc tương đương toàn huyện đạt 94,5% (trong đó khu vực nông thôn đạt 92,96% tăng 1,54% so với năm 2010). UBND huyện Mỹ Đức đã quan tâm chỉ đạo các trường tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức do đó đã nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học.

(Có Phụ lục số 14.1 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.4.2. Về tiêu chí Y tế

a) Thực trạng năm 2010

Năm 2010 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện đạt 61%, Có 21/21 xã, đạt 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định số 370/2002/QĐ-BYT ngày 07/02/2002 của Bộ Y tế ban hành “*Chuẩn quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2001 - 2010*”; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 29%.

b) Kết quả thực hiện

2.4.2.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT

Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia BHYT được duy trì thường xuyên. Đến hết năm 2022 tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên địa bàn

huyện đạt 92,08% tăng 25,25% so với năm 2010.

(Chi tiết tại phụ lục 15.1 gửi kèm)

2.4.2.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế

Từ năm 2010 đến nay Thành phố và huyện đã thường xuyên quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và củng cố, phát triển mạng lưới y tế cơ sở hoạt động hiệu quả, chủ động triển khai phòng chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh COVID-19... Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn huyện được quan tâm. Chất lượng khám, chữa bệnh, chẩn đoán và điều trị từng bước nâng cao. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Công tác xây dựng và duy trì tiêu chí quốc gia về y tế xã được triển khai theo đúng kế hoạch¹².

Giai đoạn 2010 -2020, Huyện đã xây dựng mới Phòng khám đa khoa An Mỹ và 05 trạm Y tế xã với kinh phí 62,885 tỷ đồng; đồng thời cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm Y tế và 19 trạm Y tế của các xã, thị trấn với kinh phí 7,2 tỷ đồng, đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân địa phương. Đến nay, tại 02 phòng khám đa khoa An Mỹ, Hương Sơn, 22/22 trạm Y tế xã, thị trấn có Bác sĩ làm việc thường xuyên, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe Nhân dân (02 trạm Y tế thực hiện chức năng dự phòng An Mỹ, Hương Sơn do có Phòng khám đa khoa đóng trên địa bàn).

(Có Ohụ lục 15.2 đính kèm)

2.4.2.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng

Hàng năm huyện đều đưa chỉ tiêu về giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng là chỉ tiêu trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cùng với việc chỉ đạo triển khai chương trình giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tổ chức truyền thông tuyên truyền cho các bà mẹ có thai và cho con bú, thay đổi nhận thức, hành vi, tổ chức chương trình uống sữa học đường cho trẻ em ở các lớp mẫu giáo, nhà trẻ và trường tiểu học trên địa bàn nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cho trẻ. Kết quả hàng năm các xã trên địa bàn huyện đều đạt chỉ tiêu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi mà HĐND&UBND huyện giao. Đến nay, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi toàn huyện giảm xuống còn 12,7% (giảm 16,3% so với năm 2010) trong đó các xã đạt 12,68%, thị trấn Đại Nghĩa đạt 13,84%.

(Có Phụ lục 15.3 đính kèm)

2.4.2.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

¹²Năm 2011, 100% các xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế theo Quyết định số 370/2002/QĐ-BYT ngày 07/02/2002 của Bộ Y tế ban hành “*Chuẩn quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010*”; năm 2020, 100% các xã đã được công nhận đạt và duy trì đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Bộ tiêu chí mới giai đoạn 2011-2020 quy định tại Quyết định 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 của Bộ Y tế ban hành “*Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011-2020*” và Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 14/11/2014 của Bộ Y tế ban hành ban hành “*Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020*”.

Hồ sơ sức khỏe điện tử giúp mỗi người dân biết và tự quản lý thông tin sức khỏe liên tục, suốt đời của mình. Từ đó, chủ động phòng bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của mình. Đối với công tác quản lý, việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giúp cho ngành Y tế có được dữ liệu về sức khỏe của người dân đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đây là cơ sở dữ liệu về sức khỏe lớn của ngành y tế mà việc tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin sẽ giúp ngành y tế có các chỉ đạo rất kịp thời về phòng chống dịch bệnh nói riêng và có được các dự báo, hoạch định chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tốt hơn vì có những bằng chứng thực tiễn, có cơ sở khoa học hơn. Để công tác quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân được đồng bộ toàn diện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, huyện Mỹ Đức đẩy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng “Sổ sức khỏe điện tử” ngay khi đến khám bệnh. Đến nay, tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt 80,55%.

(chi tiết tại Phụ lục 15.4 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.4.3. Về Văn hóa

a) Thực trạng năm 2010

Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa là 55,4% (trong đó 62/112 thôn, làng được công nhận danh hiệu Làng văn hóa (trên địa bàn 21 xã), thị trấn Đại Nghĩa có 01/3 tổ dân phố (chiếm tỷ lệ 0,3%) đạt danh hiệu tổ dân phố văn hóa.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Sau khi có Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về việc ban hành quy định xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”, Hướng dẫn số 82/HD-BCĐ của Ban Chỉ đạo phong trào Thành phố, UBND huyện đã chỉ đạo 21/21 xã thực hiện đúng quy trình đăng ký, bình xét, công nhận các danh hiệu văn hóa. Công tác đăng ký xây dựng danh hiệu gia đình văn hóa được triển khai qua hội nghị toàn dân và đăng ký đến từng hộ vào ngày đại đoàn kết toàn dân hoặc hội nghị triển khai đăng ký đầu năm, Việc bình xét gia đình văn hóa hàng năm có sự chỉ đạo, hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí của các xã, thị trấn. Năm 2022, toàn huyện có 50.940/56.200 hộ đạt danh hiệu Gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 90%. Các xã, thị trấn cũng thực hiện bình xét, hoàn thiện hồ sơ xây dựng Làng văn hóa hàng năm trình UBND huyện. Ban Chỉ đạo phong trào TĐĐKXDĐSVH huyện đã tổ chức họp, bình xét và đề nghị UBND huyện công nhận hàng năm đảm bảo công khai, dân chủ trên cơ sở tự nguyện. Ban Chỉ đạo huyện đã tổ chức rà soát từng nội dung của các thôn làng, tổ dân phố đăng ký, tổ chức hội nghị thẩm định, kiểm tra tại các thôn làng, tổ dân phố. Yêu cầu các cơ quan Thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo về nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực phụ trách.

Năm 2022, toàn huyện có 113/122 làng đạt danh hiệu Làng văn hóa, chiếm 92,60% (tăng 37,6% so với năm 2010) 3/3 tổ dân phố đạt danh hiệu làng văn hóa, đạt 100%.

(có Phụ lục 16 gửi kèm).

- Với nhận thức sâu sắc bạo lực gia đình đã và đang trở thành một trong những vấn đề nhức nhối mà xã hội lên án, bởi vì các hình thức bạo lực gia đình đã làm vi phạm đến quyền, danh dự, nhân phẩm và cả tính mạng của con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Bạo lực gia đình là kẻ thù phá hoại hạnh phúc của mỗi thành viên, sự yên vui, an toàn cho mọi tầng lớp xã hội, ảnh hưởng đến việc giữ vững, duy trì các tiêu chí gia đình văn hóa. Đến nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng được 03 câu lạc bộ phòng chống bạo lực Gia đình, 103 địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đến toàn thể cán bộ, Đảng viên và Nhân dân, tạo sự đồng thuận hưởng ứng trong Nhân dân.

+ *Về việc cưới:* Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Mỹ Đức đã triển khai, quán triệt, đồng thời chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn xây dựng Chương trình, kế hoạch thực hiện. Huyện ủy Mỹ Đức, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, đã tập trung việc triển khai thực hiện các nội dung của Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 03/10/2012 của Ban thường vụ Thành ủy và Kế hoạch của UBND huyện bằng nhiều giải pháp gắn với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện. Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” huyện đã tích cực tham mưu cho UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới. Đặc biệt trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch COVID-19; trong 02 năm 2020, 2021 trên địa bàn toàn huyện có 1857 đám cưới tổ chức theo mô hình hiệu quả, tiết kiệm. Năm 2022 có tổng số 870 đám cưới, hầu hết các đám cưới đã thực hiện theo nếp sống văn minh.

+ *Về việc tang:* Việc tổ chức tang lễ trên địa bàn được thực hiện trang nghiêm, tiết kiệm, đậm nghĩa tình, các thôn, làng đều thành lập Ban Tổ chức tang lễ thống nhất quy trình, nghi thức phù hợp với điều kiện kinh tế, phong tục, tập quán của địa phương, ít tốn kém, thể hiện mối quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong cộng đồng khi khó khăn, hoạn nạn. Tỷ lệ hỏa táng 2012 là 12,2% lên 66,38 % năm 2022 tăng 54,18%.

+ *Về việc sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước:* Hầu hết các thôn, làng đã xây dựng hương ước, quy ước từ năm 1995 đến năm 2003. Năm 2006, một số thôn bắt đầu thực hiện sửa đổi, bổ sung. Đến năm 2016, có 100% các thôn, làng có hương ước, quy ước. Các hương ước, quy ước đã sửa đổi, bổ sung đều đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức theo quy định. Trong hương ước, quy ước không có các quy định trái pháp luật. Sau khi được UBND huyện ký phê duyệt các thôn,

tổ dân phố đã tiến hành phổ biến trong hội nghị toàn dân, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh thôn. Một số thôn đã tiến hành in ấn và phát đến từng hộ dân.

+ *Về Lễ hội:* Theo thống kê, trên địa bàn huyện hiện có khoảng 61 lễ hội truyền thống diễn ra hàng năm. Hàng năm, công tác quản lý và tổ chức lễ hội đã được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành bám sát, chỉ đạo, định hướng và thực hiện có hiệu quả. Hoạt động lễ hội trên địa bàn cơ bản đã đi vào nề nếp, ổn định, tạo không khí vui tươi, lành mạnh. Trong Lễ hội không có hiện tượng mê tín dị đoan, bói toán, lên đồng, rút thẻ, bán thẻ, các trò chơi trá hình, sát phạt ăn tiền, bắt chẹt du khách, bày bán ấn phẩm trái phép không được lưu hành. Công tác an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ được đảm bảo. Công tác vệ sinh môi trường được chú trọng, thực hiện tốt việc thu gom rác thải, không để tồn đọng. Khu vực nội tự được vệ sinh sạch sẽ, luôn có biển báo hướng dẫn và loa nhắc nhở du khách bỏ rác đúng nơi quy định.

+ *Về phát huy giá trị di tích:* Theo danh mục kiểm kê, huyện Mỹ Đức có 282 di tích; 125 di tích được xếp hạng, trong đó có 16 di tích xếp hạng cấp Quốc gia và 89 di tích được xếp hạng cấp Thành phố. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di tích trên địa bàn được sự quan tâm của các cấp, ngành Thành phố, sự vào cuộc của lãnh đạo huyện cùng với chính quyền cơ sở, sự ủng hộ của Nhân dân. Hàng năm, thực hiện việc khảo sát, kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di tích với mục tiêu gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá một cách bền vững, tạo nguồn lực để phát triển du lịch. Triển khai đồng bộ công tác bảo tồn và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa thông qua công tác nghiên cứu, sưu tầm, hệ thống hóa các tư liệu để đánh giá giá trị của từng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp bảo tồn, khai thác giá trị phù hợp và đạt hiệu quả thiết thực.

(Có Phụ lục 16 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 16 về Văn hóa theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.4.4. Về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Thực trạng năm 2010

Có 21/21 xã chưa đạt tiêu chí về Môi trường và ATTP, cụ thể:

- Đa số các hộ dân được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh nhưng chủ yếu lấy từ nguồn nước giếng đào và giếng khoan có bề lọc, chỉ một số ít hộ dân sử dụng nước máy của Trạm cấp nước Xã Hương Sơn.

- Khoảng 60% các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến đảm bảo quy định về vệ sinh môi trường, chưa có hồ sơ về môi trường được duyệt theo quy định.

- Nhân dân trên địa bàn huyện thực hiện cải tạo vườn cảnh trang hàng rào bằng cây xanh hoặc các loại hàng rào khác nhưng có phủ cây xanh, cắt tỉa gọn gàng, không vươn ra đường gây cản trở giao thông. Hệ thống ao hồ sinh thái chưa được

quan tâm nạo vét, tu bổ, tôn tạo. Hệ thống đường làng, ngõ xóm còn lầy lội. Rác thải sinh hoạt đã được tổ chức thu gom, vận chuyển đạt tỷ lệ khoảng 65%.

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 82,88%.

- Lượng nước thải phát sinh từ các hộ, cơ sở trên địa bàn được thu gom đạt tỷ lệ chưa cao. Hệ thống tiêu, thoát nước thải chưa đảm bảo theo quy định.

- Còn tình trạng chôn cất không theo quy hoạch, các hộ sử dụng ruộng của gia đình để mai táng vẫn còn tồn tại ở một số địa phương, chủ yếu là hình thức hung táng, tại một số nghĩa trang chưa có hàng rào cách ly.

- Số hộ chăn nuôi gia súc đã có bể biogas ở mức thấp.

- Các hộ chưa thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Các cơ sở sản xuất chưa được đánh giá đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định.

b) Kết quả thực hiện

Công tác giữ gìn bảo vệ môi trường nông thôn ngày càng trở thành vấn đề cấp thiết, Nhận thức được sự quan trọng, cấp thiết của chất lượng công tác môi trường trên địa bàn, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác môi trường, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, xây dựng, chỉnh trang đường làng ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân; Chú trọng đến việc phân loại chất thải rắn tại nguồn, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Nhân dân, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải... góp phần thực hiện đạt tiêu chí môi trường.

2.4.4.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn

Trên địa bàn huyện có 03 trạm cấp nước sạch tập trung đang hoạt động tại xã Hương Sơn (1) Trạm do trung tâm bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới có diện tích 8.250m², công suất 3.500m³/ngày, đêm; (2) Trạm cấp nước thôn Yên Vỹ có diện tích 6.456m², công suất 500m³/ngày, đêm; (3) Trạm cấp nước sạch Thiên Trù-Hương Tích có diện tích 6.000m², công suất 750m³/ngày, đêm. Tổng công suất của 3 trạm là 4.750m³/ngày, đêm. Đến hết năm 2022, tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Quốc gia (*nước sạch RO*) đạt 74,3% (*tăng 68,13% so với năm 2010*), trong đó có Hương Sơn được sử dụng nước đáp ứng quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung 6.025/59.426 hộ dân, đạt tỷ lệ 10,14%.

Để sớm cung cấp nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ nguồn cấp nước tập trung của thành phố cho Nhân dân, UBND huyện Mỹ Đức đang tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung cấp nước sạch (*đã được UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư*) để triển khai thực hiện dự án đến các xã, thị trấn.

(Có Phụ lục số 17.1 gửi kèm)

2.4.4.2. Tỷ lệ cơ sở SXKD, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường

- Cơ sở sản xuất kinh doanh: Trên địa bàn huyện có 01 cụm tiểu thủ công nghiệp làng nghề Phùng Xá gồm 60 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động; 05 làng nghề truyền thống còn lại sản xuất theo quy mô hộ gia đình, nhỏ lẻ và 32 cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu vực làng nghề.

+ Đối với làng nghề dệt Phùng Xá: Có 04 cơ sở có nguồn phát thải là nước thải, khí thải và chất thải rắn nguy hại (*Công ty TNHH Trường Thịnh; Công ty Cổ phần dệt may Trung Thu; Công ty TNHH Dệt Toàn Thắng; Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh*) thuộc khu vực quy hoạch đất tiểu thủ công nghiệp. Các cơ sở trên đều có đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, có công trình thu gom, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường; có hợp đồng với các đơn vị có đủ năng lực thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý đối với chất thải rắn nguy hại phát thải trong quá trình sản xuất; có thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm đối với các loại chất thải theo đề án đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về thuế phí, lệ phí bảo vệ môi trường, đạt 100%. Các cơ sở còn lại sản xuất quy mô hộ gia đình, không phát sinh nước thải, chất thải nguy hại.

+ Đối với 32 cơ sở kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu vực làng nghề, cụm công nghiệp. Đến nay, các cơ sở cơ bản đã có cam kết bảo vệ môi trường/đề án bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường, đạt 85%.

- Cơ sở nuôi trồng thủy sản: 35/35 hộ nuôi trồng thủy sản phù hợp với quy hoạch phát triển NTTS, đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đáp ứng các yêu cầu về thu gom xử lý chất thải; không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản theo quy định tại thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đạt 100%.

- Làng nghề: Trên địa bàn huyện có 6 làng nghề đã được Thành phố công nhận (*Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn, xã Đông Tâm; Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ, xã An Tiến; Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê, xã Tuy Lai; Làng nghề thêu thôn Nội, xã Thượng Lâm; Làng nghề thêu thôn Trì, xã Thượng Lâm; Làng nghề Dệt Phùng Xá, xã Phùng Xá*). Trong đó, có làng nghề dệt Phùng Xá có nước thải tẩy nhuộm, còn lại các làng nghề khác thuộc lĩnh vực mây tre đan, thêu nên không phát sinh nước thải công nghiệp. Đối với làng nghề Dệt Phùng Xá có tổng số 1.370 máy dệt (trong đó: Máy dệt Công nghiệp 1.249 máy). Toàn xã có 61 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực dệt may xuất khẩu, dệt bao bì, máy khăn khăn các loại. UBND huyện đang triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại làng nghề dệt Phùng Xá.

UBND huyện đã triển khai chỉ đạo, hướng dẫn các làng nghề thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các cơ sở hoàn thiện các hồ sơ thủ tục về môi trường, quản lý, xử lý chất thải, nước thải theo quy định, xây dựng các quy ước bảo vệ môi trường

được lồng ghép trong quy định về làng văn hóa của thôn, xã và được thông báo để triển khai thực hiện đến từng thôn, xóm, người dân để thực hiện. Các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề hiện đang thực hiện, đề xuất thực hiện trên địa bàn, các cơ sở trong làng nghề Phùng Xá thực hiện bảo vệ môi trường theo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường được các cấp phê duyệt.

(Có Phụ lục từ số 17.2.1 đến 17.2.7 gửi kèm)

2.4.4.3. Về xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung

UBND các xã trên địa bàn huyện đã quy hoạch và thực hiện quy hoạch, cải tạo ao hồ, xây dựng cảnh quan, môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế

- Đối với hệ thống cây xanh

Cùng với phong trào Tết trồng cây mùa Xuân hằng năm và triển khai thực hiện Đề án trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động, được người dân hưởng ứng. Hằng năm, UBND huyện tổ chức Lễ phát động trồng cây kêu gọi đến toàn thể các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện tham gia, hưởng ứng trồng cây. Mỗi năm, toàn huyện trồng được trên 12 nghìn cây các loại (*ăn quả, lâm nghiệp, bóng mát, cây đô thị ...*) vào dịp tổ chức Lễ phát động, hệ thống cây xanh trên địa bàn các xã ngày càng được mở rộng diện tích bao phủ, 100% hệ thống cây xanh phù hợp với quy hoạch. Với hệ thống cây xanh được đầu tư quy hoạch trồng tại các khu dân cư, khu công cộng (trụ sở cơ quan, trường học, chợ, đường giao thông...) tạo thành các mảng không gian xanh điều hòa khí hậu, cải thiện chất lượng môi trường khu vực.

- Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái: Huyện Mỹ Đức có 95/95 ao, hồ, giếng sinh thái được cải tạo chỉnh trang phù hợp với quy hoạch. Tạo không gian sinh thái, mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, cảnh quan trong các khu dân cư. Bên cạnh giá trị về sinh thái, các khu vực ao, hồ còn phát triển nuôi trồng thủy sản tạo nguồn thu, phát triển kinh tế cho người dân. Đề duy trì và phát triển các giá trị sinh thái và kinh tế, hàng năm các xã tiến hành cải tạo, nạo vét bùn ao, tu bổ; thường xuyên vớt rác mặt nước, giữ gìn vệ sinh ao, hồ xanh - sạch - đẹp. Các ao, hồ đã được đầu tư xây dựng bờ tường bao, rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn đảm bảo an toàn cho người dân.

- Đối với đường làng, ngõ, xóm:

+ Toàn huyện có 411,0 km đường trục thôn, 411,0km đường ngõ xóm được bê tông hoá 100% phục vụ việc đi lại, sinh hoạt của người dân địa phương.

+ Có 125/125 thôn, tổ dân phố có hương ước, quy ước về giữ gìn vệ sinh môi trường. Rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển, xử lý kịp thời, đạt tỷ lệ 100% (*tăng 25% so với năm 2010*).

+ 100% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh, xây dựng tường rào có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây thường xuyên được các hộ cắt tỉa gọn gàng, sạch đẹp trong khuôn viên gia đình, không vươn ra

đường gây cản trở giao thông.

- Đối với khu vực công cộng:

Tại các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông) luôn được giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ, không có hiện tượng xả chất thải bừa bãi, gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường: 100% chất thải rắn được các tổ vệ sinh được gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định; 100% các điểm dân cư tập trung của thôn, xã đã có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Nước thải được thu gom theo hệ thống gom nước, hố ga và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực. Có 22/22 xã, thị trấn, đạt 100% các xã, thị trấn đã thực hiện, cải tạo, chỉnh trang các khu vực công cộng, ao hồ thành các khu vui chơi, giải trí, khu sinh hoạt cộng đồng, sân chơi trẻ em. Đảm bảo mỗi xã có ít nhất 1 điểm sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi thể thao cho người dân trên địa bàn.

- Tuyến đường nở hoa, tranh, tường bích họa: Trên địa bàn huyện đã xây dựng được 415 đoạn đường Phụ nữ tự quản và 39 đoạn đường xanh - sạch - đẹp - nở hoa kiểu mẫu với tổng chiều dài trên 25 km và 105 điểm tường tranh, đường bích họa với diện tích 4.639 m² tạo bộ mặt NTM khang trang, sạch đẹp.

(có Phụ lục số 17.3 đến 17.4 gửi kèm)

2.4.4.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn

Tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các xã được trồng tại nhà văn hóa các thôn, trụ sở các cơ quan, các trường học, các công trình tôn giáo như đình, chùa và dọc các tuyến đường giao thông... Các loại cây được trồng chủ yếu là cây ăn quả, cây bóng mát. Theo thống kê hiện nay tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn huyện là 1.006.089 m² (tăng 309.320m² so với năm 2010), diện tích cây xanh trung bình diện tích cây xanh trung bình 4,76m²/người. Các tuyến đường liên xã, liên thôn, nội đồng được bố trí trồng cây xanh tạo thành dải cây xanh liên tục gắn kết các không gian xanh với nhau.

2.4.4.5. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

Việc xây dựng, quản lý và sử dụng Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn huyện đảm bảo quy định về quy hoạch và quản lý quy hoạch thực hiện theo quy định tại Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ; quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tỷ lệ hỏa táng trên địa bàn huyện tăng nhanh từ 12,2% năm 2012 lên 66,5% năm 2022 (tăng 54,3%).

(Có Phụ lục số 17.5 gửi kèm)

2.4.4.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định

Đẩy mạnh tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải, nước thải tại các khu dân cư tập trung, các cơ sở sản xuất kinh doanh.

** Chất thải rắn sinh hoạt*

Từ năm 2010 đến nay, UBND huyện Mỹ Đức đã thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên địa bàn 22 xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định 30/2020/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy trình, định mức dự toán duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội, để đảm bảo công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khoa học, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, UBND huyện đã xây dựng phương án thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đến Nhà máy xử lý rác thải Xuân Sơn, Sơn Tây. Trong đó, đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển là được Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội; đơn vị được giao quản lý, giám sát công tác thu gom rác thải trên địa bàn huyện là Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ 100% (tương đương 80 tấn/ngày).

** Chất thải rắn không nguy hại*

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải này chủ yếu phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn. 100% các cơ sở tự phân loại, lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp:

+ Huyện Mỹ Đức với diện tích đất nông nghiệp chiếm 64,47% diện tích tự nhiên do đó lượng phụ phẩm phát sinh trong quá trình canh tác cũng tương đối lớn như rơm rạ, thân cây rau màu. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện có các xã vùng ven sông Đáy chủ yếu là thâm canh rau màu (ngô sớm, đậu tương, rau), cây ăn quả và cây lúa và có lượng gia súc lớn mà 100% phụ phẩm nông nghiệp đã được các hộ gia đình, cơ sở sản xuất thu gom, tận dụng tối đa vào quá trình sản xuất nông nghiệp như thu gom rơm rạ làm thức ăn chăn nuôi chi gia súc, ủ luống rau, ủ gốc cây trồng, ủ làm phân bón, khối lượng rơm rạ sau thu hoạch do không thể thu gom được cá hộ nông dân sử dụng chế phẩm sinh học xử lý ngay tại ruộng... Huyện cũng đã kêu gọi Doanh nghiệp Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Balance Life vào nghiên cứu triển khai mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn.

+ Thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động đốt rơm rạ, các phụ phẩm cây trồng và chất thải khác không đúng quy định nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thành phố

UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện phát thanh, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh các xã, thị trấn để người dân không đốt rơm rạ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng rơm rạ, phụ phẩm trồng nấm để ủ làm phân bón/lót chuồng hoặc thức ăn cho gia súc,... hoặc

xử lý rơm rạ bằng chế phẩm sinh học; liên hệ với đơn vị thu mua rơm rạ, chế phẩm sinh học để được tổ chức thu mua rơm rạ và cung cấp chế phẩm xử lý rơm rạ. Rơm rạ sau mùa thu hoạch không có hiện tượng đốt hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng gây cản trở giao thông.

2.4.4.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và CTR y tế được thu gom, xử lý đáp ứng về yêu cầu BVMT

- Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 Bệnh viện, 01 Trung tâm Y tế, 22 trạm Y tế tại các xã thị trấn và 04 phòng khám tư nhân đang hoạt động đã có hồ sơ về bảo vệ môi trường. 100% các cơ sở Y tế đều có phân loại rác và thu gom, vận chuyển đi xử lý tập trung theo quy định. Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức xử lý rác thải nguy hại bằng lò đốt 2 buồng tại bệnh viện. Bệnh viện Đa khoa Mỹ Đức hợp đồng với công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường xanh để xử lý chất thải nguy hại. Trung tâm Y tế huyện hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. 22/22 trạm Y tế các xã, thị trấn và cơ sở y tế tư nhân có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải y tế với Công ty Cổ phần môi trường URENCO 5, 13,18.

Từ đầu năm 2022 đến nay, trên địa bàn huyện phát sinh 9.700 kg chất thải y tế được thu gom và xử lý đúng quy trình.

- Chất thải nguy hại: Trên địa bàn huyện có tổng 110 cơ sở sản xuất kinh doanh (có 60 cơ sở trong khu vực làng nghề Phùng Xá, 50 cơ sở sản xuất kinh, chăn nuôi ngoài khu vực làng nghề). Trong đó có 04 công ty tại làng nghề dệt Phùng Xá hoạt động trong lĩnh vực tẩy nhuộm phát sinh chất thải nguy hại và một số cây xăng đang hoạt động trên địa bàn huyện. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại cơ bản đã quản lý chất thải nguy hại đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (đã có hợp đồng thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại, gắn biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại) đạt tỉ lệ 80%.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật

Thực hiện Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 17/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; hằng năm UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, phòng Kinh tế huyện, Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật huyện triển các giải pháp để thu gom, xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật như: Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn các xã, thị trấn sử dụng thuốc BVTV, thu gom vỏ bao bì thuốc BVTV đúng nơi quy định, kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng; chỉ đạo nhân viên kỹ thuật trồng trọt-BVTV tham mưu cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo và tổ thu gom, vận chuyển bỏ bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng; kiểm tra giám sát, hướng dẫn tổ thu gom thực hiện nhiệm vụ thu gom rác thải nguy hại vỏ bao bì thuốc BVTV về

nơi trung chuyển đảm bảo vệ sinh môi trường, đúng thời gian quy định, viết bài tuyên truyền về thu gom bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng phát trên hệ thống truyền thanh của xã, thị trấn. Đặc biệt, huyện đã hỗ trợ kinh phí 1.194,67 triệu đồng mua 1.998 thùng và hỗ trợ 134 thùng chứa vỏ bao bì thuốc BVTV cho 22 các xã, thị trấn bố trí tại điểm thuận lợi để thu gom, lưu chứa vỏ thuốc bảo vệ thực vật. Hàng năm, tổ chức 1 đợt tổng vệ sinh thu gom các loại vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tập kết về các bể chứa và vận chuyển đi xử lý. Số vỏ thuốc bao bì được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý là 1,5/1,5tấn/năm, đạt 100%.

(Có Phụ lục số 17.6 đến 17.7 gửi kèm)

2.4.4.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch

- Nhà tiêu hợp vệ sinh: Tổng số 43.428/44.883 hộ, đạt tỷ lệ 96,8% hộ gia đình trên địa bàn có nhà tiêu được xây dựng khép kín, không thải trực tiếp ra môi trường ngoài, không gây mùi khó chịu và không làm phát sinh ruồi muỗi, côn trùng sinh nở, không phải lập kế hoạch cô lập phân người đảm bảo an toàn không tiếp xúc với người, động vật.

- Nhà tắm hợp vệ sinh đảm bảo yêu cầu: 43.569/44.883 hộ, đạt tỷ lệ 97,7% hộ gia đình có hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý qua hệ thống hố ga, không để chảy tràn ra môi trường; 100% hộ gia đình có nhà tắm kín đáo, có tường rào, mái che đảm bảo an toàn sạch sẽ, hợp vệ sinh.

- Bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo các yêu cầu: 43.769/44.883 hộ, đạt tỷ lệ 98% hộ gia đình trên địa bàn huyện có bể trữ nước sinh hoạt bằng bồn inox, bằng nhựa hoặc bể xi măng với thể tích trung bình từ 1-5m³/hộ đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước của các thành viên trong gia đình từ 3 ngày trở lên, 98% có nắp đậy kín, có van lấy nước, van xả cặn, van xả tràn đảm bảo hợp vệ sinh.

Nhận thức được tầm quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe con người, 100% các hộ dân thường xuyên cọ rửa, vệ sinh bồn, bể chứa nước (trung bình 3 tháng/1 lần) đảm bảo các thiết bị chứa nước sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh.

- Các hộ gia đình thực hiện 3 sạch: Thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” do Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động. Đến nay, trên địa bàn huyện có tổng 44.883 /44.883 hộ gia đình hưởng ứng, đạt tỷ lệ 100% thực hiện 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường nơi ở, giữ gìn vệ sinh đường làng ngõ xóm xanh - sạch - đẹp.

(có phụ lục 17.8.2 đính kèm)

2.4.4.9. Về tỷ lệ hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường

Tổng số có 43/43 cơ sở chăn nuôi tổng hợp trên địa bàn huyện và 01 khu chăn nuôi tập trung được phê duyệt tại xã An Mỹ. Các trang trại xây dựng hệ thống chuồng trại đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường; cơ bản thực hiện thu gom xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đạt 70%.

- 100% chuồng trại, chăn nuôi nằm cách biệt với nhà ở và nguồn nước:
- + 100% đảm bảo khoảng cách trung bình, từ chuồng trại chăn nuôi đến nhà ở và đường đi chung ít nhất là 7m, nằm ở cuối hướng gió, có bể chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.
- + 100% các chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện tập trung ở các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung, đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt... tối thiểu 200m.
- 100% các trang trại thực hiện vệ sinh chuồng trại định kỳ, thực hiện công tác khử khuẩn, đảm bảo phòng ngừa ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.
- 43 cơ sở chăn nuôi trên địa bàn huyện, có 18/110 cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường. Đến nay, đã có 50% cơ sở đã có cam kết bảo vệ môi trường/đề án bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.
- 100% các trang trại chăn nuôi có hệ thống thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi (43/43 bể biogas).

(có Phụ lục số 17.9 gửi kèm)

2.4.4.10. Về tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

Công tác đảm bảo ATTP luôn được sự quan tâm, chú trọng. Hàng năm UBND huyện xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch ATTP huyện. Công tác tuyên truyền được tăng cường triển khai với sự phối hợp chủ động của MTTQ và các đoàn thể, tập trung vào hình thức trực quan tới từng nhóm đối tượng. Vì vậy, hiệu quả tuyên truyền được nâng cao, đối tượng tuyên truyền được phủ rộng. 100% thành viên Ban Chỉ đạo ATTP, cán bộ làm công tác ATTP từ huyện đến xã được tập huấn, bồi dưỡng đầy đủ kiến thức, thực hành đúng về quản lý ATTP trên các lĩnh vực. Tiến hành kiểm tra giám sát thường xuyên, yêu cầu các cơ sở phải thực hiện nghiêm những quy định của pháp luật, tổ chức ký cam kết trách nhiệm và thành lập đoàn kiểm tra thẩm định cấp giấy chứng nhận ATTP.

- Lĩnh vực y tế có 480 cơ sở (*Thành phố quản lý: 16 cơ sở; Huyện: 65 cơ sở, gồm 19 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống và 46 cơ sở bếp ăn tập thể, Xã: 399 cơ sở*). Trong đó:

+ Cấp Thành phố: 13/16 cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (03 hết hạn).

+ Cấp Huyện: 14/19 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; 46/46 bếp ăn tập thể thuộc phạm vi quản lý cấp huyện đã ký cam kết đảm bảo ATTP.

+ Cấp Xã: 399/399 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc cấp xã quản lý đã ký cam kết đảm bảo ATTP.

- Lĩnh vực nông nghiệp có 6.126 cơ sở, trong đó có 5.722 cơ sở sản xuất nhỏ lẻ (*chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản*), 404 cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh thực phẩm (Huyện: 36; Xã: 368).

+ Cấp Huyện: 36/36, đạt 100% số cơ sở sản xuất thuộc phạm vi quản lý cấp huyện được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, 35/35, đạt 100% số cơ sở kinh doanh (huyện quản lý) được ký cam kết về ATTP.

+ Cấp Xã: 5.722/5.722, đạt 100% cơ sở sản xuất ban đầu đã ký cam kết sản xuất an toàn; 368/368, đạt 100% số cơ sở sơ chế, chế biến và kinh doanh thực phẩm thuộc cấp xã quản lý đã ký cam kết về ATTP.

+ Đã triển khai ký cam kết nội dung không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi cho 100% số cơ sở chăn nuôi, giết mổ, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn.

- Lĩnh vực Công Thương: Tổng số cơ sở sản xuất, kinh doanh lĩnh vực Công Thương 438 cơ sở (*trong đó số cơ sở sản xuất bún, bánh mì, bánh ngọt: 67 cơ sở; số cơ sở kinh doanh trong chợ là 36 cơ sở; số cơ sở kinh doanh tạp hóa, bánh kẹo, bia, nước giải khát ngoài chợ: 335 cơ sở*). Đã triển khai ký cam kết 447/447 đạt 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngành công thương trên địa bàn. Trong đó, cấp Huyện quản lý 100 cơ sở (*cơ sở sản xuất: 23 cơ sở, số cơ sở kinh doanh: 77 cơ sở*).

- Tình hình chấp hành pháp luật về ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nhiều chuyển biến rõ rệt; các điều kiện ATTP được đảm bảo tốt hơn. Trên địa bàn huyện không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

(có Phụ lục 17.10.1 đính kèm)

2.4.4.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn

Huyện Mỹ Đức được quy hoạch là vùng phát triển kinh tế xanh của Thành phố, lấy sản xuất nông nghiệp nền tảng và phát triển du lịch dịch vụ là hai định hướng để phát triển kinh tế - xã hội của Huyện, nên các loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cơ bản đã được các hộ dân phân loại tại nguồn theo các loại gồm: Các loại chất thải thực phẩm gồm gốc rau, vỏ củ quả, thức ăn thừa... được người dân tận dụng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; chất thải có khả năng tái chế được bán cho các cá nhân đi thu mua đồng nát, ve chai; các loại chất thải còn lại được chứa trong các thùng đựng, túi nilon buộc kín và được tập kết tại vị trí quy định tại các thôn, xóm để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 47.541/59.426 hộ đạt tỷ lệ 80%.

2.4.4.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định

* Nguồn phát sinh chất thải nhựa trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, kinh doanh dịch vụ ăn uống và các khu vực công cộng.

* Công tác phân loại, thu gom, xử lý

- Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình cá nhân và các cơ sở kinh doanh ăn uống nhỏ lẻ với thành phần chủ yếu là các vỏ chai nhựa, túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... Các loại chất thải này được phân loại thành 2 loại gồm: các loại chất thải có thể tái chế như vỏ chai nhựa, thùng đựng bằng nhựa, rổ giá nhựa hỏng... được thu gom và bán cho các cá nhân đi thu mua nhỏ lẻ sau đó được bán lại cho các cơ sở tái chế phế liệu nhựa; các loại chất thải không thể tái chế: túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... được thu gom theo chất thải sinh hoạt, tập kết và vận chuyển đi xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom xử lý đạt 92%.

- Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom, xử lý trung bình trên địa bàn toàn huyện đạt 92%.

c) Đánh giá: Có 21/21 xã cơ bản đạt chuẩn tiêu chí số 17 Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh trật tự xã hội

2.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Thực trạng năm 2010

Hệ thống chính trị ở nông thôn đang tiếp tục được củng cố, kiện toàn; cơ bản đáp ứng nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế và quản lý xã hội, ANTT. Về tổ chức cơ sở đảng có 22/22 Đảng bộ xã với 5.725 đảng viên; tỷ lệ Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh là $13/22 = 59,1\%$. Tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ 3868/5725 bằng 67,6%, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 1857/3868 bằng 32,4%.

Năm 2010, đội ngũ cán bộ cấp xã là 474 người, tỷ lệ cán bộ cấp xã chưa đạt chuẩn trên 15,2%. Tất cả xã đều có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị, quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện theo pháp lệnh quy định; các tổ chức chính trị ở cơ sở đang từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đã thể hiện vai trò quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, các vụ việc khiếu nại, tố cáo giảm, 100% số xã có lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên hoạt động tốt. Tình trạng phạm tội và các tệ nạn xã hội cơ bản được hạn chế, văn hoá tư tưởng từng bước được nâng cao.

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được quan tâm, các vụ việc phức tạp được giải quyết cơ bản. Song tình hình an ninh ở tại địa bàn còn phức tạp, tình hình tội phạm tuy được kiềm chế song thủ đoạn và quy mô ngày càng phức tạp, nhất là, tệ nạn xã hội, tệ nạn ma tuý vẫn còn chiều hướng gia tăng, tai nạn giao thông và số người chết do tai nạn giao thông chưa giảm.

b) Kết quả thực hiện

2.5.1.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn

- Tổng số cán bộ công chức các xã, thị trấn là 431 người (*Trong đó: Cán bộ (Trong đó: Cán bộ chuyên trách là 228 người, công chức xã là 203 người).*

- Về trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 24 người, chiếm 5,7%; Đại học: 391 người, chiếm 90,7%; Cao đẳng: 16 người, chiếm 3,7%; Trung cấp: 10 người, chiếm 2,3%;

- Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 4 người, chiếm 0,9%, trung cấp 419 người, chiếm 97,2%.

Trình độ cán bộ, công chức các xã không ngừng được nâng lên và đạt chuẩn theo quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhất là cán bộ cơ sở luôn được quan tâm đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Năm 2021, huyện đã tổ chức 87 lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn với tổng số 15.077 lượt học viên. Trong đó: Lớp LLCT-TC 01 lớp với 77 học viên; 27 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đảng với 4.087 học viên; 09 lớp bồi dưỡng công tác MTTQ và các đoàn thể với 1.675 học viên; 43 lớp tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn trong quản lý nhà nước với 8.797 học viên. 07 lớp bồi dưỡng khác với 441 học viên.

Tỷ lệ cán bộ, công chức xã đạt chuẩn 100%.

2.5.1.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

Đảng bộ huyện Mỹ Đức năm 2021 có 46 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc, trong đó, có 22 Đảng bộ xã, thị trấn (*310 chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã, thị trấn*) với tổng số 8.773 đảng viên. Tổ chức cơ sở đảng ở địa phương ngày càng được nâng cao chất lượng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng mở rộng dân chủ, sát cơ sở, nâng cao chất lượng ban hành các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền bảo đảm thiết thực, khả thi. Trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện phân công rõ trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là, xác định thẩm quyền và trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở.

Năm 2020, kết quả đánh giá, phân loại đối với Đảng bộ xã, thị trấn là có 05 Đảng bộ xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05/48 Đảng bộ, chiếm 10,4%.

Năm 2021, kết quả đánh giá, phân loại đối với Đảng bộ xã, thị trấn là có 05 Đảng bộ xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 05/46 Đảng bộ, chiếm 10,9%.

Năm 2022, kết quả đánh giá, phân loại đối với Đảng bộ xã, thị trấn là có .../46 Đảng bộ xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ .../46 Đảng bộ, chiếm ...%.

2.5.1.3. Về tổ chức hệ thống chính trị

- Có 22/22 xã đều có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định.

MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội đều được tổ chức đầy đủ từ huyện đến xã, thôn, cụm dân cư. Hệ thống chính trị luôn được củng cố, kiện toàn đảm bảo đầy đủ cả về số lượng và chất lượng, do đó chất lượng hoạt động không ngừng nâng lên.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của 22 xã, thị trấn hàng năm đều được các tổ chức chính trị - xã hội huyện đánh giá, xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.5.1.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Hàng năm UBND huyện ban hành các kế hoạch triển khai, các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền, tập huấn các kiến thức pháp luật cho cán bộ, công chức và Nhân dân trên địa bàn huyện thường xuyên được thực hiện. Phối hợp Sở Tư pháp Hà Nội Tổ chức 01 Hội nghị trực tuyến tập huấn về công tác chuẩn tiếp cận pháp luật cho các đối tượng là lãnh đạo, công chức thực hiện đánh giá công tác chuẩn tiếp cận. Việc rà soát, đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí được thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các chỉ tiêu bảo đảm thi hành pháp luật; thực hiện thủ tục hành chính; phổ biến giáo dục pháp luật; Hòa giải ở cơ sở; thực hiện dân chủ cơ sở đều đạt chuẩn theo hướng dẫn tại Quyết định 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng chính phủ, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp. Kết quả xét đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được niêm yết công khai trên cổng thông tin điện tử huyện, trụ sở làm việc của UBND các xã, thị trấn, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt của cộng đồng dân cư.

Tập trung nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở; triển khai, thực hiện bộ Quy tắc ứng xử nơi công cộng; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và lao động trong cơ quan; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn liền với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Có 22/22 xã, thị trấn đảm bảo việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, thực hiện lấy phiếu xin ý kiến đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Mẫu 02-TCPL-II tại Thông tư 07/2017/TT-BTP của Bộ Tư pháp; công tác hòa giải và thực hiện dân chủ cơ sở cũng đã được quan tâm, thực hiện.

Các xã đã thực hiện chế độ báo cáo quý theo quy định, phân công công chức phụ trách các tiêu chí theo chức năng, nhiệm vụ được giao ngay từ đầu năm, thực hiện tập hợp các tài liệu minh chứng phát sinh theo quý để làm cơ sở cho kết quả đánh giá chấm điểm cuối năm.

Kết quả: Năm 2021 trên địa bàn huyện 22/22 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 100% (theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức công nhận xã, thị trấn đạt CTCPL).

Kết quả: Năm 2022 trên địa bàn huyện 22/22 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp chuẩn pháp luật, đạt tỷ lệ 100% (theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức công nhận xã, thị trấn đạt CTCPL).

2.5.1.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

Hàng năm, UBND huyện đã ban hành các Văn bản chỉ đạo thực hiện công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội như: Kế hoạch thực hiện công tác Bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ Mỹ Đức; Kế hoạch thực hiện công tác trẻ em và bình đẳng giới; Kế hoạch thực hiện tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới trên địa bàn huyện Mỹ Đức; triển khai thực hiện các Văn bản của cấp trên trong lĩnh vực bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ người dễ bị tổn thương.

Công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được cấp ủy Đảng, chính quyền huyện, xã đã quan tâm, thực hiện. Nhiều cán bộ, hội viên, phụ nữ được tin tưởng, tin nhiệm bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý, trưởng, phó các cơ quan ban ngành đoàn thể, cán bộ chủ chốt của huyện, tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, HĐND các cấp tăng lên, đội ngũ cán bộ nữ có trình độ được đào tạo ngày càng cao.

Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy, giai đoạn 2010-2022 các cấp đảm bảo chỉ tiêu đề ra và có xu hướng tăng lên, cụ thể: Tham gia BCH Đảng bộ huyện cuối giai đoạn 4/39 đạt tỷ lệ 10,2%; tham gia BCH Đảng bộ xã, thị trấn cuối giai đoạn 41/290 đạt tỷ lệ 14.1%

- Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND các cấp giai đoạn 2010 - 2022: Đại biểu HĐND cấp Huyện $6/35 = 17,1\%$; Đại biểu HĐND cấp xã $125/567 = 22\%$.

2.5.1.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển các thôn

Có 21/21 xã đã xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban phát triển các thôn tại các hội nghị, hoặc lồng ghép nội dung tại các chương trình tuyên truyền khác, thường xuyên đăng tải thông tin tuyên truyền về nội dung liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới trên hệ thống truyền thanh xã, loa phát thanh các thôn... Ngoài ra, các xã phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, Thành phố tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực và tham quan học tập các mô hình xây dựng NTM tại các xã thuộc huyện Gia lâm, Đan Phượng, Thường Tín, Chương Mỹ...

(có Phụ lục số 18 gửi kèm)

c) **Đánh giá:** Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 18 về Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

2.5.2. Về Quốc phòng và An ninh

2.5.2.1. Về xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp, các ngành, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt”. Chủ động phòng ngừa trên cơ sở giữ vững bên trong là chính, lấy tấn công để phòng ngừa, xác định “tự bảo vệ” là nội dung cốt lõi. Chú trọng cả “xây” và “chống”, trong đó lấy xây dựng là chính, phát hiện ngăn chặn, không để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá. Xây dựng bộ đội thường trực và lực lượng dân quân, tự vệ “Vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu về Quốc phòng.

Huyện ủy và các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền địa phương huyện Mỹ Đức luôn nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương; Kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nhất là, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mỹ Đức lần thứ XXIV, Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 30/8/2022 về phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Kết luận số 57-KL/TW, ngày 16/9/2019 của Bộ Chính trị (khoá XII) về “kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh”; Kết luận số 64-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”, Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ; Thông báo số 2012-TB/TU ngày 13/6/2019, kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ thành phố Hà Nội, Chương trình số 09-CTr/TU, ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội, Chương trình số 09-CTr/HU, ngày 30/12/2020 của Huyện ủy Mỹ Đức về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; tiếp tục xây dựng huyện Mỹ Đức thành khu vực phòng thủ vững chắc giai đoạn 2021-2025 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII, XIII), Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị và cuộc vận động phát huy truyền thống, cống hiến tài năng xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới, phong trào thi đua “Bộ đội và dân quân tự vệ huyện chung sức xây dựng nông thôn mới”, phong trào “Quân đội - chung tay vì người nghèo không để ai bị bỏ sót lại phía sau”.

Lực lượng vũ trang Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã quán triệt đến 30/30 đầu mỗi đơn vị dân quân tự vệ về nội dung, chỉ tiêu phong trào thi đua và thực hiện đạt kết quả khá tốt, phát huy những nhân tố tích cực, cách làm sáng tạo nhất là trong xây dựng nông thôn mới ở các địa phương. Xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh, đúng quy định: Thực hiện nghiêm việc đăng ký, quản lý công dân tuổi 17, công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm với chất lượng cao được Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội tặng Bằng khen. Làm tốt công tác đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, tự vệ, phương tiện kỹ thuật; quản lý quân nhân dự bị, dân quân, tự vệ rộng rãi nền nếp, chặt chẽ về số lượng và chất lượng. Xây dựng và kiện toàn tổ chức, biên chế các đơn vị Dân quân nòng cốt, sắp xếp quân nhân dự bị vào các đơn vị dự bị động viên đúng chỉ tiêu được giao, tỷ lệ chuyên nghiệp quân sự cao, có chất lượng tốt, thực hiện tốt công tác đào tạo, quy hoạch cán bộ Ban chỉ huy quân sự các cấp.

Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng. Công tác tuyển chọn đầu vào được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ; 30/30 đầu mỗi Ban Chỉ huy Quân sự dân quân tự vệ đều hoàn thành chỉ tiêu đảm bảo chất lượng.

Xây dựng đầy đủ hệ thống văn kiện, kế hoạch tác chiến phòng thủ; Quy chế phối hợp hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự, Công an huyện theo Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ. Thường xuyên duy trì nghiêm các nền nếp chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; phối hợp các lực lượng giữ gìn an ninh chính trị, trật tự ATXH trên địa bàn; tích cực tham gia phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cháy nổ, ứng cứu sập đổ công trình... khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ cấp Huyện một bên, một cấp (năm 2018 và 2022) được Thành phố tặng Bằng khen và chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức diễn tập chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện; Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, an toàn tuyệt đối; góp phần nâng cao nhận thức, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; quản lý điều hành của chính quyền, vai trò làm tham mưu của các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội địa phương; trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, góp phần xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc. Thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân được củng cố, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã chủ động phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan tham mưu và tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách quân đội và hậu phương quân đội: xét duyệt, chi trả chế độ chính sách theo Quyết định 290/QĐ-TTg; Quyết định 142/QĐ-TTg; Quyết định 62/QĐ-TTg và Quyết định 49/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,... và chế độ chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ theo đúng quy định, tạo sự đồng thuận cao trong các tầng lớp Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội.

Lực lượng vũ trang của huyện hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ; nhiều năm liền Đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh mẫu mực tiêu biểu: Ban Chỉ

huy Quân sự huyện được tặng Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Quốc phòng, thành phố Hà Nội và cờ thi đua của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Ban Chỉ huy Quân sự các xã (Hương Sơn, Lê Thanh, Hồng Sơn, An Phú, An Tiến, Xuy Xá, Vạn Kim) nhiều năm đạt danh hiệu đơn vị quyết thắng.

2.5.2.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên; không có khiếu kiện đông người, kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước

Huyện ủy chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các xã, thị trấn, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học tổ chức thực hiện nghiêm túc hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 138 Thành phố về xây dựng phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”*¹³.

Ban Chỉ đạo 38 huyện đã chủ động xây dựng các Chương trình, Kế hoạch hàng năm để tham mưu cho Huyện ủy, UBND huyện triển khai đến các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, đồng thời tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về công tác xây dựng phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”* sát với tình hình thực tiễn, đặc điểm địa bàn. Các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác xây dựng phong trào.

Cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”* ở địa bàn nông thôn, nhất là thực hiện nội dung tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM theo Quyết định số 318/QĐ-TT ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; hướng dẫn số 06/HD-BCA-V05 của Bộ Công an ngày 29/3/2022 về việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về an ninh, trật tự đối với xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

¹³trọng tâm là thực hiện nghiêm túc hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về *“Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*; Chỉ thị 46/CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT trong tình hình mới”*; Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) và Chương trình hành động số 22-CTr/ĐUCA-V28 ngày 14/8/2013 của Đảng ủy Công an Trung ương về *“Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Dân vận trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 28/CTr-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về *“Tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về *“Tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM”*; Chương trình số 02-CTr/TU ngày 6/4/2016 của Thành ủy Hà Nội về *“Phát triển nông nghiệp, xây dựng NTM, nâng cao đời sống nông dân giai đoạn 2016-2020”*; Kế hoạch số 199/KH-CAHN-PV28 ngày 22/7/2016 của Công an Thành phố Hà Nội về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016 và giai đoạn 2016-2020 gắn với triển khai thực hiện Kế hoạch số 122/KH-CAHN-PV28 ngày 22/6/2016 về giữ vững, ổn định an ninh, trật tự xã hội trong Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020; Kế hoạch số 341/KH-CAHN-PV11 ngày 12/12/2016 của Công an Thành phố Hà Nội về *“Thực hiện Chỉ thị số 06/CT-BCA-C41 ngày 20/10/2016 của Bộ Công an về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm, đảm bảo trật tự xã hội ở địa bàn nông thôn, góp phần phục vụ xây dựng NTM trong tình hình hiện nay”*; Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an về Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn *“An toàn về ANTT”*.

UBND huyện xây dựng kế hoạch chỉ đạo các ngành, đoàn thể, các xã, thị trấn triển khai công tác đảm bảo ANTT, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Làm tốt công tác phòng ngừa xã hội, phát huy vai trò của các cụm liên kết đảm bảo ANTT như: củng cố duy trì hoạt động của 350 tổ nhân dân tự phòng, tự quản về ANTT, 15 CLB đa canh tự phòng, tự quản về ANTT, 03 cụm liên kết ANTT ngoại huyện, 05 cụm liên kết ANTT nội huyện, 125 tổ hòa giải tại cơ sở, 04 CLB phòng chống bạo lực gia đình; 06 CLB phòng chống ma túy... để giải quyết những phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở.

Công an huyện, Công an các xã, thị trấn đã ra hàng trăm văn bản thông báo tuyên truyền rộng rãi về tình hình ANTT, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội để nâng cao ý thức tự giác, chủ động phòng ngừa trong cán bộ và Nhân dân. Chủ động phối hợp các nhà trường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phòng ngừa các tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm độc hại trong học sinh, sinh viên.

Mở lớp tập huấn, bồi dưỡng, tuyên truyền về Pháp luật: Luật Giao thông đường bộ, Luật Cư trú, Luật Bảo vệ trẻ em, Luật Môi trường, Luật Thủ đô, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Nghĩa vụ quân sự... cho cán bộ chủ chốt, các ban ngành, đoàn thể của huyện, của xã, cán bộ các thôn, xóm, xã, thị trấn.

Công an huyện phối hợp BCHQS huyện tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy chế, kế hoạch liên ngành. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự trong các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt nội dung kế hoạch tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ.

Công an huyện phối hợp với Phòng Văn hoá - Thông tin, Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể thao huyện, Ban Văn hóa các xã, thị trấn đã kẻ vẽ 530 khẩu hiệu, panô cô động tuyên truyền về Luật Giao thông đường bộ, về công tác phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện Nghị định 36/NĐ-CP của Chính phủ,...

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện phối hợp cùng Công an huyện, Công an các xã, thị trấn, Ban Giám hiệu các trường học tổ chức tuyên truyền, vận động cho trên 21.000 lượt đoàn viên, thanh niên, học sinh, sinh viên không sử dụng, tàng trữ, lưu hành các văn hoá phẩm độc hại, không mắc các tệ nạn xã hội và đẩy mạnh phong trào "*Thanh niên Mỹ Đức nói không với ma túy*".

Công tác xây dựng và duy trì hoạt động của các mô hình, chuyên đề về ANTT gắn với phong trào thi đua "*Cả nước chung sức xây dựng NTM*" và cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh*" đạt được nhiều kết quả, thu hút đông đảo các ngành, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, các thôn, xóm, xã, thị trấn, cán bộ và Nhân dân tham gia.

- 22/22 xã, thị trấn không có điểm nóng về ANTT, không có tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, vượt cấp trái pháp luật; Tình hình trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã ổn định, không xảy ra trọng án và các vi phạm phức tạp. Các loại tội phạm, tệ nạn xã hội hàng năm có xu hướng giảm năm sau so với năm trước. Lực lượng Công an xã được củng cố kiện toàn đảm bảo về số lượng và chất lượng, nhất là, việc đưa công an chính quy về xã; hàng năm đều hoàn

thành tốt nhiệm vụ. 100% các xã đạt chuẩn về “*An toàn về ANTT*” theo quy định. Đảng ủy, UBND các xã đều tập trung chỉ đạo giải quyết có hiệu quả những vấn đề nổi lên về ANTT; làm tốt công tác phòng ngừa xã hội. Huyện không còn xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

(Có Phụ lục số 19 gửi kèm)

c) Đánh giá: Có 21/21 xã đạt chuẩn tiêu chí số 19 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đạt tỷ lệ 100%.

3. Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao

Ngày 23/12/2022, Tổ công tác Thành phố tổ chức thẩm định 3 xã Phùng Xá (94,5 điểm), Hồng Sơn (94,8 điểm), Hương Sơn (95,3 điểm) đủ điều kiện công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Như vậy, đến hết năm 2022, huyện Mỹ Đức có 3/21 xã đạt nông thôn mới nâng cao (chiếm 14,28%). UBND huyện Mỹ Đức báo cáo cụ thể kết quả thực hiện các tiêu chí của 03 xã đạt chuẩn NTM nâng cao như sau:

3.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

3.1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

* **Đối với xã Phùng Xá:** Đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt năm 2012, được điều chỉnh bổ sung năm 2019 tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức đến năm 2030; Quyết định số 3867/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phùng Xá, Huyện Mỹ Đức đến năm 2030, bản đồ tỷ lệ 1/5.000. Xã đã tổ chức công bố, công khai đúng thời hạn các quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch và theo quy định hiện hành.

* **Đối với xã Hồng Sơn:** Đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt năm 2012, được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức đến năm 2030, bản đồ tỷ lệ 1/5.000. Xã đã tổ chức công bố, công khai đúng thời hạn các quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch và theo quy định hiện hành.

* **Đối với xã Hương Sơn:** Đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt năm 2012, Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND huyện Mỹ Đức về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức đến năm 2030. Bản đồ tỷ

lệ 1/5.000. Xã đã tổ chức công bố, công khai đúng thời hạn các quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch và theo quy định hiện hành.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch

* Đối với xã Phùng Xá: UBND xã đã xây dựng và tổ chức thực hiện theo Quyết định số tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 về việc ban hành quy định quản lý xây dựng theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức tầm nhìn đến năm 2030.

* Đối với xã Hồng Sơn: Ban hành quy định quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch tại Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND huyện Mỹ Đức về việc ban hành quy định quản lý xây dựng theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hồng Sơn đến năm 2030;

* Đối với xã Hương Sơn: Ban hành quy định quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện theo quy hoạch: UBND xã đã xây dựng và tổ chức thực hiện theo tại Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND huyện Mỹ Đức về việc ban hành quy định quản lý xây dựng theo Điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hoá theo quy hoạch cấp trên

* Đối với xã Phùng Xá: Xã đã được phê duyệt quy hoạch khu trung tâm xã tại thôn Thượng, xã Phùng Xá rộng 26 ha được UBND huyện Mỹ Đức phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã tại thôn Thượng, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 30/9/2022; Khu trung tâm xã tại thôn Hạ, xã Phùng Xá rộng 08 ha được UBND huyện Mỹ Đức phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu trung tâm xã tại thôn Hạ, xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 30/9/2022.

* Đối với xã Hồng Sơn: Xã đã hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn, xin ý kiến của Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố, chờ ban hành Quyết định.

* Đối với xã Hương Sơn: Xã đã hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn, xin ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố, chờ ban hành Quyết định.

* **Đánh giá:** 03 xã (Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá) đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Trung ương và Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

3.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

3.2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định

* Đối với xã Phùng Xá: Tổng số đường trục xã, liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện là 7,61km, mặt cắt đường rộng 5÷14m đã được bê tông hóa, nhựa hoá toàn bộ 7,61km = 100%. Các tuyến đường được Công ty môi trường vệ sinh định kỳ, được duy tu, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn đảm bảo theo quy định; hệ thống đường chính của xã được chiếu sáng 7,61km/7,61 km theo quy định đạt 100%.

* Đối với xã Hồng Sơn: Tổng số đường trục xã, liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện là 9,32 km, mặt cắt đường rộng 5,0÷9,0m đã được bê tông hóa, nhựa hoá toàn bộ 9,32 km, đạt 100%. Các tuyến đường thường xuyên được vệ sinh hàng ngày, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn, gờ giảm tốc đảm bảo theo quy định.

* Đối với xã Hương Sơn: Tổng số đường trục xã, liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện là 6,3km, mặt cắt đường rộng 5,0÷9,0m đã được bê tông hóa, nhựa hoá toàn bộ 6,3km, đạt 100%. Các tuyến đường thường xuyên được vệ sinh hàng ngày, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn, gờ giảm tốc đảm bảo theo quy định; hệ thống đường chính của xã được chiếu sáng 6,3km/6,3km theo quy định đạt 100%.

3.2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn bản ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa và bảo trì hàng năm; Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh,...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp

* Đối với xã Phùng Xá: Hệ thống đường trục thôn của xã có 02 tuyến với chiều dài 0,85km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa, nhựa hóa được 0,85km với rộng mặt 3,5÷6 m (đạt 100%). Các tuyến đường được vệ sinh định kỳ, được duy tu, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn, hệ thống chiếu sáng, đảm bảo theo quy định.

* Đối với xã Hồng Sơn: Hệ thống đường trục thôn của xã có 14 tuyến với chiều dài 15,1 km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa được 15,1 km với rộng mặt 4,0÷7,5m (đạt 100%). Các tuyến đường thường xuyên được vệ sinh hàng ngày, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn, gờ giảm tốc đảm bảo theo quy định.

* Đối với xã Hương Sơn: Hệ thống đường trục thôn của xã có 20 tuyến với chiều dài 15,33 km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa được 15,33 km với rộng mặt 4,0÷7,0m (đạt 100%). Các tuyến đường thường xuyên được vệ sinh hàng ngày, bảo trì hàng năm, có cây xanh, bố trí các biển báo, chỉ dẫn, gờ giảm tốc đảm bảo theo quy định

3.2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hoá hoặc bê tông hoá đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp

* Đối với xã Phùng Xá: Hệ thống đường ngõ, xóm gồm 126 tuyến với chiều dài 16,574 km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa 16,574 km, với quy mô mặt đường rộng từ 2÷4m (đạt 100%), có đầy đủ hệ thống chiếu sáng đảm bảo xanh, sạch, đẹp.

* Đối với xã Hồng Sơn: Hệ thống đường ngõ xóm gồm 125 tuyến với chiều dài 14,4 km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa 14,4 km (đạt 100%), với quy mô mặt đường rộng từ 3,0÷4,5m. Các tuyến đường ngõ xóm bố trí rãnh thoát nước phù hợp, được vệ sinh thường xuyên, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

* Đối với xã Hương Sơn: Hệ thống đường ngõ, xóm gồm 434 tuyến với chiều dài 34,80 km đã được thành phố, huyện, xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa, nhựa hóa 34,80 km, với quy mô mặt đường rộng từ 3,5÷4,0m (đạt 100%). Hệ thống đường ngõ, xóm đạt chuẩn theo quy định.

3.2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hoá đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá.

* Đối với xã Phùng Xá: Hệ thống đường trục chính nội đồng 16 tuyến với tổng chiều dài 18,9km, đã được bê tông hóa, cứng hóa 16 tuyến đường dài 18,9km đạt 100% (trong đó có 09 tuyến dài 11,9km đã được bê tông hóa, 07 tuyến dài 7km đã được cứng hóa), các tuyến đường có quy mô mặt đường rộng từ 3÷6m đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá của người dân địa phương.

* Đối với xã Hồng Sơn: Hệ thống đường trục chính nội đồng có chiều dài 14,2 km đã được thành phố, Huyện, xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa, cứng hóa 14,2km đạt 100%, có quy mô mặt đường rộng từ 3÷6m, đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá.

* Đối với xã Hương Sơn: Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá đạt 100%. Hệ thống đường trục chính nội đồng 23 tuyến với chiều dài 24,2 km đã được Thành phố, Huyện, Xã và Nhân dân thực hiện bê tông hóa, cứng hóa 24,2 km đạt 100%, có quy mô mặt đường rộng từ 3,0÷6,0m đáp ứng được yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hoá của người dân địa phương.

* ***Đánh giá:*** 03 xã (Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá) đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Trung ương và Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

3.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và Phòng chống thiên tai

3.3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động:

* Xã Phùng Xá: Diện tích đất nông nghiệp của xã được UBND xã, Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức, HTX Nông nghiệp Phùng Xá quản lý vận hành phục vụ tưới tiêu chủ động cho 532,65 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp của

xã đảm bảo 100% diện tích canh tác, không có diện tích bị hạn, úng. Đối với diện tích nuôi trồng thủy sản 14,44 ha (100%) đảm bảo cấp, thoát nước chủ động

* Xã Hồng Sơn: Diện tích đất nông nghiệp của xã được UBND xã, Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức, HTX Nông nghiệp Phùng Xá quản lý vận hành phục vụ tưới tiêu chủ động cho 397,2 ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã đảm bảo 100% diện tích canh tác, không có diện tích bị hạn, úng. Đối với diện tích nuôi trồng thủy sản 112 ha (100%) đảm bảo cấp, thoát nước chủ động.

* Xã Hương Sơn: Diện tích đất nông nghiệp của xã được UBND xã, Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức, HTX Nông nghiệp Phùng Xá quản lý vận hành phục vụ tưới tiêu chủ động cho 1.102,16ha diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã đảm bảo 100% diện tích canh tác, không có diện tích bị hạn, úng. Đối với diện tích nuôi trồng thủy sản 117,82 ha (100%) đảm bảo cấp, thoát nước chủ động

3.3.2. Có tổ chức thủy lợi cơ sở (TLCS) hoạt động hiệu quả, bền vững

Thực hiện Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 và Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thực hiện Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND Thành phố về việc phê duyệt danh mục các công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý. Hiện nay các công trình trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đã được Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Đáy bàn giao lại cho huyện quản lý. Các công trình trên, trước đây chủ yếu do các HTX nông nghiệp đầu tư xây dựng, UBND huyện Mỹ Đức đã bàn giao lại cho các tổ chức thủy lợi cơ sở trên địa bàn các xã (các HTX dịch vụ nông nghiệp) quản lý, vận hành, khai thác, trong đó, các xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đều có 01 tổ chức TLCS.

Các tổ chức TLCS trên địa bàn các xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đều là các Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp được thành lập và hoạt động theo đúng Luật Hợp tác xã năm 2012 (có giấy đăng ký thành lập HTX), có điều lệ và quy chế hoạt động theo quy định; toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đều là các thành viên của HTX. Các HTX đều có tổ chức thủy lợi chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và điều hành tưới tiêu, phục vụ sản xuất. Qua rà soát, đánh giá hoạt động của các tổ chức TLCS trên địa bàn 03 xã, các tổ chức TLCS đều đảm bảo đạt trên 80 điểm.

3.3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiêu tiên, tiết kiệm nước

Diện tích cây trồng chủ lực trên địa bàn 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá được xác định là cây lúa. Hàng vụ, các xã đã xây dựng mô hình đưa các giống lúa chất lượng cao vào sản xuất theo hướng tiêu chuẩn Vietgap, có áp dụng các biện pháp tưới tiêu tiên tiết kiệm nước như SRI, Nông - Lộ - Phoi/ướt khô xen kẽ,...; tỷ lệ diện tích lúa được tưới tiêu tiên, tiết kiệm nước trên địa bàn 03 xã đảm bảo đạt trên 30% diện tích.

3.3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm

Các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn các xã đã được giao cho các HTX dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn quản lý, vận hành. Hàng năm các HTX đều xây dựng kế hoạch tu bổ, nạo vét hệ thống kênh mương, sửa chữa, duy tu các trạm bơm, máy bơm được giao quản lý. Ngoài ra, hàng năm UBND huyện bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp thủy lợi hỗ trợ các cơ sở thực hiện nạo vét, tu bổ hệ thống kênh mương nhằm để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp cũng như đảm bảo đáp ứng yêu cầu PCTT trên địa bàn.

3.3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

Tại xã Phùng Xá có làng nghề Dệt Phùng Xá với 60 công ty, doanh nghiệp, 01 làng nghề, 03 khu dân cư, 40 cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản có phát sinh xả thải vào công trình thủy lợi, chủ yếu là nước thải sinh hoạt, hàng năm UBND xã phối hợp với cơ quan của huyện thường xuyên kiểm tra, kiểm soát nguồn xả thải trên. Từ năm 2021 đến nay không phát hiện trường hợp nào vi phạm.

Đối với 02 xã Hương Sơn và Hồng Sơn không có các cơ sở sản xuất lớn, không có các nhà máy, xí nghiệp có hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; nguồn nước thải chủ yếu trên địa bàn các xã chủ yếu là nước mưa và thải sinh hoạt của các hộ dân cư, nguồn nước thải này đều đã qua hệ thống hồ ga của các hộ và trên các tuyến đường thôn, xóm trước khi xả và công trình thủy lợi.

3.3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

Ban chỉ huy PCTT&TKCN của các xã được thành lập và kiện toàn hàng năm đảm bảo đủ số lượng và thành phần theo quy định; BCH PCTT&TKCN các xã có quy chế hoạt động và được phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Lực lượng xung kích PCTT cấp xã được thành lập đảm bảo theo quy định, nòng cốt của lực lượng xung kích cấp xã là dân quân tự vệ xã. Hàng năm BCH PCTT&TKCN huyện tổ chức các lớp tập huấn cho toàn bộ lực lượng xung kích PCTT từ huyện đến cơ sở.

Hàng năm, UBND các xã đã tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo từng cấp độ rủi ro; xác định rõ các khu vực trên địa bàn có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai đưa vào phương án ứng phó.

Ngoài những vật tư, phương tiện PCTT của huyện và thành phố có trên địa bàn, UBND các xã đã chủ động hợp đồng với các cơ sở cung ứng trên địa bàn, đảm bảo chủ động huy động vật tư, thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ công tác ứng phó thiên tai khi có tình huống xảy ra.

Các công trình hạ tầng trên địa bàn các xã đảm bảo được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai. Hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai trên địa bàn các xã được thực hiện qua hệ thống truyền thanh của huyện và các xã, toàn bộ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều đã có hệ

thông truyền thanh đến các thôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai, đánh giá chấm điểm công tác phòng chống thiên tai của các xã đạt trên 85/100 điểm.

* **Đánh giá:** 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt chuẩn tiêu chí số 03 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Trung ương và Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

3.4. Tiêu chí số 4 - Điện

3.4.1. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định

100% số hộ trên địa bàn 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn. Ngừng giảm mức cung cấp điện theo quy định, chỉ số mất điện bình quân lưới điện trung áp SAIDI 134,86 phút (<250 phút).

Trong vòng 02 năm trở lại 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá không xảy ra vụ việc mất an toàn về điện.

3.4.2. Xây dựng kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện hàng năm

Công tác bảo trì, nâng cấp, cải tạo hệ thống điện trên địa bàn huyện, các xã được Huyện, Công ty Điện lực Mỹ Đức thường xuyên quan tâm, thực hiện. Tại Huyện, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 874/KH-UBND ngày 03/7/2018 của UBND huyện Mỹ Đức về đầu tư phát triển lưới điện huyện Mỹ Đức giai đoạn 2018-2025; số 260/KH-UBND ngày 25/02/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về phát triển điện lực huyện Mỹ Đức năm 2022, đã chỉ đạo Công ty Điện lực Mỹ Đức Mỹ Đức và các tổ chức kinh doanh điện ngoài EVN trên địa bàn xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện trên địa bàn quản lý theo quy hoạch phát triển điện lực. Công ty Điện lực Mỹ Đức hàng năm có kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện, trong đó có hệ thống điện trên địa bàn huyện tại Quyết định số 5200/QĐ-EVNHANOI ngày 30/7/2021 của Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2022 cho Công ty Điện lực Mỹ Đức; Quyết định số 9790/QĐ-EVNHANOI ngày 31/12/2021 của tổng công ty điện lực thành phố Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2022 lần 2 cho Công ty Điện lực Mỹ Đức.

Đối với xã Hương Sơn có thêm 02 doanh nghiệp, hợp tác xã (*Hợp tác xã nông nghiệp Hương Sơn và Công ty TNHH Chí Công*) doanh nghiệp kinh doanh điện, hàng năm cũng xây dựng kế hoạch nâng cấp, sửa chữa hệ thống điện của xã để phục vụ sinh hoạt, sản xuất của người dân địa phương.

* **Đánh giá:** 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 04 về Điện theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố, Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.5. Tiêu chí 5 - Giáo dục

3.5.1. Tỷ lệ 100% các trường học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên (trong đó có 1 trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2)

* Đối với xã Phùng Xá: Xã có 3 trường học (01 Mầm non, 01 tiểu học, 01 THCS), đã 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2021.

* Đối với xã Hồng Sơn: Xã có 3 trường học (01 Mầm non, 01 tiểu học, 01 THCS), đã có 2/3 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, còn trường HTCS đã được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng từ tháng 11/2022, hiện nay, Thành phố đã thẩm định đạt chuẩn mức độ 2, chờ ban hành Quyết định công nhận.

* Đối với xã Hương Sơn: Xã có 6 trường học (02 Mầm non, 03 Tiểu học và 01 THCS), đã có 5/6 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có trường tiểu học Hương Sơn A đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Còn trường mầm non A đã được Thành phố thẩm định đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, chờ ban hành Quyết định công nhận.

3.5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2

Các xã đều đạt các tiêu chuẩn trên tại Quyết định số 3430/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện Mỹ Đức về việc công nhận các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021.

3.5.3. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt

Cộng đồng học tập của các xã được đánh giá, xếp loại tốt năm 2022 theo Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại Trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn năm học 2021-2022, đạt loại Tốt.

3.5.4. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền

* Xã Phùng Xá: Xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền được bố trí tại các trường học như: Trường Mầm non có khu vui chơi, tập luyện 1.390m²; Trường tiểu học có sân 5.690m²; Trường THCS có nhà đa năng 1.000,8m².

* Xã Hồng Sơn: Xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền được bố trí tại các trường học như: Trường Mầm non có khu vui chơi, tập luyện 200m², trường tiểu học 475 m², trường THCS hiện đang thi công nhà đa năng 600m² đảm bảo đáp ứng được tiêu chí.

* Xã Hương Sơn: Xã có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền được bố trí tại các trường học như: 02 trường Mầm non có khu vui chơi, tập luyện 1.930 m²; 03 trường tiểu học 5.553m²; trường THCS

có nhà đa năng 2.000 m²; xã có sân thể thao trung tâm xã rộng 46.942,7m², khu thể thao tại các trường học, các nhà văn hóa thôn với tổng diện tích 70.000m².

* **Đánh giá:** Có xã Phùng Xá đạt tiêu chí, xã Hương Sơn và Hồng Sơn cơ bản đạt tiêu chí số 05 về Giáo dục theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTMNC của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.6. Tiêu chí số 6 - Văn hoá

3.6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên

- Xã đang sử dụng 3/3 hội trường xã với diện tích trên 300 chỗ ngồi, đã được xây dựng mới khang trang, bố trí đầy đủ các trang thiết bị để làm hội trường đa năng của xã phục vụ các hội nghị, tổ chức giao lưu văn hóa văn nghệ, các sự kiện của xã; các xã đều có sân vận động; các thôn đều có nhà văn hóa thôn (*xã Phùng xã có 3/3 nhà văn hoá thôn, xã Hồng Sơn có 7/7 nhà văn hoá thôn, xã Hương Sơn có 6/6 nhà văn hoá thôn*); đối với xã Hương Sơn còn có 01 khu thể thao trung tâm xã tại thôn Đục Khê với tổng diện tích 1.726 m², 01 khu thể dục thể thao tại thôn Yên Vỹ với tổng diện tích 2.770m², sân thể thao trung tâm xã rộng 46.942,7m², Nhà truyền thống xã với diện tích 2.105m²; các xã đều có các điểm thể dục - thể thao ngoài trời được bố trí, lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời để thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá - văn nghệ, rèn luyện thể dục - thể thao của xã như: Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị; liên hoan, hội diễn văn nghệ; duy trì hoạt động thường xuyên của các câu lạc bộ văn nghệ, câu lạc bộ thể thao của xã; hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc; thi đấu thể thao; thu hút Nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên; thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao. Tại nhà văn hóa các thôn và bưu điện văn hóa xã, thư viện đoàn thanh niên... thư viện các trường học... có cung cấp các loại hình sách báo, sách pháp luật phục vụ việc khai thác tìm hiểu thông tin cho Nhân dân đạt trên 3.000 lượt/năm.

3.6.2. Di sản văn hoá được kiểm kê, ghi danh bảo vệ tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định

Xã Phùng Xá có 02 chùa (chùa thôn Thượng, chùa thôn Hạ) và 02 đình (đình Thượng, đình Hạ).

Xã Hương Sơn có khu di tích Quốc gia đặc biệt Di tích lịch sử và Danh lam thắng cảnh quần thể Hương Sơn (Chùa Hương) được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng năm 2017, có 18 chùa, 09 đình, đền, văn chỉ, nhà thờ 02 công giáo.

Xã Hồng Sơn Toàn xã có 12 chùa, 08 đình, 02 đền, 01 nhà Thờ, 01 nhà Nguyễn.

Các công trình trên đã được các xã, Huyện, Thành phố kiểm kê, theo dõi, bảo tồn, xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo theo quy định, các xã thường xuyên tuyên truyền và các quy định về bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di tích, không để xảy ra tình

trạng xâm hại, lấn chiếm hay các hoạt động gây ảnh hưởng đến các di tích.

3.6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới $\geq 90\%$

Kết quả công nhận gia đình đạt và duy trì danh hiệu "Gia đình văn hóa" của 3 xã đều đạt trên 95% trở lên; 16/16 thôn của 03 xã duy trì và đạt danh hiệu "Làng Văn hóa" (*Xã Hương Sơn 6/6 thôn tại Quyết định số 3676/QĐ-UBND, xã Hồng Sơn 7/7 thôn tại Quyết định số Quyết định số 3677/QĐ-UBND, Xã Phùng xã 3/3 thôn tại Quyết định số 3678/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về việc công nhận danh hiệu "Làng văn hóa" năm 2022*). Công tác xét duyệt, thẩm định danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Làng văn hóa" hằng năm, tổ chức bình xét khen thưởng các "Gia đình văn hóa" tiêu biểu được UBND xã triển khai theo đúng quy định, đảm bảo công bằng, công khai, dân chủ.

* **Đánh giá:** 3 xã Hương Sơn, Hồng Sơn, Phùng Xá cơ bản đạt tiêu chí số 06 về Văn hóa theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.

3.7. Tiêu chí số 7 - Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

3.7.1. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

Các xã đều có chợ: Xã Phùng Xá Có 01 chợ theo quy hoạch tại thôn Thượng, có diện tích chợ 1.873 m². Xã Hồng Sơn có 01 chợ được thành phố phân hạng 3 (*theo Quyết định số 6862/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phân hạng chợ trên địa bàn huyện Mỹ Đức và bổ sung quyết định phân hạng chợ trên địa bàn Thành phố*) tại thôn Hạ Sở với diện tích chợ 3.793,89 m². Xã Hương Sơn có 01 chợ được Thành phố phân hạng 3 (*theo Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phân hạng chợ trên địa bàn huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội*) tại thôn Đục Khê với diện tích chợ 7.615,7m², có 60 gian hàng kinh doanh thực phẩm được đầu tư xây dựng từ dự án Lifsap. Các chợ đều có các hạng mục cơ bản đáp ứng được công tác vệ sinh an toàn thực phẩm như: Chợ có biển hiệu, có 02 cầu chợ có mái tre, có bố trí sắp xếp khu vực kinh doanh thuận lợi cách bởi đường đi, khu vực kinh doanh phi thực phẩm được bố trí tách biệt với các khu vực kinh doanh thực phẩm khác, có hồ sơ thiết kế, có hệ thống thoát nước đảm bảo không bị đọng nước, có nguồn nước cung cấp cho chợ, có hệ thống phòng cháy chữa cháy, có khu nhà vệ sinh riêng tách biệt khu thực phẩm, khu tập kết rác thải đảm bảo vệ sinh hàng ngày, theo đúng quy định. Chợ có nội quy, phương án bố trí sắp xếp ngành hàng, có quy chế quản lý các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong chợ, 100% các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong chợ có đầy đủ các trang thiết bị, dụng cụ, có sổ ghi chép nguồn gốc thực phẩm, được ký cam kết an toàn thực phẩm, người kinh doanh có đủ sức khỏe, được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm, chợ định kỳ được lấy mẫu xét nghiệm thực phẩm đảm bảo yêu cầu.

3.7.2. Có kế hoạch và triển khai nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm của các đơn vị quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn được các cơ quan có

thẩm quyền phê duyệt bảo đảm sử dụng hiệu quả các chợ đã được đầu tư

Các chợ trên địa bàn huyện được UBND huyện rà soát đề xuất xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo chợ hàng năm để đảm bảo công tác duy trì hoạt động của chợ tại Kế hoạch số 1167/KH-UBND ngày 29/6/2021 về việc đầu tư xây mới, cải tạo Chợ trên địa bàn huyện Mỹ Đức giai đoạn 2021-2025.

3.7.2. Không có chợ cóc, tụ điểm kinh doanh tự phát trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè

Cả 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá không có chợ cóc và tụ điểm kinh doanh tự phát, trái phép lấn chiếm lòng đường, vỉa hè.

* **Đánh giá:** 3 xã Hương Sơn, Hồng Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.8. Tiêu chí số 8 - Thông tin và Truyền thông

3.8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân

- Về cơ sở vật chất: 3/3 xã có điểm phục vụ bưu chính (xã Phùng Xá $239,2m^2$, xã Hồng Sơn $183m^2$, xã Hương Sơn $163,8m^2$) tại khu vực trung tâm xã đáp ứng các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và dịch vụ theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 1127/QĐ- BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Quy mô diện tích phù hợp đảm bảo thực hiện các hoạt động của điểm bưu điện như có mặt bằng phù hợp, treo biển tên điểm bưu điện, các thông tin về dịch vụ bưu chính cung cấp tại bưu điện xã, niêm yết giờ mở cửa phục vụ hàng ngày từ 7h30' đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h30; Tại các điểm bưu điện xã đã được trang bị máy tính, máy scan, có thiết bị đảm bảo phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 05 doanh nghiệp viễn thông (Viettel, Vinaphone, Mobifone, FPT, HT Mobile) đang đầu tư, kinh doanh các dịch vụ viễn thông, internet và truyền hình. Đảm bảo cơ sở vật chất, cung cấp các dịch vụ bưu chính trên toàn địa bàn như: dịch vụ thư có địa chỉ nhận, dịch vụ gói, kiện hàng hóa,...

- Về dịch vụ: Các điểm bưu điện văn hóa xã là điểm cung cấp dịch vụ bưu chính được Tập đoàn Bưu chính viễn thông thành lập nên Bưu cục có đầy đủ các dịch vụ như: gửi, nhận, phân loại, xử lý, truyền tải, cung cấp thư từ, hộp thư, chuyển phát hàng hóa. Danh mục các dịch vụ bao gồm "Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg và dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 5kg".

- Về khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân tại bưu cục: Bưu cục được Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam triển khai đồng bộ trong cả nước; một trong các dịch vụ đang triển khai là cung cấp dịch vụ công trực tuyến của người dân, để cung cấp dịch vụ công, hiện các bưu cục có các trang thiết bị: máy tính kết nối mạng, máy quét hoặc điện thoại của nhân viên bưu cục.

3.8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh

Hiện nay, điện thoại thông minh đã trở thành một thiết bị quen thuộc của hầu hết người dân từ già đến trẻ. Không chỉ phục vụ mục đích thông tin liên lạc, điện thoại thông minh, mà còn là thiết bị để tìm kiếm thông tin, học tập, kết nối xã hội. UBND các xã đã tiến hành rà soát, thống kê, kết quả khảo sát tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh của các xã như sau: (1) Xã Phùng xá là 4.030/4.685, chiếm 86% số người trong độ tuổi lao động; (2) xã Hồng Sơn 4.445/5.226, chiếm 85% số người trong độ tuổi lao động; (3) xã Hương Sơn 15.666/19.559 số người trong độ tuổi lao động.

3.8.3. Xã có dịch vụ báo chí truyền thông

- 100% thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên: Hệ thống truyền thanh của 03/03 xã đã được cải tạo, nâng cấp đảm bảo Có 16/16 thôn (Phùng Xá 8 thôn, Hồng Sơn 7 thôn, Hương Sơn 6 thôn), đạt 100% các thôn có hệ thống loa truyền thanh Xã Phùng Xá có 25 cụm loa, 96 Loa; xã Hồng Sơn có 16 cụm loa, 58 loa; xã Hương Sơn có 19 cụm loa, 86 loa hoạt động thường xuyên, hiệu quả; các xã đã ban hành quy chế quản lý, khai thác vận hành hoạt động của đài truyền thanh xã theo đúng quy định, đảm bảo thông tin và tuyên truyền đến mọi tầng lớp Nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương của 03 xã.

- 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet: Có 16/16 thôn của 03 xã, đạt 100% có dịch vụ viễn thông, internet kết nối đến đến các hộ gia đình như: Trên mạng viễn thông cố định mặt đất (điện thoại cố định), trên mạng viễn thông di động mặt đất (điện thoại di động) và dịch vụ truy cập internet: Băng rộng cố định mặt đất (cáp quang FTTH, ADSL) và trên mạng viễn thông di động mặt đất (2G, 3G, 4G). Số liệu khảo sát tại các xã, các hộ gia đình thu xem truyền hình thông qua các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, truyền hình qua mạng internet: Xã Phùng Xá 2.435/2.531 tổng số hộ, chiếm 96,2%; xã Hồng Sơn 1.979/2.054 số hộ dân, chiếm 96,35%; xã Hương Sơn 5.915/6.170 số hộ dân có các thiết bị để thu xem được các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.

- Mỗi xã đều đã có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm đảm bảo phục vụ nhu cầu học tập, tìm kiếm thông tin của người dân, cụ thể:

- + Xã Phùng Xá có cửa Hàng Giang Ánh thôn Thượng 1;
- + Xã Hồng Sơn có cửa hàng Khoa Thơm, thôn Đặng;
- + Xã Hương Sơn có nhà sách Hà Thành, Mai Huynh, Minh Châu thôn Đục Khê.

3.8.4. Có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới

Ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh trong quản lý, điều hành là một nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước, các máy tính tại UBND

xã đều được kết nối mạng internet băng rộng của thành phố, sử dụng các loại phần mềm ứng dụng, hòm thư công vụ để trao đổi thông tin kịp thời, đáp ứng yêu cầu công việc. UBND xã đang tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành hoạt động để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; các xã hiện nay đều đã có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, độ 4 để giải quyết các thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến/tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của 03 xã đều đạt trên 50%: Từ 01/2022 đến hết 2022 số hồ sơ giải quyết trực tuyến của xã Hương Sơn là 616/1.121, đạt 54,9%; xã Hồng Sơn 676/676, đạt 100%; xã Phùng Xá 575/575, đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt tối thiểu 80%: Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, UBND huyện, UBND xã đã cử đầy đủ cán bộ công chức đi bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin. Tỷ lệ cán bộ, công chức được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin của 3 xã đều đạt 100% (xã Phùng Xá có 19/19 cán bộ được tập huấn đạt 100%, xã Hồng Sơn có 20/20 cán bộ được tập huấn đạt 100%, xã Hương Sơn có 55/55 cán bộ được tập huấn đạt 100%).

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản, tối thiểu 50%: Nhân dân được phổ biến kiến thức về máy tính, kỹ năng số cơ bản thông qua chương trình học nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”. Ngoài ra, UBND xã, các đoàn thể tổ chức chính trị của xã tuyên truyền phổ biến kiến thức, tổ chức các lớp tập huấn về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản. Xã cũng đã tuyên truyền và hướng dẫn người dân truy cập vào Cổng thông tin của Cục An toàn thông tin (<https://ais.gov.vn/tin-tuc-an-toan-thong-tin.htm>), Cổng thông tin đào tạo kỹ năng số của Bộ Thông tin và Truyền thông (<https://onetouch.mic.gov.vn/>) để cập nhật kiến thức và học tập các kỹ năng mới. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số của các xã như sau: Xã Phùng xã 4.283/4.685 số người trong độ tuổi lao động, đạt 85,5%; xã Hồng Sơn 3.806/5.226 người trong độ tuổi lao động, đạt 72,8%; xã Hương Sơn 17.302/19.559 người trong độ tuổi lao động, đạt 88,46% được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản.

- 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: Công tác hợp tác với các sàn thương mại điện tử để tiêu thụ sản phẩm của địa phương được Huyện, xã quan tâm tổ chức tuyên truyền tập huấn cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh về công tác chuyển đổi số, đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, tổ chức kết nối ký hợp tác giữa các chủ thể có sản phẩm với các sàn thương mại điện tử như: Kết quả, xã Phùng Xá có 17 sản phẩm OCOP; xã Hồng Sơn có 02 sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP; xã Hương Sơn có 05 sản phẩm OCOP ký hợp tác Sàn Voso-Vietell post, Sàn Postmart. VN-Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm của địa phương.

- Về nội dung 100% các hộ gia đình, cơ quan tổ chức, khu di tích thực thông báo, gắn liền địa chỉ số đến từng địa chỉ: UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 20/4/2022 về triển khai thử nghiệm nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn thành phố Hà Nội, hiện nay Thành phố đang triển khai thử nghiệm tại các quận Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Đống Anh, Nam Từ Liêm và huyện Thạch Thất, sau khi Thành phố triển khai diện rộng UBND huyện Mỹ Đức sẽ triển khai thực hiện theo đúng quy định.

- Công tác lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xã đạt chuẩn nông thôn mới của các xã bằng 02 hình thức là tổ chức hội nghị và đến hộ để lấy ý kiến. Công tác lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới ứng dụng công nghệ thông tin chưa có hướng dẫn cụ thể.

3.8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)

Các xã đã cho triển khai lắp đặt mạng Wifi kết nối internet miễn phí tại một số điểm trụ sở, nhà văn hóa, khu vực công cộng trên địa bàn xã (xã Phùng Xá 6 điểm, xã Hồng Sơn 8 điểm, xã Hương Sơn 11 điểm) của nhà mạng FPT, Viettel để phục vụ nhu cầu truy cập Internet, học tập, khai thác thông tin của Nhân dân.

3.9. Tiêu chí số 9 - Nhà ở dân cư

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt 100%: Trong những năm qua kinh tế ngày càng phát triển, thu nhập của người dân tăng lên, công tác kiên cố hoá nhà ở được các hộ quan tâm xây mới, chỉnh trang, sửa chữa nhà ở của các hộ dân, các hộ dân đã xây dựng nhà kiên cố có mái bằng, nhà nhiều tầng, các công trình kiên cố đảm bảo nền cứng, khung cứng, mái cứng, có đầy đủ công trình phụ trợ bếp, nhà vệ sinh đảm bảo sinh hoạt của hộ gia đình. Đến nay, trên địa bàn các xã không có nhà tạm, nhà dột nát; 59.426/59.426, đạt 100% nhà ở dân cư được kiên cố và bán kiên cố.

Đánh giá: 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 09 về Nhà ở dân cư theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.10. Tiêu chí số 10 - Thu nhập

Năm 2022 thu nhập bình quân/người/năm của 03 xã đều đạt trên 64 triệu đồng/người/năm, cụ thể: Xã Hồng Sơn đạt 68,1 triệu đồng/người/năm; xã Hương Sơn đạt 65,8 triệu đồng/người/năm; xã Phùng Xá đạt 69,8 triệu đồng/người/năm.

Đánh giá: 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTMNC của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.11. Tiêu chí số 11 - Nghèo đa chiều

Xã có tỷ lệ nghèo đa chiều < 1%: Theo kết quả rà soát, hết năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều của huyện Mỹ Đức sau khi trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo không

có khả năng lao động là 1,25%. Trong đó, 03 xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020 (Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn) có tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 1%, cụ thể:

- Xã Phùng Xá có số hộ nghèo sau khi trừ hộ nghèo không có khả năng lao động là 22/2.351, đạt 0,93%.

- Xã Hồng Sơn có số hộ nghèo sau khi trừ hộ nghèo không có khả năng lao động là 19/2.038, đạt 0,93%.

- Xã Hương Sơn có số hộ nghèo sau khi trừ hộ nghèo không có khả năng lao động là 55/6.124, đạt 0,90%.

Đánh giá: 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.12. Tiêu chí số 12 - Lao động

3.12.1. Xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 85\%$

Đến hết năm 2022, 3 xã nông thôn mới nâng cao của huyện có tỷ lệ lao động qua đào tạo đều đạt trên 85%, cụ thể như sau:

- Xã Phùng Xá: Đến hết năm 2022, tổng dân số trong độ tuổi lao động của xã là 5.010 người, trong đó số lao động qua đào tạo là 4.283 người, đạt 85,5%.

- Xã Hồng Sơn: Đến hết năm 2022, tổng dân số trong độ tuổi lao động của xã là 5.226 người, trong đó số lao động qua đào tạo là 4.532 người, đạt 86,72%.

- Xã Hương Sơn: Đến hết năm 2022, tổng dân số trong độ tuổi lao động của xã là 12.550 người, trong đó số lao động qua đào tạo là 12.550 người đạt 86,3%.

3.12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ $\geq 35\%$

Đến hết năm 2022, toàn huyện có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 48,17% tăng 7,46% so với năm 2010. Trong đó, tỷ lệ ở 3 xã NTMNC cụ thể như sau:

- Xã Phùng Xá: Đến hết năm 2022, số lao động có bằng cấp chứng chỉ là 1.813/5.010 tổng dân số trong độ tuổi lao động, đạt 36,2%.

- Xã Hồng Sơn: Đến hết năm 2022, số lao động có bằng cấp, chứng chỉ lao là 2.578/5.226 tổng dân số trong độ tuổi lao động, đạt 49,3%.

- Xã Hương Sơn: Đến hết năm 2022, số lao động có bằng cấp, chứng chỉ lao là 2.578/5.226 tổng dân số trong độ tuổi lao động, đạt 49,3%.

3.12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn, cụ thể: Nông, lâm nghiệp và thủy sản $\leq 15,4\%$; Công nghiệp và xây dựng $\geq 44,7\%$; Dịch vụ $\geq 39,9\%$

Qua rà soát, hết năm 2022, tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực ở 03 xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao cụ thể như sau:

- Xã Phùng Xá: Lao động Nông, lâm nghiệp và thủy sản 531/5.010 người

chiếm tỷ lệ 10,6%; Lao động ngành Công nghiệp - Xây dựng 2.470/5.010 người, chiếm tỷ lệ 49,3%; Lao động Dịch vụ - Thương mại 2.009/5.010 người chiếm tỷ lệ 40,1%.

- Xã Hồng Sơn: Lao động Nông, lâm nghiệp và thủy sản 638/5.226 người chiếm tỷ lệ 12,2%; Lao động ngành Công nghiệp - xây dựng 2.487/5.226 người, chiếm tỷ lệ 47,6%; Lao động Dịch vụ - Thương mại 2.103/5.226 người chiếm tỷ lệ 40,2%.

- Xã Hương Sơn: Lao động Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1.769/12.200 người chiếm tỷ lệ 14,5%; Lao động ngành Công nghiệp - Xây dựng 5.527/12.200 người, chiếm tỷ lệ 45,3%; Lao động Dịch vụ - Thương mại 4.904/12.200 người chiếm tỷ lệ 40,2%.

Đánh giá: 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 12 về Lao động theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTMNC của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.13. Tiêu chí số 13. Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

3.13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định

Trên địa bàn 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá hiện có 3 HTX nông nghiệp quy mô toàn xã (*HTX NN Phùng Xá, xã Phùng Xá; HTX NN Hương Sơn, xã Hương Sơn; HTX NN Hồng Sơn xã Hồng Sơn*) và 01 Quỹ tín dụng nhân dân (tại xã Hương Sơn), các HTX đã thực hiện chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 từ năm 2015; thực hiện việc cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các thành viên và người dân trên địa bàn xã như: Dịch vụ làm đất, thủy lợi nội đồng, dịch vụ bảo vệ đồng điền, dịch vụ bảo vệ thực vật, dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp, dịch vụ bao tiêu sản phẩm,...; triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất nông nghiệp của huyện, xã, chuyên giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trên địa bàn xã; Bộ máy quản lý HTX gồm Hội đồng Quản trị gồm 03 người (*Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc HTX, 02 Ủy viên*), Ban Kiểm soát từ 02-03 người được bầu tại Đại hội; các hợp tác xã xây dựng đầy đủ các văn bản như: Điều lệ, Phương án sản xuất kinh doanh, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế quản lý tài chính,... Hằng năm tổ chức Đại hội thường niên, Đại hội nhiệm kỳ theo quy định...

Các thành viên tham gia hợp tác xã đều có đơn, góp vốn, được cấp giấy chứng nhận vốn góp, ký hợp đồng sử dụng dịch vụ của HTX, bộ máy quản lý hợp tác xã và một số thành viên được đóng BHXH, BHYT; HTX phân phối lãi và trích lập các quỹ theo quy định của Luật và Điều lệ của HTX; số thành viên của hợp tác xã bình quân 2.343 thành viên/HTX (*Phùng Xá 2.952 thành viên, Hồng Sơn 1.625 thành viên, Hương Sơn 2.453 thành viên*).

Trong những năm qua cùng với công tác chỉ đạo sản chỉ đạo sản xuất nông nghiệp của địa phương hợp tác xã tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có lãi

hàng năm (03 năm gần nhất 2019-2021), thu nhập lao động thường xuyên tại hợp tác xã đạt trên 4,5 triệu đồng/người/tháng, duy trì và tổ chức hoạt động theo Luật.

Các HTX nông nghiệp đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã là lúa hàng hóa với các doanh nghiệp, HTX ổn định và ngày càng mở rộng quy mô:

+ HTX Nông nghiệp Phùng Xá với HTX Đoàn kết huyện Ứng Hoà (*Hợp đồng số 18/HĐ-HTX ngày 22/5/2019*) với sản lượng tiêu tiêu thụ trong hợp đồng liên kết là từ 700-950tấn/3.128,08 tấn, chiếm khoảng trên 30% sản tổng sản lượng lúa một năm của toàn xã

+ HTX nông nghiệp Hồng Sơn đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã là lúa hàng hóa (*lúa Thiên ưu 8, Nếp thơm 86, Tân ưu 98, ĐB18*) với diện tích hơn 150 ha với một số công ty như: Công ty Cổ phần tập đoàn giống cây trồng Việt Nam, Công ty cổ phần giống nông nghiệp Việt Nam, Công ty giống cây trồng Hà Tây. Nhất là duy trì liên kết với Công ty Cổ phần tập đoàn giống cây trồng Trung ương từ năm 2017 đến nay với diện tích từ 115-130ha/vụ lúa Thiên ưu 8, VNR 20, sản lượng 400-500 tấn/vụ. Cả năm là 240ha/739,9ha tổng diện tích toàn xã, 911 tấn/năm, chiếm 32% tổng sản lượng của xã (*Hợp đồng số 689/HDGCSX ngày 05/6/2019; Số 171/HDSXLT-TC ngày 15/5/2022*).

+ HTX nông nghiệp Hương Sơn đã xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của xã là lúa hàng hóa (*VRN20*) với Nhà phân phối vật tư nông nghiệp Ngoãn Phương từ năm 2020 đến nay với diện tích 190,0 ha, sản lượng 1.286,5tấn/vụ, chiếm 32,27% tổng sản lượng lúa của xã (*Hợp đồng số 01/HĐSX ngày 10/01/2020, Hợp đồng số 01/HĐSX ngày 25/9/2022*).

3.13.2. Xã có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn

- Xã Phùng Xá: Đến hết năm 2021, xã có 36 sản phẩm OCOP được Thành phố công nhận nhận, trong đó có 19 sản phẩm đạt 4 sao, 09 sản phẩm đạt 3 sao và 03 sản phẩm tiềm năng 5 sao, gồm:

+ 19 sản phẩm 4 sao gồm: (1) Gói bông tơ tầm tự dệt, (2) Chăn bông tơ tầm tự dệt, (3) Bộ Khăn bông Sợi nở BOHA, (4) Bộ Khăn bông Sợi tre BOHA, (5) Áo choàng tắm cotton BOHA, (6) Bộ Khăn bông cotton BOHA, (7) Tranh lụa tơ sen-Tác phẩm Báu vật quốc hoa, (8) Tranh lụa tơ Sen - Tác phẩm Hoa Sen Việt Nam, (9) Khẩu trang tơ tầm, (10) Khăn mặt bông. (11) Khăn mặt Tơ tầm, (12) Khăn thô tơ tầm từ kén phé, (13) Bộ khăn tơ tầm cao cấp 2 lớp trẻ em, (14) Khăn lụa tơ tầm vẽ tay - Tre Việt, (15) Khăn lau đa năng BOHA, (16) Khăn lau ô tô chuyên dụng BOHA; (17) Khăn tắm tre, (18) Khăn mặt tre, (19) Khăn tắm bông.

+ 09 sản phẩm 3 sao: (1) Khăn Bông tắm BOHA, (2) Bộ khăn bông cotton BOHA, (3) Bộ khăn bông sợi tre BOHA, (4) Bộ khăn bông sợi nở BOHA, (5) Nước cốt phở bò, (6) Nước cốt phở gà, (7) Cốt lẩu thái Tomyum, (8) Cốt lẩu nấm, (9) Cốt bún bò Huế.

+ 03 sản phẩm tiềm năng 5 sao gồm: (1) Khăn lụa tơ sen, (2) Khăn lụa tơ tằm, (3) Chăn bông con tằm tự dệt (*sản phẩm nâng thứ hạng từ 4 sao lên tiềm năng 5 sao*) của Công ty TNHH Dâu tằm tơ Mỹ Đức.

- Xã Hồng Sơn có 02 sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP: Lúa VNR20, trứng vịt.

- Xã Hương Sơn có 05 sản phẩm OCOP 3 sao: (1) Rượu mơ Hương Tích, (2) Bánh rau sắng hiệu Chú Béo, (3) Bột bô kết túi lọc, (4) Bột tắm thảo dược cho em bé, (5) bột thảo dược ngâm chân.

3.13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hoá các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm

Các xã đều có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hoá các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm

- Xã Phùng Xá: Có mô hình sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, tổng diện tích lúa hàng hóa là 30 ha, sản xuất lúa VNR20 tại xứ đồng Trầm, cấy lúa làm đất bằng máy, tổ chức tưới tiêu chủ động, gặt lúa bằng máy, gieo trồng, chăm sóc lúa bằng phương pháp SRI, có sử dụng máy bay phun thuốc theo kế hoạch của Huyện, Xã. Năng suất sản lượng của giống lúa mới VNR20 đạt 6,7 tấn/ha/năm, diện tích trên ký hợp đồng sản xuất lúa hàng hóa cho Hợp tác xã Đoàn Kết, huyện Ứng Hoà (*theo Hợp đồng số 18/HĐ-HTX ngày 22/5/2019*), cơ bản đáp ứng được tiêu chí.

- Xã Hồng Sơn: Có mô hình sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, tổng diện tích lúa hàng hóa là 18,19 ha, sản xuất lúa Thiên ưu 8 (10,0 ha), lúa VNR20 (8,19ha) tại xứ đồng Quan, cấy lúa làm đất bằng máy, tổ chức tưới tiêu chủ động, gặt lúa bằng máy, gieo trồng, chăm sóc lúa theo kế hoạch của Huyện, Xã. Năng suất sản lượng hàng hóa đạt 265 tấn/năm, diện tích trên ký hợp đồng sản xuất lúa hàng hóa cho Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam từ năm 2017 đến nay, đáp ứng được tiêu chí.

- Xã Hương Sơn: Có mô hình nuôi lợn theo hướng công nghiệp; tổng diện tích 0,15 ha; sản xuất theo quy trình khép kín; tại xóm 14 thôn Đục Khê, xã Hương Sơn; có ứng dụng một số thiết bị cơ giới hoá đồng bộ như: Hệ thống chuồng mát, máng ăn bán tự động, nước uống tự động, có hệ thống hầm bioga xử lý chất thải trong chăn nuôi, vệ sinh chông trại bằng vôi bột và các chế phẩm xử lý môi trường...; sản lượng 84 tấn/năm; có liên kết tiêu thụ đầu ra ổn định với các thương lái.

3.13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực

Để các sản phẩm nông nghiệp của Huyện được chứng nhận về chất lượng, UBND huyện đã triển khai công tác tuyên truyền, tập huấn cho các xã, thị trấn, các chủ thể có sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện công tác ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn các chủ thể có sản phẩm hoàn thiện hồ sơ, quy trình

để thực hiện việc truy suất nguồn gốc sản phẩm. Đối với 3 xã nông thôn mới nâng cao năm 2022 của huyện đều đã có sản phẩm chủ lực được truy suất nguồn gốc như: Xã Phùng có 17 sản phẩm OCOP¹⁴ của 02 đơn vị: Công ty TNHH Dệt may Thành Long, Công ty TNHH Dâu tằm tơ Mỹ Đức có truy suất nguồn gốc; Xã Hồng Sơn có 02 sản phẩm là Lúa VNR20 và trứng vịt sản xuất theo quy trình VietGAP được truy suất nguồn gốc; xã Hương Sơn có 05 sản phẩm OCOP và một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP có truy suất nguồn gốc: Lúa VNR20, rau Sắng, Rượu mơ Hương tích; Bánh rau sắng hiệu Chú Béo; Bột bô kết túi lọc; Bột tắm thảo dược cho em bé; Bột thảo dược ngâm chân. Trên địa bàn xã có Nhãn hiệu tập thể "Rau Sắng Chùa Hương" đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận ngày 10/7/2018 và tham gia Hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm an toàn thành phố Hà Nội tại địa chỉ Hn.check.net.vn, gắn mã truy xuất nguồn gốc và tem chống giả, bao gói quy cách ra thị trường...

3.13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử $\geq 15\%$

Trong những năm qua với sự phát triển của khoa học công nghệ, công nghệ số các sàn thương mại điện tử được thành lập, các mạng xã hội Zalo, Facebook phát triển nhanh là một lợi thế cho việc tiêu thụ các sản phẩm, hàng hoá, trong đó có sản phẩm chủ lực của địa phương. Đối với 03 xã nâng cao của huyện năm 2022 đều có sản phẩm được ký kết hợp tác với các sàn thương mại điện tử Voso-Vietell post và Sàn Postmart.VN-Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh có Websize, Zalo, Facebook, có hợp tác với các sàn thương mại như Lazada, Shopee, ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm bền vững. Kết quả năm 2022 như sau:

- Xã Phùng Xá: Là xã có làng nghề Dệt vải truyền thống với 60 doanh nghiệp, tạo ra hàng triệu tấn sản phẩm khăn các loại, tạo thu nhập chính cho người dân trong xã. Tổng giá trị sản phẩm chủ lực (khăn bông, vải, sợi...) của địa phương quy ra tiền là 214.330 tỷ đồng. Trong đó, sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua mạng xã hội, sàn thương mại, mạng xã hội, hợp đồng liên doanh liên kết là 39.216 tỷ đồng, đạt 18,3%.

- Xã Hồng Sơn: Tổng sản lượng lúa của địa phương năm 2022 của xã đạt 5.232 tấn. Trong đó, sản lượng lúa hàng hoá để kinh doanh 3.140 tấn, số sản lượng tiêu thụ qua mạng xã hội, sàn thương mại, hợp đồng liên doanh liên kết là 911 tấn, đạt 32%.

- Xã Hương Sơn: Kết quả, tổng sản lượng lúa năm 2022 của xã đạt 7.103,2 tấn. Trong đó, sản lượng lúa hàng hoá để kinh doanh 3.906 tấn, số sản lượng tiêu

¹⁴ 17 sản phẩm OCOP: 10 sản phẩm đạt hạng 4 sao gồm: Gói bông tơ tằm tự dệt, Chăn bông tơ tằm tự dệt, Bộ Khăn bông Sợi nở BOHA, Bộ Khăn bông Sợi tre BOHA, Áo choàng tắm cotton BOHA, Bộ Khăn bông cotton BOHA, Tranh lụa tơ sen- Tác phẩm Báu vật quốc hoa, Tranh lụa tơ Sen - Tác phẩm Hoa Sen Việt Nam, Khẩu trang tơ tằm, Khăn mặt Tơ tằm; 04 sản phẩm đạt hạng 3 sao gồm: Khăn Bông tắm BOHA, Bộ khăn bông cotton BOHA, Bộ khăn bông sợi tre BOHA, Bộ khăn bông sợi nở BOHA; 03 sản phẩm tiềm năng 5 sao gồm: Khăn lụa tơ sen, Khăn lụa tơ tằm, Chăn bông con tằm tự dệt (sản phẩm nâng thứ hạng từ 4 sao lên tiềm năng 5 sao) của Công ty TNHH Dâu tằm tơ Mỹ Đức.

thụ qua mạng xã hội, sàn thương mại, mạng xã hội, hợp đồng liên doanh liên kết là 1.265 tấn, đạt 32,4%.

3.13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng

Thực hiện kế hoạch số 84/KH-SNN ngày 30/10/2022 của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội về Kế hoạch cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2022. UBND huyện Mỹ Đức đã ban hành Công văn số 1755/UBND-KT ngày 18/10/2022 triển khai thực hiện cấp, quản lý mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn huyện Mỹ Đức. Chỉ đạo phòng Kinh tế huyện, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện hướng dẫn các xã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đề nghị Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thành phố cấp mã số vùng trồng đối với vùng trồng lúa của các xã. Đến nay, có 3/3 xã Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn được Chi cục trồng trọt - Bảo vệ thực vật Thành phố cấp mã vùng trồng đối với sản phẩm chủ lực của xã (*Xã Hương Sơn: Văn bản số 1349/GXN-TTBVTV; xã Hồng Sơn Văn bản số 1347/GXN-TTBVTV; xã Phùng Xá số 1346/GXN-TTBVTV ngày 22/11/2022 của Chi cục Trồng trọt - BVTV Thành phố về việc Giấy xác nhận cấp mã số vùng trồng*).

3.13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng internet, mạng xã hội

- Đối với xã Phùng Xá, Hồng Sơn chưa có điểm du lịch được công nhận. Tuy nhiên, xã có trang website, cổng thông tin điện tử, trang facebook của xã, các xã thành lập ban biên tập trang thông tin điện tử của xã, tổ chức biên tập viết bài sử dụng website, trang facebook để giới thiệu, quảng bá hình ảnh con người, giới thiệu sản phẩm của địa phương phục vụ các nhiệm vụ chính trị, góp phần vào phát triển kinh tế của địa phương.

- Đối với xã Hương Sơn: Xã có khu di tích quốc gia đặc biệt Chùa Hương. Xã có trang Website <http://huongson.myduc.hanoi.gov.vn>; <http://chuahuong.vn>. UBND xã đã thành lập Ban biên tập trang thông tin điện tử của xã, tổ chức biên tập viết bài sử dụng Website, trang Facebook và 51 doanh nghiệp trên địa bàn xã có sử dụng Website, Zalo, Facebook để giới thiệu, quảng bá hình ảnh con người, giới thiệu sản phẩm của địa phương phục vụ các nhiệm vụ chính trị, góp phần vào phát triển kinh tế của xã.

3.13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

Phát huy lợi thế của từng địa phương, điều kiện sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn các xã. 3 xã trên đều có mô hình kinh tế nông thôn hiệu quả tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giữ gìn nét truyền thống của địa phương.

- Xã Phùng Xá: Có mô hình chuỗi sản phẩm tơ tằm của Công ty TNHH Dâu tằm tơ Mỹ Đức, do Nghệ nhân Phan Thị Thuận, Thôn Hạ, xã Phùng Xá làm Giám đốc. Mô hình trồng cây dâu nuôi tằm cho con tằm tự dệt thành chăn bông

và ký hợp đồng bền vững với các khách hàng tiêu thụ, tạo ra tư tưởng để làm ra nhiều sản phẩm như: Gói tư tưởng, khăn mặt tư tưởng, vải,... Tiêu thụ trong nước và Quốc tế Công ty TNHH Dâu tằm tơ Mỹ Đức được thành lập từ năm 2010, hiện tại có 20 lao động, Ngành nghề sản xuất kinh doanh: Trồng dâu nuôi tằm, dệt nghề trồng dâu nuôi tằm và sản xuất các sản phẩm từ tơ tằm; sản phẩm chính là các sản phẩm từ tơ tằm và tơ sen... với 15 ha trồng dâu nuôi tằm một năm công ty đã tạo ra hàng nghìn sản phẩm với doanh thu năm 2021 là 4,18 tỷ đồng; lợi nhuận 445 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân lao động 6-10 triệu đồng/tháng. Công ty cũng mở các lớp dạy nghề cho các thế hệ trẻ, hằng năm đã đào tạo được hàng trăm lao động, thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh vào ngày cuối tuần như: Hái dâu, se sợi sen... Mục đích vừa tạo công ăn việc làm nâng cao thu nhập cho Nhân dân trong vùng, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa, đặc biệt là cho thế hệ trẻ hiểu biết thêm về một trong những nghề truyền thống của xã nhà, mô hình không gây ô nhiễm môi trường.

- Xã Hồng Sơn: Có mô hình của trang trại gia đình ông Trần Văn Nhân: Mô hình trồng cây ăn quả, chăn nuôi kết hợp với du lịch trải nghiệm khu danh lam thắng cảnh Chùa Cao, tại thôn Vĩnh An, xã Hồng Sơn, với diện tích 240ha, trồng cây ăn quả như: Mít thái, Nhãn, cây lấy gỗ kết hợp chăn nuôi dê, lợn mán, bò, chế biến thực phẩm cung cấp cho khách du lịch và các nhà hàng kinh doanh thực phẩm, kết hợp với du lịch trải nghiệm, trang trại hiện có 20 lao động thường xuyên, thu nhập bình quân của lao động 9,0 triệu đến 10,0 triệu đồng/người/tháng, Doanh thu năm 2022 ước đạt 4,5 tỷ đồng, tăng 300 triệu đồng so với năm 2021, tạo công ăn việc làm cho 35 lao động (*bao gồm cả lao động thời vụ*), mô hình không gây ô nhiễm môi trường, có hướng phát triển bền vững.

- Xã Hương Sơn: Có mô hình Chăn nuôi lợn thương phẩm, tại Xóm 14, thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức của ông Trịnh Văn Tuấn, có quy mô sản xuất 1.500m², mô hình có ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất: Máng ăn tự động, hệ thống chuồng kín, hệ thống làm mát, xử lý chất thải bằng hầm Biogas, sử dụng thức ăn có nguồn gốc,... doanh thu 1 năm 4,2 tỷ đồng; lợi nhuận năm 2022 là 600 triệu đồng, tăng so với năm trước 200 triệu đồng; số lượng lao động thường xuyên là 04 lao động, số lao động thời vụ 9 lao động; thu nhập bình quân của lao động từ 12 triệu đồng đến 13 triệu đồng/tháng. Mô hình tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, không gây ô nhiễm môi trường... Nuôi lợn theo hướng công nghiệp vẫn được giá hơn so với “nuôi bộ” như trước kia, con lợn khỏe mạnh, ít bị dịch bệnh, tăng trọng nhanh, tỷ lệ thịt xẻ nhiều, được thương lái chọn mua.

* **Đánh giá:** 3 xã Hương Sơn, Hồng Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.14. Tiêu chí số 14 - Y tế

3.14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt tỷ lệ $\geq 95\%$

Trong công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia Bảo hiểm xã

hội, Đảng ủy, UBND các xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, giao chỉ tiêu các ngành đoàn thể tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT. Kết quả, đến hết năm 2022, cả 3 xã đều có tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt trên 95%. Xã Phùng Xá 8.287/8.651 người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 95,79%; xã Hồng Sơn có 8.056/8.415 người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 95,7%; xã Hương Sơn có 20.868/21.836 người tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 95,0%.

3.14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt tỷ lệ $\geq 90\%$

Thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, tiêm Vắc-xin cho người từ 5 tuổi trở lên, các xã trên địa bàn huyện đã lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe cho người dân trên địa bàn. Đến nay, cả 03 xã nông thôn mới nâng cao của huyện đều đã đạt tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe trên 90%. Cụ thể xã Phùng Xá là 8.252/8.651 dân số, đạt 95,39%; xã Hồng Sơn là 7.776/8.415, đạt 92,4%; xã Hương Sơn là 19.738/21.836 người, đạt 90,3%.

3.14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa đạt tỷ lệ $\geq 40\%$

Trạm Y tế ở 03 xã đã triển khai công tác ứng dụng công nghệ trong việc khám, tư vấn sức khỏe cho người dân từ xa, niêm yết công khai số điện thoại của các Bác sỹ, Y sỹ tại Trạm Y tế để thuận lợi cho người dân chủ động liên hệ tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát hiện bệnh kịp thời giảm công sức, thời gian đi lại của người dân, đồng thời người dân cũng sử dụng ứng dụng khám bệnh, chữa bệnh từ xa của phần mềm PC-Covid, cụ thể xã Phùng Xá là 1.743/3.808 người, đạt 45,7%; xã Hương Sơn 1.895/4.508 người, đạt 42,0%; xã Hồng Sơn là 3.150/7.776, đạt 40,5%.

3.14.4. Tỷ lệ người dân có sổ khám, chữa bệnh điện tử đạt tỷ lệ $\geq 40\%$

Hồ sơ sức khỏe điện tử giúp mỗi người dân biết và tự quản lý thông tin sức khỏe liên tục, suốt đời của mình. Từ đó, chủ động phòng bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của mình. Đối với công tác quản lý, việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giúp cho ngành Y tế có được dữ liệu về sức khỏe của người dân đầy đủ, chính xác và kịp thời. Đây là cơ sở dữ liệu về sức khỏe lớn của ngành y tế mà việc tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin sẽ giúp ngành y tế có các chỉ đạo rất kịp thời về phòng chống dịch bệnh nói riêng và có được các dự báo, hoạch định chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân tốt hơn vì có những bằng chứng thực tiễn, có cơ sở khoa học hơn. Để công tác quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân được đồng bộ toàn diện nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân, tại 3 Phùng Xá, Hồng Sơn, Hương Sơn đã đạt nông thôn mới nâng cao đều triển khai đầy mạnh công tác tuyên truyền hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng “Sổ sức khỏe điện tử” ngay khi đến khám bệnh. Đến nay, tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử Phùng Xá 7.810/8.651, đạt 90,3%; xã Hồng Sơn 7.776/8.415, đạt 92,4%; xã Hương Sơn 21.089/21.836 người, đạt 91,9%.

* **Đánh giá:** 03 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 14 về Y tế theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.15. Tiêu chí 15 - Hành chính công

3.15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

UBND 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá luôn chú trọng đến nâng cao chất lượng cải cách hành chính; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. Các xã đã và đang sử dụng phần mềm một cửa dùng chung 3 cấp có liên thông với các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước để giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức đảm bảo thuận tiện. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của 3 xã được UBND Thành phố, UBND huyện đầu tư các trang thiết bị như: Máy vi tính cho công chức; máy tính phục vụ công dân; máy quét và hệ thống camera theo dõi toàn khu vực làm việc của bộ phận nhằm đảm bảo tính minh bạch. Hệ thống máy tính đều được kết nối internet nhằm phục vụ tra cứu thông tin, thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC qua phần mềm một cửa điện tử.

UBND các xã đã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá trang bị máy vi tính, máy scan, điện thoại... để phục vụ số hoá hồ sơ, tài liệu.

Thông kê trang thiết bị tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các xã

TT	Tên xã	Máy tính cho CBCC	Máy tính cho công dân	Máy quét	Camera
1	Phùng Xá	5	1	1	2
2	Hồng Sơn	3	1	1	2
3	Hương Sơn	3	1	1	2

Tại các xã trên chưa có máy lấy số xếp hạng tự động kết nối tới Hệ thống thông tin một cửa điện tử và chưa có màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả và đánh giá mức độ hài lòng. Thực hiện Quyết định số 4379/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính hiện đại các cấp trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hiện nay, UBND huyện Mỹ Đức đã xây dựng kế hoạch triển khai trong năm 2023.

3.15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

UBND các xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa và thực hiện trên trang dichvucong.hanoi.gov.vn của Thành phố. Hiện tại, các xã đang cung cấp 98 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 phục vụ tổ chức, cá nhân

- Xã Phùng Xá: Đã niêm yết công khai tất cả 168 TTHC thuộc 12 lĩnh vực và thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cấp xã (đạt tỷ lệ 100%), bao gồm các lĩnh vực: Tư pháp-Hộ tịch, Lao động-TB&XH, Tài nguyên&Môi trường, Y tế, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giáo dục & Đào tạo,

Kế hoạch đầu tư, Dân tộc, Thanh Tra, Văn hóa - Thể thao.

- Xã Hồng Sơn: Đã niêm yết công khai Thủ tục hành chính mức độ 3 là 94/168 thủ tục (*Giáo dục 05; Thương binh xã hội 22; Nội vụ 15; Nông nghiệp 11; Địa chính môi trường 10; Tư pháp 24; Văn hóa: 07*; mức độ 4 là 14/168 thủ tục (*Giáo dục 02; Tư pháp 01, Nông nghiệp 11*).

- Xã Hương Sơn: Xã đã niêm yết công khai 33/135 thủ tục hành chính mức độ 3; 07/135 thủ tục hành chính mức độ 4.

3.15.3. Về giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp

- Các xã đã thực hiện công khai đầy đủ 159 TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết TTHC của các xã Phùng Xá, Hồng Sơn, Hương Sơn. Hướng dẫn công dân thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định về kiểm soát TTHC: Niêm yết công khai thông báo địa chỉ tiếp nhận ý kiến, kiến nghị về TTHC tại Bộ phận Một cửa và trên Trang thông tin điện tử, có hòm thư góp ý đặt tại Bộ phận Một cửa các xã; Bước đầu tham gia tiếp nhận và xử lý các ý kiến, kiến nghị trên hệ thống PAKN của thành phố theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Thông tư số 02/2017/TT-YPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC. Trong năm 2022, 03 xã không có ý kiến, kiến nghị phản ánh về quy định hành chính, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn.

- 159/159 (100%) TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng Quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ:

- Việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC đang được tổ chức triển khai thực hiện, 03 xã đều thực hiện rà soát kỹ kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ trước đến nay, đồng thời chuẩn bị tốt các điều kiện để số hóa khi Thành phố chính thức triển khai đảm bảo tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định. Phần đầu tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết tại xã tối thiểu đạt 35% (trong năm 2023). Hiện nay, Văn phòng HĐND&UBND huyện đang thực hiện làm việc với các đơn vị tư vấn và trình UBND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư kinh phí tổ chức thực hiện số hóa đảm bảo theo lộ trình của UBND Thành phố.

- 100% các thủ tục hành chính được tiếp nhận và giải quyết qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông đảm bảo theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Quyết định 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của

UBND Thành phố về quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Trong 3 năm 2020, 2021 và 2022 các xã Phùng Xá, Hồng Sơn, Hương Sơn đều có tỷ lệ giải quyết TTHC đảm bảo đúng hạn, trước hạn trên 99% và 98% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở xã. Đối với các hồ sơ giải quyết TTHC chậm muộn, các đơn vị đã có văn bản xin lỗi công dân theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ CP của Chính phủ. Trong 3 năm qua, các xã đều thực hiện tốt công tác giải quyết TTHC đúng quy định, công khai, minh bạch được người dân đồng tình ủng hộ, không tiếp nhận được các đơn thư, kiến nghị, phản ánh liên quan đến các tiêu cực trong giải quyết TTHC.

- Tỷ lệ hài lòng và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp liên quan đến việc giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại các xã Phùng Xá, Hồng Sơn, Hương Sơn đều đạt tỷ lệ cao từ 99% trở lên, được người dân, cá nhân và tổ chức đánh giá hài lòng, xếp loại tốt.

* **Đánh giá:** 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.16. Tiêu chí số 16 - Tiếp cận pháp luật

3.16.1. Có ≥ 1 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận

Trong những năm qua hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật từ xã đến thôn không ngừng được củng cố kiện toàn là nền tảng và hạt nhân lãnh đạo các phong trào tại địa phương; các xã, thị trấn đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 20/01/202 của UBND huyện Mỹ Đức. UBND huyện, các xã, thị trấn thường xuyên tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân do đó tình hình tại địa phương ổn định về chính trị, không có các vụ việc khiếu kiện, khiếu nại xảy ra trên địa bàn xã. Các xã đều thành lập các mô hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở với mục đích tuyên truyền pháp luật đến người dân, giữ gìn an ninh trật tự xã hội của địa phương.

- Xã Phùng Xá: Có (1) mô hình "Tổ tuyên truyền lưu động công tác phòng dịch Covid-19" của xã theo Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 31/3/2020 của UBND xã, có nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền cho Nhân dân hiểu và nắm rõ các Văn bản chỉ đạo từ trung ương đến địa phương, các hướng dẫn về công tác phòng chống dịch Covid-19, được Chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức tặng Giấy khen theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 đã có thành tích trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn huyện. (2) Mô hình: "Tổ hòa giải 5 tốt": Được thành lập từ năm 2021 tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 10/11/2021, các thành viên của tổ hòa giải 5 tốt là những người thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về pháp luật, có kỹ năng hòa giải có nhiệm vụ tuyên truyền, ngăn chặn, hạn chế bạo lực gia đình tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, hòa giải các mâu thuẫn về tranh chấp đất đai, môi trường...

- Xã Hồng Sơn: Có (1) *Mô hình*: “Câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống”; được thành lập từ năm 2019, theo quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND xã Hồng Sơn, có nhiệm vụ tuyên truyền, ngăn chặn, hạn chế bạo lực gia đình tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống... đến nay, mô hình đã đạt được một số kết quả như: Hạn chế các vụ vi phạm pháp luật, không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình, không có hôn nhân cận huyết thống xảy ra trên địa bàn; (2) Mô hình “Tổ phụ nữ với pháp luật” được thành lập theo Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/10/2016, Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10/3/2018, có nhiệm vụ tuyên truyền phổ biến pháp luật cho phụ nữ; (3) Mô hình: “Tổ hòa giải 5 tốt”, được thành lập từ năm 2019, theo Văn bản số 1269/TP-MTTQ ngày 25/4/2019, có nhiệm vụ tổ chức hòa giải các vụ việc ngay từ cơ sở.

- Xã Hương Sơn: Có (1) Mô hình Tổ tuyên truyền lưu động công tác phòng dịch Covid-19 của xã theo Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 31/3/2020, có nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền cho Nhân dân hiểu và nắm rõ các Văn bản chỉ đạo từ trung ương đến địa phương, các hướng dẫn về công tác phòng chống dịch Covid-19, được Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng bằng khen theo Quyết định số 4193/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 vì đã có thành tích trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố; (2) Mô hình: “Tổ hòa giải 5 tốt” được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND xã Hương Sơn; có nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, ngăn chặn, hạn chế bạo lực gia đình tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống,...

3.16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành $\geq 90\%$

Trong năm 2021, tổ hoà giải của 3 xã đã hoạt động tích cực, hoà giải được các vụ trong phạm vi giải quyết, cụ thể:

- Xã Phùng Xá: Hòa giải được 07/07 (03 vụ tranh chấp đất đai, 04 vụ thuộc các lĩnh vực khác....) tổng số vụ mâu thuẫn, tranh chấp trong phạm vi hòa giải được, đạt 100%.

- Xã Hồng Sơn: Hoà giải được 3/3 vụ việc thuộc phạm vi thẩm quyền của xã, đạt 100%.

- Xã Hương Sơn: Hòa giải được 08/08 tổng số vụ mâu thuẫn, tranh chấp trong phạm vi hòa giải được, đạt 100%.

3.16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu $\geq 90\%$

Các đối tượng thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được UBND các xã thống kê, lập danh sách theo dõi thường xuyên và hỗ trợ pháp lý khi đối tượng có nhu cầu. Trong năm 2021, 03/03 đã trợ giúp pháp lý cho các đối tượng theo quy định, đạt 100%.

- Xã Phùng Xá: Toàn xã có 249 đối tượng cần trợ giúp pháp lý (trong đó có 53 người có công với cách mạng; 17 người thuộc hộ nghèo; 179 người thuộc

hộ cận nghèo). Trong năm 2021, UBND xã theo dõi và đã hỗ trợ pháp lý cho 138/138 đối tượng yêu cầu hỗ trợ pháp lý, đạt 100%.

- Xã Hồng Sơn: Toàn xã có 458 đối tượng cần trợ giúp pháp lý (*trong đó có 86 người có công với cách mạng; 136 người khuyết tật; 186 người cao tuổi ; 50 người thuộc hộ cận nghèo*). Trong năm 2021, toàn xã có 14 đối tượng cần trợ giúp pháp lý (*trong đó có 09 người có công với cách mạng; 02 người thuộc hộ cận nghèo, 04 đối tượng hộ bảo trợ thường xuyên*) được UBND xã theo dõi và hỗ trợ pháp lý khi có yêu cầu được 14 đối tượng khi có nhu cầu, đạt 100%.

- Xã Hương Sơn: Toàn xã có 876 đối tượng cần trợ giúp pháp lý (*trong đó có 262 người có công với cách mạng; 25 người thuộc hộ nghèo; 178 trẻ em; 01 người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; 320 người thuộc hộ cận nghèo thường xuyên được hỗ trợ pháp lý*). Trong năm 2021, có 755 đối tượng cần hỗ trợ pháp lý và đã được hỗ trợ 730 đối tượng (*có 252 người có công với cách mạng; 307 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo; 171 trẻ em; 01 người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; không có người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo thường xuyên được hỗ trợ pháp lý*), đạt 96,0%.

* **Đánh giá:** 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật theo bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.17. Tiêu chí số 17 - Môi trường

3.17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường

Trên địa bàn các xã Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn không có các khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản tập trung. Trên địa bàn các xã có các hộ chăn nuôi gia súc quy mô nhỏ, vừa, không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, các hộ đều có hệ chuồng trại phù hợp, hệ thống thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi bằng hầm Bioga và có hệ thống thoát nước mưa riêng biệt.

Có 03 chợ nông thôn trên địa bàn 3 xã, các chợ đều có hạ tầng kỹ thuật đảm bảo về bảo vệ sinh môi trường như: Hệ thống tiêu thoát nước không bị úng ngập trong chợ, có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày, có thùng bị thùng chứa rác thải có nắp đậy kín tại các nơi công cộng trong chợ, có thùng rác công cộng có các biển thông báo giữ vệ sinh và chỉ dẫn bỏ rác đúng nơi quy định, có nhà vệ sinh nam, nữ riêng bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm.

3.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về BVMT đạt

- Đối với xã Hồng Sơn, Hương Sơn: Xã không có làng nghề, có 100 hộ (*xã Hồng Sơn*); 246 cơ sở (*xã Hương Sơn*) chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường. Các cơ sở đều đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường như: Có hầm Biogas, có sử dụng chế phẩm sinh học trong khâu trùng ao nuôi, thường xuyên vệ sinh tiêu độc môi trường...; các chất thải rắn được

công ty môi trường thu gom vận chuyển theo quy định, đảm bảo về vệ sinh môi trường, đạt 100%.

- Đối với xã Phùng Xá: Có làng nghề Dệt truyền thống, được công nhận Nhà nước công nhận Làng Nghề Dệt Phùng Xá tại Quyết định số 351/QĐ-UB ngày 27/3/2001 của UBND tỉnh Hà Tây (nay thành phố Hà Nội). Trên địa bàn xã có 60 công ty, doanh nghiệp sản xuất và buôn bán các sản phẩm của làng nghề, có 24 cơ sở nuôi trồng thủy sản quy mô nông hộ không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường. Trong số 60 công ty, doanh nghiệp trên địa bàn có 04 cơ sở có nguồn phát thải là nước thải, khí thải và chất thải rắn nguy hại (*Công ty TNHH Trường Thịnh; Công ty cổ phần dệt may Trung Thu; Công ty TNHH Dệt Toàn Thắng; Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh*) thuộc khu vực quy hoạch đất tiêu thủ công nghiệp. Các cơ sở trên đều có đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, có công trình thu gom, xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường; có hợp đồng với các đơn vị có đủ năng lực thực hiện việc thu gom, vận chuyển, xử lý đối với chất thải rắn nguy hại phát thải trong quá trình sản xuất; có thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm đối với các loại chất thải theo đề án đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về thuế phí, lệ phí bảo vệ môi trường, đạt 100%. Trên địa bàn xã đang triển khai xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung.

3.17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom xử lý theo quy định $\geq 98\%$

- Chất thải rắn sinh hoạt: Đối với chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 3 xã được Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Hai Bà Trưng lập kế hoạch thu gom 3 lần/tuần vận chuyển đến địa điểm bãi trung chuyển rác thải của xã và đưa đi xử lý theo phương án đã được UBND huyện Mỹ Đức phê duyệt, 100% các hộ gia đình của 3 xã đăng ký sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và cam kết tập kết rác thải sinh hoạt đúng nơi quy định để vận chuyển. Xã Phùng Xá 3,46 tấn/3,5 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 98,86%; xã Hồng Sơn 2,6 tấn/2,6 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 100%; xã Hương Sơn 10,3 tấn/10,5 tấn/ngày tổng số chất thải rắn, đạt tỷ lệ 98%.

- Chất thải rắn không nguy hại: Chất thải này chủ yếu phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn. 100% các cơ sở tự phân loại, lưu giữ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 50\%$

Các hộ gia đình đều có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ bằng các bể thu gom, lắng lọc trước khi đầu nổi tiêu thoát nước khu dân cư. 100% các tuyến đường trục thôn, xóm trong xã được đầu tư xây dựng có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải có liên kết với hệ thống thoát nước chung của xã, bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không còn hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng, đảm bảo không lây lội vào mùa mưa. Có 10.138/10.138 hộ gia đình của 3 xã có công trình vệ sinh và thực hiện các biện pháp thu gom, xử

lý nước thải bằng bể tự hoại theo quy định, đạt 100%.

3.17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt $\geq 50\%$

Đối với công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn, UBND các xã đã và đang tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác phân loại tại nguồn và hướng dẫn Nhân dân các biện pháp để thu gom, xử lý cho phù hợp với từng loại chất thải. Triển khai thực hiện mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn tại Kế hoạch 155/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND huyện Mỹ Đức xây dựng về việc thí điểm phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại khu dân cư trên địa bàn huyện Mỹ Đức. Đến nay, 3 xã trên tỷ lệ các hộ thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đáp ứng được tiêu chí. Xã Phùng Xá có số hộ đã có thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 2.232 hộ/2.351, đạt 94,94%; xã Hồng Sơn đã có 1.245 hộ/2.054 tổng số hộ dân, đạt 60%; xã Hương Sơn có 3.855 hộ/5.733 tổng số hộ dân, đạt 67,24%.

3.17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 100%

- Đối với xã Hồng Sơn, Hương Sơn: Trên địa bàn xã không có khu, cụm công nghiệp, không có làng nghề, không có cơ sở sản xuất kinh doanh phát thải chất thải nguy hại chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại.

- Đối với xã Phùng Xá: Trên địa bàn xã có 4 đơn vị cơ sở sản xuất kinh doanh có phát sinh chất thải rắn nguy hại (*Công ty TNHH Trường Thịnh; Công ty Cổ phần dệt may Trung Thu; Công ty TNHH Dệt Toàn Thắng; Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh*). Các đơn vị đều có hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định. Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn năm 2022 được thu gom xử lý 1.616/1.616 kg tổng số chất thải, đạt 100%.

3.17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường

Triển khai thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động đốt rơm rạ, các phụ phẩm cây trồng và chất thải khác không đúng quy định nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thành phố. UBND huyện chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện phát thanh, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh các xã, thị trấn để người dân không đốt rơm rạ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng rơm rạ, phụ phẩm trồng nấm để ủ làm phân bón/lót chuồng hoặc thức ăn cho gia súc,... hoặc xử lý rơm rạ bằng chế phẩm sinh học; liên hệ với đơn vị thu mua rơm rạ, chế phẩm sinh học để được tổ chức thu mua rơm rạ và cung cấp chế phẩm xử lý rơm rạ. Rơm rạ sau mùa thu hoạch không có hiện tượng đốt hoặc vứt bừa bãi nơi công cộng gây cản

trở giao thông.

Công tác thu gom chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp để tái chế được các xã quan tâm, thường xuyên tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền về phân loại xử lý rác hữu cơ theo quy trình hướng dẫn của phòng tài nguyên và môi trường, các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ thùng xử lý chất thải hữu cơ và phụ phẩm sinh học cho 100% các hộ tham gia. Đối với chất thải hữu cơ như: Vỏ trái cây, rau củ quả hư hỏng, thức ăn thừa, rơm rạ... một số hộ gia đình tận dụng làm thức ăn chăn nuôi, một số hộ vào thùng, xô hay hố có nắp đậy trong vườn nhà để ủ làm phân bón cho cây; một số hộ chăn nuôi gia súc nhiều xây dựng hầm Bioga để thu gom, xử lý. Trong những năm qua, người dân trên địa bàn 3 xã đã tích cực hưởng ứng tham gia. Vì vậy, tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp gần như được thu gom, tái sử dụng hiệu quả, các xã tiếp tục mở rộng mô hình xử lý chất thải hữu cơ làm phân bón cho cây trồng đã đạt được những hiệu quả nhân rộng. Kết quả tại 3 xã năm 2022 như sau:

+ Xã Phùng Xá có 3.337,85 tấn (*phụ phẩm trồng trọt 3.270,95 tấn, chăn nuôi 66,9 tấn*); khối lượng chất thải hữu cơ từ hoạt động chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn xã đã được xử lý 3.308,65 tấn (*phụ phẩm trồng trọt 3.242,55 tấn, chăn nuôi 66,1 tấn*), đạt 3.308,65/3.337,85, đạt tỷ lệ 99,13%.

+ Xã Hồng Sơn có 3.907,3 tấn khối lượng chất thải hữu cơ từ hoạt động chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn xã đã được xử lý /4.564,65 tấn, đạt tỷ lệ 85,6%.

+ Xã Hương Sơn có 4.759 tấn khối lượng chất thải hữu cơ từ hoạt động chăn nuôi và phụ phẩm nông nghiệp phát sinh trên địa bàn xã đã được xử lý /5.736,63 tấn, đạt tỷ lệ 82,96%.

3.17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 95\%$

Công tác vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi được UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các xã triển khai thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường chăn nuôi như: Chuồng nuôi được xây dựng tách biệt với nơi ở; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi định kỳ; có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

Trên địa bàn 3 xã có 238 hộ chăn nuôi (*Phùng Xá 40 hộ, Hồng Sơn 100 hộ, Hương Sơn 98 hộ*) không thuộc đối tượng lập hồ sơ môi trường, các chuồng nuôi thực hiện thu gom xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đạt 100%; 100% chuồng trại, chăn nuôi nằm cách biệt với nhà ở và nguồn nước; 100% đảm bảo khoảng cách trung bình, từ chuồng trại chăn nuôi đến nhà ở và đường đi chung ít nhất là 7m, nằm ở cuối hướng gió, có bể chứa phân, rác, thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường; 100% các chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn phù hợp quy hoạch chăn nuôi, đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người,

đường giao thông chính, nguồn nước mặt... tối thiểu 200m; 100% các trang trại thực hiện vệ sinh chuồng trại định kỳ, thực hiện công tác khử khuẩn, đảm bảo phòng ngừa ứng phó dịch bệnh. Không phát sinh mùi khó chịu gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

3.17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch

Trên địa bàn các xã không có cơ sở hỏa táng. Các Nghĩa trang Nhân dân, nghĩa trang Liệt sĩ của các xã đều đáp ứng quy hoạch và các quy định của pháp luật. Xã Phùng Xá 09 nghĩa trang; xã Hồng Sơn 06 nghĩa trang; xã Hương Sơn 07 nghĩa trang.

3.17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng $\geq 85\%$

Được sự quan tâm từ Thành phố đến cơ sở trong công tác áp dụng hình thức hỏa táng trong an táng người chết. UBND các xã phối hợp với các đoàn thể - chính trị xã hội trên địa bàn xã tích cực vận động, tuyên truyền, hỗ trợ kinh phí cho người dân trong công tác sử dụng hình thức hỏa táng. Kết quả năm 2022, xã Phùng Xá có 36/47 ca hỏa táng đạt tỷ lệ 76,6%; xã Hồng Sơn 35/41 ca hỏa táng đạt tỷ lệ 85,3%; xã Hương Sơn 36/114 ca hỏa táng đạt tỷ lệ 31,58%.

3. 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn

Cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn các xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá được trồng tại nhà văn hóa các thôn, trụ sở UBND xã, các trường học, trạm y tế, các công trình tôn giáo như đình, chùa và dọc các tuyến đường giao thông của xã... Các loại cây được trồng chủ yếu là cây ăn quả, cây bóng mát, cây lâm nghiệp, cây đô thị ,... Theo thống kê hiện nay tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn các xã cụ thể như sau:

- Xã Phùng Xá: Có tổng diện tích đất cây xanh 62.900m²/tổng dân số của xã 8.651, đạt 7,27m²/người.

- Xã Hồng Sơn: Tổng diện tích đất cây xanh được trồng là 42.755m²/5.416 tổng số dân của xã, đạt 5,08 m²/ người.

- Xã Hương Sơn: Tổng diện tích đất cây xanh được trồng là 108.919,8 m²/21.640 tổng dân số của xã, đạt 5,03 m²/ người.

3.17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định

- Nguồn phát sinh chất thải nhựa trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, kinh doanh dịch vụ ăn uống và các khu vực công cộng;

- Công tác phân loại, thu gom, xử lý: Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình cá nhân và các cơ sở kinh doanh ăn uống nhỏ lẻ với thành phần chủ yếu là các vỏ chai nhựa, túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... Các loại chất thải này được phân loại thành 2 loại gồm: các loại chất thải có thể tái chế như vỏ chai nhựa... được thu gom và bán cho cơ sở thu mua; các loại chất thải

không thể tái chế: túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... được thu gom theo chất thải sinh hoạt, tập kết và vận chuyển đi xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom xử lý đạt trên 98%. Xã Phùng Xá: Tổng số khối lượng rác thải nhựa được thu gom, tái chế, xử lý trên địa bàn xã 452,5kg/459,5kg đạt tỷ lệ 98,48%; xã Hồng Sơn: Số chất thải nhựa được thu gom, tái chế, xử lý trên địa bàn xã 2,2 tấn/2,2 tấn/năm, đạt 100%; xã Hương Sơn: Số chất thải nhựa được thu gom, tái chế, xử lý trên địa bàn xã 1,5 tấn/1,5 tấn/tháng, đạt 100%.

* **Đánh giá:** 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 17 về Môi trường theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.18. Tiêu chí Chất lượng môi trường sống

3.18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 65\%$

- Xã Hương Sơn: Trên địa bàn xã Hương Sơn có 03 trạm cấp nước sạch tập trung: (1) Trạm do Trung tâm bảo vệ môi trường trong SXNN và XD NTM quản lý có diện tích 8.250m², công suất 3.500m³/ngày, đêm; (2) Trạm cấp nước thôn Yên Vỹ có diện tích 6.456m², công suất 500m³/ngày, đêm; (3) Trạm cấp nước sạch Thiên Trù - Hương Tích có diện tích 6.000m², công suất 750m³/ngày, đêm. Tổng công suất của 3 trạm là 4.750m³/ngày, đêm cung cấp cho 19.708 người dân/21.640 người dân của xã đạt 91,07%.

- Các xã Hồng Sơn và Phùng Xá đã có kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch, dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2023-2025. Hiện nay, Nhân dân trên địa bàn các xã chủ yếu sử dụng nước sạch sinh hoạt từ thiết bị lọc nước hộ gia đình (*chủ yếu sử dụng máy lọc nước RO, Kangaroo, Karofi*):

+ Xã Hồng Sơn: Có 2.054 hộ/2.054 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%. Số hộ sử dụng máy lọc nước hộ gia đình là 1.775/2.054 hộ, đạt tỷ lệ 86,5%.

+ Phùng Xá: Có 2.351/2.351 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt tỷ lệ 100%; trong đó: số hộ sử dụng máy lọc nước hộ gia đình 1.787/2.351 hộ, đạt tỷ lệ 76,01%.

3.18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân ≥ 80 lít/người/ngày, đêm

- Xã Hương Sơn: 03 trạm cấp nước sạch tập trung với tổng công suất đạt 4.750 m³/ngày, đêm đảm bảo cung cấp đủ lượng nước sạch sinh hoạt cho gia đình với mức 1.839.400 m³/21.640 người, đạt 85 lít/người/ngày, đêm

- Đối với xã Phùng Xá, Hồng Sơn chưa có công trình cấp nước tập trung, các hộ dân trên địa bàn xã hiện nay đều sử dụng hệ thống giếng khoan để lấy nước, thông qua bể lọc làm nước sinh hoạt cho gia đình, hệ thống công trình lấy nước như: Giếng khoan, máy bơm, bể lọc nước, bể chứa nước,... thường xuyên được các hộ gia đình sửa chữa, tu sửa đảm bảo cung cấp đủ lượng nước sinh hoạt cho gia đình với mức trên 85 lít/người/ngày, đêm (*xã Hồng Sơn 85,2 lít/người/ngày, đêm, xã Phùng Xá đạt 90 lít/người/ngày, đêm*).

3.18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 45\%$

- Xã Hương Sơn: Xã có 03/03 trạm có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: 01 trạm do Trung tâm bảo vệ môi trường trong SXNN và xây dựng NTM quản lý, 01 trạm do thôn Yên Vỹ quản lý, 01 trạm do Công ty TNHH Chủ Thụ Béo quản lý. Các trạm đều vận hành, hoạt động tốt như: Tiền thu được đủ bù đắp được (*còn dư*) chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ của trạm; chất lượng nước sạch sau khi xử lý của công trình đạt quy chuẩn của Bộ Y tế; các trạm cung cấp nước thường xuyên trong năm; công suất khai thác thực tế sau 02 năm đưa vào sử dụng của công trình so với công suất thiết kế đạt 3.200/4.750 đạt 67,37%; cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình.

- Đối với xã Phùng Xá, Hương Sơn chưa có công trình cấp nước tập trung.

3.18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm đạt 100%

Hàng năm UBND các xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đã tổ chức và cử cán bộ, đại diện các hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã tham gia các lớp tập huấn do Thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội, Huyện tổ chức các hội nghị tuyên truyền, tập huấn về an toàn thực phẩm cho các đối tượng quản lý. Có 100% chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được tập huấn. Xã Phùng Xá có 68 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (*trong đó có ngành nông nghiệp có 22 cơ sở kinh doanh, 18 cơ sở sản xuất trồng trọt nhỏ lẻ, 13 y tế, 15 công thương*); xã Hồng Sơn có 33 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (*trong đó có 11 nông nghiệp, 8 y tế, 14 công thương*); xã Hương Sơn có 258 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm (*trong đó có 07 cơ sở sơ chế, chế biến nông nghiệp và 71 cơ sở kinh doanh, 144 y tế, 36 công thương*) các hộ đều được tập huấn, phổ biến kiến thức về an toàn thực phẩm.

3.18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã

03/03 xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã.

3.18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về ATTP $\geq 90\%$

Thực hiện theo phân công, phân cấp về quản lý lĩnh vực an toàn thực phẩm của Thành phố Hà Nội, UBND huyện thường xuyên chỉ đạo phòng ban chuyên môn của huyện thường xuyên kiểm tra, chứng nhận các cơ sở chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản về an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện, đảm bảo 100% các cơ sở được cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và ký cam kết an toàn thực phẩm. Kết quả, như sau:

- Xã Phùng Xá: Trên địa bàn xã không có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản, có 22 cơ sở kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ và 82 cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trong đó cơ sở trồng trọt: 18 cơ sở, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: 64 cơ sở), các cơ sở được thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp & PTNT), đạt 100%.

- Xã Hồng Sơn: Trên địa bàn xã không có cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản, chỉ có 11 cơ sở kinh doanh nông lâm thủy sản nhỏ lẻ và 133 cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trong đó số cơ sở trồng trọt: 33 cơ sở, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 100 cơ sở), các cơ sở này đã thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo mẫu tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, đạt 100%.

- Xã Hương Sơn: Toàn xã có 07 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản và 339 cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ (trong đó số cơ sở trồng trọt: 182 cơ sở, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản 157 cơ sở), các cơ sở này đã thực hiện ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo mẫu tại Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, đạt 100%.

3.18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch 100%

- Xã Phùng Xá: Toàn xã có 2.351/2.351 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động), đạt tỷ lệ 100%.

- Xã Hồng Sơn: Toàn xã có 2.054/2.054 hộ có nhà tiêu, nhà tắm; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động), đạt tỷ lệ 100%.

- Xã Hương Sơn: Toàn xã có 6.170/6.170 hộ có nhà tiêu, nhà tắm; bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch. Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động), đạt tỷ lệ 100%.

3.18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 100%

Trên địa bàn 3 xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt nào hoạt động. Đối với chất thải sinh hoạt các xã hiện nay được thu gom, tập kết vào các điểm trung chuyển được công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Hai Bà Trung thu gom xử lý đạt 100%.

* **Đánh giá:** 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 16 về Chất lượng môi trường sống theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

3.19. Tiêu chí Quốc phòng và An ninh

3.19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân

Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân đảm bảo các chỉ tiêu của xã đạt chuẩn nông thôn mới ngoài ra 03 xã Phùng Xá, Hồng Sơn, Hương Sơn đã thực hiện, hoàn thành các tiêu chí bổ sung như:

- Đã bố trí phòng làm việc riêng cho Ban Chỉ huy Quân sự xã và có đầy đủ trang bị, thiết bị làm việc theo quy định của pháp luật (Thực hiện theo quy định của Luật DQTV số 48/2019/QH14 ngày 22/11/2019, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

- Làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân xã, nâng cao tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân (theo kết luận số 41-KL/TW ngày 31/3/2009 của ban Bí thư Trung ương Đảng); thôn đội trưởng, tiểu đội trưởng dân quân cơ động, trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên.

- Các xã đều xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã kết hợp với quốc phòng an ninh như: Kế hoạch kết hợp kinh tế-xã hội với quốc phòng; quốc phòng với kinh tế- xã hội.

- Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm về quốc phòng: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Luật Quốc phòng năm 2018 và Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế- xã hội và kinh tế-xã hội với quốc phòng.

- Quán triệt và tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ Quốc phòng, quân sự địa phương, nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc;

- Thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng đối với lực lượng dân quân và lực lượng dự bị động viên theo quy định của pháp luật.

- Hoàn thành các chỉ tiêu theo Chương trình số 09-CT/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025 như: Hoàn thành đủ và vượt chỉ tiêu vận động công dân nhập ngũ; 100% chỉ tiêu động viên, đã quy hoạch trụ sở làm việc của Công an và Ban Chỉ huy quân sự xã; các Trưởng Ban Chỉ huy quân sự xã đều được đào tạo chuyên ngành, số lượng tội phạm của các xã giảm, không có; các tin báo tố giác đều được giải quyết 100%; các chi bộ Đảng của các xã đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

3.19.2. Công tác an ninh trật tự

- Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội: Hằng năm, Đảng ủy các xã ban hành Nghị quyết, UBND xã có kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự, thường xuyên tổ chức

tuyên truyền, thực hiện có hiệu quả các chủ trương, biện pháp bảo vệ an ninh Tổ quốc. Trên địa bàn xã không xảy ra các hoạt động, chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân và các hoạt động tuyên truyền trái pháp luật, tình hình an ninh chính trị được giữ vững. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm được đẩy mạnh và kiềm chế việc gia tăng tội phạm. Trong năm 2022, trên địa bàn 03 xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (*giao thông, cháy, nổ*) nghiêm trọng trở lên; không có điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội.

- Có mô hình camera an ninh và các mô hình gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả: Các xã đều xây dựng mô hình Camera an ninh và một số mô hình bảo vệ an ninh trật tự xã hội phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của địa phương

+ Xã Phùng Xá: Có một số mô hình (1) Mô hình Camera an ninh tại Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 của UBND xã Phùng Xá, (2) Mô hình điểm “Khu dân cư an toàn phòng cháy, chữa cháy” theo Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 06/5/2022, (3) Mô hình “Tổ an ninh tự quản” Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 23/9/2022 của UBND xã.

+ Xã Hồng Sơn: Có (1) Mô hình Camera an ninh quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 27/10/2022, (2) Mô hình “Tổ an ninh tự quản” theo quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 27/9/2022, (3) Mô hình “Tổ đảm bảo ANTT các trường học trên địa bàn xã Hồng Sơn” theo quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 28/9/2022, (4) Mô hình Tổ liên gia an toàn phòng cháy và chữa cháy tại địa bàn chợ thuộc thôn Hạ Sở theo quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND xã.

+ Xã Hương Sơn: Có (1) Mô hình Camera an ninh theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 24/11/2022; (2) Mô hình “Tổ an ninh tự quản” theo Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 29/11/2022, (3) Mô hình “Tổ kiểm tra xử lý các vi phạm của Ban tổ chức ngoài lễ hội Chùa Hương năm 2022 và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn” theo Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND xã.

- Năm trước năm xét, đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn xã đạt “xuất sắc”. Công an xã đạt “Đơn vị quyết thắng”: Năm 2021, Ban Công an các xã đã hoàn thành tốt nhiều nhiệm vụ như: Làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, công tác đảm bảo TTATXH, công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, công tác phòng cháy chữa cháy trên địa bàn ... được cấp trên và Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao. Kết quả, năm 2021, có Ban Công an xã Hương Sơn đạt danh hiệu "Đơn vị quyết thắng". Ban Công an xã Hồng Sơn, Phùng Xá chưa đạt đơn vị quyết thắng, chưa được xếp loại xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

- Công an xã có trụ sở riêng hoặc đang được khởi công xây dựng: Các xã đều chưa có trụ sở công an riêng, tuy nhiên đều đã có quy hoạch và bố trí quỹ đất trên 1.000m² để xây trụ sở làm việc của công an xã. Có xã Hồng Sơn đã được Bộ Công an phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 4028/QĐ-BCA-H01 ngày

01/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư 71 dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an trên địa bàn thành phố Hà Nội.

* **Đánh giá:** 3 xã Hồng Sơn, Hương Sơn, Phùng Xá đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTMNC của Thành phố và Trung ương giai đoạn 2021-2025.

4. Kết quả thực hiện các tiêu chí Huyện nông thôn mới

4.1. Tiêu chí số 1 - Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch xây dựng vùng huyện (hoặc quy hoạch chung xây dựng huyện) được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

- Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

4.1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện (hoặc quy hoạch chung xây dựng huyện) được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

* Có quy hoạch xây dựng vùng huyện (hoặc quy hoạch chung xây dựng huyện) được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định

- Xác định quy hoạch là cơ sở quan trọng để điều hành, quản lý việc xây dựng NTM, định hướng phát triển đồng bộ kinh tế - xã hội, do đó quy hoạch phải đi trước một bước. Đến nay, huyện Mỹ Đức được Thành phố phê duyệt các quy hoạch sau: Quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức tỷ lệ 1/10.000 tại Quyết định số 4465/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND Thành phố; Quy hoạch chung thị trấn Đại Nghĩa đến năm 2030, tỷ lệ 1/5.000 tại Quyết định số 5325/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 của UBND Thành phố.

Theo các quy hoạch nêu trên, huyện Mỹ Đức được chia làm ba vùng chính để phát triển kinh tế theo cơ cấu: Nông nghiệp; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thương mại, dịch vụ: Mỹ Đức là vành đai xanh định hướng phát triển huyện Mỹ Đức theo hình thức phân tán với 1 đô thị hạt nhân trung tâm là thị trấn Đại nghĩa và 3 cụm đổi mới có các xã An Mỹ, An Phú, Hương Sơn để phục vụ cho phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn, hỗ trợ sản xuất, công cộng, thương mại và dịch vụ, phát triển kinh tế huyện gắn du lịch tâm linh Chùa Hương với các du lịch sinh thái; Quy hoạch các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng: Hương Sơn, Quan Sơn, Tuy Lai, Thượng Lâm, An Phú.

Huyện đang lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Mỹ Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỷ lệ 1/25.000 và Quy hoạch bảo quản, bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử đặc biệt và danh lam thắng cảnh Hương Sơn (Chùa Hương), huyện Mỹ Đức.

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng, trong giai đoạn 2015-2020, UBND huyện Mỹ Đức đã chỉ đạo thực hiện và phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới 21/21 xã đến năm 2030 trên địa bàn huyện, đang tiến hành lập quy hoạch chi tiết trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn của các xã, chi tiết 1/500.

Quy hoạch vùng huyện, cùng quy hoạch xây dựng NTM các xã được phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo liên kết vùng trong tổ chức sản xuất, xây dựng NTM gắn với phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, phát huy thế mạnh địa phương, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tạo nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng đất thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất, quy hoạch có định hướng cho việc đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật thu gom và xử lý nước thải, góp phần bảo vệ môi trường, diện mạo nông thôn được đổi mới, phát triển bền vững.

* Có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

Quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000 đã quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, bao gồm các công trình sau:

- Quy hoạch chi tiết trung tâm xã và các điểm dân cư xác định được hệ thống hạ tầng xã hội: trường học, nhà trẻ, trạm y tế, nhà văn hóa thôn, trung tâm văn hóa xã... hệ thống hạ tầng kỹ thuật: giao thông liên vùng, liên xã, liên thôn, giao thông nội đồng, cấp điện, cấp nước, thoát nước.

- Cụm công Đại Nghĩa, xã Đại Hưng diện tích 30 ha; cụm công nghiệp xã Phùng Xá diện tích 9,8 ha với các ngành sản xuất không gây ô nhiễm, ứng tiên phát triển công nghiệp sinh thái, công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm chất lượng cao.

- Định hướng vào xây dựng hệ thống dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của các khu du lịch trên địa bàn huyện. Hệ thống này bao gồm một số nhóm dịch vụ cơ bản sau: Quy hoạch khu du lịch nghỉ dưỡng, hệ thống giao thông, Điện, trường học, bệnh viện, bến xe, quy hoạch chi tiết dự án cáp treo Hương Bình, công viên nghĩa trang huyện Mỹ Đức,...

4.1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt

TT	Tên công trình	Theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức	Thực tế	Đánh giá
1	Bệnh Viện Đa khoa huyện	Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức	Bệnh viện đa khoa huyện Mỹ Đức đã được xây dựng	Đây là Công trình hạ tầng xã

TT	Tên công trình	Theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Đức	Thực tế	Đánh giá
	Mỹ Đức	sẽ phát triển thành bệnh viện hạng II.	Mở rộng và nâng cấp đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II.	hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

4.2. Tiêu chí số 2 - Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.
- Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%.
- Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$.
- Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm

- Có 100% số xã trên địa bàn huyện có đường ô tô kết nối với đường huyện và các trung tâm hành chính, đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm

Huyện có 21 xã, 01 thị trấn, trung tâm hành chính của huyện tại thị trấn Đại Nghĩa. Các xã, thị trấn trên địa bàn đều có đường ô tô kết nối với đường huyện và trung tâm hành chính, các tuyến đường đều đã được bê tông hoá, nhựa hoá, có mặt đường rộng, đảm bảo yêu cầu của tiêu chí. Toàn huyện có 30 tuyến đường huyện do huyện quản lý với chiều dài 115,7 km. Đây là các tuyến đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, là cầu nối chuyển tiếp hàng hóa, hành khách từ hệ thống đường Quốc lộ, Tỉnh lộ đến trung tâm hành chính của huyện, của các xã, thị trấn; phục vụ sự đi lại và lưu thông hàng hóa trong phạm vi của huyện. Hệ thống tuyến đường huyện do huyện quản lý luôn được chú trọng đầu tư, cải tạo, nâng cấp và đưa vào khai thác hiệu quả. 100% các tuyến đường huyện do huyện quản lý đã được đầu tư, cải tạo, nâng cấp và đưa vào khai thác hiệu quả, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV, cấp V đồng bằng theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005 và phù hợp với quy hoạch.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện có có tuyến đê Đáy dài 29,36km là tuyến đường giao thông huyết mạch phát triển kinh tế của các xã ven sông Đáy đã được đầu tư bê tông hóa toàn tuyến và đang được nâng cấp nhựa hóa nhiều cung

đường, phục vụ việc tham gia giao thông của Nhân dân và giúp các xã ven sông Đáy phát triển kinh tế và phục vụ công tác PCTT; có 7 tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ với chiều dài 55,49 km kết nối đến trung tâm các xã và trung tâm hành chính của huyện.

- Tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%: Toàn huyện có 30 tuyến đường huyện do huyện quản lý với chiều dài 115,7 km, đều đã được nhựa hoá, bê tông hoá 115,7km, đạt tỷ lệ 100%.

- 100% đường huyện được bảo trì hàng năm: UBND huyện giao cho phòng Quản lý đô thị huyện lập danh sách, theo dõi, xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, bảo trì đường theo quy định. 100% các tuyến đường do huyện quản lý được bảo trì hàng năm.

4.2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%

Toàn bộ 30 tuyến đường huyện với chiều dài 115,7/115,7km đạt cấp kỹ thuật theo tiêu chuẩn IV, cấp V đồng bằng TCVN 4054: 2005 là đường ô tô, có hệ thống cầu, cống được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch, đạt tỷ lệ 100%.

4.2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt \geq 50%

Tổng số có 61/115,7km đường huyện được trồng cây xanh, đạt tỷ lệ 52,7%. Các cây được trồng đảm bảo theo quy định là các loài cây thân gỗ, có giá trị bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan, bóng mát, có tác dụng phòng hộ cao, để ổn định nền đường, tạo mỹ quan và bảo vệ môi trường, tăng cảm giác an toàn khi tham gia giao thông.

(chi tiết các tuyến đường có biểu gửi kèm)

4.2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên

Huyện có 01 bến xe khách khách trung tâm tại thị trấn Đại Nghĩa với diện tích 3.557m², có đầy đủ hạng mục công trình để vận hành hoạt động của Bến xe theo quy định và đạt tiêu chuẩn loại IV theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách 9QCVN 45:2012/BGTVT) theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải được sửa đổi lần 1 năm 2015 (Sửa đổi 1:2015 QCVN 45:2012/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 03 bến xe khách tại xã Hương Sơn với tổng diện tích 57.544m², có đầy đủ các hạng mục công trình để vận hành hoạt động của Bến, bến xe hoạt động tốt phục vụ người dân trên địa bàn huyện và khách về chùa Hương trải hội.

- Về giao thông công cộng: Số lượng tuyến buýt đi qua địa bàn huyện Mỹ Đức gồm 4 tuyến (103A, 103B, 78, 125) với lưu lượng trong thời gian cao điểm vận chuyển 2,6 triệu lượt hành khách/năm.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

4.3. Tiêu chí số 3 - Thủy lợi và phòng chống thiên tai

a) Yêu cầu của Tiêu chí

- Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch

- Hệ thống thủy lợi liên xã (bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên) được xây dựng phù hợp với quy hoạch được phê duyệt

Trên địa bàn huyện có 01 sông chính chảy qua là Sông Đáy, 02 sông nội địa: Sông Mỹ Hà, Thanh Hà; ngoài ra trên địa bàn huyện có 113 trạm bơm (46 trạm bơm tưới, 32 trạm bơm tiêu, 16 trạm bơm tưới tiêu kết hợp và 19 trạm bơm giã chiến), 4 hồ chứa, 17 đập, trong đó có 01 hồ chứa vừa do Thành phố quản lý-Hồ Quan Sơn - Vĩnh An -Tuy Lai và các hồ, đập nhỏ; 1.522,7 km kênh mương với 2.249 tuyến kênh có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

Theo phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn huyện tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội thì hệ thống thủy lợi liên xã do UBND thành phố quản lý, hiện UBND Thành phố giao Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Đáy trực tiếp quản lý, vận hành: 01 hồ chứa, 54 trạm bơm, 187 tuyến kênh với chiều dài 232,79 km và 05 đập. Các công trình thủy lợi liên xã đều được xây dựng từ lâu nên một số công trình đã hư hỏng, xuống cấp. Trong quá trình thực hiện xây dựng nông thôn mới, UBND thành phố Hà Nội đã quan tâm đầu tư kinh phí cải tạo, nâng cấp một số công trình thủy lợi liên xã trên địa bàn huyện Mỹ Đức như: cải tạo, nâng cấp Trạm bơm tiêu Hoà Lạc, trạm bơm tưới tiêu Hội Xá, trạm bơm tưới tiêu Phú Yên; trạm bơm tiêu Cầu Đổ - Chân Chim; Trạm bơm tưới An Mỹ, Đức Môn, La Làng... và cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới, tiêu khác trên địa bàn xã,... các công trình được đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp theo quy hoạch thủy lợi được phê duyệt.

- Ngoài ra, trên địa bàn Mỹ Đức có hệ thống đê với tổng chiều dài 89,82km và 29,87 km kè, gồm:

+ Các tuyến đê cấp IV tổng chiều dài 58,8km, gồm: Đê hữu Đáy từ K39+570 đến K69+670, từ xã Phúc Lâm đến xã Hương Sơn dài 30,1km; Mỹ Hà từ K0 đến K12+700 dài 12,7km, từ xã Hợp Tiến đến xã Hương Sơn; đê bao Hồ Quan Sơn - Tuy Lai - Vĩnh An, gồm các xã Tuy Lai, Mỹ Thành, An Mỹ, Hồng Sơn, Hợp Tiến dài 16km.

+ Các tuyến đê cấp V tổng chiều dài 23,12km, gồm: Đê Đồng Chiêm dài

3,12km, đê Quán Mai - Nam Hưng dài 5km, đê vùng 700 dài 5km thuộc xã An Phú; đê vùng Hương Sơn dài 10km.

+ Đê chưa phân cấp tổng chiều dài 7,9km (đê Phú Hiền - La Làng dài 7km thuộc xã Hợp Thanh, Hợp Tiến, đê Vạn Thắng dài 0,9km thuộc xã An Tiến).

+ Dọc các tuyến đê có 40 kè lát mái hộ bờ với tổng chiều dài là 29,87 km (Hữu Đáy 29 kè tổng chiều dài 15,712,5km, Hồ Quan Sơn 6 kè tổng chiều dài 6,095km, Vùng 700 2 kè tổng chiều dài 4,76km, Đê bao Phú Hiền - La Làng 02 kè tổng chiều dài 2,65km, Đê bao Hương Sơn 01 kè dài 0,477km.

- Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả, bền vững

+ Công ty thủy lợi Sông Đáy được thành lập theo Quyết định số 2082/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây; Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi công ty thủy lợi Sông Đáy thành Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Đáy. Theo phân cấp quản lý nhà nước lĩnh vực thủy lợi tại Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND thành phố Hà Nội thì hệ thống thủy lợi liên xã do UBND thành phố quản lý, hiện UBND Thành phố giao Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Đáy trực tiếp quản lý, khai thác, vận hành các công trình thủy lợi do thành phố quản lý.

+ Quản lý, khai thác hệ thống theo đúng kế hoạch được duyệt, đảm bảo điều hòa phân phối nước, tiêu nước công bằng, hợp lý

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội và trên cơ sở kế hoạch sản xuất nông nghiệp của huyện; Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Đáy đã chỉ đạo các phòng, ban thuộc Công ty và Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức xây dựng kế hoạch tưới tiêu theo từng vụ sản xuất và được Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức tổ chức triển khai quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả, tưới tiêu luân phiên, điều tiết phân phối nước tưới tiêu hỗ trợ lẫn nhau giữa các công trình thủy lợi do công ty quản lý đến từng xã, thị trấn trên địa bàn huyện đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp kịp thời vụ, theo đúng kế hoạch, không xảy ra tình trạng thiết hụt nước tưới, hạn hán.

+ Thực hiện phương án bảo vệ công trình công trình thủy lợi được duyệt

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội về quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi theo quy định của Luật thủy lợi. Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Đáy phối hợp chặt chẽ với UBND huyện, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trong công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Luật thủy lợi; xây dựng phương án ứng phó thiên tai và ứng phó tình huống khẩn cấp các cụm công trình đầu mối như: hồ chứa nước Quan Sơn. UBND các xã, thị trấn phối hợp với Xí nghiệp ĐTPT Thủy lợi Mỹ Đức thường xuyên kiểm tra, phát hiện và tập trung chỉ đạo, xử lý, giải tỏa các vi phạm pháp luật về công trình thủy lợi theo quy định.

4.3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ

Công tác PCTT và TKCN được UBND huyện xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được quan tâm hàng đầu; xác định được tầm quan trọng đ; hàng năm UBND huyện đều chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn huyện thực hiện nghiêm túc, triệt để công tác PCTT theo đúng phương châm 4 tại chỗ, cụ thể:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện được thành lập và thường xuyên được kiện toàn đảm bảo đúng theo quy định; Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện có quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; phòng Kinh tế huyện được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Ban chỉ huy PCTT&TKCN huyện.

- Hàng năm các thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện được tham gia các lớp tập huấn do thành phố tổ chức, đồng thời huyện tổ chức các buổi tập huấn, phổ biến kiến thức về PCTT&TKCN cho cán bộ làm công tác PCTT từ huyện đến cơ sở.

- Trên cơ sở chỉ đạo của Thành phố, căn cứ diễn biến thời tiết, hàng năm huyện đều xây dựng phương án, kế hoạch PCTT; phương án bảo vệ công trình trọng điểm xung yếu; Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro, đồng thời xác định rõ các vùng có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai trên địa bàn huyện để đưa vào phương án bảo vệ, ứng phó. Các vi phạm pháp luật về công trình đê điều, thủy lợi được kiểm tra, phát hiện và xử lý, các vi phạm mới UBND huyện đã chỉ đạo các ngành kiểm tra phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

- Về cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ công tác PCTT: Việc quy hoạch sử dụng đất, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các khu dân cư mới trên địa bàn huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch hành lang thoát lũ sông Đáy và quy hoạch đê tả Đáy trên địa bàn. Các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn được xây dựng mới đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai.

- Về thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai: Hệ thống thông tin cảnh báo thiên tai trên địa bàn huyện được thực hiện trên hệ thống truyền thanh của huyện và các xã. Toàn bộ các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều đã có hệ thống truyền thanh đến các thôn đảm bảo đáp ứng yêu cầu về thông tin cảnh báo và ứng phó thiên tai.

*** Đánh giá hiệu quả của tiêu chí**

Trước khi xây dựng NTM, trên địa bàn huyện có nhiều công trình thủy lợi, công được xây dựng từ lâu đời đã xuống cấp, hư hỏng, các thiết bị máy móc ở một số trạm bơm bị hư hỏng, các tuyến kênh tưới, tiêu bị bồi lắng.

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM các cấp, các ngành đã quan tâm hỗ trợ, bố trí kinh phí đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhiều cụm công trình đầu mối lấy nước (trạm bơm, cống) và hệ thống kênh tưới, tiêu; Hàng năm đều huy động Nhân dân và cân đối, bố trí nguồn lực của địa phương tổ chức ra quân thực hiện nạo vét hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng, xây

dựng phương án chống hạn vụ Đông Xuân, phương án PCTT và TKCN sát với tình hình thực tế của địa phương.

Đến nay, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện đảm bảo tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn. Hiệu quả sau đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các công trình thủy lợi thể hiện rõ nét trong kết quả sản xuất nông nghiệp, đảm bảo tưới, tiêu kịp thời phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần giúp huyện hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung, sản xuất hàng hóa chất lượng cao, phát huy tiềm năng, lợi thế nông nghiệp của huyện, là cơ sở để phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, xây dựng NTM và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống cho người dân.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

4.4. Tiêu chí số 4 - Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã đạt các điều kiện sau:

+ Đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; không còn cột điện giữa đường hoặc gây cản trở giao thông; hệ thống đường dây được thanh thải, bó gọn, không trùng võng

+ Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 và được sửa đổi tại Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối.

- Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quy hoạch, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.4.1. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp (hệ thống điện) đầu tư liên xã

- Đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật của ngành điện; không còn cột điện giữa đường hoặc gây cản trở giao thông; hệ thống đường dây được thanh thải, bó gọn, không trùng võng

Huyện đã được Thành phố công bố công khai “*Quy hoạch phát triển điện lực đoạn 2016-2025 có xét đến 2035*”. Trên địa bàn huyện có hệ thống lưới điện hạ áp 846,951 km. Trong đó, đường dây cáp ngầm là 0,905 km, chiếm tỷ lệ 0,11%; đường dây nổi là 846,046 km chiếm tỷ lệ 99,89%; Số trạm biến áp hiện đang có là 423 trạm với tổng công suất 165.180 kVA. Đường dây trung áp 283,87 km. Trong đó: Đường dây nổi trên không 262,56km (92,5%); cáp ngầm:

21,31 km (7,5%). Hệ thống các cột điện được sửa chữa, thay thế bố trí phù hợp với đường giao thông không gây cản trở giao thông, dây điện thường xuyên được thanh thải những dây không dùng đến, bó gọn không trùng võng. Hệ thống lưới điện đảm bảo thông số kỹ thuật, an toàn theo Quyết định 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016.

- Đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo các thông số quy định

Giai đoạn 2010 đến nay, trên địa bàn huyện Mỹ Đức đã thường xuyên triển khai đầu tư các công trình lưới điện trung, hạ áp đảm bảo nhu cầu sử dụng điện toàn huyện, các đơn vị hoạt động điện lực trên địa bàn bao gồm Công ty Điện lực Mỹ Đức đã cải tạo 68 trạm biến áp; xây mới 146 trạm biến áp; xây mới 115,83 km đường dây hạ thế, 144,58 km đường dây trung thế 7,8km cáp ngầm trung thế; nâng cấp cải tạo 338,95 km đường dây hạ thế, 146,6 km đường dây trung thế; 1,13 km đường cáp ngầm với tổng kinh phí đầu tư 537.117 triệu đồng, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng cơ sở, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện. Đến nay, hệ thống các công trình điện trên địa bàn huyện đảm bảo đồng bộ và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối (*về tần số, điện áp, cân bằng pha, sóng hài điện áp, nhấp nháy điện áp, công suất, truyền tải, hệ thống bảo vệ*) liên xã theo các thông số quy định tại Thông tư số 39/TT- BCT ngày 18/1/2015 của Bộ Công thương quy định về hệ thống lưới điện phân phối; Hệ thống điện liên xã đảm bảo phù hợp với tình trạng và yêu cầu của hệ thống điện các xã về nhu cầu truyền tải điện năng, kết nối giữa các hệ thống, sự phù hợp về kỹ thuật của ngành điện và theo quy hoạch.

4.4.2. Hệ thống điện đầu tư giai đoạn 2021-2025 phù hợp với quy hoạch, đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 4720/QĐ-BCT ngày 02/12/2016 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Hợp phần I đề án "Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035"; Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Hợp phần II đề án "Quy hoạch phát triển Điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035". Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 874/KH-UBND ngày 03/7/2018 của UBND huyện Mỹ Đức về đầu tư phát triển lưới điện huyện Mỹ Đức giai đoạn 2018-2025; số 260/KH-UBND ngày 25/02/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về phát triển điện lực huyện Mỹ Đức năm 2022, đã chỉ đạo Công ty Điện lực Mỹ Đức và các tổ chức kinh doanh điện ngoài EVN trên địa bàn xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện trên địa bàn quản lý theo quy hoạch phát triển điện theo đúng quy hoạch.

Công ty Điện lực Mỹ Đức hằng năm có kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống lưới điện, trong đó có hệ thống điện trên địa bàn huyện tại Quyết định số 5200/QĐ-EVNHA NOI ngày 30/7/2021 của Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà

Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2022 cho Công ty Điện lực Mỹ Đức; Quyết định số 9790/QĐ-EVNHANOI ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty điện lực thành phố Hà Nội về việc giao danh mục chuẩn bị đầu tư năm 2022 lần 2 cho công ty điện lực Mỹ Đức.

Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh điện trên địa bàn huyện Công ty TNHH Chí Công, xã Hương Sơn; HTX nông nghiệp Hương Sơn, xã Hương Sơn; HTX nông nghiệp An Mỹ, xã An Mỹ; HTX nông nghiệp Mỹ Thành, xã Mỹ Thành căn cứ kế hoạch của UBND huyện hằng năm xây dựng, triển khai kế hoạch nâng cấp, cải tạo hệ thống điện theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt phù hợp với quy hoạch phát triển Điện lực huyện sau năm 2016, đảm bảo chất lượng nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016-2020.

Công ty Điện lực Mỹ Đức luôn đảm bảo điện áp đối với phụ tải điện trên địa bàn huyện, trong điều kiện vận hành bình thường độ lệch điện áp cho phép trong khoảng $\pm 5\%$ so với điện áp danh định của lưới điện và được xác định tại vị trí đặt thiết bị đo đếm điện năng.

Toàn bộ hệ thống điện thuộc địa bàn huyện đều đảm bảo an toàn yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy định kỹ thuật điện nông thôn (QĐKT-ĐNT-2006), ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) ngày 08/12/2006.

(có Phụ lục số 22.1 - 22.3 gửi kèm)

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

4.5. Tiêu chí số 5: Y tế - Văn hóa - Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Y tế: Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng.
- Văn hóa: Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.
- Trường học: Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn $\geq 60\%$.
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn

Theo Bộ Y tế tại Quyết định 2373/QĐ-BYT ngày 31/8/2022 thì Tiêu chí Trung tâm Y tế đạt chuẩn có nghĩa là Trung tâm Y tế đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng theo Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện; Quyết định 2367/QĐ-BYT ngày 04/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành "Mô hình-Tiêu chuẩn thiết kế Trung tâm Y tế dự phòng quận, huyện".

*** Về Cơ sở hạ tầng**

- Trung tâm Y tế huyện Mỹ Đức được đầu tư xây mới năm 2008 phù hợp với quy hoạch đã được duyệt, ngay cạnh Tỉnh lộ 419 rất thuận lợi về giao thông đi lại, với tổng diện tích toàn bộ Trung tâm là 2.184 m², bao gồm 01 dãy nhà 03 tầng và các công trình khác. Tổng diện tích xây dựng là: 1.988 m²; với cơ cấu 05 khoa chuyên môn và 03 phòng chức năng, 02 Phòng khám đa khoa An Mỹ và Hương Sơn và 22 trạm y tế các xã, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện.

- Trung tâm Y tế gồm 8 khoa, phòng, 02 Phòng khám đa khoa khu vực, 22 Trạm Y tế xã, thị trấn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27/5/2021 hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện. Diện tích các phòng đáp ứng đủ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012 công sở hành chính nhà nước.

- Có 02 phòng khám đa khoa An Mỹ và Hương Sơn đều được đầu tư xây mới năm 2014 và 2003 có vị trí gần các trục đường giao thông lớn, có mặt bằng tổng thể tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về phòng khám đa khoa (tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9214:2012); 100% các xã, thị trấn đã đạt và duy trì Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế; Trạm Y tế các xã, thị trấn có vị trí và diện tích xây dựng đảm bảo theo Bộ Tiêu chí quốc gia về Y tế xã; các công trình hạng mục chính thuộc Trung tâm Y tế, 02 phòng khám đa khoa An Mỹ và Hương Sơn, trạm y tế 22 xã, thị trấn đều cấp III và cấp IV, một số hạng mục phụ trợ có cấp IV.

- Giai đoạn 2010-2020, được sự quan tâm của UBND huyện, Trung tâm Y tế đã được đầu tư xây dựng mới Phòng khám đa khoa An Mỹ và 05 trạm Y tế xã với kinh phí 62,885 tỷ đồng; đồng thời cải tạo, nâng cấp trụ sở Trung tâm Y tế và 14 trạm Y tế của các xã, thị trấn với kinh phí 7,204 tỷ đồng, đảm bảo tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân địa phương.

*** Về nhân lực**

- Tổng số nhân lực (*bao gồm cả nhân lực 02 phòng khám đa khoa và 22 trạm Y tế cấp xã*)

Tổng số 295 người. Trong đó: Bác sĩ 37 người (BS CKI là 03 người, BSĐK là 19 người; BS YHCT là 03 người; BS YHDP là 11 người, Bác sĩ nghỉ hưu hợp đồng tại đơn vị là 01 người); Dược sĩ 28 người; Điều dưỡng 45 người; Y sĩ 78 người); Nữ hộ sinh 19 người; Nhân lực khác 88 người.

- 100% Trạm Y tế xã, thị trấn đã triển khai thực hiện Trạm Y tế khám chữa bệnh, quản lý theo nguyên lý y học gia đình. Trung tâm Y tế huyện được đầu tư đầy đủ trang thiết bị y tế thiết yếu, đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Hệ thống chụp X-quang, máy xét nghiệm Sinh hóa, huyết học; máy xét nghiệm nước tiểu, máy xét nghiệm đường huyết, máy siêu âm, máy điện tâm, máy đo chức năng hô hấp,...

*** Về Công tác chuyên môn**

Với việc được đầu tư xây dựng mới, thường xuyên được nâng cấp cải tạo sửa chữa cơ sở hạ tầng, các trang thiết bị y tế và bổ sung nhân lực của Trung tâm Y tế huyện, 02 phòng khám đa khoa và 22 trạm Y tế các xã, thị trấn, trong những năm qua, Trung tâm Y tế huyện đã đáp ứng nhu cầu phục vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân, đồng thời thực hiện tốt chức năng tham mưu và tổ chức phòng chống dịch bệnh, đảm bảo không có dịch lớn xảy ra trên địa bàn; triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu y tế quốc gia và của Thành phố đạt và vượt chỉ tiêu Thành phố giao; hướng dẫn 100% các xã, thị trấn xây dựng và duy trì Tiêu chí Quốc gia về Y tế theo Bộ Tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2020; thực hiện tốt công tác khám bệnh và điều trị cho các bệnh nhân tại 02 Phòng khám đa khoa và 22 trạm Y tế các xã, thị trấn,...

Từ năm 2010 đến 2022, Trung tâm Y tế huyện luôn được Sở Y tế thành phố Hà Nội đánh giá, xếp loại xuất sắc và nhận cờ thi đua qua kết quả chấm điểm kiểm tra, đánh giá hàng năm.

Trung tâm Y tế huyện luôn đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn huyện theo các chương trình Y tế, đặc biệt các chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

4.5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã

*** Về cơ sở vật chất**

Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện hiện có 01 nhà thi đấu và 01 sân tập luyện thể thao với diện tích trên 2.000m², có cơ sở đài truyền thanh huyện đang duy trì hoạt động cơ bản ổn định, với tổng diện tích khuôn viên là 360m² bao gồm: 4 phòng (2 phòng làm việc, 1 phòng kho để thiết bị, 1 phòng khách, 1 phòng bảo vệ), diện tích các phòng đều rất nhỏ; khu nhà làm việc của lĩnh vực Văn hóa đang sử dụng chung với Thư viện, với tổng diện tích là khoảng 2000 m², diện tích sử dụng 288m/2 sàn, gồm tổng số 8 phòng làm việc. Năm 2021, UBND huyện đã quy hoạch và có kế hoạch đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện với diện tích 4,45ha; tổng mức đầu tư khoảng 400 tỷ đồng, gồm các hạng mục chính là Nhà văn hóa trung tâm, Nhà thi đấu thể thao, sân vận động, bể bơi... Dự án đang được hoàn thiện thủ tục để triển khai xây dựng, dự án khi được xây dựng sẽ đảm bảo cơ sở vật chất, điều kiện kỹ thuật luyện tập hoạt động văn hóa, thể thao; có thể đáp ứng việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao của Trung ương và Thành phố.

*** Công tác thông tin, tuyên truyền**

Hàng năm, Trung tâm Văn hóa - Thông tin & Thể thao huyện đã xây dựng kế hoạch công tác thông tin tuyên truyền, trong đó đã tăng thời lượng phát sóng, duy trì các chuyên mục phát thanh tuyên truyền Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đảng các cấp. Trong năm 2022, Trung tâm đã phát sóng 340 chương trình với tổng số hơn 4.800 lượt tin bài; ngoài ra còn đăng tải hơn 1400 lượt tin bài, phóng sự truyền hình trên Cổng thông tin điện tử của huyện, Bản tin của Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Đài PT - TH Hà Nội, Cổng thông

tin điện tử của Thành phố... Kịp thời ghi âm chương trình chuyên nhiều file âm thanh về công tác chỉ đạo, chỉ thị điều hành tuyên truyền công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tới Đài truyền thanh các xã, thị trấn phát thanh tuyên truyền kịp thời tới Nhân dân.

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện đã luôn duy trì chuyên mục hàng ngày, hàng tuần để phản ánh kịp thời tình hình của dịch bệnh trong nước và trên thế giới để người dân hiểu, nắm rõ và có những biện pháp phòng, chống dịch bệnh kịp thời. Tuyên truyền phản ánh toàn bộ các cuộc họp giao ban trực tuyến, chỉ đạo của Huyện, Thành phố và Chính phủ, để thông tin kịp thời diễn biến cũng như các biện pháp phòng chống dịch bệnh tới đông đảo Nhân dân; tổ chức tuyên truyền bằng xe lưu động 19 ngày tới các nơi tập trung đông người như: Khu chợ, khu tập trung đông dân cư trên địa bàn huyện giúp người dân nắm bắt nhanh nhất, dễ hiểu về các biện pháp phòng chống dịch trong thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19 và duy trì các hoạt động phù hợp thích ứng trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên Trung tâm đã bám sát sự chỉ đạo của Huyện trong công tác kiểm tra, giám sát công tác phòng chống dịch; phản ánh các mô hình hay, cách làm hiệu quả của các tập thể và cá nhân điển hình trong công tác phòng chống dịch COVID-19.

Luôn chú trọng đổi mới nội dung công tác tuyên truyền, phản ánh toàn diện những kết quả nổi bật về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; công tác phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. Trong đó đã chủ động tuyên truyền kế hoạch cũng như việc triển khai công tác sản xuất vụ xuân, vụ mùa, vụ đông, công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2022. Phản ánh các phong trào thi đua lao động, sản xuất, kinh doanh và hoạt động của các cấp các ngành với các chương trình ra quân, phát động phong trào thi đua lập thành tích phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2022; công tác chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, tuyên truyền biểu dương cổ vũ những gương điển hình tiên tiến, những kinh nghiệm làm kinh tế có hiệu quả, gương người tốt việc tốt..., các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng các ngày Lễ lớn và không khí mừng Đảng, mừng Xuân trên địa bàn huyện. Phản ánh hoạt động của các Đoàn lãnh đạo Thành ủy, HĐND, UBND, MTTQ Thành phố và Huyện đi thăm, chúc tết các cơ quan, đơn vị, các đối tượng chính sách, các gia đình có công, gia đình Liệt sĩ, các thương binh, bệnh binh, các cụ lão thành cách mạng và thăm hỏi, động viên các gia đình nghèo khó khăn trong dịp Lễ, Tết.

Tập trung tuyên truyền xây dựng nông thôn mới nâng cao theo Chương trình 04 của Thành ủy và Chương trình của Huyện ủy về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nông dân giai đoạn 2022-2025”; tập trung tuyên truyền các kết quả xây dựng Huyện nông thôn mới, cũng như kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đối với các xã đăng ký phấn đấu về đích năm 2022.

Tuyên truyền phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, công tác đấu tranh chống tiêu cực, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự về an toàn giao thông. Cùng với việc tuyên truyền thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước.

Phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các phong trào thi đua gắn với các ngày kỷ niệm của quê hương, đất nước, của các ngành đoàn thể. Đội ngũ cán bộ phóng viên luôn bám sát các Ban, ngành, đoàn thể để phản ánh kịp thời các hoạt động, các phong trào thi đua của các cấp, các ngành, các đoàn thể từ huyện tới cơ sở. Ngoài ra, Trung tâm đã xây dựng 20 phóng sự có thời lượng từ 20-30 phút trình chiếu tại các hội nghị Tổng kết, ngày Lễ kỷ niệm do huyện và các ngành tổ chức... phản ánh các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương.

*** Công tác tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao**

- Công tác thông tin tuyên truyền cổ động

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện tốt công tác Thông tin cổ động, trang trí tuyên truyền cổ động trực quan mừng Đảng, mừng xuân, mừng năm mới 2022; tuyên truyền kỷ niệm các ngày Lễ kỷ niệm của đất nước, các sự kiện chính trị lớn diễn ra trong năm năm 2022 tạo không khí vui tươi phấn khởi trong Nhân dân như:

+ Tại khu vực trung tâm huyện đã trang trí 3.500 cờ Đảng, cờ tổ quốc, 18 phướn cỡ lớn, treo 145 chiếc băng zôn, khẩu hiệu; treo 1.450 cờ nhỏ, 600 cờ hồng kỳ, làm các cụm tranh pano với trên 850m² tranh Pano,...

+ Tại các xã, thị trấn đã treo 12.500 cờ Đảng, cờ tổ quốc, treo 680 chiếc băng zôn, khẩu hiệu, treo trên 3.500 cờ nhỏ, benner; trên 2.500 cờ hồng kỳ, 48 phướn cỡ lớn, làm 95 tấm tranh pano (8 đến 12m²/tấm),...

+ Phân công cán bộ trực, kiểm tra hàng ngày và thay thế băng rôn, pano, cờ phướn rơi, rách trên các tuyến đường trước, trong và sau các sự kiện đảm bảo an toàn. Chỉ đạo tháo dỡ vật tư trang trí tuyên truyền cổ động trực quan về các sự kiện lớn khi hết tính thời sự.

- Duy trì hoạt động Văn hóa, văn nghệ

Tham mưu UBND huyện Tổ chức Liên hoan nghệ thuật quần chúng các xã nông thôn mới, thị trấn văn minh huyện Mỹ Đức lần thứ I năm 2022, dực tổ chức 3 đêm tại 3 cụm: cụm trung tâm huyện tại Thị trấn Đại Nghĩa, cụm phía Nam huyện tại xã Hùng Tiến, cụm Bắc huyện tại xã Hồng Sơn, thu hút trên 400 ca sỹ, diễn viên của 18 xã, thị trấn tham dự liên hoan.

Tham mưu cho huyện tổ chức đêm liên hoan văn nghệ chào mừng 132 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh, tại nhà lưu niệm Bác Hồ tối ngày 19/5/2022, có 14 đội văn nghệ của 14 xã, thị trấn tham dự và thu hút đông đảo Nhân dân tới xem và cổ vũ.

Duy trì đội văn nghệ của huyện tập luyện và tổ chức hàng chục buổi biểu diễn văn nghệ phục vụ Nhân dân nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của dân tộc; thực hiện hàng chục chương trình biểu diễn văn nghệ phục vụ các hội nghị, các sự kiện lớn của huyện trong năm 2022.

Tham gia liên hoan văn nghệ các xã nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh lần thứ I do Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội tổ chức, Mỹ Đức được Sở Văn hóa thể thao thành phố ghi nhận là đơn vị có phong trào xuất sắc trong liên hoan nghệ thuật quần chúng các xã nông thôn mới, phường văn minh đô thị Hà Nội lần thứ nhất năm 2022; tham dự cuộc thi Giọng hát họa mi do thành phố tổ chức ngày 29/7/2022 kết quả đạt 02 giải khuyến khích; Lựa chọn đội tuyển tập luyện và tham dự cuộc thi nhảy hiện đại “ Nhịp sống trẻ - Thủ đô Hà Nội năm 2022”.

- Công tác tổ chức hoạt động thể dục - thể thao

Xây dựng Kế hoạch chỉ đạo các xã, thị trấn tuyên truyền phong trào toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại, về ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện TDTT để nâng cao sức khỏe, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân.

Thường xuyên phối hợp và duy trì các chương trình liên ngành với các ngành, đoàn thể của huyện cũng như các địa phương trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoạt động TDTT trên địa bàn. Hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện có hiệu quả các chương trình, Kế hoạch đề ra tạo bước phát triển mới đối với phong trào TDTT trên địa bàn huyện.

Triển khai kế hoạch tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân kết hợp kiểm tra chạy phổ thông giải chạy Báo Hà Nội mới lần thứ 47 vì hòa bình; 100% các xã, thị trấn tổ chức với gần 18.000 người tham gia; Tổ chức lễ phát động cấp huyện thu hút trên 500 người tham dự.

Triển khai đôn đốc các xã, thị trấn, các cơ quan xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội TDTT cấp cơ sở và tiến hành tổ chức các giải thi đấu thể, đến ngày 30/6/2022 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tổ chức thành công Đại hội TDTT cấp cơ sở với trên 11.000 người tham gia. Chỉ đạo Tổ chức thành công Đại hội TDTT huyện Mỹ Đức lần thứ IX năm 2022, Với sự tham gia biểu dương lực lượng của 35 Đoàn Vận động viên của 22 xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, thu hút gần 3.500 người tham gia và đông đảo quần chúng Nhân dân đến cổ động. Có 10 môn thể thao được tổ chức thi đấu trong chương trình Đại hội thể thao cấp huyện gồm: Cầu lông, Kéo co, Bóng bàn, Cờ tướng, Bóng chuyền hơi, Bóng đá, Điền kinh, Thể dục dưỡng sinh,...

Năm 2022 Tổ chức và phối hợp tổ chức được 15 giải thể thao và trò chơi truyền thống (*như Bóng đá, Cầu lông, cờ tướng, kéo co, khiêu vũ, bóng bàn, bóng chuyền hơi, Thể dục dưỡng sinh...*). Phối kết hợp với phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Mỹ Đức tổ chức hội thao trong lực lượng cán bộ, giáo viên ngành giáo dục năm 2022 với các môn thi như: Cầu lông, bóng bàn, kéo co, nhảy hiện đại, dân vũ thành công tốt đẹp.

Phối hợp tổ chức Hội thao Người cao tuổi năm 2022 với các môn thi như: Bóng chuyền hơi, Cờ tướng, Thể dục dưỡng sinh... (chương trình Đại hội TDTT huyện Mỹ Đức lần thứ IX năm 2022) có 22 đơn vị cơ sở tham gia thu hút hơn 600 VĐV.

Phối hợp tổ chức hội thao Hội nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện với các bộ môn thi như: dân vũ, bóng chuyền hơi,... chào mừng 92 năm ngày thành lập hội thu hút trên 800 người tham dự.

Trong dịp hè 2022, tổ chức hàng chục lớp dạy bơi thu hút trên 1000 trẻ em trên địa bàn huyện tham gia, có trên 800 em biết bơi trong dịp hè 2022.

Phối hợp với Ban Chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội thao Quốc phòng lực lượng dân quân tự vệ năm 2022 đạt kết quả cao.

Tổ chức các vận động viên tập luyện tham dự lễ khai mạc Đại hội TDTT thành phố lần thứ X năm 2022 và cử các VĐV tham dự các môn thi đấu của Đại hội TDTT lần thứ X Thủ đô. Kết quả đạt 42 huy chương các loại, trong đó có 11 HCV, 11 HCB và 20 HCD.

*** Công tác thư viện**

Phát động phong trào đọc sách, báo cho các Trường Tiểu học và THCS trên địa bàn huyện. Phối hợp với thư viện thành phố, hằng năm tổ chức luân chuyển sách và thư viện lưu động cho thư viện các trường học trên địa bàn.

Phối hợp với Thư viện Hà Nội tổ chức luân chuyển sách cho 3 tủ sách cơ sở gần 300 cuốn sách mỗi tủ gồm: tủ sách nhà văn hóa thôn Yên Vỹ, thư viện trường THCS Đồng Tâm, Hợp Thanh; Thư viện huyện thực hiện luân chuyển sách tới thư viện trường THCS thị trấn.

Bên cạnh đó, việc phát triển mô hình tủ sách cơ sở cũng được quan tâm thực hiện trong triển khai Đề án số 01/ĐA-UBND của UBND huyện. 64 nhà văn hóa thôn đã triển khai ra mắt mô hình tự quản theo Đề án số 01 đều được trang bị cơ sở vật chất và thành lập Ban chủ nhiệm tủ sách cơ sở ở thôn.

4.5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia

Trên địa bàn huyện có 4 trường THPT công lập (Mỹ Đức A, Mỹ Đức B, Mỹ Đức C, Hợp Thanh). Đến nay, đã có 3/4 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 75%) gồm các Trường THPT Mỹ Đức A, THPT Mỹ Đức B, THPT Hợp Thanh. Trường THPT Mỹ Đức C đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp để đảm bảo đạt chuẩn, dự kiến hoàn thành năm 2023.

- Trường THPT Mỹ Đức A được thành lập năm 1965, có địa chỉ tại thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Nhà trường đã được UBND thành phố Hà Nội công nhận trường chuẩn Quốc gia năm 2020 (*Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia- mức độ 1*).

- Trường THPT Mỹ Đức B được thành lập năm 1972, có địa chỉ tại xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Nhà trường được UBND thành phố Hà

Nội công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2020 (*Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia- mức độ 1*).

- Trường THPT Hợp Thanh được thành lập năm 2004, địa chỉ tại xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Trường đã được UBND thành phố Hà Nội công nhận trường chuẩn Quốc gia năm 2021 (*Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp bằng công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia- mức độ 1*).

- Trường THPT Mỹ Đức C được thành lập năm 1982, có địa chỉ tại xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Nhà trường về cơ bản đã đạt các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Tuy nhiên, tiêu chí về cơ sở vật chất chưa đảm bảo theo quy định, do vậy nhà trường chưa được công nhận trường chuẩn quốc gia. Hiện nay, Thành phố đã có kế hoạch bố trí vốn để nâng cấp, cải tạo trường để đạt chuẩn quốc gia với kinh phí 57.364 triệu đồng.

4.5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mỹ Đức được thành lập theo Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Trung tâm có 02 cơ sở; cơ sở 1 địa chỉ tại Thôn 5 xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức với diện tích 4.178m² gồm 07 phòng học và khu hiệu bộ, 01 xưởng thực hành nấu ăn, 01 phòng thực hành Tin; cơ sở 2 tại Thôn Đức Thụ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức với diện tích 4.518m² gồm 06 phòng học và khu hiệu bộ, 01 thiết bị, 01 phòng thực hành Tin. Trung tâm có 107 CBCNV (31 biên chế và 76 hợp đồng), chia làm 3 tổ chuyên môn gồm: tổ GDTX, tổ ĐTN-HN, tổ Hành chính tổng hợp. 100% cán bộ giáo viên, nhân viên trung tâm có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn; năm học 2021-2022, số học sinh theo học các chương trình của Trung tâm gồm: Văn hóa 14 lớp với 590 học sinh; Nghề phổ thông 137 lớp với 5.158 học sinh; Liên kết trung cấp chuyên nghiệp 14 lớp với 588 học sinh.

Thực hiện Công văn số 3875/SGDĐT-QLT ngày 14/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Mỹ Đức đã hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo hướng dẫn của sở ngày 28/12/2022 với kết quả tự đánh giá đạt chuẩn mức độ 2, đang trình Thành phố phê duyệt.

**** Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.***

4.6. Tiêu chí số 6 - Kinh tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

- Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11856:2017 chợ kinh doanh thực phẩm.

- Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

- Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu ch

4.6.1 Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn

Thực hiện Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030:

Trên địa bàn huyện chưa có cụm công nghiệp, Huyện đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị Thành phố thành lập 02 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Phùng Xá, xã Phùng Xá diện tích 9,8 ha và cụm Công nghiệp Đại Nghĩa, xã Đại Hưng diện tích 30 ha.

Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đã lập hồ sơ, trình Thành phố xem xét thành lập cụm công nghiệp đối với 2 cụm công nghiệp nêu trên, nhưng chưa được phê duyệt.

4.6.2. Chợ trung tâm huyện đảm bảo đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm

- Huyện Mỹ Đức đang phát triển 01 chợ Trung tâm thị trấn Đại Nghĩa chợ hạng 3 (được phân cấp tại Quyết định 4176/QĐ-UBND ngày 27/8/2010 của UBND thành phố Hà Nội) với diện tích 4.448m², hiện số hộ kinh doanh tại chợ có trên 146 hộ. Chợ đã có nội quy chợ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có quy định về việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm kinh doanh tại chợ. Nội quy được niêm yết tại chợ và phổ biến cho các hộ kinh doanh thực hiện; các hộ kinh doanh thực phẩm trong chợ đều được khám sức khỏe và có ký cam kết an toàn thực phẩm. Hàng năm chợ Tế Tiêu đều được giám sát, lấy mẫu kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm theo Kế hoạch số 281/KH-UBND ngày 28/2/2022 về triển khai thực hiện Đề án Quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong chợ trên địa bàn huyện Mỹ Đức năm 2022. UBND huyện Mỹ Đức ban hành hướng dẫn thực hiện một số nội dung tại Đề án " Quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong Chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025" số 399/UBND-KT ngày 11/3/2022 về việc triển khai thực hiện hướng dẫn một số nội dung của Đề án quản lý các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong chợ trên địa bàn huyện năm 2022. Hiện nay, huyện đang triển khai công tác đầu tư nâng cấp cải tạo chợ, song song là triển khai Phương án chuyển đổi mô hình quản lý chợ đã được Thành phố phê duyệt.

- Về công tác đảm bảo ATTP tại chợ: UBND thị trấn Đại Nghĩa đã xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thí điểm mô hình chợ an toàn thực phẩm

năm 2022; tổ chức ký cam kết cho 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại chợ; có ban hành Quy chế quản lý đảm bảo ATTP tại chợ theo quy định; có hợp đồng thu gom rác thải và hợp đồng nước sạch, đảm bảo cung cấp dịch vụ thuận lợi cho các tiểu thương tại chợ.

- Có trang bị phương tiện đảm bảo công tác đảm bảo PCCC, UBND thị trấn Đại Nghĩa thường xuyên kiểm tra, quản lý, lập hồ sơ quản lý PCCC của chợ.

- Hàng năm, UBND thị trấn Đại Nghĩa xây dựng kế hoạch phun khử trùng định kỳ (04 lần/năm). Công tác chỉ đạo giải tỏa chợ cóc, điểm kinh doanh tự phát được tổ chức thực hiện đầy đủ, lực lượng chức năng của thị trấn Đại Nghĩa thường xuyên rà soát, xử lý các trường hợp kinh doanh lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, bán hàng rong, đảm bảo mỹ quan đô thị, văn minh thương mại.

4.6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện

*** Vùng nguyên liệu tập trung:** Căn cứ Quyết định số 3215/QĐ-UBND, ngày 14/6/2019 ban hành danh mục các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 84/KH-SNN ngày 03/10/2022 của sở Nông nghiệp về cấp, quản lý mã số vùng trồng trên lĩnh vực trồng trọt. Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo các cấp các ngành phát triển sản xuất nông nghiệp, quy hoạch sản xuất vùng chuyên canh tập trung với các sản phẩm chủ lực như sau:

- Vùng sản xuất trồng trọt

+ Vùng sản xuất lúa chất lượng cao: Hình thành các vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng cao tập trung với quy mô ổn định khoảng 4.450 ha đất canh tác tại 14 xã: Mỹ Thành, Tuy Lai, An Mỹ, Phùng Xá, Xuy Xá, Lê Thanh, Hồng Sơn, Hợp Tiến, An Phú, Đốc Tín, Vạn Kim, Đại Hưng, TT. Đại Nghĩa, Phù Lưu Tế đã được UBND thành phố phê duyệt. Hiện nay đã có xã Phùng Xá, Hương Sơn, Hồng Sơn đã được cấp mã số vùng trồng cho diện tích 7,3ha.

+ Vùng sản xuất cây ăn quả tập trung: Tổng diện tích trồng cây ăn quả đến năm 2022 là 512,22 ha, trong đó Phát triển vùng sản xuất cây ăn quả giá trị kinh tế cao chuyên canh tập trung với diện tích 150 ha, tại các xã: Đồng Tâm, Thượng Lâm, Tuy Lai, Bọt Xuyên, An Mỹ, Đại Hưng và Vạn Kim.

+ Vùng sản xuất rau an toàn với tổng diện tích 134 ha tập trung tại các xã tại xã Lê Thanh, xã Bọt xuyên, Phúc Lâm.

- Vùng chăn nuôi - Thủy sản

+ Chăn nuôi lợn: Phát triển xã chăn nuôi lợn trọng điểm tập trung xa khu dân cư, phân bố ở các xã Đại Hưng, Hợp Thanh, Lê Thanh, Phúc Lâm, An Tiến.

+ Chăn nuôi gia cầm: Phát triển xã chăn nuôi gia cầm trọng điểm tại các xã: Hợp Thanh, Hợp Tiến, Hùng Tiến, An Tiến, Tuy Lai, Đồng Tâm, Thượng Lâm.

+ Nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh, bước đầu hình thành các vùng nuôi tập trung trung, diện tích 750 ha tại các xã: Hợp Thanh, Hùng Tiến, An Tiến, Tuy Lai, An Phú, Hồng Sơn, Lê Thanh, TT. Đại Nghĩa.

*** Sản phẩm chủ lực của huyện**

Thực hiện Quyết định số 390/QĐ-UBND, ngày 17/01/2019 của UBND thành phố về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp cấp thành phố; các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm của thành phố Hà Nội. Trong những năm qua, Huyện đã tập trung chỉ đạo các cấp các ngành chú trọng việc phát triển các sản phẩm chủ lực trên địa bàn huyện, thông qua các chương trình hỗ trợ thúc đẩy sản xuất như chương trình hỗ trợ giống cây trồng năng suất, chất lượng cao, hỗ trợ giống thực hiện liên kết bao tiêu sản phẩm; hỗ trợ khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp theo vùng chuyên canh tập trung theo Nghị Quyết 10/2018/HĐND của HĐND Thành phố. Do vậy, đến nay trên địa bàn huyện đã có một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực có giá trị kinh tế cao như sau:

- Sản phẩm lúa chất lượng cao: Với quy mô ổn định khoảng 1.600 ha tại các xã Mỹ Thành, Tuy Lai, Phùng Xá, Phù Lưu Tế, Đại Nghĩa, Đại Hưng, Vạn Kim, Hợp Tiến,... Năng suất bình quân đạt từ 62 tạ/ha, sản lượng bình quân từ 9.920 tấn/vụ trở lên. Doanh thu đạt 89 triệu đồng/ha/năm, hiệu quả tăng 20-25% so với gieo cấy các giống cũ năng suất chất lượng thấp. Trong đó, năm 2021-2022 có xã Mỹ Thành, Hồng Sơn đã được các công ty, HTX ký kết bao tiêu ổn định với diện tích 300ha, 80% sản phẩm với giá thành cao được các hộ nông dân rất nhiệt tình hưởng ứng, từng bước nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Sản phẩm cây ăn quả bưởi, nhãn: Trong đó: Cây có múi (bưởi, cam, chanh) diện tích 176,94 ha, năng suất 119,0 tạ/ha (có 14,68 ha bưởi tại xã Bột Xuyên đã được chứng nhận VietGAP, sản phẩm OCOP; 1,21 ha bưởi tại xã Hương Sơn được chứng nhận VietGAP); Nhãn diện tích 53,53 ha (trong đó Nhãn chín muộn 5,6 ha ở các xã Đốc Tín, Hương Sơn; nhãn chín sớm 2,5 ha ở Hợp Tiến, Đốc Tín), năng suất 60,9 tạ/ha (trong đó Nhãn 12 ha tại xã Đốc Tín được chứng nhận VietGAP); Đu đủ diện tích 18,3 ha, năng suất 4,5-5 tấn/ha, sản lượng 211,38 tấn; Cây Chuối diện tích 67,67 ha (trong đó chuối Tiêu hồng khoảng 20 ha), năng suất 234,5 tạ/ha; Mơ diện tích 10 ha (ở Hương Sơn); Táo diện tích 21,7 ha, năng suất bình quân 6,5 tấn/ha; Ổi diện tích 11,72ha, năng suất bình quân 3,5 tấn/ha; Vải diện tích 17,24 ha, năng suất bình quân 8,6 tấn/ha; Cây ăn quả khác 67,39 ha. Nhìn chung cho thu nhập từ 200-250 triệu đồng/ha.

- Sản phẩm chăn nuôi (lợn, gà): Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 100 - 120 nghìn tấn/ năm, trong đó sản lượng thịt lợn hơi 68-70 nghìn tấn, sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng khoảng 10-12 nghìn tấn, sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng đạt 50 nghìn tấn; sản lượng trứng đạt từ 110-120 triệu quả/năm, sản lượng sữa tươi đạt 43 - 45 nghìn tấn.

Công tác xây dựng thương hiệu đã gắn kết chặt chẽ với tổ chức sản xuất.

UBND huyện đã phối hợp với các sở ngành thành phố hỗ trợ tổ chức sản xuất, hình thành các vùng sản xuất tập trung đảm bảo sản lượng, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao và an toàn vệ sinh ATTP, nhiều sản phẩm được truy xuất nguồn gốc (QR code).

**** Có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện***

Hiện nay, trên địa bàn huyện đã phát triển được 03 chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ nông sản Năm Kim châm của công ty Kinoko Thanh Cao; Cà gai leo của công ty Dược Tuệ Linh công nghệ cao; Rau công nghệ cao của công ty TNHH Nghiên cứu và Quản lý MARTIAL - Nông trại TERRASOL Mỹ Đức; có 13/22 xã thị trấn có mô hình liên doanh liên kết tiêu thụ lúa, sản phẩm nông nghiệp cho người dân địa phương với sản lượng lớn góp phần nâng cao giá trị cao cho sản phẩm, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người nông dân trên địa bàn huyện.

4.6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả

Theo chỉ đạo của Thành phố, Huyện chưa thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, trên địa bàn huyện có 3 trạm: Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và BVTV, Trạm Khuyến nông. Các trạm đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trạm, Ban hành quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Trạm.

(1) Trạm Khuyến nông huyện

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung tâm Khuyến nông Hà Nội. Có chức năng thực hiện các chương trình, mô hình khuyến nông của Thành phố Hà Nội và các chương trình khuyến nông quốc gia, các dự án khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông trên địa bàn huyện; hướng dẫn, phổ biến, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các chương trình dự án Khuyến nông, các quy trình kỹ thuật sản xuất thâm canh cây trồng, vật nuôi theo chủ trương của nhà nước và pháp luật. Triển khai, thực hiện các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, dự án Khuyến nông, tổ chức cho nông dân tham quan, học hỏi các mô hình sản xuất giỏi trong và ngoài tỉnh (Thành phố). Chịu trách nhiệm xây dựng mạng lưới khuyến nông cơ sở và hướng dẫn, chỉ đạo các khuyến nông viên cơ sở. Xây dựng các mô hình trình diễn, thí nghiệm, thực nghiệm để phục vụ cho công tác khuyến nông.

Về quỹ khuyến nông thành phố: Chỉ đạo Tiểu ban quỹ khuyến nông gửi công văn tuyên truyền, triển khai vay vốn năm 2022 cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Thông báo, đôn đốc thu hồi vốn vay hộ quá hạn cụ thể: Thu hồi vốn vay Quỹ khuyến nông của 69 hộ trên địa bàn huyện với số tiền là 10,062 tỷ đồng (trong đó thu hồi vốn vay phát triển sản xuất là 38 hộ 6,385 tỷ đồng, thu hồi vốn vay phát triển cơ giới hóa là 31 hộ 3,677 tỷ đồng). Thu hồi phí quản lý Quỹ khuyến nông được 627,123 triệu đồng. Hội đồng thẩm định cấp Thành phố đã thẩm định, phê duyệt 43 phương án của 41 hộ với số tiền 13,880 tỷ (trong đó duyệt cho vay phát triển sản xuất 21 hộ với số tiền 6,250 tỷ đồng, duyệt cho vay

vốn phát triển cơ giới hóa là 22 hộ với số tiền là 7,630 tỷ đồng). Trạm phối hợp với phòng Quỹ thường xuyên kiểm việc sử dụng vốn vay của các hộ. Nhìn chung các hộ sử dụng đúng mục đích, hiệu quả sử dụng vốn vay. Đồng thời đôn đốc thu hồi vốn, phí đến hạn trả theo quy định. Đến nay, không có hộ nào nợ quá hạn.

(2) Trạm Trồng trọt & BVTV huyện

Chức năng: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp, phân bón, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa, thuốc bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm và quản lý dịch vụ công thuộc phạm vi lĩnh vực được giao trên địa bàn quản lý theo phân công của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Hà Nội. Về nhiệm vụ: Thực hiện điều tra phát hiện, dự tính dự báo và ra thông báo hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng trên địa bàn quản lý; phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, đôn đốc nông dân phòng trừ kịp thời các đợt sâu bệnh đảm bảo an toàn, hiệu quả; quản lý về sản xuất trồng trọt, giống cây trồng nông nghiệp, sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; quản lý việc kinh doanh, sử dụng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và công tác đảm bảo an toàn thực phẩm nông sản trên địa bàn; tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn; trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của nhân viên trồng trọt - BVTV cấp xã; tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật cho nông dân theo kế hoạch phân bổ của Chi cục và của Huyện; trực tiếp tham gia công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất rau an toàn trên địa bàn quản lý, phát hiện những vi phạm và đề xuất biện pháp xử lý; tham mưu giúp UBND huyện, UBND xã, thị trấn tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm nông sản trên địa bàn,...

(3) Trạm Chăn nuôi & Thú y huyện

Có chức năng thực hiện quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn cấp huyện. Thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh động vật và thủy sản; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và thủy sản; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y (bao gồm cả thủy sản); Hướng dẫn Nhân viên phụ trách chăn nuôi thú y xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y và thủy sản trên địa bàn cấp xã.

Tổng số cán bộ của 3 Trạm là 19 cán bộ, trong đó có 4 đồng chí là lãnh đạo còn 15 cán bộ là viên chức, công chức có chuyên môn tốt có 100% các đồng chí có trình độ đại học, cao đẳng. Hàng năm, các Trạm thường xuyên phối hợp chặt chẽ với phòng Kinh tế huyện tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trồng, phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi và thủy sản cho nông dân trên địa bàn huyện. Thường xuyên tư vấn, cung cấp các loại giống cây trồng, thức ăn gia súc, gia cầm, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh bằng hình thức cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ khác của Trạm đã được nhà nước phân công.

*** Một số thành tích của 03 trạm được ghi nhận trong năm 2022**

- Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật huyện được Chủ tịch UBND huyện tặng giấy khen đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2022 (tại Quyết định số 6200/QĐ-UBND ngày 30/12/2022) và được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tặng giấy khen đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2022 (tại Quyết định số 2386/QĐ-SNN ngày 20/12/2022).

- Trạm Chăn nuôi và Thú y huyện được Chi cục chăn nuôi và Thú y Hà Nội khen thưởng là tập thể lao động tiên tiến.

- Trạm Khuyến nông huyện được Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tặng giấy khen đã có thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2022 (Quyết định số 2393/QĐ-SNN ngày 20/12/2022), được Ban Chấp hành Công đoàn ngành Nông nghiệp & PTNT Hà Nội tặng giấy khen Tổ công đoàn đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và công tác Công đoàn Trung tâm Khuyến nông Hà Nội năm 2022 (Quyết định số 68/QĐ-CDN ngày 21/12/2022).

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Cơ bản Đạt.

4.7. Tiêu chí số 7 - Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh.

- Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn đạt từ 40% trở lên.

- Có ít nhất 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.

- Có ít nhất 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

- Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định $\geq 50\%$.

- Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp \leq

50% tổng lượng phát sinh

4.7.1.1. Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đúng quy định đối với chất thải rắn công nghiệp và sinh hoạt thông thường phát sinh trên địa bàn

Để đảm bảo công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện hiệu quả, khoa học và xử lý tình trạng vứt rác bừa bãi không đúng nơi quy định. UBND huyện đã xây dựng kế hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện bao gồm: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt

UBND huyện Mỹ Đức đã chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các điểm tập trung chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện Mỹ Đức. Hiện nay đã được thực hiện trong quy hoạch xây dựng NTM của các xã và quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đại Nghĩa, mỗi xã, thị trấn được quy hoạch một điểm (tổng 22 điểm) với diện tích từ 0,3 - 0,5ha. Vị trí quy hoạch nằm xa khu dân cư, các vùng đất sâu trũng, đất ven núi, canh tác sản xuất nông nghiệp không hiệu quả thuận tiện đường giao thông để đổ chất thải xây dựng. Hiện nay trên địa bàn huyện có 25 điểm trung chuyển rác thải, đang tiến hành triển khai xây dựng 02 điểm trung chuyển rác tại xã An Tiến, Phúc Lâm để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác vận chuyển rác thải sinh hoạt tới khu xử lý.

Chất thải sinh hoạt của người dân trên địa bàn huyện được công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội là đơn vị ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện (*nhận chuyển giao từ Công ty CPĐT&PT công nghệ cao Minh Quân*), cam kết vận chuyển với khối lượng 80 tấn/ngày đạt tỷ lệ 98% lượng chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các cơ sở sản xuất đều tổ chức phân loại và thu gom chất thải rắn, chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại tách riêng với rác thải sinh hoạt, sau đó thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

- Đối với chất thải rắn nguy hại phát sinh trên địa bàn: Trên địa bàn huyện có một số cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại: Có 04 cơ sở có nguồn phát thải là nước thải, khí thải và chất thải rắn nguy hại (*Công ty TNHH Trường Thịnh; Công ty cổ phần dệt may Trung Thu; Công ty TNHH Dệt Toàn Thắng; Công ty TNHH Thiên Hoàng Anh*) thuộc khu vực quy hoạch đất tiêu thủ công nghiệp, các cơ sở kinh doanh xăng dầu và một số cơ sở dệt bao bì phát sinh chất thải rắn nguy hại. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phát sinh chất thải nguy hại đã quản lý chất thải nguy hại đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (đã có hợp đồng thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại, gắn biển cảnh báo, phân loại và dán nhãn chất thải nguy hại) đạt tỉ lệ 90%.

- Đối với thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc bảo vệ thực vật theo đúng Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT của liên Bộ: UBND huyện đã hỗ trợ cho UBND các xã, thị trấn 2.132 thùng đựng bao gói

thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; các loại bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và vỏ lọ vắc xin, thuốc sát trùng dùng trong thú y được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật; đảm bảo toàn bộ lượng chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý 100%.

- Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn y tế

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 02 bệnh viện, 01 trung tâm y tế, 22 trạm y tế tại các xã thị trấn và 04 phòng khám tư nhân đang hoạt động đã có hồ sơ về bảo vệ môi trường. 100% các cơ sở y tế đều có phân loại rác và thu gom, vận chuyển đi xử lý tập trung theo quy định. Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức xử lý rác thải nguy hại bằng lò đốt 2 buồng tại bệnh viện. Bệnh viện đa khoa Mỹ Đức hợp đồng với công ty TNHH sản xuất dịch vụ thương mại Môi trường xanh để xử lý chất thải nguy hại. Trung tâm y tế hợp đồng với Công ty cổ phần xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. 22/22 trung tâm y tế các xã, thị trấn và cơ sở y tế tư nhân có hợp đồng thu gom, xử lý chất thải y tế với Công ty Cổ phần môi trường URENCO 5, 13,18. Từ đầu năm 2022 đến nay, trên địa bàn huyện phát sinh 9.700 kg chất thải y tế được thu gom và xử lý đúng quy trình.

e) Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện (nếu có) phải có đầy đủ hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định

Các bãi chôn lấp rác thải trước kia đã đầy và được thực hiện đóng bãi theo quy định. UBND huyện đã triển khai các biện pháp phục hồi môi trường sau đóng bãi gồm: Trồng cây xanh phủ bãi, quan trắc đánh giá chất lượng môi trường bãi chôn lấp, quản lý bảo vệ bãi...

Hiện nay, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn được thu gom và vận chuyển đến Nhà máy xử lý rác thải Xuân Sơn, Sơn Tây để xử lý theo quy định.

4.7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn

Huyện Mỹ Đức được quy hoạch là vùng phát triển kinh tế xanh của Thành phố, lấy sản xuất nông nghiệp và du lịch dịch vụ là hai nền tảng kinh tế phát triển cơ bản của Huyện nên các loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cơ bản đã được các hộ dân phân loại tại nguồn theo các loại gồm: Các loại chất thải thực phẩm gồm gốc rau, vỏ củ quả, thức ăn thừa... được người dân tận dụng trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; chất thải có khả năng tái chế được bán cho các cá nhân đi thu mua đồng nát, ve chai; các loại chất thải còn lại được chứa trong các thùng đựng, túi nilon buộc kín và được tập kết tại vị trí quy định tại các thôn xóm để đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định. Số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 49.811/59.426 hộ đạt tỷ lệ 83,82%.

4.7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên

Huyện Mỹ Đức với diện tích đất nông nghiệp chiếm 69,06% diện tích tự nhiên do đó lượng phụ phẩm phát sinh trong quá trình canh tác cũng tương đối lớn như rơm rạ, thân cây rau màu... Tuy nhiên, trên địa bàn huyện có các xã vùng

ven Đáy chủ yếu là thâm canh rau màu (ngô sớm, đậu tương), cây ăn quả và cây lúa và có lượng gia súc lớn mà phụ phẩm nông nghiệp đã được các hộ gia đình, cơ sở sản xuất thu gom, tận dụng tối đa vào quá trình sản xuất nông nghiệp như thu gom rơm rạ làm thức ăn chăn nuôi chi gia súc, ủ luống rau, ủ gốc cây trồng, ủ làm phân bón, khối lượng rơm rạ sau thu hoạch do không thể thu gom được cá hộ nông dân sử dụng chế phẩm sinh học xử lý ngay tại ruộng,...

Thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội về việc tăng cường các biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động đốt rơm rạ, các phụ phẩm cây trồng và chất thải khác không đúng quy định nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường thành phố. UBND Huyện chủ động xây dựng và ban hành kế hoạch số 1518/KH-UBND ngày 02/10/2020 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/9/2020 của UBND Thành phố Hà Nội. Nội dung chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với UBND các xã, thị trấn thực hiện phát thanh, tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh các xã, thị trấn để người dân không đốt rơm rạ gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng dân cư, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn người dân sử dụng rơm rạ, phụ phẩm trồng nấm để ủ làm phân bón/lót chuồng hoặc thức ăn cho gia súc... hoặc xử lý rơm rạ bằng chế phẩm sinh học; liên hệ với đơn vị thu mua rơm rạ, chế phẩm sinh học để được tổ chức thu mua rơm rạ và cung cấp chế phẩm xử lý rơm rạ. Rơm rạ sau mùa thu hoạch không có hiện tượng đốt hoặc vút bừa bãi nơi công cộng gây cản trở giao thông.

Năm 2022, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch số 1553/KH-UBND ngày 19/9/2022 về việc thí điểm phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại khu dân cư trên địa bàn huyện. UBND huyện đã triển khai xây dựng 03 mô hình phân loại, tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp tại 03 xã Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn.

Nội dung của mô hình: rác thải sinh hoạt sẽ được phân loại tại nguồn thành 03 loại chính, gồm: rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng; rác thải hữu cơ; rác thải còn lại. Rác thải có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ được người dân thu gom để tái sử dụng vào các mục đích khác hoặc bán cho đội thu mua đồng nát, ve chai; rác thải hữu cơ (kết hợp cùng với phụ phẩm nông nghiệp) sẽ được người dân ủ làm phân hữu cơ bằng chế phẩm sinh học để làm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp. Rác thải còn lại sau phân loại sẽ được thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định. Dự kiến kết quả đạt được từ mô hình sẽ giảm lượng lớn chất thải hữu cơ phải vận chuyển đi xử lý, giảm thiểu chi phí mua phân bón trong hoạt động trồng trọt của các hộ dân áp dụng mô hình. Đồng thời việc áp dụng mô hình sẽ được lan tỏa rộng khắp trên địa bàn huyện Mỹ Đức.

4.7.4 Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp

Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. UBND huyện dự kiến xây dựng 01 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư tại 01 khu dân cư tại thôn Lê Xá, xã Lê Thanh với quy mô xử lý nước

thải sinh hoạt: 200m³/ngày,đêm. UBND huyện đã có Văn bản đề xuất thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội tại Công văn số1866/UBND-KT ngày 22/10/2021 về việc đăng ký tham gia Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Việc thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt ở nông thôn hiện nay chủ yếu là sử dụng hệ thống tiêu thoát nước của các công trình công cộng như: Hệ thống cống, rãnh thu gom, tiêu thoát nước cùng các tuyến đường trục liên xã, liên thôn, đường ngõ xóm và hệ thống xử lý nước sinh hoạt của các hộ gia đình, sử dụng các loại bể tự hoại rồi xả ra các ao, hồ, đầm trên địa bàn và được tự xử lý bằng khả năng tự làm sạch bởi các loại thực vật như bèo tây, bãi lọc trồng cây, chất lượng nước tại các ao hồ trên địa bàn đảm bảo không bị ô nhiễm.

UBND huyện đã phê duyệt Kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Mỹ Đức, xây dựng lộ trình cải tạo hệ thống ao, hồ, đầm trên địa bàn nhằm đảm bảo cảnh quan môi trường trong lành.

4.7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu

Trên địa bàn huyện chưa có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, UBND huyện đã hoàn thiện hồ sơ trình Thành phố phê duyệt thành lập 02 cụm công nghiệp Đại Nghĩa, Phùng Xá.

Trên địa bàn huyện có 06 làng nghề đã được thành phố công nhận (*Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn, xã Đông Tâm; Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ, xã An Tiến; Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê, xã Tuy Lai; Làng nghề thêu thôn Nội, xã Thượng Lâm; Làng nghề thêu thôn Trì, xã Thượng Lâm; Làng nghề dệt Phùng Xá, xã Phùng Xá*). Trong đó, có làng nghề Dệt Phùng Xá Phùng Xá có nước thải tẩy nhuộm, còn lại các làng nghề khác thuộc lĩnh vực mây tre đan, thêu nên không phát sinh nước thải công nghiệp. Đã triển khai chỉ đạo, hướng dẫn các làng nghề thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các cơ sở hoàn thiện các hồ sơ thủ tục về môi trường, quản lý, xử lý chất thải, nước thải theo quy định. UBND huyện đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại làng nghề dệt Phùng Xá, đã xây dựng xong giai đoạn 1 để xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề.

Tổng diện tích đất trồng cây xanh tại các làng nghề là 21,5 ha đạt tỷ lệ 11,2% tổng diện tích đất làng nghề. Các làng nghề của huyện cho đến nay, chưa có Phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định. UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục nghiên cứu các Văn bản của Trung ương, Thành phố hướng dẫn các xã rà soát, xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định.

4.7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 2m^2/người$

Hiện nay, trên địa bàn các xã đều đã, đang quy hoạch điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ 1/5.000, đối với các điểm công cộng, các công trình dự án cơ quan, trường học, đình, chùa, sân chơi công cộng, nhà văn hóa, ao hồ công cộng,... được trồng các loại cây bóng mát, cây lâm nghiệp, cây lấy gỗ, cây ăn quả có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan tạo không gian, môi trường nông thôn. Theo thống kê hiện nay tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn huyện là 1.006.089 m² (tăng 309.320m² so với năm 2010), diện tích cây xanh trung bình diện tích cây xanh trung bình 4,76m²/người.

4.7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định

* Nguồn phát sinh chất thải nhựa trên địa bàn huyện tập trung chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của hộ gia đình, cá nhân, kinh doanh dịch vụ ăn uống và các khu vực công cộng.

* Công tác phân loại, thu gom, xử lý

- Chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình cá nhân và các cơ sở kinh doanh ăn uống nhỏ lẻ với thành phần chủ yếu là các vỏ chai nhựa, túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... Các loại chất thải này được phân loại thành 2 loại gồm: các loại chất thải có thể tái chế như vỏ chai nhựa, thùng đựng bằng nhựa, rổ giá nhựa hỏng... được thu gom và bán cho các cá nhân đi thu mua nhỏ lẻ sau đó được bán lại cho các cơ sở tái chế phế liệu nhựa; các loại chất thải không thể tái chế: túi nilon, cốc nhựa dùng 1 lần... được thu gom theo chất thải sinh hoạt, tập kết và vận chuyển đi xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải nhựa được thu gom xử lý đạt 96,52%.

4.7.8. Tỷ lệ điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về BVMT theo quy định

Căn cứ phương án thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn trên địa bàn. Trong những năm qua, UBND huyện đã tập trung đầu tư xây dựng 25 điểm trung chuyển, tập kết rác thải trước khi đưa đi xử lý tại xã: Vạn Kim, Hùng Tiến, Đại Hưng, An Phú, Phùng Xá, Xuy Xá, Lê Thanh, Tuy Lai, Bột Xuyên, Phúc Lâm, Đồng Tâm, Thượng Lâm, Hương Sơn,... với hạ tầng kỹ thuật đảm bảo cho công tác thu gom và bảo vệ môi trường. Điểm tập kết được bố trí bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; khoảng cách an toàn môi trường đảm bảo theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng là ≥ 20 m.

Các điểm tập kết rác thải đã đáp ứng được công tác thu gom, vận chuyển rác thải và đảm bảo khoảng cách cách ly vệ sinh theo quy định. Để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường, UBND huyện không bố trí các điểm tập kết rác thải trong khu dân cư.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

4.8. Tiêu chí số 8 - Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung $\geq 43\%$.

- Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững $\geq 35\%$.

- Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

- Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm đạt 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung

Qua khảo sát, thống kê, đến hết năm 2022 tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; số hộ sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn Quốc gia (nước sạch RO) đạt 74,3% (tăng 68,13% so với năm 2010), trong đó có Hương Sơn được sử dụng nước đáp ứng quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung 6.025/59.426 hộ dân, đạt tỷ lệ 10,14%.

4.8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững

Toàn huyện có 04 công trình cấp nước sạch. Trong đó có 03 trạm đang hoạt động (*còn 01 trạm ở thị trấn Đại Nghĩa chưa đi vào hoạt động*), 03/03 trạm đang hoạt động có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. 01 trạm do Trung tâm bảo vệ môi trường trong SXNN và xây dựng NTM quản lý, 01 trạm do thôn Yên Vỹ quản lý, 01 trạm do Công ty TNHH Chú Thụ Béo quản lý. Các trạm đều vận hành, hoạt động tốt như: Tiền thu được đủ bù đắp được (*còn dư*) chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ của trạm; chất lượng nước sạch sau khi xử lý của công trình đạt quy chuẩn của Bộ Y tế; các trạm cung cấp nước thường xuyên trong năm; công suất khai thác thực tế sau 02 năm đưa vào sử dụng của công trình so với công suất thiết kế đạt 3.200/4.750 đạt 67,37%; cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình.

4.8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện

Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện Mỹ Đức tương đối phong phú với 2 con sông chảy qua địa phận huyện gồm Đáy, Sông Mỹ Hà và các hệ thống kênh, mương,

ao hồ tương đối dày đặc. Theo kết quả đánh giá chất lượng nguồn nước mặt những năm gần đây thì nguồn nước mặt trên địa bàn huyện chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên, để duy trì hệ cân bằng sinh thái, bảo vệ nguồn tài nguyên nước trước sức ép của đô thị hóa, công nghiệp hóa. UBND huyện đã xây dựng Kế hoạch số 1524/KH-UBND ngày 15/9/2022 về kiểm kê, kiểm soát bảo vệ chất lượng nước, phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện. Định kỳ hàng năm đánh giá chất lượng nguồn nước. Đối với các nguồn nước bị ô nhiễm sẽ có kế hoạch cải tạo, phục hồi lại hệ sinh thái.

4.8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn

UBND huyện đã quy hoạch và thực hiện quy hoạch, cải tạo ao hồ, xây dựng cảnh quan, môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp, an toàn phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế:

- Hệ thống cây xanh của huyện hằng năm được các cơ quan, tổ chức, các xã, thị trấn, người dân trên địa bàn hưởng ứng phong trào tết trồng cây, Đề án trồng 1 tỷ cây xanh trồng, chăm sóc, phát triển hệ thống cây xanh, tạo không gian xanh, cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn.

- Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái: Huyện có 95/95 ao, hồ sinh thái được cải tạo chỉnh trang phù hợp với quy hoạch. Tạo không gian sinh thái, mặt bằng thoáng, điều tiết khí hậu, cảnh quan trong các khu dân cư. Bên cạnh giá trị về sinh thái, các khu vực ao, hồ còn phát triển nuôi trồng thủy sản tạo nguồn thu, phát triển kinh tế cho người dân. Để duy trì và phát triển các giá trị sinh thái và kinh tế, hàng năm các xã tiến hành cải tạo, nạo vét bùn ao, tu bổ; thường xuyên vớt rác mặt nước, giữ gìn vệ sinh ao, hồ xanh - sạch - đẹp. Các ao, hồ đã được đầu tư xây dựng bờ tường bao, rào chắn, biển cảnh báo tại các khu vực có nguy cơ mất an toàn đảm bảo an toàn cho người dân.

- Đối với đường làng, ngõ, xóm:

+ 100% đường làng, ngõ xóm trên địa bàn các xã đã được bê tông hóa hoặc rải cấp phối, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

+ 100% các làng, thôn khu dân cư có hương ước, quy ước về giữ gìn VSMT. Rác thải sinh hoạt được thu gom, vận chuyển, xử lý kịp thời, đạt tỷ lệ 100% (tăng 25% so với năm 2010).

+ 100% số hộ đã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh, xây dựng tường rào có phủ cây xanh. Hàng rào bằng cây thường xuyên được các hộ cắt tỉa gọn gàng, sạch đẹp trong khuôn viên gia đình, không vươn ra đường gây cản trở giao thông.

- Đối với khu vực công cộng:

Tại các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông) luôn được giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ, không có hiện tượng xả chất thải bừa bãi, gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường: 100% chất thải rắn được các tổ vệ sinh được gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định; 100% các điểm dân cư tập trung của thôn, xã đã

có hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Nước thải được thu gom theo hệ thống gom nước, hố ga và chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

100% các xã đã thực hiện, cải tạo, chỉnh trang các khu vực công cộng, ao hồ thành các khu vui chơi, giải trí, khu sinh hoạt cộng đồng, sân chơi trẻ em. Đảm bảo mỗi xã có ít nhất 1 điểm sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi thể thao cho người dân trên địa bàn.

4.8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

Trên địa bàn huyện có 201 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý, các cơ sở này thường xuyên được UBND huyện kiểm tra công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, 100% cơ sở tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trong đó, lĩnh vực Y tế có 65 cơ sở (19 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy Chứng nhận an toàn ATTP; 46 bếp ăn tập thể ký cam kết); Lĩnh vực nông nghiệp có 36/36 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; lĩnh vực công thương có 100/100 cơ sở được ký cam kết về ATTP. Hàng năm huyện đều tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến tuyên truyền kiến thức về ATTP cho các cơ sở trên địa bàn huyện. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện quản lý.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Cơ bản đạt

4.9. Tiêu chí số 9: Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đảm bảo an ninh, trật tự: Cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác ANTT và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn; An ninh chính trị được đảm bảo, tội phạm và tệ nạn xã hội, tai nạn (giao thông, cháy, nổ) được kiểm chế và giảm so với năm trước; không có tụ điểm phức tạp về tội phạm và tệ nạn xã hội; năm trước năm xét: đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn huyện đạt “khá” trở lên; Công an huyện đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên.

- Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

- Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

4.9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

Công tác xây dựng NTM luôn được Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội, Ban Chỉ đạo Chương trình 04 của Thành ủy quan tâm, chỉ đạo sâu sát. Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện; HĐND huyện đã kịp thời ban hành các Nghị quyết và UBND huyện đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch, Đề án, phương án trọng tâm trên các lĩnh vực như: Kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng; củng cố tổ chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền từ huyện đến cơ sở, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động, điều hành của cơ quan quản lý Nhà nước để xây dựng NTM. Do đó năm 2020, 2021 Đảng bộ huyện Mỹ Đức được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Thành phố tặng cờ thi đua.

4.9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

- Về tiêu chí xếp loại đối với các tổ chức chính trị - xã hội huyện: Năm 2020, 2021 có 05 tổ chức chính trị huyện được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gồm: Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện; Hội Nông dân huyện; Hội Cựu chiến binh huyện; Đoàn Thanh niên huyện; Liên đoàn lao động huyện được đánh giá xuất sắc nhiệm vụ và Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

4.9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự

Trong 2 năm 2020, 2021 trên địa bàn huyện Mỹ Đức có 01 trường hợp công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật với hình thức cảnh cáo.

4.9.4. Về công tác đảm bảo an ninh, trật tự

a) Công tác tham mưu

Công an huyện đã nắm chắc tình hình, đánh giá, dự báo, tham mưu với Huyện ủy, UBND huyện chủ động triển khai những biện pháp, giải pháp đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế, ổn định xã hội trên địa bàn huyện, trọng tâm: Chỉ thị số 15-CT/HU ngày 17/01/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an huyện năm 2022; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 27/01/2022 của UBND Huyện Mỹ Đức về thực hiện chỉ thị số 15-CT/HU ngày 17/01/2022 của Huyện ủy Mỹ Đức về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an huyện năm 2022; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn huyện Mỹ Đức năm 2022; Kế hoạch số 44-KH/HU ngày 28/02/2022 của Huyện ủy Mỹ Đức

về thực hiện chương trình số 09/Ctr/TU của Thành ủy về “*Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định ANCT, TTATXH trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025*”; Kế hoạch số 12-KH/UBND ngày 13/05/2022 của UBND huyện Mỹ Đức về việc phối hợp giữa Công an huyện và Ban CHQS huyện trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và nhiệm vụ quốc phòng năm 2022; tham mưu UBND huyện triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ... Thực hiện tốt vai trò cơ quan thường trực các Ban Chỉ đạo của huyện (*BCĐ 197, 138, BVBMNN...*) triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ Thành phố, Huyện ủy, UBND huyện giao.

b) Tình hình công tác bảo vệ ANQG

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án¹⁵ bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, các sự kiện chính trị, đối ngoại, văn hóa, lễ hội... diễn ra trên địa bàn huyện

(1) An ninh chính trị nội bộ cơ bản ổn định. Dư luận trong nội bộ Đảng, chính quyền và Nhân dân thể hiện sự tin tưởng, đánh giá cao đường lối, chủ trương cũng như công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nhân sự trong các kỳ họp của Đảng, Chính quyền, nhất là trong công tác bầu cử trường thôn nhiệm kỳ 2022 - 2024 trên địa bàn. Chưa phát hiện các vấn đề tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ; lộ, lọt bí mật Nhà nước, các biểu hiện mâu thuẫn, đơn thư khiếu kiện gây mất đoàn kết trong nội bộ.

(2) An ninh thông tin truyền thông, an ninh mạng cơ bản được đảm bảo, chưa phát hiện các vụ lộ, lọt bí mật nhà nước trên không gian mạng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hoạt động vi phạm pháp luật trên không gian mạng, cụ thể: 03 vụ, 16 đối tượng có hành vi đánh bạc dưới hình thức cá độ bóng đá, mua bán số lô, số đề; 02 vụ, 02 đối tượng hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 01 vụ đăng thông tin sai sự thật.

(3) An ninh kinh tế được đảm bảo, chưa phát hiện các vụ việc nào liên quan đến đình công, lãn công của công nhân trên địa bàn huyện. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của hầu hết các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp, công ty trên

¹⁵ Phương án số 01/PA-CAMĐ ngày 06/01/2022 về việc phòng ngừa, xử lý các tình huống phức tạp về ANTT tại địa bàn xã Đồng Tâm trước, trong và sau thời gian tròn 02 năm xảy ra vụ việc ngày 09/01/2020 và thân nhân Lê Đình Kinh tổ chức giỗ cho đối tượng; Phương án số 03/PA-CAMĐ ngày 02/3/2022 về việc phòng ngừa, xử lý các tình huống phức tạp về ANTT liên quan đến việc giáo xứ Thượng Lâm, xã Đồng Tâm dự kiến sẽ tổ chức lễ di đàn thánh giá tại Nhà văn hóa thôn Hoàn, xã Đồng Tâm; Phương án số 65/PA-CAMĐ-AN ngày 27/4/2022 về phương án tổng thể đảm bảo ANTT, bảo vệ các hoạt động, sự kiện của Đại hội Thể thao Đông Nam Á - Seagames lần thứ 31; Kế hoạch số 100/KH-CAMĐ ngày 24/12/2021 về việc mở đợt cao điểm kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm quy định về phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 60/KH-CAMĐ-TH ngày 12/4/2022 về mở đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm đảm bảo ANTT Đại hội Thể thao Đông Nam Á - Seagames lần thứ 31; Kế hoạch số 32/KH-CAMĐ ngày 28/02/2022 về thực hiện công tác phòng, chống tội phạm trên địa bàn huyện Mỹ Đức năm 2022; Kế hoạch đảm bảo ANTT kỳ thi THPT năm 2022 trên địa bàn huyện Mỹ Đức; Kế hoạch đảm bảo ANTT Hội nghị tiếp xúc cử tri của Đại biểu HĐND Thành phố; Kế hoạch đảm bảo ANTT kỳ họp thứ 7 HĐND huyện khoá XX nhiệm kỳ 2021 - 2026; Kế hoạch đảm bảo ANTT cuộc thi “Vùng tai nạn” trong khuôn khổ Army Game - 2022 tại Trung tâm huấn luyện quân sự Quốc gia; Kế hoạch đảm bảo ANTT lễ khai giảng năm học 2022 - 2023 tại các trường trên địa bàn huyện; Công văn về việc đảm bảo ANTT dịp lễ Quốc khánh 2/9; Phương án số 11/PA-CAMĐ-AN ngày 27/10/2022 của Công an huyện về việc bảo đảm ANTT dự án xây dựng, cải tạo nhà văn hoá thôn Hoàn, xã Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội.

địa bàn đã từng bước đi vào ổn định, công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong giai đoạn bình thường mới được quan tâm, chú trọng.

(4) An ninh tôn giáo, dân tộc: Cơ bản ổn định, các cơ sở tôn giáo, thờ tự hoạt động sinh hoạt thuận túy, không xảy ra các vụ việc gây mất ANTT, kể cả trong các dịp lễ trọng của đất nước, của tôn giáo. Huyện Mỹ Đức có 22 đơn vị hành chính, trong đó có 01 xã miền núi là nơi có nhiều đồng bào thiểu số (Xã An Phú với số dân 9.923 người, trong đó đồng bào DTTS chiếm 60% chủ yếu là dân tộc Mường) tình hình ANTT kiên quan đến đồng bào thiểu số ổn định.

(5) An ninh nông thôn chưa để xảy ra "điểm nóng" về ANTT trên địa bàn.

c) Tình hình tội phạm

Năm 2022, tình hình tội phạm trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

- Số vụ phạm tội về TTXH: 73 vụ (*giảm 25 vụ so với cùng kỳ 2019, giảm 01 vụ so với cùng kỳ 2021*). Trong đó: Phạm pháp hình sự: 60 vụ (*khám phá 57 vụ 116 đối tượng = 95%*); Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng: 01 vụ, 03 đối tượng; Tội phạm rất nghiêm trọng: 04 vụ, 04 đối tượng; Tội phạm nghiêm trọng: 06 vụ, 09 đối tượng.

- Số vụ tội phạm về kinh tế: 33 vụ, 36 đối tượng. Trong đó: Khởi tố 04 vụ, 7 đối tượng; XPHC 29 vụ, 29 đối tượng = 198,29 triệu đồng.

- Số vụ tội phạm về ma túy: 47 vụ, 52 đối tượng (tăng 04 vụ so với cùng kỳ năm 2021). Trong đó: Khởi tố 45 vụ, 50 đối tượng; XPHC 02 vụ, 02 đối tượng.

- Số vụ tội phạm về môi trường: 146 vụ, 146 đối tượng. Trong đó: XPHC 146 vụ, 146 đối tượng = 319,15 triệu đồng.

* Tội nạn xã hội

- Cờ bạc: 11 vụ, 83 đối tượng. Trong đó: Khởi tố 11 vụ, 83 đối tượng.

- Mại dâm: 02 vụ, 08 đối tượng. Trong đó: Khởi tố 02 vụ, 02 đối tượng; XPHC 0 vụ, 06 đối tượng.

* Triệt phá ổ nhóm: 04 ổ nhóm tội phạm hình sự; 12 ổ nhóm tội nạn xã hội.

* Tai nạn giao thông: 17 vụ, 11 người chết, 16 bị thương (*giảm 05 vụ, 01 người chết, 11 người bị thương so với cùng kỳ năm 2021*).

* Cháy, nổ: 09 vụ, 02 người chết, 0 bị thương, thiệt hại tài sản ước tính 310.000.000đ (*bằng so với cùng kỳ năm 2021*).

d) Công tác XDPTTDBV ANTTQ

* Kết quả triển khai thực hiện Thông tư 124/2021/TT-BCA

- Số xã, thị trấn đã đăng ký phân đấu: 22/22 xã, thị trấn.

- Số thôn, tổ dân phố đã đăng ký phân đấu: 124/124 thôn, tổ dân phố.

- Số cơ quan, doanh nghiệp nhà trường đăng ký phân đấu: 08 nhà trường.

* Công tác xây dựng, nhân rộng và triển khai chuyên đề, mô hình

- Tổng số chuyên đề, mô hình hiện đang hoạt động: 27 (02 CĐ, 25 MH).
- Xây mới 19 mô hình toàn dân bảo vệ ANTQ tại cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn huyện.
- Mô hình xây dựng phát huy hiệu quả đề nghị CATP ghi nhận: “Camera an ninh” xã Hồng Sơn, Phùng Xá, Hương Sơn.

* Danh hiệu thi đua CAH

- Năm 2020: Đơn vị quyết thắng.
- Năm 2021: Đơn vị tiên tiến.
- Năm 2022: Đề xuất Đơn vị quyết thắng.

4.9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên

Huyện có 248 thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết của UBND huyện. Trong đó có 203 thủ tục được đăng ký giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, có 45 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Đội ngũ cán bộ, công chức, hệ thống trang thiết bị tại bộ phận một cửa của huyện đáp ứng được tiêu chí và giải quyết công việc.

4.9.6. Về huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

- Trên địa bàn huyện có 29/29 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (theo Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện Mỹ Đức công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu đạt 95 điểm; Tổng số điểm của từng chỉ tiêu đạt 50% số điểm tối đa trở lên:

+ Chỉ tiêu 1: Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao

Năm 2021, trên địa bàn huyện không ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào; các văn bản hành chính (quyết định hành chính) do người có thẩm quyền ban hành đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền của tổ chức, cá nhân đạt 90%.

+ Chỉ tiêu 2: Công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin

UBND huyện ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho công dân trên địa bàn huyện Mỹ Đức; thực hiện công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm, chính xác, đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của huyện trên phương tiện thông tin đại chúng, thông qua việc tiếp công dân... Trong năm 2021 trên địa bàn huyện không có yêu cầu cung cấp thông tin.

+ Chỉ tiêu 3: Ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật hàng năm đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và hướng dẫn của cơ quan cấp

trên (gọi chung là Kế hoạch): Trong năm 2021, UBND huyện ban hành kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện đầy đủ Kế hoạch Trọng tâm công tác Tư pháp và các Kế hoạch cụ thể trong các lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật.

+ Chỉ tiêu 4: Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo: UBND huyện ban hành Quyết định kiện toàn Ban Tiếp công dân huyện; phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của Ban Tiếp công dân huyện Mỹ Đức; Bố trí địa điểm, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân tại trụ sở; thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật về tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân huyện.

Kết quả tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh đạt 70,4%; khiếu nại, tố cáo đạt 82,2%.

+ Chỉ tiêu 5: Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính: Năm 2021, có 56.515 hồ sơ tiếp nhận, Số hồ sơ đã giải quyết là 56.401/56.401 hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn; còn 114 hồ sơ đang giải quyết, chưa đến hạn.

- Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Quyết định số 2409-QĐ/TU ngày 18/02/2022 của Thành ủy Hà Nội về đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý năm 2021; kết quả đánh giá: người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ; Đảng bộ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Tự đánh giá mức độ đạt được của tiêu chí: Đạt.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Công tác xây dựng nông thôn mới được cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. HU-HĐND-UBND huyện đã quyết liệt chỉ đạo ngay từ khi bước vào công cuộc xây dựng nông thôn mới. Sau hơn 10 năm thực hiện, với sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Thành ủy, sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành, sự đồng thuận của người dân, Chương trình đã đạt được những kết quả nổi bật, rõ nét:

- Nhận thức trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp và Nhân dân về xây dựng nông thôn mới đã có sự thay đổi về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, là tiềm năng thế mạnh của địa phương. Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ huyện đến cơ sở đã được trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn trong triển khai thực hiện người dân đồng lòng, hưởng ứng và nhận thức rõ vai trò trong xây dựng nông thôn mới đã từng bước được xác định rõ ràng, qua đó đã khuyến khích, động viên được người dân tích cực tham gia đóng góp xây dựng

nông thôn mới. Đặc biệt nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường đã có chuyển biến rõ rệt, người dân đã tự phân loại rác thải góp phần đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức, bộ máy chỉ đạo, thực hiện Chương trình từng bước hoàn thiện và hoạt động hiệu quả. Các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới đã phát triển sâu rộng và trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn nhất là hạ tầng thiết yếu phục vụ đời sống dân sinh không ngừng được đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện. Hệ thống giao thông nông thôn, giao thông, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất được ưu tiên đầu tư đảm bảo bảo an toàn trong phòng chống lũ, tiêu thoát nước. Nổi bật là 100% hệ thống đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, đường liên thôn, xóm đã xây dựng xong đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật Bộ Giao thông Vận tải, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm; 100% các tuyến đường ngõ, đường xóm đã được xây dựng và đảm bảo sạch, không lầy lội vào mùa mưa. 100% các tuyến đường trục chính nội đồng đã được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. Hệ thống trường học và thiết bị dạy học được đầu tư nâng cấp, không còn phòng học tạm, phòng học cấp 4 dột nát. Đến nay, có 62/80 trường học đạt chuẩn quốc gia tăng 14 trường so với năm 2010. Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tăng nhanh Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ du lịch, giảm tỷ trọng ngành Nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế giảm từ 36% năm 2010 xuống còn 24,1% năm 2020.

- Sản xuất nông nghiệp có nhiều tiến bộ và đã đạt được những kết quả quan trọng, cơ cấu nội bộ của ngành được chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp tăng, đặc biệt là chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng - vật nuôi theo hướng tích cực. Đã và đang hình thành được các vùng sản xuất lúa chất lượng cao, vùng cây ăn quả, vùng chăn nuôi, vùng chăn nuôi thủy sản, vùng rau an toàn, lúa sản xuất hữu cơ,... Việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất được coi trọng đã góp phần tích cực thúc đẩy các hoạt động sản xuất ở khu vực nông thôn; việc tổ chức liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị được quan tâm, đến nay trên địa bàn huyện có 3 chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp; có 2 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; các mô hình liên kết đã tạo ra sự chuyển biến tích cực, giúp người dân phát triển và tạo ra những sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu. Hợp tác xã ngày càng phát huy vai trò trong tổ chức, chỉ đạo sản xuất, liên kết nông dân với doanh nghiệp. Chương trình OCOP đã thúc đẩy quảng bá sản phẩm chủ lực của địa phương và nâng cao giá trị sản phẩm, phát huy lợi thế từng địa phương, đến nay trên địa bàn huyện đã có 40 sản phẩm OCOP được đánh giá phân hạng đạt 3 sao trở lên, giá trị canh tác đạt 173 triệu đồng/ha (*tăng 110 triệu đồng so năm 2010*).

- Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên rõ rệt. Chất lượng các lĩnh vực: Văn hoá, giáo dục, y tế, văn hóa tiếp tục được nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người ngày càng cao, đến hết năm 2020 đã đạt 58

triệu đồng/người/năm tăng gấp 5,6 lần so năm 2010; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 92,55%, tăng 31,55% so năm 2010; duy trì 22/22 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về Y tế; tỷ lệ hộ nghèo còn 1,25% (cả nghèo và cận nghèo) giảm 15,15% so năm 2010; 100% số hộ được dùng điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; số nhà kiên cố đạt 100%; tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 83,09%, tăng 53,52% so năm 2010. Đã chỉ đạo, thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá mới”; đến nay, đã có 113/125 làng (xã, thị trấn), tổ văn hoá, tăng 50 làng so năm 2010; có 136/145 cơ quan đạt danh hiệu cơ quan văn hóa, đạt 93,97%, tăng 54,97% so năm 2010; có 54.077/59.426 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa đạt 91%, tăng 10% so năm 2010; công tác quản lý, bảo vệ, giữ gìn và tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hoá; thực hiện tốt quản lý các Lễ hội truyền thống ở cơ sở và các hoạt động văn hoá, tôn giáo đúng quy định.

- Công tác vệ sinh môi trường nông thôn được quan tâm, tỷ lệ vận thu gom, vận chuyển rác thải trên 98% khối lượng; tỷ lệ các hộ dân được dùng nước sạch và nước hợp vệ sinh đạt 100%; 100% các trạm Y tế xã đã có Bác sĩ nên công tác khám chữa bệnh cho nông dân được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và có nhiều chuyển biến tích cực. Hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường ngày càng vững mạnh, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hoàn thành công tác quân sự địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu

- Công tác thông tin tuyên truyền có lúc, có nơi chưa được thường xuyên, đầy đủ, chưa bám sát vào nội dung các chương trình, nghị quyết, hướng dẫn,... nên đạt hiệu quả chưa cao.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cấp ủy Đảng, chính quyền và cơ quan còn chưa tích cực, chủ động quyết liệt, chưa bám sát yêu cầu nhiệm vụ.

- Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ nên chưa tạo được nhiều vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, chuyên đổi cơ cấy cây trồng - vật nuôi còn chậm, việc thực hiện áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật còn hạn chế, chưa tạo được nhiều nông sản, hàng hóa và phát huy các tiềm năng, thế mạnh vào sản xuất nông nghiệp. Việc tập trung, tích tụ ruộng đất để hình thành vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, quy mô lớn còn hạn chế.

- Thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn đạt thấp, nhất là thu nhập, cơ sở vật chất trường học,...

- Mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn so với bình quân chung của Thành phố, chất lượng giáo dục chưa đồng đều, tỷ lệ người dân được dùng nước sạch thấp.

- Việc huy động các nguồn thực hiện xây dựng NTM còn hạn chế, nhất là xã hội hoá chưa được nhiều.

2.2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, song tập trung vào các nguyên nhân chủ yếu sau:

a) Nguyên nhân khách quan

- Quá trình triển khai thực hiện chương trình xây dựng NTM trong thời điểm nền kinh tế đang có nhiều khó khăn, trong khi nguồn vốn cần cho việc thực hiện các chương trình, dự án lớn, nên chưa đáp ứng được nhu cầu của các địa phương.

- Tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đầu tư nông nghiệp lớn, lợi nhuận không cao ảnh hưởng đến tâm lý đầu tư của người dân và doanh nghiệp.

- Xuất phát điểm thực hiện xây dựng nông thôn mới của Huyện thấp, là Huyện sản xuất chủ yếu là nông nghiệp; nguồn ngân sách hạn chế dẫn đến nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân còn khó khăn, đặc biệt là công tác xã hội hóa trong xây dựng nông thôn mới.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số cán bộ, đảng viên và Nhân dân chưa nhận thức đầy đủ vai trò và tầm quan trọng về "Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân"; công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện ở một số nơi chưa thường xuyên, sâu sát, quyết liệt; thiếu các giải pháp cụ thể sát thực tế, nên hiệu quả công việc chưa cao.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho Chương trình còn thấp, trong khi khả năng đóng góp của Nhân dân hạn chế, việc huy động tham gia của doanh nghiệp còn rất hạn chế;

- Một số bộ phận cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của chương trình xây dựng NTM, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình tổ chức thực hiện; vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại cấp trên, nhất là trong bố trí nguồn lực cho chương trình.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành đôi khi còn thiếu kịp thời, chặt chẽ, nhất là thời kỳ đầu triển khai chương trình. Một số ngành chưa đặt rõ nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới của ngành là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của Huyện đến Xã.

3. Bài học kinh nghiệm

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của nhà nước nhất là sự chỉ đạo quyết liệt của người đứng đầu là yếu tố quyết định sự thành công và huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị là yếu tố then chốt cho sự thành công Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cần linh hoạt, sáng tạo, cụ thể hóa bằng chương trình, dự án, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Phải tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

về mục tiêu, phương châm, cách làm, tạo đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới với tinh thần tự nguyện và trách nhiệm cao, để cả hệ thống chính trị và Nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện phân công nhiệm vụ rõ cho từng thành viên Ban Chỉ đạo xã, Ban Quản lý xã, Ban Phát triển các thôn. Cần phải nghiên cứu kỹ các chủ trương, văn bản của Trung ương và địa phương, để từ đó có thể chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt, đúng quy định.

- Tăng cường huy động các nguồn lực từ ngân sách và xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới. Việc huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư tại chỗ phải phù hợp với điều kiện kinh tế của Nhân dân.

- Phát huy cao độ quyền làm chủ của Nhân dân, dân được bàn bạc dân chủ, công khai, minh bạch những công việc trực tiếp liên quan đến lợi ích của cộng đồng và người dân, nhất là xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án nông thôn mới. Các công trình xây dựng được đưa ra dân bàn, dân giám sát, do đó các công trình đều đảm bảo chất lượng, tạo được lòng tin và sự phấn khởi trong Nhân dân.

- Đối với sản xuất nông nghiệp cần thực hiện tốt việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi theo quy hoạch. Tập trung phát triển các sản phẩm thế mạnh của địa phương theo chương trình OCOP gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc xuất xứ. Về sản xuất Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Du lịch, dịch vụ chọn những sản phẩm là thế mạnh của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, giao thông, điện, nước, đào tạo nhân lực, dạy nghề... để khuyến khích phát triển nâng cao thu nhập cho người dân.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt cấp cơ sở có vai trò quyết định đến kết quả xây dựng nông thôn mới. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ và tập huấn về kiến thức xây dựng nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ các cấp, với phương châm “cán bộ không ngại khổ, không ngại khó, không ngại va chạm”.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở, đề cao vai trò trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các cấp, thường xuyên giao ban, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở.

4. Một số mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

4.1. Mô hình phát triển hạ tầng giao thông nông thôn

- Trong quá trình xây dựng NTM, nguồn vốn đối ứng của các xã trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, trong khi các hạng mục công trình xây dựng phục vụ xây dựng NTM cần nhiều kinh phí để thực hiện. Để huy động mọi nguồn lực của Nhân dân, các tổ chức xã hội cùng chung sức xây dựng NTM, đồng thời tháo gỡ khó khăn cho các xã trong việc bố trí nguồn kinh phí đầu tư cho các công trình xây dựng NTM, UBND huyện đã ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện

hàng năm về triển khai kiên cố hóa giao thông nông thôn thực hiện theo Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 06/7/2012, Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố, Nghị quyết số 10/2018/HĐND Thành phố trên địa bàn Huyện. Cơ chế hỗ trợ kinh phí là ngân sách Thành phố hỗ trợ 80% chi phí mua vật liệu, ngân sách huyện hỗ trợ 20% chi phí vật liệu, các doanh nghiệp lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và tự toán miễn phí, việc quản lý dự án do thôn tự quản lý (*các Ban Giám sát đầu tư cộng đồng trong thôn là những người có chuyên môn, năng lực kinh nghiệm trong quản lý dự án tham gia việc giám sát, quản lý chất lượng công trình*), người dân đóng góp ngày công, tiền công sức trí tuệ, tiền của đã tiết kiệm 1/3 chi phí đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách. Từ năm 2010-2020, trên toàn huyện đã triển khai thi công 117,31km đường giao thông thôn, xóm và rãnh thoát nước.

- Việc thực hiện cơ chế đặc thù đã góp phần giảm áp lực về kinh phí xây dựng NTM cho ngân sách Nhà nước, không để nợ đọng trong xây dựng, góp phần quan trọng trong việc hoàn thành sớm tiêu chí về đường giao thông trong xây dựng NTM, được Nhân dân đồng tình, phấn khởi hưởng ứng thực hiện tạo hiệu ứng lan tỏa, thi đua trong bê tông hóa đường làng, ngõ xóm, giao thông nội đồng; nhiều thôn, xóm đã tổ chức liên hoan chào mừng khi công trình hoàn thành, đã thắt chặt tình đoàn kết, khơi dậy tình thần trách nhiệm của người dân.

- Kết quả: 21/21 xã đã triển khai hiệu quả, làm thay đổi bộ mặt của giao thông nông thôn tại địa phương, chưa bao giờ hạ tầng giao thông nông thôn lại đồng bộ như vậy, đây là một chính sách rất đúng, sát thực với mong muốn nguyện vọng đóng góp, tham gia của Nhân dân trong xây dựng NTM bởi Nhân dân chính là chủ thể hưởng thụ và góp phần thực hiện thành công Chương trình xây dựng NTM.

4.2. Mô hình huy động nguồn lực trong xây dựng NTM

Thực hiện cuộc vận động toàn dân chung sức tham gia xây dựng nông thôn mới, UBND huyện đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 20/02/2017 về tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 957/KH-UBND ngày 18/7/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 28/4/2021 tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025, tuyên truyền đến cán bộ, người dân tầm quan trọng của Chương trình. Kết quả trong quá trình xây dựng nông thôn mới từ năm 2012 đến nay, đã huy động nguồn vốn từ Nhân dân, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được 473.504,1 triệu đồng. Trong đó, tiền mặt là 147.997,42 triệu đồng; hiến 5.475,4 m² đất thổ cư (*tương đương 3.517,06 triệu đồng*); 537.900,4 m² đất nông nghiệp (*tương đương 59.059,50 triệu đồng*), đóng góp 321.644 ngày công (*quy ra tiền là 63.543,63 triệu đồng*); đóng góp bằng hiện vật quy ra tiền là 59.386,49 triệu đồng; huy động từ nguồn ngân sách của các Quận hỗ trợ Huyện trong xây dựng nông thôn mới 140.000

triệu đồng, từ các Quận Long Biên, Ba Đình, Hoàng Mai, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Tây Hồ, Hoàn Kiếm,...

4.3. Mô hình tự quản “Khu dân cư an toàn sáng, xanh, sạch, đẹp”, xây dựng tuyến đường nở hoa, các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp trên địa bàn huyện

- Trong xây dựng NTM, bên cạnh việc thực hiện tốt xây dựng hạ tầng cơ sở, huyện đã tập trung thực hiện tiêu chí môi trường nhằm không ngừng nâng cao đời sống tinh thần, tạo cảnh quan môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp bằng việc thực hiện tốt phong trào “*Vì môi trường xanh - sạch - đẹp*”, “*Không đổ rác, phế thải ra đường và nơi công cộng*”.

- Xây dựng các tuyến đường nở hoa, tuyến đường NTM kiểu mẫu, “*tuyến đường tự quản xanh- sạch- đẹp- nở hoa kiểu mẫu*”... Kết quả, đến nay đã có 415 đoạn đường do Hội Phụ nữ tự quản, 39 đoạn đường nở hoa... nguồn kinh phí thực hiện từ huy động xã hội hoá, ngày công tham gia thực hiện, chăm sóc của Nhân dân; huy động Đoàn thanh niên tham gia vẽ tranh bích hoa được 4.639m² tranh cổ động tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới. Đã tổ chức nghiệm thu và gắn biển 6 tuyến cấp huyện và 15 tuyến cấp xã tạo bộ mặt NTM khang trang, sạch đẹp, từ đó xác định trọng tâm xuyên suốt của chương trình xây dựng NTM có điểm bắt đầu nhưng không có điểm kết thúc, xây dựng NTM nâng cao, kiểu mẫu, nông thôn thôn minh,...

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI

Thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về việc “*Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025*”, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Mỹ Đức đã xác định quan điểm, một số chỉ tiêu, giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trọng tâm giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Quan điểm

- Xác định vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới rất quan trọng. Đối với một huyện có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, được Thành phố quy hoạch là vành đai xanh thì việc phát triển nông nghiệp là yếu tố then chốt để phát triển nông thôn, nâng cao đời sống nông dân của huyện.

- Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng cơ cấu lại ngành, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển một cách bền vững và mang lại thu nhập cao cho nông dân; đồng thời gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế Nông nghiệp theo hướng sản xuất các vùng chuyên canh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo ra các sản phẩm có chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, gắn sản

xuất với chế biến tiêu thụ, gắn sản xuất với phát triển Du lịch... Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đổi mới về công nghệ đảm bảo về môi trường, phát triển du lịch dịch vụ trải nghiệm ở nông thôn

1.1. Về xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã, huyện đạt chuẩn NTM theo hướng phát triển đô thị với quan điểm, mục tiêu tổng quát là: Xây dựng nông thôn mới cần thực hiện thực chất hơn, thiết thực hơn, hiệu quả và bền vững hơn gắn liền với quá trình đô thị hóa, có điểm đầu nhưng không có điểm kết thúc, nông thôn mới văn minh và hiện đại; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, phù hợp theo tiêu chí đô thị; kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ và bền vững, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa, nông dân giàu có; môi trường, cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững trên địa bàn Thủ đô.

1.2. Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Quan tâm phát triển mô hình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh, cây công trình phục vụ dịch vụ nông nghiệp, đô thị, phát triển sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản an toàn gắn với mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc.

- Cùng cố hoạt động và thành lập mới các HTX hoạt động hiệu quả. Phát triển kinh tế trang bền vững và sinh thái. Tiếp tục triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm-OCOP, nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ hỗ trợ công nghiệp và nông nghiệp. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm,...

1.3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

- Nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; khuyến khích phát triển các mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh. Đảm bảo an sinh xã hội đối với các gia đình chính sách, các hộ nghèo, cận nghèo khu vực nông thôn.

- Chú trọng nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao và các dịch vụ tốt nhất đáp ứng nhu cầu của người dân; tăng cường phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân đối với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, hài hoà giữa các vùng, tạo sự chuyển biến nhanh hơn ở các vùng còn nhiều khó khăn; nông dân được đào tạo có trình độ sản xuất tiên tiến, đóng vai trò làm chủ nông thôn mới. Xây dựng nền sản xuất Nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định và phát triển bền vững. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ đáp ứng sản xuất và đời sống Nhân dân; tập trung đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng Du lịch, dịch vụ - Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch, thị trường, dịch vụ, ngành nghề truyền thống; phát triển Nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hoá, mô hình chăn nuôi, trồng trọt cho hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo môi trường, an toàn thực phẩm. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ Huyện đến cơ sở.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Xây dựng nông thôn mới

Phấn đấu đến hết năm 2025, Huyện có 6-10 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 3-5 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm tăng từ 2,5-3,0%. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt 70%.

- Triển khai Đề án "Phát triển sản xuất nông nghiệp theo quy hoạch chuyên canh tập trung gắn với phát triển thương mại, dịch vụ du lịch huyện Mỹ Đức giai đoạn 2021-2025"; tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi từ đất lúa, đất trồng cây hàng năm sang trồng cây ăn quả tập trung và các mô hình sản xuất có hiệu quả cao; đất lúa trũng trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản - trồng lúa theo chỉ đạo, hướng dẫn của Thành phố.

- Đăng ký đánh giá, phân hạng từ 10 sản phẩm OCOP; phối hợp xây dựng 01 điểm trưng bày sản phẩm OCOP của Huyện; triển khai Đề án xây dựng trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch.

- Duy trì và phát triển 6 làng nghề đã được công nhận; hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể đối với làng nghề Dệt Phùng Xá; phấn đấu có 01 làng nghề (Dệt Phùng Xá) được công nhận thuộc danh mục được đánh giá tác động môi trường.

- Phấn đấu 100% HTX hoạt động hiệu quả.

c) Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 80 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 98,5%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 75-80%. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 55-60%. Huyện cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% trở lên.

- Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu thôn/làng văn hóa đạt 95%. Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa đạt từ 91% trở lên. Tỷ lệ trường công lập (*Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông*) đạt chuẩn quốc gia đạt từ 95% trở lên. Duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế. 100% số thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn.

- 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ; tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 01 điện thoại thông minh (*Smartphone*) đạt 95% trở lên; tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động 3G/4G/5G hoặc internet băng rộng đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch theo quy chuẩn đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải Y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (*đang hoạt động và xây dựng mới*) có trạm xử lý nước thải đạt 100%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Xây dựng nông thôn mới

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân

- Tập trung chỉ đạo và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, nâng cao nhận thức, thống nhất hành động thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Chương trình. Đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội để nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động.

- Tăng cường quán triệt, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn được giữ vững.

b) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý Nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy vai trò người đứng đầu

- Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, đặc biệt là các chi bộ nông thôn. Nâng cao nhận thức, ý thức, trách

nhệm của cán bộ, đảng viên về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan tâm công tác phát triển đảng viên; củng cố, kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên ở nông thôn.

- Các cấp ủy Đảng chú trọng nâng cao chất lượng công tác gắn với tổng kết thực tiễn; lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và chăm lo đời sống cho Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các cấp và người đứng đầu. Các cấp chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở nâng cao vai trò, trách nhiệm, tham gia có hiệu quả việc cụ thể hóa các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn.

c) Rà soát, bổ sung quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

- Tập trung thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý theo quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới, đảm bảo gắn kết giữa đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội thúc đẩy đô thị hoá, phát triển nông nghiệp, dịch vụ, thương mại gắn với quy hoạch xây dựng; hoàn thành các quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư, không gian sản xuất (cụm công nghiệp, làng nghề, thương mại - dịch vụ...); ban hành và thực hiện quy chế quản lý kiến trúc cho khu vực điểm dân cư nông thôn, đặc biệt là hệ thống giao thông, các thiết chế văn hóa cơ sở và công viên, cây xanh công cộng theo hướng văn minh, hiện đại phục vụ Nhân dân.

- Rà soát điều chỉnh, bổ sung và xây dựng các chương trình, kế hoạch,... xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu bảo đảm phù hợp với quy hoạch và theo hướng phù hợp với phát kinh tế - xã hội của huyện. Trọng tâm là việc thực hiện chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phù hợp với tiêu chí đô thị.

d) Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng phát triển đô thị

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu hướng phù hợp với tiêu chí đô thị, nhằm phát huy tối đa các công trình, dịch vụ phục vụ sản xuất và dân sinh. Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn, điện, nước phục vụ sản xuất và dân sinh, hệ thống thôn tin, truyền thông, mạng lưới y tế cơ sở, Bệnh viện đa khoa huyện, Trung tâm Y tế huyện, trạm Y tế xã, trường học, các thiết chế văn hóa xã, thôn theo quy hoạch gắn với mạng lưới hạ tầng của Huyện, Thành phố theo hướng phù hợp quy hoạch vùng Huyện, theo hướng đô thị trên địa bàn các xã, thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng tại các khu vực kết nối giao thương liên vùng, nơi tập trung các cơ sở du lịch - dịch vụ - thương mại, nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng hóa lớn (*khu công nghiệp, làng nghề gắn với du lịch,*

thương mại - dịch vụ), khu vực du lịch, di tích lịch sử, di sản văn hóa được xếp hạng,...; ưu tiên phát triển ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và rút ngắn khoảng cách giữa Thành thị và Nông thôn. Cứng hóa giao thông nông thôn, giao thông, thủy lợi nội đồng bằng các vật liệu phù hợp đồng bộ với hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy hoạch được duyệt đáp ứng nhu cầu hiện tại và trong tương lai. Xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hệ thống chợ đạt tiêu chuẩn theo quy định để phục vụ nhu cầu dân sinh cũng như đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế bền vững.

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu với phương châm “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”, “*Nhân dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới*”, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và biến đổi khí hậu. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - văn minh.

e) Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

- Tiếp tục tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Các cơ quan liên quan cập nhật kịp thời những chính sách của Đảng và Nhà nước để tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới từ huyện đến cơ sở. Nội dung, thời gian tập huấn, bồi dưỡng của Chương trình phải phù hợp với thực tiễn và trình độ của cán bộ, kết hợp giữa lý thuyết với tham quan khảo sát thực tế các điển hình.

f) Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện

- Đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện, cân đối bố trí số lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm phù hợp, đáp ứng yêu cầu làm việc tại Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Các xã bố trí công chức (chuyên trách) theo dõi về Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất nông nghiệp và Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

3.2. Về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

3.2.1. Về phát triển sản xuất nông nghiệp

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; bảo vệ môi trường, sinh thái; nâng cao thu nhập

cho người dân ở khu vực nông thôn; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh quốc phòng và các chương trình, kế hoạch, đề án, nghị quyết của Thành phố về phát triển nông nghiệp. Đẩy mạnh, tạo bước đột phá và xác định phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng ổn định, an toàn và ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn... gắn với phát triển công nghiệp chế biến nông sản và kết nối bền vững với chuỗi giá trị nông sản thúc đẩy phát triển của ngành nông nghiệp, tạo việc làm cho người lao động ở nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025 có 70% giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

* Lĩnh vực trồng trọt

- Đối với cây lúa: Duy trì ổn định và mở rộng các vùng sản xuất lúa hàng hoá chất lượng tập trung với quy mô ổn định khoảng 2.000 ha đất canh tác tại 3 vùng đã được Thành phố phê duyệt, gồm: Vùng 1 (các xã Tuy Lai, Mỹ Thành, An Mỹ); vùng 2 (các xã Phùng Xá, Xuy Xá, Lê Thanh, Hồng Sơn, Hợp Tiến và An Phú); vùng 3 (các xã Đốc Tín, Vạn kim, Đại Hưng, Phù Lưu Tế, TT. Đại Nghĩa). Năng suất bình quân đạt từ 60 tạ/ha trở lên, sản lượng từ 12.877 tấn trở lên. Xây dựng phát triển sản phẩm gạo chất lượng cao “Gạo *Japonica Mỹ Thành*”, lúa hữu cơ Mỹ Thành, Lê Thanh,... Diện tích lúa còn lại thực hiện sản xuất lúa theo hướng tăng năng suất, chất lượng.

- Về sản xuất rau an toàn: Duy trì, phát triển các vùng sản xuất đủ điều kiện sản xuất Rau an toàn đã được quy hoạch 134 ha (ở xã Phúc Lâm 32 ha, Bội Xuyên 55 ha, Lê Thanh 47 ha). Định hướng các loại giống cây trồng cho phù hợp với đất đai, thổ nhưỡng, tập quán canh tác và giá trị kinh tế cao. Từng bước định hướng sản xuất đảm bảo ATTP và tiến tới theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,... gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nhằm nâng cao giá trị thu nhập.

- Phát triển sản phẩm nhãn hiệu tập thể và cấp mã truy xuất nguồn gốc nông sản “*Rau Sắng Chùa Hương*”; *Sen An Phú*; khôi phục, bảo tồn Mơ Hương Sơn, củ Mài Chùa Hương,...

- Về cây ăn quả: Duy trì diện tích hiện có, đầu tư phát triển các cây ăn quả phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của Huyện để phát triển, xây dựng thương hiệu sản phẩm trên thị trường như các loại bưởi (ở xã Bội Xuyên, An Mỹ, Vạn Kim...); Nhãn (xã Vạn Kim, Đốc Tín, Hợp Tiến...); Bưởi trồng tập trung là 150 ha gồm các xã: Đồng Tâm, Thượng Lâm, Tuy Lai; Đại Hưng, Vạn Kim; Bội Xuyên, An Mỹ.

* Về Chăn nuôi

- Từng bước đưa chăn nuôi tập trung ra ngoài khu dân. Triển khai 01 điểm giết mổ tập trung quy mô nhỏ tại thị trấn Đại Nghĩa theo quy hoạch của Thành phố. Duy trì và phát triển xã chăn nuôi lợn trọng điểm với tổng quy mô 41.000 con gồm các xã: Đại Hưng, Hợp Thanh, Lê Thanh, Phúc Lâm, An Tiến. Duy trì và phát triển xã chăn nuôi gia cầm trọng điểm với tổng quy mô 547.700 con gồm các xã: Hợp Tiến, Hợp Thanh, Hùng Tiến, An Tiến, Tuy Lai, Đồng Tâm, Thượng Lâm. Phấn đấu đến năm 2025 tổng đàn lợn là 100 nghìn con, trọng lượng thịt hơi xuất chuồng là 20 nghìn tấn; Đàn trâu, bò là 5,9 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất

chuồng đạt 650 tấn; tổng đàn gia cầm là 1.500 nghìn con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 6 nghìn tấn.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao ở cả quy mô trang trại và hộ chăn nuôi chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường. Gắn chăn nuôi với bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng chất thải chăn nuôi, chế biến.

* Về Thủy sản

- Duy trì và phát triển diện tích thủy sản hiện có. Hình thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, quy mô 750 ha, gồm Vùng 1: tại xã Hợp Thanh; Vùng 2 (tại các xã Hùng Tiến, An Tiến, An Phú); Vùng 3 tại xã Tuy Lai; Vùng 4 (tại các xã Lê Thanh, Hồng Sơn, TT. Đại Nghĩa).

- Phát triển thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp với yêu cầu thị trường và đạt chuẩn VietGAP.

* Về Lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển bền vững 4.950,57 ha rừng (*trong đó diện tích rừng đặc dụng 3.493,48 ha, rừng sản xuất 1.457,09 ha*). Phát huy hiệu quả chức năng của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, môi trường. Phát triển nông lâm kết hợp, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng; phát triển các mô hình trồng cây dược liệu. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện.

* Về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, phát triển chế biến nông sản

Triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm thủy sản gắn với phát triển ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm. Khuyến khích đầu tư cải thiện điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh nông lâm thủy sản với công nghệ tiên tiến, góp phần gia tăng giá trị sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ theo hướng liên kết chuỗi, đáp ứng các yêu cầu của thị trường. Tăng cường hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra giám sát chất lượng, cảnh báo nguy cơ, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, xử lý nghiêm các vi phạm về chất lượng, an toàn thực phẩm.

* Quản lý, sử dụng chặt chẽ đất đai để sản xuất nông nghiệp hiệu quả

- Quy hoạch và công khai kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp để các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư sản xuất. Tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ nông dân sản xuất, tránh tình trạng bỏ ruộng hoang. Chính quyền địa phương là đầu mối thu gom lại đất sản xuất nông nghiệp và giao/thuê cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sản xuất khi nông dân không có nhu cầu (bỏ ruộng) sản xuất để hình thành vùng sản xuất chuyên canh, tập trung.

- Khuyến khích tích tụ tập trung đất đai đối với các hộ nông dân không có nhu cầu sản xuất, bỏ ruộng thành những khu có diện tích lớn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu, năng lực thuê lại để tổ chức sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp gắn với quy hoạch xây dựng vùng Huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp của chính quyền địa phương. Tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho người dân. Xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, chuyển đổi sai mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích khác.

*** Xây dựng chuỗi giá trị nông sản chủ lực**

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ lực của địa phương để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở liên kết với HTX, trang trại, hộ nông dân theo chuỗi giá trị.

- Tăng cường phối hợp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn cho nông dân, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong sản xuất nông nghiệp để mỗi người dân trở thành chuyên gia.

- Tập trung rà soát, thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng - vật nuôi theo hướng phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực, thế mạnh của huyện; tập trung vào phát triển, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện cho năng suất giá trị cao.

*** Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp**

- Tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất và chế biến sản phẩm hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển ứng dụng cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về sản xuất công nghệ cao, chế biến; sản xuất theo quy hoạch và nhu cầu của thị trường nhằm nâng cao giá trị, chất lượng nông sản phục vụ bền vững.

- Phát triển mô hình khuyến nông, ứng dụng giống mới về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản theo hướng an toàn, VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản. Tăng cường công tác truy xuất nguồn gốc nông lâm thủy sản thực phẩm (www.check.hanoi.gov.vn) góp phần minh bạch thông tin, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đáp

ứng yêu cầu quản lý, thúc đẩy các sản phẩm nông lâm sản, thủy sản, thực phẩm chế biến của huyện tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm thành phố Hà Nội.

* Cải thiện về môi trường kinh doanh nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp

- Đề xuất các chủ trương phù hợp với tình hình của Huyện để các mục tiêu về phát triển sản xuất nông nghiệp của Chương trình đã đề ra.

- Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển nông nghiệp của Trung ương và Thành phố; thực hiện chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao; cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công,...

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, nhất là lĩnh vực chế biến nông sản.

* Tăng cường công tác đào tạo nghề làm nông nghiệp cho lao động nông thôn, tiếp tục chính sách ưu đãi trong đào tạo, chuyển đổi nghề

- Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức ngành nông nghiệp, các chủ thể trong phát triển nông nghiệp, nhất là phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm triển khai có hiệu quả Chương trình 04-CTr/TU của Thành ủy. Đưa các nội dung về “*sản xuất xanh, sạch, bền vững, thân thiện môi trường*” vào các chương trình tập huấn cho người nông dân; chú trọng, gắn kết giữa lý thuyết với thực hành và thực tiễn của các chương trình tại địa phương. Triển khai và thực hiện hiệu quả Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

- Tiếp tục quan tâm tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn; có chính sách ưu đãi trong đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân với lộ trình phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn và theo hướng phù hợp với phát triển đô thị.

* Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm-OCOP

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021- 2025; phát triển, nâng cấp, đánh giá phân hạng trung bình mỗi năm từ 1-3 sản phẩm OCOP.

- Triển khai Đề án “Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái của quốc gia tại Hà Nội” phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Huyện; liên kết các chủ thể tham gia các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, lấy mẫu xét nghiệm chất lượng sản phẩm OCOP định kỳ hàng năm; đẩy mạnh thực hiện việc áp dụng và chứng nhận theo

các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến như: VietGAP, HACCP, ISO, nông nghiệp hữu cơ Việt Nam và quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn đối với các chủ thể sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về Chương trình OCOP để tăng cường liên kết, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện và động lực cho chủ thể mạnh dạn đầu tư, phát huy sức mạnh của cộng đồng và phát triển các sản phẩm có lợi thế, thế mạnh của địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền vận động các chủ thể sản xuất tích cực tham gia Chương trình OCOP.

3.2.2. Về phát triển kinh tế nông thôn

a) Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục triển khai các chủ trương chính sách của Trung ương, Thành phố trong lĩnh vực phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã như: Nghị quyết 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với nòng cốt là “hợp tác xã”; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1231/QĐ-BNN-KTHT ngày 09/4/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã nông nghiệp. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án "Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Khuyến khích phát triển kinh tế hộ, liên kết hộ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; giải thể, chuyển đổi các HTX ngừng hoạt động; giảm tỷ lệ các HTX hoạt động trung bình, yếu. Khuyến khích thành lập mới tổ hợp tác, HTX chuyên ngành, doanh nghiệp trong HTX. Tăng cường công tác kiểm tra thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể từ Huyện đến cơ sở, cán bộ quản lý của các HTX trên địa bàn huyện; giải quyết dứt điểm các HTX ngừng hoạt động, xây dựng mô hình điển hình về kinh tế hợp tác. Duy trì, kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 huyện để thống nhất, tập trung chỉ đạo một cách đồng bộ.

- Thường xuyên liên hệ, kết nối các hợp tác xã trên địa bàn huyện với các hội nghị triển lãm, trưng bày, giới thiệu thành tựu về kinh tế hợp tác và sản phẩm OCOP do Thành phố tổ chức để nhân rộng các mô hình hay, tăng cường hợp tác, kết nối thị trường, chia sẻ kinh nghiệm, góp phần thúc đẩy phát triển HTX trên địa bàn huyện.

b) Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại

- Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh trong sản xuất nông nghiệp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đòn đôi, tập trung tích tụ đất đai, tạo các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển trang trại.

- Tăng cường công tác phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, liên kết và xúc tiến thương mại đối với các chủ trang trại. Thực hiện công tác khuyến nông, xây dựng một số mô hình kinh tế trang trại điềm về ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sản xuất theo chuỗi gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm để tổng kết, chỉ đạo nhân rộng.

- Triển khai hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông.

c) Đẩy mạnh phát triển ngành nghề và kinh tế nông thôn

- Duy trì và phát triển các làng nghề hiện có trên địa bàn huyện nhằm phát triển kinh tế nông thôn và giải quyết công ăn việc làm cho Nhân dân ở khu vực nông thôn.

- Thực hiện quy hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề, các khu, cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ nông thôn đáp ứng được nhu cầu trong sản xuất, kinh doanh và xúc tiến thương mại; phát triển làng nghề có thể mạnh phát triển kết hợp với du lịch nông thôn; đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của làng nghề, ngành nghề nông thôn, ưu tiên các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ; chú trọng xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề; các chương trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các làng nghề, đặc biệt là nghề truyền thống trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với thúc đẩy hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Nhà nước về ngành nghề nông thôn, xây dựng chính sách phù hợp để thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề, bảo tồn làng nghề, nghề truyền thống.

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, theo hướng tăng dần tỉ trọng dịch vụ - du lịch, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, giảm dần tỉ trọng nông nghiệp trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch, thị trường, dịch vụ, ngành

nghe truyền thông, hỗ trợ thành lập và hoạt động của các Hợp tác xã dịch vụ chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản, vận tải, xây dựng, tín dụng, xã hội hóa đầu tư phát triển các cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa và du lịch để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho Nhân dân khu vực nông thôn.

- Chủ động quy hoạch, kêu gọi và huy động đầu tư để khai thác phát triển các ngành dịch vụ, du lịch phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương như ở xã Hợp Tiến, An Tiến, Tuy Lai, Hồng Sơn, Hương Sơn, An Phú,... Tăng cường quảng bá tiềm năng du lịch, chủ động xây dựng đề án, giải pháp cụ thể phát triển loại hình du lịch cộng đồng trên địa bàn toàn huyện. Phát huy tiềm năng cảnh quan, sinh thái, văn hoá, tâm linh, ẩm thực phù hợp với phong tục, tập quán sản xuất, đời sống Nhân dân để du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Huyện.

- Chuyển đổi, cơ cấu lại sản xuất tiểu thủ công nghiệp theo hướng tập trung vào những ngành có ưu thế, ưu tiên phát triển các mặt hàng xuất khẩu tiểu thủ công nghiệp. Có giải pháp hỗ trợ đổi mới quy trình công nghệ, nâng cao chất lượng và tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo hệ thống chợ nông thôn trên địa bàn huyện nông thôn hiện có đạt chuẩn theo quy định nhằm phát triển và quản lý đồng bộ hệ thống, đảm bảo hài hòa giữa chợ và các loại hình thương mại khác; khuyến khích xã hội hóa hoạt động đầu tư phát triển hệ thống chợ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương và Thành phố ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, trong đó ưu tiên các dự án công nghệ cao trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, các dự án sử dụng nhiều lao động để tạo nhiều việc làm mới cho lao động nông thôn; khuyến khích và tạo điều kiện phát triển dịch vụ nông thôn nhằm cung cấp các dịch vụ thiết yếu, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng mức thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ ở nông thôn để cung cấp thông tin, giống, vật tư, kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích và tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp, thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư phát triển ngành nghề nông thôn.

3.3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

3.3.1. Nâng cao chất lượng văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường và an sinh xã hội, xây dựng miền quê đáng sống

- Tăng cường nguồn lực và chỉ đạo thực hiện đồng bộ giải pháp về phát triển kinh tế và xoá đói, giảm nghèo, nhất là xã dân tộc miền núi. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho Nhân dân; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Hưởng ứng Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”; nâng cao chất lượng phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”, xây dựng các quy ước, hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống văn hóa ở nông thôn, chung tay xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn cùng

với đời sống vật chất tinh thần phong phú, đa dạng để các xã trở thành một miền quê đáng sống. Quán triệt thực hiện tốt phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng*".

- Đẩy nhanh phát triển điều kiện sinh hoạt nông thôn (*điện, đường, trường, trạm, y tế, văn hóa, giáo dục, thương mại - dịch vụ, ...*) theo hướng đô thị; giữ vững và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng "*nông thôn mới, đô thị văn minh*" với các mô hình cụ thể, việc làm cụ thể. Thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện rà soát, giảm thiểu các khoản đóng góp có tính chất bắt buộc đối với nông dân. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.

- Tập trung thực hiện tiêu chí Môi trường trong nông thôn mới; xây dựng Kế hoạch mô hình thí điểm về xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, cụm dân cư, xã, liên xã khu vực nông thôn; mô hình thí điểm xử lý chất thải rắn trong chăn nuôi; mô hình thí điểm xử lý nước thải sinh hoạt tại nông thôn; mô hình thí điểm về xử lý chất thải, nước thải làng nghề, cụm công nghiệp để làm cơ sở nhân rộng; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh.

- Tăng cường công tác nắm bắt tình hình, phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp về an ninh nảy sinh trên các lĩnh vực gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn nông thôn, không để hình thành các "điểm nóng" về an ninh nông thôn, an ninh dân tộc và tôn giáo; xây dựng các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, làm giảm tội phạm hình sự tại địa bàn nông thôn. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã gắn với phát huy vai trò của Công an xã bán chuyên trách.

3.3.2. Đổi mới phương thức triển khai thực hiện các chính sách để huy động các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

- Tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư từ ngân sách Nhà nước; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hoạt động phát triển quỹ tín dụng nhân dân khu vực nông thôn,...

- Triển khai thực hiện kịp thời các cơ chế, chính sách mới của Trung ương, Thành phố về phát triển nông nghiệp, nông thôn; chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn huyện tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là Ngân hàng chính sách xã hội, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn trình tự, thủ tục vay vốn đến các hộ trên địa bàn nông thôn.

3.3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

- Thực hiện có hiệu quả chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Đào tạo nghề cho lao động

nông thôn theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và của xã hội; phù hợp với tiến trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và chính sách cụ thể đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo cho lao động nông thôn, kết hợp hiệu quả giữa lý thuyết và trao đổi thực tế.

- Chú trọng dạy nghề cho thanh niên nông thôn, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ, các đối tượng chính sách và tạo công ăn việc làm sau đào tạo.

3.3.4. Khuyến khích công tác ứng dụng, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, góp phần hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn

- Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn huyện toàn diện; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong triển khai dịch vụ cho người dân, ứng dụng công nghệ thông tin để người dân khu vực nông thôn.

- Xây dựng thí điểm một số mô hình về ứng dụng khoa học, công nghệ mới tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, mô hình sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng đường giao thông nông thôn để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

3.3.5. Giải pháp hỗ trợ, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội

Tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng lương hưu theo quy định, được trợ cấp một lần và tử tuất, được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm y tế khi nghỉ hưu và hưởng quyền lợi khám, chữa bệnh, giảm bớt khó khăn, rủi ro khi về già, giúp bảo đảm thu nhập, ổn định cuộc sống cho người nông dân khi hết tuổi lao động như những người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Trên đây, là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 của huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội. Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức báo cáo Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, UBND Thành phố/.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM TW;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- UBND Thành phố;
- Sở NN & PTNT; các Sở ngành TP có liên quan;
- Văn phòng ĐPNM TP;
- Thường trực HU, TTHĐND huyện;
- Thành viên BCĐ NTM huyện;
- Lưu: VT, VPNTM_(Đức).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Trang